

мач алн só

Tài liệu tham khảo



Cảm ơn bạn đã mua máy ảnh số phản chiếu thấu kính đơn (SLR). Để tận dụng máy ảnh hiệu quả nhất, hãy đọc kỹ đầy đủ các hướng dẫn và để ở nơi tất cả những ai sử dụng máy sẽ đọc.

Biểu Tượng và Quy Ước

Để tìm thông tin bạn cần dễ dàng hơn, những biểu tượng và các quy ước sau đây được sử dụng:



Biểu tượng này thể hiện cảnh báo; thông tin cần phải đọc trước khi sử dụng để tránh làm hỏng máy ảnh.



Biểu tượng này thể hiện các ghi chú; thông tin cần phải đọc trước khi sử dụng máy ảnh.

Biểu tượng này thể hiện tham chiếu tới các trang trong tài liệu hướng dẫn này.

Các mục menu, tùy chọn và thông báo hiển thị trên màn hình máy ảnh được hiện ở dạng **in đậm**.

Cài Đặt Máy Ảnh

Các giải thích trong tài liệu hướng dẫn này giả định các cài đặt mặc định được sử dụng.

Trợ giúp

Sử dụng tính năng trợ giúp trên máy ảnh để được trợ giúp về các mục menu và các chủ đề khác. Xem trang 9 để biết thêm chi tiết.

🗥 Vì Sự An Toàn Của Bạn

Trước khi sử dụng máy ảnh lần đầu tiên, đọc các hướng dẫn an toàn trong "Vì Sự An Toàn Của Bạn" (□ ix–xiv).

Tìm thấy ở đâu

Tìm những gì bạn đang tìm kiếm từ:	
🔇 Mục lục 🕮 iv 🔇 Thông báo lỗi	🕮 193
🔇 Danh mục câu hỏi thường gặp 🕮 ii 🛛 🔇 Xử lý sự cố	🕮 189
Q Danh mục 🕮 207	
🙀 Giới thiệu	印 1
🏫 Cơ Bản về Nhiếp Ảnh	III 21
G Chế Độ Hướng Dẫn	□□ 27
Tìm Hiểu Thêm về Chụp Ảnh (Tất Cả Các Chế Độ)	□□ 31
Các Chế Độ P, S, A, và M	III 53
🕼 Xem Trực Tiếp	□□ 80
💭 Ghi Phim và Xem Phim	III 88
▶ Phát Lại và Xóa	III 97
🗚 Kết nối	🕮 111
🗖 Menu Phát Lại	🕮 125
Menu Chụp	🕮 127
Menu Cài Đặt	🕮 133
🗹 Menu Sửa Lại	🕮 149
🗐 Cài Đặt Gần Đây	🕮 166
📝 Chú Ý Kỹ Thuật	🕮 167

. Tìm những gì bạn đang tìm bằng cách sử dụng danh mục "câu hỏi và trả lời".

	hụp ảnh	
	🔇 Các Chế Độ Chụp và Tùy Chọn Khuôn Hình	
	Có cách nào nhanh chóng và dễ dàng để chụp ảnh chụp nhanh?	22–24
	Tôi sử dụng vị trí GUIDE trên đĩa lệnh chế độ như thế nào?	27–30
	Làm thế nào để điều chỉnh nhanh các cài đặt cho những cảnh khác nhau?	25–26
	Tôi có thể điều chỉnh tốc độ cửa trập để đóng băng hoặc che mờ chuyển động (chế độ s) không?	55
	Tôi có thể điều chỉnh độ mở ống kính để che mờ nền hoặc để đưa nền vào vùng lấy nét (chế độ A) không?	56
	Làm thế nào để phơi sáng lâu ("thời gian") (chế độ M)?	58
	Tôi có thể tạo khuôn hình ảnh trong màn hình (xem trực tiếp) không?	80–87
	Tôi có thể quay phim không?	88–89
	🔇 Chế Độ Nhả	
	Tôi có thể chụp từng ảnh một hoặc chụp liên tiếp nhanh?	31
	Làm thế nào để chụp ảnh tự hẹn giờ hoặc với điều khiển từ xa?	33
	Tôi có thể giảm tiếng ổn cửa trập trong môi trường yên tĩnh không? (nhả cửa trập tĩnh lặng)	31
	🔇 Lấy nét	
	Tôi có thể chọn cách thức máy ảnh lấy nét không?	35–36
	Tôi có thể chọn điểm lấy nét không?	40
	🔇 Chất Lượng Hình Ảnh và Cỡ Hình Ảnh	
	Làm thế nào để chụp ảnh in ở kích cỡ lớn?	44.46
	Làm thế nào để chứa được thêm ảnh trên thẻ nhớ?	44–46
	Phơi sáng	
	Tôi có thể làm cho ảnh sáng hơn hay tối hơn không?	63
	Làm thế nào để giữ lại các chi tiết trong vùng tối và sáng?	67–68
	🔇 Sử Dụng Đèn Nháy	
	Tôi có thể thiết lập đèn nháy bật tự động khi cần không?	
	Làm thế nào để không cho đèn nháy bật?	47–50
	Làm thế nào để tránh "mắt đỏ"?	
X	em Ånh	
	🔍 Phát lại	
	Làm thế nào để xem ảnh trên máy ảnh?	97
	Làm thế nào để tôi có thể xem thêm thông tin về một bức ảnh?	98-101
	Tôi có thể xem ảnh trong trình diễn bản chiếu tự động?	109
	Tôi có thể xem ảnh trên TV không?	122–124
	Tôi có thể bảo vệ ảnh khỏi bị xóa vô tình không?	105
	🔇 Xóa	
	Làm thế nào để xóa ảnh không mọng muốn?	106-108



	S
S	•
كان	

(Index)

Sửa Lại Ảnh	m
Làm thế nào để tạo ra các bản sao sửa lại của ảnh?	149–165
Làm thế nào để loại bỏ "mắt đỏ"?	151
Làm thế nào để tạo bản sao JPEG của ảnh RAW (NEF)?	157
Tôi có thể lồng hai ảnh NEF (RAW) để tạo ra một ảnh duy nhất?	155–156
Tôi có thể tạo bản sao của ảnh trông giống như một bức tranh không?	160
Tôi có thể xén cảnh phim trên máy ảnh hay lưu những hình ảnh tĩnh trên phim không?	93–96
Menu và Cài đặt	
Tôi điều chỉnh các cài đặt trên màn hình hiển thị thông tin như thế nào?	5–6
Làm thế nào để sử dụng các menu?	9–11
Làm thế nào để hiển thị menu bằng ngôn ngữ khác?	16, 137
Làm thế nào để giữ cho màn hình hiển thị khỏi tắt?	140
Làm thế nào để lấy nét kính ngắm?	20
Tôi có thể hiển thị lưới khuôn hình trên màn hình không?	85
Làm thế nào để thiết lập đồng hồ máy ảnh?	16, 137
Làm thế nào để định dạng thẻ nhớ?	19
Làm thế nào để khôi phục lại các cài đặt mặc định?	128, 134
Có cách nào để máy ảnh ngừng phát ra tiếng bíp không?	141
Làm thế nào để được trợ giúp về menu hoặc thông báo?	9, 193
Kết nối	
l àm thế nào để sao chén ảnh vào máy tính?	111_113

V	

(ết nối	ü
Làm thế nào để sao chép ảnh vào máy tính?	111–113
Làm thế nào để in ảnh?	114–121
Tôi có thể in ngày chụp lên ảnh của tôi không?	116, 121, 144



Bảo Trì và Phụ Kiện Tùy Chọn	
Tôi có thể sử dụng thẻ nhớ nào?	177
Tôi có thể sử dụng thấu kính nào?	167
Tôi có thể sử dụng bộ đèn nháy tùy chọn (Đèn chớp) nào?	172
Có các phụ kiện khác nào cho máy ảnh của tôi?	176
Có phần mềm nào cho máy ảnh của tôi?	170
Tôi làm gì với nắp thị kính được cung cấp?	34
Làm thế nào để vệ sinh máy ảnh?	170
Tôi bảo dưỡng và sửa chữa máy ảnh ở đâu?	

Mục lục

Danh mục câu hỏi thường gặp	. ii
Vì Sự An Toàn Của Bạn	ix
Chú ý	xi

Giới thiệu

Tìm Hiểu Máy Ảnh	1
Thân Máy Ảnh	1
Đĩa lệnh chế độ	3
Kính Ngắm	4
Hiển Thị Thông Tin	5
Đĩa Lệnh	7
Menu Máv Ảnh	
Sử Dung Menu Máy Ảnh	
Các Bước Đầu Tiên	
Sạc Pin	
Lắp Pin	
Lắp Thấu Kính	
Cài Đăt Cơ Bản	
Lắp Thẻ Nhớ	
Đinh Dang Thẻ Nhớ	
Điều Chỉnh Lấy Nét Kính Ngắm	
, 5.	

Cơ Bản về Nhiếp Ảnh

_	-
7	1
Z	
_	_

27

Mức Pin và Dung Lượng Thẻ	21
Nhiếp Ảnh "Ngắm và Chụp" (Chế độ 🗳 và 🟵)	22
Nhiếp Ảnh Sáng Tạo (Chế Độ Cảnh)	25
🛣 Chân dung	
Phong Canh	
Trẻ Em	
💐 Thể Thao	
🕏 Cận cảnh	
🖪 Chân Dung Ban Đêm	

Chế Độ Hướng Dẫn

Hướng Dẫn	27
Menu Chế Đô Hướng Dẫn	
Sử Dụng Hướng Dẫn	

Chế Độ Nhả	31
Chế Độ Tự Hẹn Giờ Và Chế Độ Điều Khiển Từ Xa	
Lấy Nét	
Chế độ lấy nét	
Chế Độ Vùng Lấy Nét Tự Động	
Chọn Lựa Điểm Lấy Nét	40
Khoá Lấy Nét	40
Lấy Nét Bằng Tay	42
Chất Lương Hình Ảnh và Cỡ Hình Ảnh	
Chất Lượng Hình Ảnh	44
Cỡ hình ảnh	46
Sử Dụng Đèn Nháy Gắn Sẵn	
Chế Độ Đèn Nháy	48
Đô nhav ISO	
- , , , ,	

Các Chế Độ P, S, A, và M

Tốc Độ Cửa Trập và Độ Mở Ống Kính	53
Chế Độ P (Tự Động Được Lập Trình)	54
Chế Độ S (Tự Động Ưu Tiên Cửa Trập)	55
Chế Độ A (Tự Động Ưu Tiên Độ Mở Ống Kính)	56
Chế Độ M (Bằng tay)	57
Phơi sáng	60
Đo sáng	60
Khóa Tự Động Phơi Sáng	61
Bù Phơi Sáng	63
Bù Đèn Nháy	65
Giữ Chi Tiết trong Phần Tô Sáng và Phần Bóng	67
D-Lighting hoạt động	67
Cân Bằng Trắng	69
Dò Tinh Chỉnh Cân Bằng Trắng	71
Cài đặt trước bằng tay	72
Picture Control	76
Chọn Picture Control	76
Sửa Đổi Picture Control	77

Xem Trực Tiếp

80	
----	--

Tao Khuôn Hình Trong Màn Hình	80
Lấy Nét trong Xem Trực Tiếp	81

Ghi Phim và Xem Phim

Ghi Phim	
Cài Đặt Phim	
Xem Phim	
Chỉnh Sửa Phim	
Cắt Xén Phim	
Lưu Khuôn Hình Đã Chọn	

Phát Lại và Xóa

Phát Lại Khuôn Hình Đầy	97
Thông Tin Ảnh	
Phát Lai Hình Thụ Nhỏ	102
Phát Lại Thao Lịch	102
Xem Gần: Thu Phóng Phát Lại	
Bảo Vệ Ảnh Khỏi Bị Xóa	105
Xóa Ảnh	
Phát Lại Khuôn Hình Đầy, Hình Thu Nhỏ và Theo Lịch	
Menu Phát Lại	
Trình Chiếu Slide	109

Kết nối

Kết nối với Máy tính	
Trước Khi Kết Nối Máy Ảnh	
Kết Nối Máy Ảnh	
In ảnh	
Kết Nối tới Máy In	114
In Từng Ảnh Một	115
In Đa Ảnh	117
Tạo Thứ Tự In DPOF: Cài Đặt In	
Xem Ảnh Trên TV	
Các Thiết Bị Với Độ Nét Tiêu Chuẩn	
Thiết Bị Độ Nét Cao	

Hướng Dẫn Menu

1	2	F
I	2	Э
-	_	_

Manu Bhát Lai Quản Lý Unh Ảnh	125
🕒 Meriu Priat Lai: Quai Ly Rinn Ann	
Playback Folder (Thư Mục Phát Lại)	125
Playback Display Options (Tùy Chọn Hiển Thị Phát Lại)	126
Image Review (Xem Lại Hình Ảnh)	126
Rotate Tall (Xoay Doc)	126
· ·	

97

🗅 Menu Chụp: Các Tùy Chọn Chụp	127
Reset Shooting Menu (Đặt Lai Menu Chup)	128
ISO Sensitivity Settings (Cài Đăt Đô Nhay ISO)	129
Auto Distortion Control (Điều Khiển Biến Dạng Tự Động)	130
Color Space (Không Gian Màu)	130
Noise Reduction (Giảm Nhiễu)	131
Built-in AF-assist Illuminator (Đèn Trợ Giúp Lấy Nét Tự Động	
Gắn Sẵn)	131
Flash Cntrl for Built-in Flash (Điều Khiển Đèn Nháy Cho Đèn Nháy	
Gắn Sẵn)	132
🍟 Menu Cài Đặt: Cài Đặt Máy Ảnh	133
Reset Setup Options (Đặt Lại Tùy Chọn Cài Đặt)	134
Monitor Brightness (Độ Sáng Màn Hình)	134
Info Display Format (Định Dạng Hiển Thị Thông Tin)	134
Auto Info Display (Hiển Thị Thông Tin Tự Động)	136
Video Mode (Chế Độ Video)	136
Flicker Reduction (Giảm Nhấp Nháy)	136
Time Zone and Date (Múi Giờ và Ngày)	137
Language (Ngôn Ngữ)	137
Image Comment (Chú Thích Hình Ảnh)	138
Auto Image Rotation (Tự Động Xoay Hình Ảnh)	138
Image Dust Off Ref Photo (Ảnh Tham Chiếu Bỏ Bụi)	139
Auto off Timers (Tự Động Hẹn Giờ Tắt)	140
Self-Timer (Tự Hẹn Giờ)	141
Remote on Duration (Chụp Từ Xa Theo Thời Lượng)	141
Beep (Bíp)	141
Rangefinder (Máy ngắm)	142
File Number Sequence (Trình Tự Số Tập Tin)	142
Buttons (Nút)	143
Slot Empty Release Lock (Khóa Nhả Khe Trống)	144
Print Date (In Ngày)	144
Storage Folder (Thư Mục Lưu Trữ)	146
GPS	147
Eye-Fi Upload (Tải Lên Eye-Fi)	148
Firmware Version (Phiên Bản Vi Chương Trình)	148
🛃 Menu Sửa Lại: Tạo Bản Sao Sửa Lại	149
Tạo Bản Sao Sửa Lại	150
D-Lighting	151
Red-Eye Correction (Điều Chỉnh Mắt Đỏ)	151
Trim (Xén)	152
Monochrome (Đơn sắc)	152
Filter Effects (Hiệu Ứng Bộ Lọc)	153
Color Balance (Cân Bằng Màu)	154
Image Overlay (Chồng Lớp Hình Ảnh)	155
NEF (RAW) Processing (Xử lý NEF (RAW))	157
Resize (Thay đổi kích cỡ)	158

Quick Retouch (Sửa Đổi Nhanh)	
Straighten (Nắn thẳng)	
Distortion Control (Điều Khiển Biến Dạng)	
Fisheye (Mắt cá)	
Color Outline (Phác Màu Chính)	
Color Sketch (Phác Hoa Màu)	
Perspective Control (Điều Chỉnh Phối Cảnh)	
Miniature Effect (Hiêu Ứng Cỡ Tí Hon)	
Selective Color (Màu Chon Loc)	
Side-by-side Comparison (So Sánh Canh Nhau)	
🗐 Recent Settings (Cài Đặt Gần Đây)	

Chú Ý Kỹ Thuật

167

Các Thấu Kính Tương Thích	
Các Thấu Kính CPU Tương Thích	167
Các Thấu Kính Không CPU Tương Thích	169
Các Bộ Đèn Nháy Tùy Chọn (Đèn Chớp)	
Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Tạo Nikon (CLS)	173
Các Phụ Kiện Khác	
Thẻ Nhớ Đã Được Phê Duyệt	177
Gắn Đầu Nối Nguồn và Bộ Đổi Điện AC	178
Chăm Sóc Máy Ảnh	
Bảo Quản	179
Lau chùi	179
Bộ Lọc Qua Chậm	180
Chăm sóc máy ảnh và pin: Cảnh báo	
Chăm Sóc Máy Ảnh	184
Chăm sóc Pin	185
Cài Đặt Có Sẵn	
Dung Lượng Thẻ Nhớ	
Xử lý sự cố	
Hiển thị	
Chụp (Tất Cả Các Chế Độ)	
Chụp (P, S, A, M)	191
Phát lại	191
Khác	192
Thông Báo Lỗi	
Chi tiết kỹ thuật	
Tuổi thọ pin	206
Danh mục	

Vì Sự An Toàn Của Bạn

Để tránh làm hỏng sản phẩm Nikon hoặc gây thương tích cho chính mình hay cho người khác, hãy đọc đầy đủ các biện pháp phòng ngừa an toàn trước khi sử dụng thiết bị này. Hãy giữ những hướng dẫn an toàn này ở nơi tất cả những ai sử dụng sản phẩm sẽ đọc chúng.

Hậu quả có thể xảy ra do việc không tuân thủ các biện pháp phòng ngừa được liệt kê trong phần này được chỉ báo bằng biểu tượng sau đây:

 \land

Biểu tượng này đánh dấu cảnh báo. Để tránh chấn thương có thể xảy ra, hãy đọc tất cả các cảnh báo trước khi sử dụng sản phẩm Nikon này.

💵 CẢNH BÁO

🕂 Để khuôn hình tránh ánh nắng mặt trời

Để khuôn hình tránh xa khỏi ánh nắng mặt trời khi chụp các đối tượng bị ngược sáng. Ánh sáng mặt trời tập trung vào máy ảnh khi mặt trời ở trong hoặc gần khuôn hình có thể gây cháy hình.

- Không nhìn vào mặt trời qua kính ngắm Nhìn mặt trời hoặc nguồn sáng mạnh khác thông qua kính ngắm có thể làm giảm thị lực vĩnh viễn.
- Sử dụng điều khiển điều chỉnh điốt kính ngắm Khi sử dụng điều khiển điều chỉnh điốt kính ngắm với mắt nhìn vào kính ngắm, cần cẩn thận để không vô tình đặt ngón tay của bạn vào mắt.

🕂 Tắt ngay lập tức trong trường hợp sự cố

Nếu bạn nhận thấy có khói hay mùi bất thường trong thiết bị hoặc bộ đổi điện AC (có riêng), rút phích cắm bộ đổi điện AC và tháo pin ngay lập tức, cẩn thận để không bị bỏng. Việc tiếp tục sử dụng có thể gây thương tích. Sau khi tháo pin, mang máy đến Trung tâm dịch vụ Nikon ủy quyền để kiểm tra.

Không sử dụng ở nơi có khí dễ cháy

Không sử dụng thiết bị điện tử ở nơi có khí dễ cháy, vì điều này có thể gây nổ hoặc cháy.

🕂 Để xa tầm tay của trẻ nhỏ

Việc không tuân thủ biện pháp đề phòng này có thể gây thương tích. Ngoài ra, hãy lưu ý rằng các bộ phận nhỏ gây nguy cơ chẹn họng. Nếu một đứa trẻ nuốt phải bất kỳ bộ phận nào của thiết bị này, hãy tham khảo ý kiến bác sĩ ngay lập tức.

🕂 Không tháo rời

Việc chạm vào các bộ phận bên trong của máy có thể gây thương tích. Trong trường hợp sự cố, việc sửa chữa phải do kỹ thuật viên có trình độ thực hiện. Trong trường hợp máy bị vỡ do bị rơi hoặc sự cố khác, tháo pin và bộ đổi điện AC sau đó mang máy tới Trung tâm dịch vụ Nikon ủy quyền để kiểm tra.

Không đặt dây đeo quanh cổ trẻ sơ sinh hoặc trẻ em

Việc đặt dây máy ảnh quanh cổ trẻ sơ sinh hoặc trẻ em có thể dẫn đến nghẹt thở.

Không duy trì tiếp xúc với máy ảnh, pin hoặc bộ sạc trong thời gian dài trong khi các thiết bị này đang được bật lên hoặc đang được sử dụng Các bộ phận của thiết bị nóng lên. Việc tiếp xúc da trực tiếp với thiết bị trong thời gian dài có thể gây bỏng ở nhiệt độ thấp.

Không chiếu đèn nháy vào người lái xe Việc Không tuân thủ biện pháp đề phòng này có thể gây tai nạn.

🕂 Quan sát thận trọng khi sử dụng đèn nháy

- Sử dụng máy ảnh với đèn nháy để gần da hoặc các đối tượng khác có thể gây ra bỏng.
- Việc sử dụng đèn nháy để gần mắt của đối tượng có thể gây suy giảm thị lực tạm thời. Cần đặc biệt cẩn thận khi chụp ảnh trẻ sơ sinh, không được để đèn nháy gần hơn một mét với đối tượng này.

🕂 Tránh tiếp xúc với tinh thể lỏng

Nếu bị vỡ màn hình, cần cẩn thận để tránh chấn thương do kính vỡ và không để các tinh thể lỏng màn hình chạm vào da, vào mắt hoặc miệng.

Cần có các biện pháp phòng ngừa thích hợp khi xử lý pin

Pin có thể rò rỉ hoặc phát nổ nếu được xử lý không phù hợp. Cần thực hiện các biện pháp phòng ngừa sau khi xử lý pin để sử dụng trong sản phẩm này:

- Chỉ sử dụng pin được chấp thuận cho sử dụng trong thiết bị này.
- Không làm chập mạch hoặc tháo rời pin.
- Hãy chắc chắn tắt máy ảnh trước khi thay pin. Nếu bạn đang sử dụng bộ đổi điện AC, hãy chắc chắn phải rút bỏ.
- Không cố lắp lộn ngược pin hoặc ngược ra sau.
- Không để pin tiếp xúc trực tiếp với lửa hay với nhiệt quá nóng.
- Không nhúng hoặc để tiếp xúc với nước.
- Thay nắp phủ đầu cuối khi vận chuyển pin. Không mang hoặc lưu trữ pin cùng với các vật kim loại như vòng cổ hoặc kẹp tóc.
- Pin dễ bị rò rỉ khi xả hết điện. Để tránh làm hỏng máy, hãy chắc chắn tháo pin khi không còn điện.
- Khi không sử dụng pin, lắp nắp phủ đầu cuối và cất giữ ở nơi khô, mát.

- Pin có thể nóng ngay sau khi sử dụng hoặc khi máy dùng nguồn pin trong một thời gian dài. Trước khi tháo pin hãy tắt máy ảnh và để cho pin nguội.
- Ngừng sử dụng ngay lập tức khi bạn thấy bất kỳ thay đổi nào ở pin, chẳng hạn như đổi màu hoặc biến dạng.

Cần tuân thủ các biện pháp phòng ngừa thích hợp khi xử lý sạc

- Để khô ráo. Việc không tuân thủ đề phòng này có thể gây hỏa hoạn hoặc điện giật.
- Không làm chập các đầu cuối sạc. Không tuân thủ đề phòng này có thể dẫn đến quá nóng và làm hỏng sạc.
- Cần loại bỏ bụi trên hoặc gần các bộ phận kim loại của phích cắm bằng miếng vải khô. Việc tiếp tục sử dụng có thể gây cháy.
- Không tới gần sạc trong cơn băo. Việc không tuân thủ đề phòng này có thể bị điện giật.
- Không sử dụng phích cắm hoặc sạc với tay ướt. Việc không tuân thủ để phòng này có thể bị điện giật.
- Không sử dụng bộ chuyển đổi du lịch hoặc bộ điều hợp được thiết kế để chuyển đổi từ một điện áp này sang điện áp khác hoặc với biến tần DC-sang-AC. Việc không tuân thủ đề phòng này có thể làm hỏng sản phẩm hoặc gây ra quá nhiệt hoặc cháy.

🕂 Sử dụng cáp phù hợp

Khi kết nối cáp với giắc cắm đầu vào và đầu ra, chỉ sử dụng các loại cáp của Nikon cung cấp hoặc được bán với mục đích duy trì tuân thủ các quy định của sản phẩm.

⚠́ CD-ROM

Không nên mở CD-ROM chứa phần mềm hoặc tài liệu hướng dẫn trên thiết bị CD âm thanh. Việc phát đĩa CD-ROM trên máy nghe nhạc CD âm thanh có thể gây mất thính lực hoặc hư hỏng thiết bị.

Chú ý

- Không phần nào của tài liệu hướng dẫn này được phép tái tạo, truyền, sao chép, lưu trữ trong hệ thống phục hồi, hoặc được dịch sang các ngôn ngữ dưới bất kỳ hình thức nào, bằng bất kỳ phương tiện nào mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của Nikon.
- Nikon có quyền thay đổi các thông số kỹ thuật của phần cứng và phần mềm được mô tả trong các hướng dẫn sử dụng này bất cứ lúc nào mà không cần thông báo trước.
- Nikon sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại nào từ việc sử dụng sản phẩm này.
- Dù đã nỗ lực để đảm bảo rằng các thông tin trong tài liệu hướng dẫn là chính xác và đầy đủ, chúng tôi đánh giá cao việc bạn lưu ý bất kỳ lỗi hoặc thiếu sót nào với người đại diện Nikon trong khu vực của bạn (địa chỉ cung cấp riêng).

Thông báo liên quan đến Cấm Sao Chép hoặc Tái Tạo

Lưu ý rằng việc chỉ đơn giản là sở hữu tài liệu đã được sao chép về mặt kỹ thuật số hoặc tái tạo bằng máy quét, máy ảnh kỹ thuật số, hoặc thiết bị khác là cũng có thể bị trừng phạt theo quy định của pháp luật.

 Pháp luật cấm sao chép hoặc tái tạo các mục Không sao chép hoặc tái tạo tiền giấy, tiền kim loại, chứng khoán, trái phiếu chính phủ, hoặc trái phiếu chính quyền địa phương, ngay cả khi bản sao hoặc các bản tái tạo đó có đóng dấu "Mẫu."

Việc sao chép hoặc tái tạo tiền giấy, tiền kim loại, hoặc chứng khoán được lưu hành ở nước ngoài đều bị cấm.

Trừ khi có sự cho phép trước của chính phủ, việc sao chép hoặc tái tạo tem bưu chính không sử dụng hoặc bưu thiếp do chính phủ phát hành đều bị cấm.

Việc sao chép hoặc tái sản xuất tem do chính phủ phát hành và các văn bản chứng nhận theo quy định của pháp luật là bị cấm.

• Lưu ý với một số bản sao và bản tái tạo

Chính phủ đã ban hành cảnh báo về các bản sao hoặc bản tái tạo chứng khoán do công ty tư nhân phát hành (cổ phiếu, hóa đơn, séc, giấy chứng nhận quà tặng v.v...), vé tháng, hoặc phiếu giảm giá, ngoại trừ số lượng tối thiểu bản sao cần thiết cần cho công việc của công ty. Ngoài ra, không được sao chép hoặc tái tạo hộ chiếu do chính phủ ban hành, giấy phép do cơ quan công quyền và các nhóm tư nhân, thể chứng minh thư, và vé, chẳng hạn vé tháng và phiếu giảm giá bữa ăn.

• Tuân thủ chú ý bản quyền

Việc sao chép hoặc tái tạo bản quyền tác phẩm sáng tạo như sách, âm nhạc, tranh vẽ, tranh khắc gỗ, bản in, bản đồ, bản vẽ, phim ảnh, và bức ảnh được điều chỉnh theo luật bản quyền quốc gia và quốc tế. Không sử dụng sản phẩm này với mục đích tạo bản sao bất hợp pháp hoặc vi phạm luật bản quyền.

Xử Lý Thiết Bị Lưu Trữ Dữ Liệu

Xin lưu ý rằng việc xoá các hình ảnh hoặc định dạng thẻ nhớ hoặc các thiết bị lưu trữ dữ liệu khác không xóa hoàn toàn dữ liệu hình ảnh gốc. Đôi khi các tập tin đã xóa có thể phục hồi được từ các thiết bị lưu trữ bằng cách sử dụng phần mềm thương mại có sẵn, điều này có khả năng dẫn tới việc sử dụng nguy hại các dữ liệu hình ảnh cá nhân. Bảo đảm sự riêng tư của các dữ liệu đó là trách nhiệm của người dùng.

Trước khi loại bỏ một thiết bị lưu trữ dữ liệu hoặc chuyển giao quyền sở hữu cho người khác, xóa tất cả dữ liệu bằng cách sử dụng phần mềm xóa thương mại, hoặc định dạng thiết bị và sau đó nạp vào các hình ảnh không chứa thông tin cá nhân (ví dụ, hình ảnh về bầu trời không mây). Hãy chắc chắn thay bất kỳ hình ảnh nào được chọn cho cài đặt trước bằng tay (^{[[]]} 72). Cần cẩn thận để tránh chấn thương khi hủy các thiết bị lưu trữ dữ liệu.

Giấy Phép Danh Mục Bằng Sáng Chế AVC

Sản phẩm này được cấp phép theo giấy phép danh mục bằng sáng chế AVC cho sử dụng cá nhân và phi thương mại của người tiêu dùng để (i) ghi mã video theo chuẩn AVC ("AVC video") và/hoặc (ii) giải mã video AVC được ghi mã bởi khách hàng tham gia vào hoạt động cá nhân và phi thương mại và/hoặc được lấy từ nhà cung cấp video có giấy phép cung cấp video AVC. Không cấp giấy phép hoặc ngụ ý cho bất cứ việc sử dụng nào khác. Có thể lấy thêm thông tin từ MPEG LA, L.L.C. Xem http://www.mpegla.com

Chỉ Sử Dụng Phụ Kiện Điện Tử Thương Hiệu Nikon

Máy ảnh Nikon được thiết kế đáp ứng các tiêu chuẩn cao nhất và có các mạch điện tử phức tạp. Chỉ các phụ kiện điện tử thương hiệu Nikon (bao gồm sạc, pin, bộ đổi điện AC, và các phụ kiện đèn nháy) có xác nhận của Nikon đặc biệt cho sử dụng với máy ảnh kỹ thuật số Nikon là được thiết kế và được chứng minh hoạt động theo các yêu cầu hoạt động và an toàn của mạch điện tử này.

Việc sử dụng các linh kiện điện tử không phải của Nikon có thể làm hỏng máy ảnh và có thể làm mất hiệu lực bảo hành của Nikon. Việc sử dụng pin sạc Li-ion của bên thứ ba không có tem bảo đảm của Nikon ở bên phải có thể gây trở ngại cho

onthe	UONIN	100
kon	Nikon	Nik
NIKO	uoyin	uo
kon	Nikon	Nile

hoạt động bình thường của máy ảnh hoặc khiến pin bị quá nóng, cháy, phồng, hoặc bị rò rỉ.

Để biết thêm thông tin về phụ kiện thương hiệu Nikon, hãy liên hệ với đại lý Nikon được uỷ quyền ở địa phương.

🔽 Chỉ Sử Dụng Phụ Kiện Thương Hiệu Nikon

Chỉ các phụ kiện được Nikon chứng nhận đặc biệt cho sử dụng với máy ảnh kỹ thuật số Nikon là được thiết kế và được chứng minh hoạt động theo các yêu cầu hoạt động và an toàn. Việc sử DụNG CÁC LINH KIỆN ĐIỆN TỬ KHÔNG PHẢI CỦA NIKON CÓ THỂ LÀM HỎNG MÁY ẢNH VÀ CÓ THỂ LÀM MẤT HIỆU LỰC BẢO HÀNH CỦA NIKON.

🚺 Bảo Dưỡng Máy Ảnh và Phụ Kiện

Máy ảnh là một thiết bị chính xác và cần được bảo dưỡng thường xuyên. Nikon khuyến cáo máy ảnh được kiểm tra bởi nhà bán lẻ ban đầu hoặc Đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền từ một đến hai năm một lần, và cần được bảo dưỡng sau mỗi ba đến năm năm (lưu ý có thể phải trả phí cho các dịch vụ này). Nên thường xuyên kiểm tra vào bảo dưỡng nếu máy ảnh được sử dụng một cách chuyên nghiệp. Nên kiểm tra hoặc bảo dưỡng bất kỳ phụ kiện nào thường xuyên được sử dụng với máy ảnh, chẳng hạn như các ống kính, bộ đèn nháy tùy chọn khi kiểm tra và bảo dưỡng máy ảnh.

🖉 Trước Khi Chụp Ảnh Quan Trọng

Trước khi chụp ảnh vào các dịp quan trọng (như tại đám cưới hay trước khi đem máy ảnh trong một chuyến đi), hãy chụp thử để đảm bảo rằng máy ảnh đang hoạt động bình thường. Nikon không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hoặc bị mất lợi nhuận do sự cố sản phẩm.

🖉 Học Tập Suốt Đời

Là một phẩn cam kết "Học Tập Suốt Đời" của Nikon với hỗ trợ và hướng dẫn liên tục, thông tin được cập nhật liên tục trên web sau đây:

• Dành cho người dùng ở Hoa Kỳ: http://www.nikonusa.com/

- Dành cho người dùng ở châu Âu và châu Phi: http://www.europe-nikon.com/support/
- Dành cho người dùng ở châu Á, châu Đại Dương và Trung Đông: http://www.nikon-asia.com/

Truy cập vào các trang web này để cập nhật các thông tin sản phẩm, thủ thuật, câu trả lời cho câu hỏi thường gặp (FAQs), và lời khuyên chung mới nhất về ảnh kỹ thuật số và nhiếp ảnh. Thông tin thêm có thể được cung cấp từ đại diện của Nikon trong khu vực của bạn. Xem URL sau để biết thông tin liên lạc: *http://imaging.nikon.com/*



Tìm Hiểu Máy Ảnh

Hãy dành chút thời gian để làm quen với các điều khiển máy ảnh và hiển thị. Bạn có thể thấy hữu ích để đánh dấu phần này và tham khảo lại khi đọc qua phần còn lại của tài liệu hướng dẫn.

<u>Thân Máy Ảnh</u>



Thân Máy Ảnh (Tiếp)



🖉 Công Tắc Điện

Xoay công tắc điện như minh họa để bật máy ảnh. Xoay công tắc điện như minh họa để tắt máy ảnh.





🥖 Micrô và Loa

Không đặt micrô hoặc loa gần với các thiết bị từ. Việc không tuân thủ đề phòng này có thể ảnh hưởng đến các dữ liệu được ghi trên các thiết bị từ.

<u>Đĩa lệnh chế độ</u>

Máy ảnh mang đến lựa chọn về các chế độ chụp và chế độ GUIDE sau đây:



- A Phong Cảnh (C 25)
- 🔮 Trẻ Em (🕮 25)

- 🖏 Cận Cảnh (🕮 26)
- 🖪 Chân Dung Ban Đêm (🕮 26)

🖉 Bộ Chọn Cảnh Tự Động (Xem Trực Tiếp)

Việc chọn xem trực tiếp trong chế độ 📅 hoặc 🏵 cho phép tự động chọn cảnh ("bộ chọn cảnh tự động"; 🎞 85) khi sử dụng lấy nét tự động.

<u>Kính Ngắm</u>





✔ Kính Ngắm Thời gian phản hồi và độ sáng của màn hình hiển thị kính ngắm có thể thay đổi theo nhiệt độ.

<u>Hiển Thị Thông Tin</u>

bằng tay.....132 Chỉ báo bù đèn nháy cho các bộ đèn nháy tùy chọn......175 Chỉ báo ngày in......144

Có thể xem và điều chỉnh cài đặt máy ảnh trên màn hình hiển thị thông tin. Nhấn nút **d** một lần để xem cài đặt và một lần nữa để thay đổi các cài đặt. Làm nổi bật mục bằng cách sử dụng đa bộ chọn và nhấn 🛞 để xem các tùy chọn cho mục được làm nổi bật.



Nút 🚯



🖉 🕺 Ẩn Thông Tin Chụp

Để tắt màn hình, nhấn nút 📾. Lưu ý rằng màn hình tự động tắt khi nút nhả cửa trập được nhấn hoặc nếu không thực hiện hoạt động nào trong khoảng 8 giây (để biết thông tin về việc chọn khoảng thời gian bật màn hình, xem **Auto off timers** (Tự động hẹn giờ tắt) trên trang 140). Màn hình hiển thị thông tin có thể được khôi phục bằng cách nhấn nút 📾 lần nữa.



Để biết thông tin về cách chọn thiết kế cho màn hình hiến thị thông tin, xem **Info display format** (Định dạng hiển thị thông tin) (따 134). Để biết thông tin về cách chọn có hiển thị thông tin khi nhấn nút nhả cửa trập hay không; xem **Auto info display** (Hiển thị thông tin tự động) (따 136). Để biết thông tin về các chỉ báo được hiển thị ở chế độ xem trực tiếp, xem trang 84.

<u>Đĩa Lệnh</u>

Đĩa lệnh có thể được sử dụng với các điều khiển khác để điều chỉnh một loạt các cài đặt khác nhau khi thông tin chụp được hiển thị trên màn hình.





đây bằng cách nhấn nút **Fn** và xoay đĩa lệnh:



lmage quality/size (Chất lượng hình ảnh/cỡ hình ảnh) (🗆 44)	Mage quality/size	ISO sensitivity (Độ nhạy ISO) (🗆 51)	150 sensitivity our NORM 170 sensitivity our NORM 17125 F5.6 (22 100 192 0.0 (22 0.0 (23 0.
White balance (Cân bằng trắng) (🗆 69)	White balance et al. 100k	Active D-Lighting (D-Lighting hoạt động) (따 67)	Active D-Lighting

*

Menu Máy Ảnh

Hầu hết các tùy chọn chụp, phát lại, và các tùy chọn cài đặt có thể được truy cập từ các menu máy ảnh. Để xem các menu, bấm nút **MENU**.



Chế Độ Hướng Dẫn Để hiển thị hướng dẫn trên màn hình, xoay đĩa lệnh chế độ sang GUIDE (^{IIII} 27).

<u>Sử Dụng Menu Máy Ảnh</u>

Đa bộ chọn và nút 🛞 được sử dụng để điều hướng các menu máy ảnh.



Thực hiện theo các bước dưới đây để điều hướng các menu.





8 Chọn mục đã được làm nổi bật. Nhấn ℗ để chọn mục đã được làm nổi bật. Để thoát ra mà không chọn, nhấn nút MENU.

Lưu ý những điều sau:

- Các mục menu được hiển thị màu xám là không sẵn có.
- Trong khi nhấn ▶ thường có tác dụng tương tự như cách nhấn
 , có một số trường hợp, chỉ có thể thực hiện lựa chọn bằng cách nhấn
 .
- Để thoát khỏi menu và trở lại chế độ chụp, nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập (🕮 24).

*

Các Bước Đầu Tiên

<u>Sạc Pin</u>

Máy ảnh được trang bị pin sạc Li-ion EN-EL14 (được cung cấp). Để tối đa hóa thời gian chụp, sạc pin trong bộ sạc pin MH-24 được cung cấp trước khi sử dụng. Cần khoảng 1 giờ và 30 phút để sạc đầy pin khi pin đã hết điện.

🖉 Phích Bộ Nắn Dòng

Tùy thuộc vào quốc gia hay khu vực mua, phích bộ nắn dòng có thể được cung cấp kèm với bộ sạc. Hình dạng bộ sạc thay đổi khác nhau theo quốc gia hoặc khu vực mua. Nếu phích bộ nắn dòng được cung cấp, nâng ổ cắm tường lên và nối phích bộ nắn dòng như được trình bày phía bên phải, đảm bảo rằng phích được cắm vào hoàn toàn. Việc cố gắng dùng lực để tháo phích bộ nắn dòng ra có thể gây hư hại sản phẩm.

1 Tháo nắp phủ đầu cuối.

Tháo nắp phủ đầu cuối khỏi pin.

2 Lắp pin.

Lắp pin vào như được trình bày trong hình minh họa trên bộ sạc.

🔽 Sạc Pin

Sạc pin trong nhà ở nhiệt độ môi trường xung quanh giữa 5-35 °C. Pin sẽ không sạc nếu nhiệt độ dưới 0 °C hoặc trên 60 °C.

3 Cắm sạc vào.

Đèn CHARGE (SẠC) sẽ nháy chậm trong khi sạc pin.

🔽 Trong Quá Trình Sạc

Không di chuyển bộ sạc hoặc chạm vào pin trong quá trình sạc. Việc không tuân thủ đề phòng này thì trong một số rất ít trường hợp khiến bộ sạc báo là đã sạc xong nhưng pin chỉ được sạc một phần. Tháo và lắp lại pin để bắt đầu sạc lại.

4 Tháo pin khi sạc xong.

Việc sạc hoàn tất khi đèn CHARGE (SẠC) ngừng nhấp nháy. Rút bộ sạc và tháo pin ra.





Sac xona

Sac pin



<u>Lắp Pin</u>

1 Tắt máy ảnh.

🦉 Lắp và Tháo Pin

Luôn tắt máy ảnh trước khi lắp hoặc tháo pin.

2 Mở nắp khoang pin.

Mở chốt (1) và mở nắp khoang pin (2).



3 Lắp pin.

Lắp pin theo hướng minh họa (3), sử dụng mặt có sọc màu da cam để giữ chốt pin được bấm về một phía. Chốt khóa pin vào vị trí khi pin đã được lắp vào hết.





4 Đóng nắp khoang pin.

🖉 Tháo Pin

Tắt máy ảnh và mở nắp khoang pin. Nhấn chốt pin theo hướng được thể hiện bằng mũi tên để nhả pin và sau đó dùng tay tháo pin ra.





🚺 Pin và Bộ Sạc

Đọc và làm theo những cảnh báo và lưu ý trên các trang ix-x và 184–186 của tài liệu hướng dẫn này. Không sử dụng pin ở nhiệt độ môi trường xung quanh dưới 0 °C hoặc cao hơn 40 °C; không tuân thủ đề phòng này có thể làm hỏng pin hoặc làm giảm hiệu suất pin. Dung lượng có thể giảm xuống và thời gian sạc có thể tăng lên ở nhiệt độ pin từ 0 °C đến 15 °C và từ 45 °C đến 60 °C. Nếu đèn **CHARGE** (SẠC) nhấp nháy (khoảng tám lần một giây) trong quá trình sạc, xác nhận rằng nhiệt độ ở phạm vi phù hợp và sau đó rút phích cắm bộ sạc và tháo và lắp lại pin. Nếu vấn đề vẫn còn, ngừng sử dụng ngay lập tức và mang pin và bộ sạc tới đại lý bán lẻ của bạn hoặc Đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền.

Đừng cố gắng sạc pin đã sạc đầy. Việc không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này sẽ dẫn đến việc giảm hiệu suất pin.

Chỉ sử dụng bộ sạc với pin tương thích. Rút phích cắm khi không sử dụng.

*

<u> Lắp Thấu Kính</u>

Cần cẩn thận để tránh bụi xâm nhập vào máy ảnh khi tháo thấu kính. Thấu kính thường được sử dụng trong tài liệu hướng dẫn này cho mục đích minh họa là AF-S DX NIKKOR 18–55mm f/3.5–5.6G VR II.



1 Tắt máy ảnh.

2 Tháo nắp thấu kính phía sau và nắp thân máy.



3 Lắp thấu kính.

Giữ dấu gắn trên thấu kính thằng với dấu gắn trên thân máy, đặt thấu kính vào gắn khớp cài của máy ảnh (①). Cẩn thận để không nhấn nút nhả thấu kính, xoay thấu kính ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi nó khớp vào vị trí (②).

Trượt công tắc chế độ **A-M** sang **A** (lấy nét tự động; nếu thấu kính có công tắc **M/A-M**, chọn **M/A** cho lấy nét tự động với ghi đè bằng tay).





2.

0

Nếu thấu kính có nút chống rung (VR), chọn **ON (BẬT)** để giảm ảnh hưởng của rung (^{CC} 203).

🖉 Thấu Kính Với Nút Ống Thấu Kính Co Rút Được

Trước khi sử dụng máy ảnh, mở khóa và mở rộng vòng thu phóng. Nhấn nút ống thấu kính co rút được (①) và xoay vòng thu phóng như minh họa (⑧).

Không thể chụp được ảnh khi thấu kính được rút lại; nếu thông báo lỗi được hiển thị do việc máy ảnh được bật với thấu kính rút lại, xoav vòng thu phóng

cho đến khi thông báo không còn hiển thi.

🚺 Lấy nét tự động

Chế độ lấy nét tự động chỉ được hỗ trợ với thấu kính AF-S và AF-I, mà được trang bị các mô tơ lấy nét tự động. Lấy nét tự động không sẵn có với các thấu kính AF khác (🎞 167).

Nút ống thấu kính co rút

được

Y Thấu Kính CPU với Vòng Độ Mở Ống Kính

Trong trường hợp thấu kính CPU được trang bị vòng độ mở ống kính (🕮 168), khóa độ mở ống kính ở cài đặt tối thiểu (số f cao nhất).

🖉 Tháo Thấu Kính

Hãy chắc chắn tắt máy ảnh khi tháo hoặc đổi thấu kính. Để tháo thấu kính, nhấn và giữ nút nhả thấu kính (1) trong khi xoay thấu kính theo chiều kim đồng hồ (2). Sau tháo thấu kính, thay nắp thấu kính và nắp thân máy.

🌌 Rút Thấu Kính Với Nút Ống Thấu Kính Co Rút Được

Để rút thấu kính máy ảnh khi không sử dụng, giữ nút ống thấu kính co rút được $(\mathbf{1})$ và xoay vòng thu phóng đến vị trí "L" (khóa) như hiển thị ($\mathbf{2}$). Rút lại thấu kính trước khi tháo khỏi máy ảnh, cẩn thận không nhấn vào nút ống thấu kính co rút được khi lắp hoặc tháo thấu kính.











<u>Cài Đặt Cơ Bản</u>

Một hộp thoại lựa chọn ngôn ngữ sẽ được hiển thị khi lần đầu tiên máy ảnh được bật. Chọn ngôn ngữ và thiết lập thời gian và ngày tháng. Không thể chụp được ảnh cho tới khi bạn đã cài đặt thời gian và ngày tháng.

1 Bật máy ảnh.

Một hộp thoại lựa chọn ngôn ngữ sẽ được hiển thị.

2 Chọn ngôn ngữ.

Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật ngôn ngữ mong muốn và nhấn ⊛.



Languape(LANG) čeština Danok Deutsch English Español EtXanvacé Français Indonesia

3 Chọn múi giờ.

Một hộp thoại lựa chọn múi giờ sẽ được hiển thị. Nhấn số ◀ hoặc ▶ để làm nổi bật múi giờ địa phương (trường **UTC** thể hiện sự khác biệt giữa múi giờ đã chọn và Múi giờ quốc tế, hoặc UTC, tính bằng giờ) và nhấn .

4 Chọn định dạng ngày.

Nhấn ▲ hoặc ▼ để lựa chọn thứ tự hiển thị năm, tháng và ngày. Nhấn ⊛ để tiến hành bước tiếp theo.



Time zone and date Daylight saving time

On

Off

London, Casablanca

UTC 0 01/01/2012 00:00:02

OBOK

63

Time zon

5 Bật hoặc tắt thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày.

Các tùy chọn thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày sẽ được hiển thị. Thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày được tắt theo mặc định; nếu thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày có hiệu lực theo múi giờ địa phương thì nhấn ▲ để làm nổi **On** (Bật) và nhấn .

6 Thiết lập ngày và thời gian.

Hộp thoại hiển thị ở bên phải sẽ được hiển thị. Nhấn ◀ hoặc ► để chọn một mục, ▲ hoặc ▼ để thay đổi. Nhấn để thiết lập đồng hồ và thoát khỏi chế độ chụp.



🥖 Pin Đồng Hồ

Đồng hồ máy ảnh được cấp nguồn bởi nguồn điện có thể sạc độc lập, nó sẽ được nạp điện khi cần thiết khi pin chính được lắp hoặc khi máy ảnh được cấp nguồn nhờ đầu nối nguồn EP-5A và bộ đổi điện AC EH-5b (^{III} 178). Ba ngày sạc sẽ cấp đủ nguồn cho đồng hồ khoảng một tháng. Nếu thông báo cảnh báo chưa đặt đồng hồ được hiển thị khi bật máy ảnh, điều đó có nghĩa là đã hết pin đồng hồ và đồng hồ đã được đặt lại. Cài đặt thời gian và ngày chính xác cho đồng hồ.

🖉 Đồng Hồ Máy Ảnh

Đồng hồ máy ảnh không chính xác bằng đa số các đồng hồ đeo tay và đồng hồ hộ gia đình. Kiểm tra đồng hồ thường xuyên để chỉnh thời gian chính xác hơn và thiết lập lại khi cần thiết.

🥖 Menu Cài Đặt

Có thể thay đổi ngôn ngữ và ngày/thời gian bất cứ lúc nào bằng sử dụng tùy chọn **Language** (Ngôn ngữ) (III 137) và **Time zone and date** (Múi giờ và ngày) (III 137) trong menu cài đặt.

<u> Lắp Thẻ Nhớ</u>

Máy ảnh lưu ảnh trên thẻ nhớ Kỹ thuật số Bảo mật (SD) (bán riêng; 🕮 177).

Tắt máy ảnh.

🖉 Lắp và Tháo Thẻ Nhớ

Luôn tắt máy ảnh trước khi lắp hoặc tháo thẻ nhớ.

2 Mở nắp khe thẻ.

Trượt nắp khe thẻ ra $(\mathbf{1})$ và mở khe cắm thẻ nhớ $(\mathbf{2})$.



3 Lắp thẻ nhớ.

Giữ thẻ nhớ như minh họa ở bên phải, trượt vào trong cho đến khi khớp vào vị trí. Đèn tiếp cận thẻ nhớ sẽ sáng trong vài giây. Đóng nắp phủ khe thẻ nhớ.

🚺 Lắp Thẻ Nhớ

Việc lắp lộn ngược hoặc lắp trái đầu có thể làm hỏng máy ảnh hoặc thẻ. Kiểm tra để lắp thẻ đúng hướng.

Nếu đây là lần đầu tiên thẻ nhớ được sử dụng trong máy ảnh hoặc thẻ đã được định dạng ở thiết bị khác, định dạng thẻ như mô tả trên trang 19.



| Đèn tiếp cân thẻ nhớ

🦉 Tháo Thẻ Nhớ

Sau khi xác nhận đèn truy cập thẻ nhớ đã tắt, tắt máy ảnh, tắt máy ảnh, mở nắp phủ khe thẻ nhớ, và nhấn thẻ để đẩy ra (①). Lúc này có thể lấy thẻ ra bằng tay (2).

🖉 Công Tắc Bảo Vệ Ghi

Các thẻ nhớ SD được trang bị công tắc bảo vệ ghi để tránh mất mát dữ liệu ngẫu nhiên. Khi công tắc này ở vị trí "lock" (khóa), không thể định dạng thẻ nhớ và không thể xóa hoặc ghi được ảnh (sẽ có tiếng bíp nếu bạn cố gắng nhả cửa trập). Để mở khóa thẻ nhớ, trượt công tắc sang vị trí "write" (ghi).



Đinh Dang Thẻ Nhớ

Thẻ nhớ phải được đinh dang trước khi sử dụng lần đầu tiên hay sau khi được đinh dang ở các thiết bị khác. Định dạng thẻ theo mô tả bên dưới.

🚺 Đinh Dang Thẻ Nhớ

Việc định dạng thẻ nhớ sẽ xóa vĩnh viễn bất kỳ dữ liêu nào có trên đó. Hãy chắc chắn sao chép bất kỳ bức ảnh và dữ liêu nào khác mà ban muốn giữ lai vào máy tính trước khi tiến hành (끄 111).

1 Bât máy ảnh.

2 Hiển thị các tùy chọn định dạng.

Nhấn nút MENU để hiển thi menu. Làm nổi bât Format memory card (Đinh dang thẻ nhớ) trong menu cài đăt và nhấn . Để biết thêm thông về cách sử dung các menu, xem trang 9.

3 Làm nổi bật Yes (Có). Để thoát mà không định dang thẻ nhớ, làm nổi

bât No (Không) và nhấn 🐵.

4 Nhấn €. Thông báo bên phải sẽ được hiển thi khi đinh dang thẻ. Không tháo thẻ nhớ hoặc hoặc ngắt kết nối nguồn điện cho đến khi đinh dang xong.

🚺 Thẻ Nhớ

- Thẻ nhớ có thể nóng sau khi sử dụng. Quan sát thận trọng khi tháo thẻ nhớ khỏi máy ảnh.
- Tắt nguồn trước khi lắp hay tháo thẻ nhớ. Không tháo các thẻ nhớ khỏi máy ảnh, tắt máy ảnh, hoặc tháo hoặc ngắt kết nối nguồn điện trong khi đinh dạng hoặc trong khi ghi dữ liệu, xóa, hoặc sao chép vào máy tính. Không tuân thủ đề phòng này có thể dẫn đến mất dữ liêu hoặc hư hai máy ảnh hoặc thẻ nhớ.
- Không để ngón tay hoặc các vật kim loại cham vào các đầu cuối thẻ.
- Không bẻ cong, làm rơi hay để va đập mạnh.
- Không dùng lực ép vỏ thẻ. Không tuân thủ biên pháp phòng ngừa này có thể làm hư thẻ.
- Không để tiếp xúc với nhiệt, nước, độ ẩm cao, hoặc ánh sáng mặt trời trực tiếp.
- Không định dạng thẻ nhớ trong máy tính.







All images on memory card will be deleted.

OKT

<u>Điều Chỉnh Lấy Nét Kính Ngắm</u>

Máy ảnh được trang bị điều chỉnh điốt để thích ứng với khác biệt cá nhân về tầm nhìn. Kiểm tra để hiển thị trong kính ngắm được lấy nét trước khi lấy khuôn ảnh trong kính ngắm.

Tháo nắp thấu kính.

2 Bật máy ảnh.

1

3 Lấy nét kính ngắm.

Xoay điều khiển điều chỉnh điốt cho đến khi màn hình hiển thị kính ngắm và điểm lấy nét ở chế độ lấy nét sắc. Khi sử dụng điều khiển với mắt đang ngắm kính ngắm, cẩn thận không chọc ngón tay hoặc móng tay vào mắt.



Điếm lấy nét

🖉 Điều Chỉnh Lấy Nét Kính Ngắm

Nếu bạn không thể lấy nét kính ngắm như mô tả ở trên, chọn lấy nét tự động phần phụ đơn (**AF-S**; ^[1] 35), lấy nét tự động điểm đơn (**[1]**; ^[1] 38), và điểm lấy nét giữa (^[1] 40), sau đó đóng khung đối tượng tương phản cao trong điểm lấy nét giữa và nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để lấy nét máy ảnh. Khi máy ảnh lấy nét, sử dụng điều khiển điều chỉnh điốt để đưa đối tượng vào vùng lấy nét rõ trong kính ngắm. Nếu cần thiết, có thể điều chỉnh thêm lấy nét kính ngắm bằng cách sử dụng các thấu kính khắc phục tùy chọn (^[1] 176).
Cơ Bản về Nhiếp Ảnh

Mức Pin và Dung Lượng Thẻ

Trước khi chụp, kiếm tra mức pin và số phơi sáng còn lại.

1 Bật máy ảnh.

2 Kiểm tra mức pin.

Kiểm tra mức pin trên màn hình hiển thị thông tin (nếu sắp hết pin, cảnh báo cũng sẽ được hiển thị trong kính ngắm). Nếu màn hình tắt, nhấn nút **Đ** để xem màn hình hiển thị thông tin; nếu màn hình không bật, nghĩa là đã hết pin và phải sạc lại.



Hiển thị thông tin	Kính ngắm	Mô tả
	—	Pin đã được sạc đầy.
	_	Pin đã được xả một phần.
		Pin yếu. Pin dự phòng đã sạc đầy sẵn sàng hoặc chuẩn bị sạc pin.
(nháy)	مے (nháy)	Hết pin; nhả cửa trập bị vô hiệu hóa. Sạc hoặc thay pin.

3 Kiểm tra số phơi sáng còn lại.

Màn hình hiển thị thông tin và kính ngắm cho biết số lượng bức ảnh có thể chụp được ở cài đặt hiện hành (giá trị hơn 1.000 sẽ được làm tròn xuống đơn vị trăm gần nhất. Ví dụ: các giá trị trong khoảng 1.200 và 1.299 sẽ được hiển thị là 1,2 K). Nếu cảnh báo không đủ bộ nhớ để thêm ảnh được hiển thị, hãy lắp thẻ nhớ khác (\square 18) hoặc xóa một số ảnh (\square 106).



Nhiếp Ảnh "Ngắm và Chụp" (Chế độ చ và 🕃)

Mục này mô tả cách chụp ảnh ở các chế độ 🖀 và 🏵, chế độ "ngắm và chụp" tự động, trong đó phần đa các cài đặt được máy ảnh điều khiển để đáp ứng các điều kiện chụp.



Bật máy ảnh.

Tháo nắp thấu kính và bật máy ảnh. Màn hình hiển thị thông tin sẽ xuất hiện trên màn hình.

Để chụp ở nơi cấm đèn nháy, chụp ảnh trẻ sơ sinh hay chụp dưới điều kiện ánh sáng yếu, chọn chế độ tự động (tắt đèn nháy) bằng cách xoay đĩa lệnh chế độ sang ④. Nếu không thì xoay đĩa lệnh sang 🛱 (tự động).

Đĩa lệnh chế độ



UTO

3 Chuẩn bị máy ảnh sẵn sàng.

Khi tạo khuôn hình cho bức ảnh trong kính ngắm, tay phải giữ phần tay nắm và tay trái đặt vào thân máy hoặc thấu kính. Giữ khuỷu tay chống nhẹ lên thân người làm điểm tựa và đặt chân này trước chân kia nửa bàn để giữ vững phần trên cơ thể. Khi lấy khung hình cho ảnh chân dung

(hướng dọc), giữ máy ảnh như minh họa ở bên phải.

Ở chế độ ⊕, tốc độ cửa trập sẽ chậm khi ánh sáng yếu; bạn nên dùng giá ba chân.

4 Tạo Khuôn Hình Bức Ảnh.

Tạo khuôn hình bức ảnh trong kính ngắm với đối tượng chính ít nhất nằm trong một trong 11 điểm lấy nét.



. Điểm lấy nét





5 Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng.

Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để lấy nét. Máy ảnh sẽ chọn các điểm lấy nét tự động. Nếu đối tượng được chiếu sáng yếu, đèn nháy có thể lóe lên và đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động có thể sáng.

6 Kiểm tra các chỉ báo trong kính ngắm.

Khi hoàn thành hoạt động lấy nét, các điểm lấy nét được chọn sẽ được làm nổi bật trong thời gian ngắn, tiếng bíp phát ra (không phát ra tiếng bíp nếu đối tượng di chuyển), và chỉ báo đã được lấy nét (●) sẽ xuất hiện trên kính ngắm.

Chỉ báo đã được lấy nét	Mô tả
•	Đối tượng lấy nét.
● (nháy)	Máy ảnh không thể sử dụng lấy nét tự động để lấy nét. Xem trang 36.

Khi nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập, số phơi sáng có thể được lưu trữ trong bộ nhớ đệm ("𝔎"; ◻ 32) sẽ xuất hiện trong kính ngắm.

7 Chụp.

Nhấn nhẹ nút nhả cửa trập hết cỡ để nhả cửa trập và ghi ảnh. Đèn tiếp cận Thẻ Nhớ sẽ phát sáng và ảnh sẽ được hiển thị trên màn hình trong vài giây (ảnh sẽ tự động phát sáng với màn hình khi nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng). Không tháo hoặc di chuyển thẻ nhớ hay ngắt nguồn cho đến khi đèn này tắt và việc lưu hoàn tất.

🖉 Lau Chùi Bộ Cảm Biến Hình Ảnh

Máy ảnh làm rung bộ lọc qua chậm bao quanh bộ phận cảm biến hình ảnh để loại bụi bẩn khi mở tắt máy (🎞 180).







lấv nét



đêm

Nút Nhả Cửa Trập

Máy ảnh này có một nút nhả cửa trập hai giai đoan. Máy ảnh sẽ lấy nét khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng. Để chup ảnh, tiếp tục nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ.





Lấy Nét: nhấn nửa chừng



Ø Hen Giờ Chờ

Kính ngắm và màn hình hiển thi thông tin sẽ tắt nếu không thực hiện hoạt động nào trong khoảng 8 giậy, làm giảm tiêu hao pin. Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để bật hiển thị. Khoảng thời gian trước khi hen giờ chờ hết han tư đông có thể được chon bằng cách sử dụng tùy chon **Auto off timers** (Tư đông hen giờ tắt) trong menu cài đăt (🕮 140).



Bật đo phơi sáng

🖉 Đèn Nháy Gắn Sẵn

Nếu cần thêm ánh sáng để phơi sáng chính xác trong chế đô 🖀 đèn nháy gắn sẵn sẽ tự động lóe lên khi nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập(^{CD} 47). Nếu bật đèn nháy, ảnh chỉ được chup khi chỉ báo đèn nháy sẵn sàng (\$) được hiển thị. Nếu chỉ chỉ báo đèn nháy sẵn sàng không hiển thi, tức là đèn nháy đang sạc; bỏ ngón tay ra khỏi nút nhả cửa trập một lúc và thử lại.

Để tiết kiệm pin khi không dùng đèn nháy, trả pin về vị trí đóng bằng cách nhấn nhẹ xuống cho đến khi chốt khớp vào đúng vi trí.



🖉 Sử Dung Thấu Kính Thu Phóng

Sử dụng vòng thụ phóng để phóng to đối tương hiển thi lớn hơn trong vùng tạo hình, hoặc thu nhỏ để tăng vùng nhìn thấy trong ảnh cuối (chọn độ dài tiêu cự trong vùng tiêu cự của thấu kính để phóng to và giảm để thu nhỏ). Nếu thấu kính được trang bị nút ống thấu kính co rút được (D 15), bấm và giữ nút trong khi xoay vòng thu phóng cho đến khi thấu kính được nhả và thông báo cảnh báo không còn hiển thi, và sau đó điều chỉnh thu phóng bằng vòng thu phóng.



Nhiếp Ảnh Sáng Tạo (Chế Độ Cảnh)

Máy ảnh cung cấp lựa chọn chế độ "cảnh". Chọn chế độ cảnh tự động cài đặt để phù hợp với cảnh được chọn, nhiếp ảnh sáng tạo cũng đơn giản như việc chọn chế độ, lấy khuôn hình một bức tranh, và chụp như mô tả ở các trang 22–24.

Các cảnh sau đây có thể được chọn bằng đĩa lệnh chế độ:



-1-





Sử dụng tông màu nhẹ nhàng, tự nhiên cho chân dung. Nếu đối tượng ở xa hoặc sử dụng thấu kính chụp ảnh xa, chi tiết sẽ được làm mềm để sáng tác có chiều sâu.

ੇ Phong Cảnh



Sử dụng cho chụp phong cảnh đậm ban ngày. Đèn nháy gắn sẵn và đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động tắt; sử dụng giá ba chân để chống mờ khi ánh sáng yếu.

🗳 Trẻ Em



Sử dụng ảnh chụp nhanh cho trẻ em. Quần áo và các chi tiết có nền sinh động, khi tông màu vẫn duy trì được mềm mại và tự nhiên.



Tốc độ cửa trập nhanh sẽ đóng băng chuyển động đối với các bức ảnh thể thao năng động mà đối tượng chính rõ ràng. Đèn nháy gắn sẵn và đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động tắt.

🖫 Cân cảnh



Sử dụng chụp cận cảnh hoa, côn trùng, và các đối tượng nhỏ khác (có thể dùng thấu kính chụp cận cảnh để lấy nét ở góc rất gần). Nên dùng đế ba chân để tránh bị mờ.

🗳 Chân Dung Ban Đêm



Dùng cân bằng trắng tự nhiên giữa đối tượng chính và nền trong chân dung dưới ánh sáng yếu. Nên dùng đế ba chân để tránh bị mờ.

^GChế Độ Hướng Dẫn

Hướng Dẫn

Chế độ hướng dẫn cho phép truy cập một loạt các chức năng thường được sử dụng và hữu ích khác nhau. Mức cao nhất của hướng dẫn được hiển thị khi xoay đĩa lệnh chế độ sang **GUIDE**.





Shoot (Chụp)	View/delete (Xem/xóa)	Set up (Cài đặt)
Chụp ảnh.	Xem và/hoặc xóa ảnh.	Thay đổi cài đặt máy ảnh.
Advanced operation	View/delete () View single photos () View multiple photos Choose a date View a slide show () Delete photos Plete () Delete photos () Delete photos () () () () () () () () () ()	Set up Image quality NORM Image size Auto off timers NORM Print date Display and sound settings 2 Playte Pla

<u>Menu Chế Độ Hướng Dẫn</u>

Để truy cập các menu này, làm nổi bật **Shoot** (Chụp), **View/delete** (Xem/xóa) hoặc **Set up** (Cài đặt) và nhấn ®.



Shoot (Chụp)

Easy operation (Hoạt động dễ dàng)	Adva	nced operation (Hoạt động nâng cao)	
🛅 Auto (Tự động)	A	Soften backgrounds (Làm mềm nền)	Điều chỉnh độ mở ống kính.
🚱 No flash (Không có đèn nháy)	GUIDE	Bring more into focus (Lấy nét nhiều hơn)	
Distant subjects (Các đối tượng ở xa)		Freeze motion (people) (Đóng băng chuyển động (con người))	Chọn tốc độ cửa trập.
Close-ups (Cận cảnh)	GUIDE	Freeze motion (vehicles) (Đóng băng chuyển động (xe cộ))	
Sleeping faces (Khuôn mặt đang ngủ)		Show water flowing (Thể hiện nước đang chảy)	
Moving subjects (Đối tượng di chuyển)		Capture reds in sunsets (Chụp nhanh ánh đỏ trong buổi hoàng hôn)*	Điều chỉnh cân bằng trắng để chụp nhanh màu sắc trong buổi hoàng hôn
🖪 Landscapes (Phong cảnh)			một cách sinh động.
🛃 Portraits (Chân dung)	F	Take bright photos (Chụp ảnh sáng)*	Điều chỉnh hù nhơi sáng để chun ảnh
Night portrait (Chân dung ban đêm)	GUIDE	Take dark (low key) photos (Chụp ảnh tối (khóa thấp))*	sáng (khóa cao) hoặc tối (khóa thấp).
		Reduce blur (Giảm mờ)	Điều chỉnh điều khiển độ nhạy ISO tự động cho các đối tượng được chiếu sáng kém bay thấu kính chun ảnh xa

* Ảnh hưởng các mục Advanced operation (Hoạt động nâng cao) khác. Để khôi phục các cài đặt mặc định, tắt máy ảnh và sau đó bật lại.

"Bắt đầu chụp"

Auto Auto	
Use the viewfinder	OX
Use live view	
Shoot movies	
More settings	
⊙Back @3Next	🗃 (517)

"Thêm cài đặt"

🕅 Auto	(111)
Use the viewfinder	
Use live view	
Shoot movies	
More settings	
? ©Back O3Next	6 [517]

Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn 🛞.

- Use the viewfinder (Sử dụng kính ngắm)
- Use live view (Sử dụng xem trực tiếp)
- Shoot movies (Quay phim)

Nếu **More settings** (Thêm cài đặt) được hiển thị, bạn có thể làm nổi bật tùy chọn này và nhấn ▶ để truy cập các cài đặt sau đây (các cài đặt sẵn có khác nhau theo tùy chọn chụp được chọn):

- Flash settings (Cài đặt đèn nháy) > Flash mode (Chế độ đèn nháy)
- Flash settings (Cài đặt đèn nháy) > Flash compensation (Bù đèn nháy)
- Release mode (Chế độ nhả)
- ISO sensitivity settings (Cài đặt độ nhạy ISO) > ISO sensitivity (Độ nhạy ISO)
- ISO sensitivity settings (Cài đặt độ nhạy ISO) > Auto ISO sensitivity control (Điều khiển độ nhạy ISO tự động)
- Set Picture Control (Đặt Picture Control)
- Exposure compensation (Bù phơi sáng)
- White balance (Cân bằng trắng)

View/Delete (Xem/Xóa)

view single photos (Xem ann dơn)	view a slide snow (xem trinn chieu slide)	
View multiple photos (Xem nhiều ảnh)	Delete photos (Xóa ảnh)	
Choose a date (Chọn ngày tháng)		
💵 Set Up (Cài Đặt)	-	
lmage quality (Chất lượng hình ảnh)	Output settings (Cài đặt đầu ra)	
Image size (Cỡ hình ảnh)	HDMI	
Auto off timers (Tự động hẹn giờ tắt)	Video mode (Chế độ video)	
Print date (Ngày in)	Playback folder (Thư mục phát lại)	
Display and sound settings (Cài đặt hiển thị và âm thanh)	Playback display options (Tùy chọn hiển thị phát lại)	
Monitor brightness (Độ sáng màn hình)	DPOF print order (Thứ tự in DPOF)	
Info background color (Màu nền thông tin)	Clock and language (Đồng hồ và ngôn ngữ)	
Auto info display (Hiển thị thông tin tự động)	Time zone and date (Múi giờ và ngày)	
Beep (Bíp)	Language (Ngôn ngữ)	
Movie settings (Cài đặt phim)	Format memory card (Định dạng thẻ nhớ)	
Frame size/frame rate (Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình)	Eye-Fi upload (Tải lên Eye-Fi)*	
Movie quality (Chất lượng phim)	Slot empty release lock (Khóa nhả khe trống)	
Microphone (Micrô)		
Flicker reduction (Giảm nhấp nháy)	-	

....

* Chỉ hoat động khi gắn thẻ nhớ Eye-Fi tượng thích (🕮 148).

Đổi thành Image quality (Chất lượng hình ảnh), Image size (Cỡ hình ảnh), Auto off timers (Tự động hẹn giờ tắt), Print date (Ngày in), Playback folder (Thư mục phát lại), Playback display options (Tùy chọn hiển thị phát lại), tất cả các tùy chọn Display and sound settings (Cài đặt hiển thị và âm thanh), và tất cả các tùy chọn Movie settings (Cài đặt phim) ngoại trừ Flicker reduction (Giảm nhấp nháy) chỉ áp dụng trong chế độ hướng dẫn và không được phản ánh trong chế độ chụp khác.

🖉 Chế Độ Hướng Dẫn

Chế độ hướng dẫn được đặt lại thành **Easy operation** (Hoạt động dễ dàng) > **Auto** (Tự động) khi đĩa lệnh chế độ được xoay sang cài đặt khác hoặc tắt máy ảnh.

<u>Sử Dụng Hướng Dẫn</u>

Các hoạt động sau có thể thực hiện trong khi hướng dẫn được hiển thị:

Ðể	Sử dụng	Mô tả		
Trở lại mức cao nhất của hướng dẫn		Nhấn MENU để bật màn hình hoặc trở lại mức cao nhất của hướng dẫn.		
Bật màn hình	Nút MENU			
Làm nổi bật menu	() V V	Nhấn ◀ hoặc ▶ để làm nổi bật một menu.		
	(K)	Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật các tùy chọn trong menu.		
Làm nổi bật các tùy chọn		Nhấn ▲, ▼, ◀, hoặc ▶ để làm nổi bật các tùy chọn trên màn hình hiển thị như được trình bày ở bên phải.		
Chọn menu hoặc tùy chọn được làm nổi bật		Nhấn 🛞 để chọn menu hoặc tùy chọn đã được làm nổi bật.		
		Nhấn ◀ để trở lại màn hình hiển thị trước đó.		
Trở lại màn hình hiển thị trước đó		Để hủy bỏ và trở lại màn hình hiển thị trước đó từ các màn hình hiển thị giống như được trình bày ở bên phải, làm nổi bật "Đ và nhấn @.		
Xem trợ giúp	₩ ₩ ₩ ₩ ₩ ₩ ₩ ₩ ₩ ₩ ₩ ₩ ₩ ₩ ₩ ₩ ₩ ₩ ₩	Nếu biểu tượng ② hiển thị ở góc dưới cùng bên trái của màn hình, có thể hiển thị trợ giúp bằng cách nhấn nút ٩ ⁵² (?). Một mô tả của tùy chọn hiện đang được chọn sẽ được hiển thị trong khi nút được nhấn. Nhấn ▲ hoặc ▼ để cuộn qua màn hình.		

Tìm Hiểu Thêm về Chụp Ảnh (Tất Cả Các Chế Đô)

Chế Độ Nhả

Chon từ các chế đô nhả sau:

Chế độ	Mô tả
S	Single frame (Khuôn hình đơn) : Máy ảnh chụp một ảnh mỗi lần nút nhả cửa trập được nhấn.
▣	Continuous (Liên tục) : Trong khi nút nhả cửa trập được giữ, máy ảnh ghi lên đến 4 khuôn hình trong một giây.
હ	Self-timer (Tự hẹn giờ) : Sử dụng tự hẹn giờ để chụp chân dung hoặc để giảm mờ do máy ảnh rung (따 33).
â 2s	Delayed remote (Điều khiển từ xa chụp chậm) : Cửa trập được nhả ra trong 2 giây sau khi nhấn nút nhả cửa trập trên điều khiển từ xa ML-L3 tùy chọn (🎞 177, 🞞 33).
Î	Quick-response remote (Chế độ từ xa phản ứng nhanh) : Cửa trập được nhả ra khi nhấn nút nhả cửa trập trên điều khiển từ xa ML-L3 tùy chọn (印 177, 印 33).
Q	Quiet shutter release (Nhả cửa trập tĩnh lặng): Với khuôn hình đơn, ngoại trừ gương không khớp trở lại vào vị trí trong khi nhấn hết cỡ nút nhả cửa trập, cho phép người dùng kiểm soát thời gian khớp vào của gương, tĩnh lặng hơn so với trong chế độ khuôn hình đơn. Đồng thời, không phát ra tiếng bíp khi máy ảnh lấy nét, giữ cho tiếng ồn ở mức tối thiểu trong môi trường xung quanh yên tĩnh.

1 Nhấn nút 🖳 (🏷/ậ).

Danh sách các tùy chon chế đô nhả sẽ được hiển thi.





Nút 🖳 (🕐 🕯)

2 Chọn một chế độ nhả.

Làm nổi bật chế độ nhả và nhấn 🛞 để trở về màn hình hiển thi thông tin. Ảnh có thể được chup ngay.



🥖 Bộ Nhớ Đệm

Máy ảnh được trang bị bộ nhớ đệm để lưu trữ tạm thời, cho phép tiếp tục chụp trong khi ảnh được lưu vào thẻ nhớ. Có thể chụp liên tiếp tối đa 100 bức ảnh, tuy nhiên lưu ý rằng tốc độ khuôn hình sẽ giảm khi bộ nhớ đệm đầy.

Trong khi ghi ảnh vào thẻ nhớ, đèn tiếp cận thẻ nhớ sẽ phát sáng (^{III} 2). Tùy thuộc vào số lượng ảnh trong bộ nhớ đệm, việc ghi ảnh có thể mất từ vài giây đến vài phút. *Không tháo thẻ nhớ hoặc ngắt kết nối nguồn điện cho tới khi đèn tiếp cận tắt*. Nếu tắt máy ảnh trong khi dữ liệu vẫn còn trong bộ đệm, nguồn sẽ không tắt cho đến khi tất cả các hình ảnh trong bộ đệm được ghi lại. Nếu pin cạn kiệt trong khi ảnh vẫn còn trong bộ đệm, nhả cửa trập bị vô hiệu hóa và ảnh sẽ được chuyển vào thẻ nhớ.

🖉 Chế độ nhả liên tục

Chế độ nhả liên tục (⊒)) không thể được sử dụng với đèn nháy gắn sẵn; xoay đĩa lệnh chế độ sang ③ (□ 22) hoặc tắt đèn nháy (□ 47–49). Để có thông tin về số lượng ảnh có thể chụp được trong một lần chụp liên tục, xem trang 188.

🖉 Dung Lượng Đệm

Số gần đúng của hình ảnh có thể được lưu vào trong bộ nhớ đệm ở các cài đặt hiện hành được thể hiện trong hiển thị đếm phơi sáng trong kính ngắm

trong khi nút nhả cửa trập được nhấn. Minh họa thể hiện màn hình hiển thị khi không gian còn lại trong bộ đệm còn đủ cho khoảng 19 ảnh.

🖉 Hiển Thị Thông Tin

Chế độ nhả cũng có thể được chọn bằng cách sử dụng tùy chọn **Release mode** (Chế độ nhả) trên màn hình hiển thị thông tin (🕮 5).



(r (3))

125 15.6

elease mode

Chon chế đô 🖄 (tư hen giờ), 🕯 2s (chế đô từ xa châm), hoặc 🛱 (chế độ từ xa phản ứng nhanh) (🕮 31; lưu ý rằng nếu không có hoat đông nào được thực hiện trong khoảng một phút sau khi chon chế đô điều khiển từ xa, máy ảnh sẽ tư động trở về chế đô khuôn hình đơn, nhả cửa trập liên tục hoặc vên tĩnh).

3 Tao Khuôn Hình Bức Ảnh.

Chế đô điều khiển từ xa: Kiểm tra lấy nét bằng cách nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng. Sẽ không có bức ảnh nào được chup ngay cả khi nhấn nút này hết cỡ.

4 Chụp ảnh.

Chế đô tư hen giờ: Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để lấy nét và sau đó nhấn xuống hoàn toàn. Đèn tư hen giờ sẽ bắt đầu nháy và phát ra tiếng bíp. Hai giây trước khi chup ảnh, đèn sẽ dừng nháy và tiếng bíp sẽ phát ra nhanh hơn. Cửa trập sẽ được nhả mười giây sau khi bô đếm thời gian bắt đầu.

Chế đô điều khiển từ xa: Từ khoảng cách 5 m hoặc gần hơn, hướng bô phát trên ML-L3 vào các bộ nhận hồng ngoại trên máy ảnh (🕮 1, 2) và nhấn nút nhả cửa trập ML-L3. Trong chế điều khiển từ xa chụp chậm, đèn hẹn giờ sẽ sáng trong khoảng hai giây trước khi cửa trập nhả. Trong chế đô từ xa phản ứng nhanh, đèn hen giờ sẽ nhấp nháy sau khi cửa trập được nhả.

Lưu ý rằng hen giờ không thể bắt đầu hay không thể chup ảnh nếu máy ảnh không thể lấy nét hay ở các trường hợp khác trong đó không thể nhả cửa trập. Việc tắt máy ảnh sẽ hủy các chế đô nhả tư hen giờ và điều khiển từ xa và khôi phục chế đô nhả cửa trập khuôn hình đơn, liên tuc hay yên tĩnh.

Chế Độ Tự Hẹn Giờ Và Chế Độ Điều Khiển Từ Xa

Tư hen giờ và điều khiển từ xa ML-L3 tùy chọn (🎞 177) cho phép người chụp ở cách xa máy ảnh khi chup ảnh.

1 Gắn máy ảnh vào giá ba chân.

Gắn máy ảnh vào giá ba chân hoặc đặt máy ảnh lên bề mặt ổn định, bằng phẳng.

2 Chọn chế độ nhả.

Nút 🖳 (🖄/🕯)







🔽 Trước Khi Sử Dụng Điều Khiển Từ Xa

Trước khi sử dụng điều khiển từ xa lần đầu tiên, tháo tấm phủ pin và nhựa trong.

🖉 Đậy Kính Ngắm

Khi chup ảnh mà không để mắt vào kính ngắm, tháo hốc mắt cao su DK-20 (①) ra và lắp nắp thị kính DK-5 vào như minh họa (②). Điều này sẽ không cho ánh sáng đi qua kính ngắm làm ảnh hưởng đến phơi sáng. Giữ chắc máy ảnh khi tháo hốc mắt cao su.



Nắp thị kính DK-5



🗹 Sử Dụng Đèn Nháy Gắn Sẵn

Trước khi chụp ảnh với đèn nháy ở các chế độ P, S, A hoặc M, nhấn nút 5 (82) để nâng đèn nháy và đợi cho chỉ báo 5 hiển thị trong kính ngắm (C 24). Việc chụp sẽ bị gián đoạn nếu đèn nháy được nâng lên trong khi chế độ điều khiển từ xa đang được bật hoặc sau khi tự hẹn giờ đã bắt đầu chạy. Nếu cần phải dùng đèn nháy, máy ảnh sẽ chỉ phản ứng với nút nhả cửa trập ML-L3 khi đèn nháy đã sạc điện. Trong chế độ tự động hoặc cảnh mà đèn nháy tự động bật lên, đèn nháy sẽ bắt đầu sạc khi chế độ điều khiển từ xa được chọn; một khi đèn nháy đã được sạc, nó sẽ tự động bật lên và bật sáng khi cần.

Trong chế độ đèn nháy hỗ trợ giảm mắt đỏ, đèn giảm mắt đỏ sẽ sáng khoảng một giây trước khi cửa trập được nhả trong chế độ từ xa phản ứng nhanh. Trong chế độ điều khiển từ xa chụp chậm, đèn hẹn giờ sẽ sáng hai giây, tiếp theo là đèn giảm mắt đỏ sẽ sáng một giây trước khi cửa trập được nhả.

🖉 Xem Thêm

Để biết thông tin về việc chọn thời gian tự hẹn giờ và số bức ảnh được chụp, xem tùy chọn **Self-timer** (Tự hẹn giờ) trong menu cài đặt (口 141). Để biết thông tin về việc chọn khoảng thời gian máy ảnh sẽ đợi tín hiệu từ chế độ từ xa, xem tùy chọn **Remote on duration** (Chụp từ xa theo thời lượng) trong menu cài đặt (口 141). Để biết thông tin về kiểm soát tiếng bíp khi sử dụng tự hẹn giờ và điều khiển từ xa, xem tùy chọn **Beep** (Bíp); trong menu cài đặt (口 141).

Lấy Nét

Phần này mô tả các tùy chọn lấy nét khi các bức ảnh được tạo khuôn hình trong kính ngắm. Có thể điều chỉnh lấy nết tự động hoặc bằng tạy (xem "Chế Độ Lấy Nét." ở dưới). Người dùng có thể chon điểm lấy nét tư đông hoặc lấy nét bằng tay (🎞 42) hoặc sử dụng khoá lấy nét để tao lai bức ảnh sau khi lấy nét (🕮 40).

Chế độ lấy nét

Chon từ các chế đô lấy nét tư đông sau. Lưu ý rằng AF-S và AF-C chỉ sẵn có ở các chế đô P, S, A và Μ.

	Tùy chọn	Mô tả
AF-A	Auto-servo AF (Lấy nét tự động phần phụ tự động)	Máy ảnh tự động lựa chọn lấy nét tự động phần phụ đơn nếu đối tượng tĩnh, lấy nét tự động phần phụ liên tục nếu đối tượng động. Cửa trập chỉ có thể được nhả ra nếu máy ảnh có thể lấy nét.
AF-S	Single-servo AF (Lấy nét tự động phần phụ đơn)	Với các đối tượng cố định. Lấy nét được khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng. Cửa trập chỉ có thể được nhả ra nếu máy ảnh có thể lấy nét.
AF-C	Continuous-servo AF (Lấy nét tự động phần phụ liên tục)	Với các đối tượng di động. Máy ảnh lấy nét liên tục cho đến khi nút nhả cửa trập được nhấn. Cửa trập chỉ có thể được nhả ra nếu máy ảnh có thể lấy nét.
MF	Manual focus (Lấy nét bằng tay)	Lấy nét bằng tay (🕮 42).

1 Đăt con trỏ trên màn hình hiển thị thông tin.

Nếu thông tin chup không được hiển thi trên màn hình, nhấn nút 🚯. Nhấn nút 🚯 lần nữa để đăt con trỏ trên màn hình hiển thi thông tin.



Hiển thị thông tin

2 Hiển thị các tùy chọn chế độ lấy nét. Làm nổi bật chế đô lấy nét hiện tại trên màn hình hiển thi thông tin và nhấn 🛞.



3 Chọn chế độ lấy nét.

Làm nổi bật chế đô lấy nét và nhấn @. Để kết thúc phát lại và trở về chế độ chụp, nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng.



🖉 Theo Dõi Lấy Nét Đoán Trước

Trong chế độ **AF-C** hoặc khi chọn lấy nét tự động phần phụ liên tục trong chế độ **AF-A**, máy ảnh sẽ bắt đầu theo dõi lấy nét đoán trước nếu đối tượng di chuyển đến gần máy ảnh trong khi nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập. Cơ chế này cho phép máy ảnh theo dõi lấy nét trong khi cố gắng đoán vị trí của đối tượng khi cửa trập nhả ra.

🚺 Lấy nét tự động phần phụ liên tục

Trong chế độ **AF-C** hoặc khi chọn lấy nét tự động phần phụ liên tục trong chế độ **AF-A**, máy ảnh ưu tiên cho phản ứng lấy nét (có phạm vi lấy nét rộng hơn) nhiều hơn trong chế độ **AF-S**, và cửa trập có thể được nhả ra trước khi chỉ báo đã được lấy nét được hiển thị.

🖉 Lấy Nét Tự Động Đạt Chất Lượng Tốt

Lấy nét tự động sẽ không thực hiện tốt trong những điều kiện sau. Cửa trập có thể không nhả được nếu máy ảnh không thể lấy nét trong những điều kiện này, hoặc chỉ báo đã được lấy nét () có thể xuất hiện và máy ảnh sẽ phát ra tiếng bíp, cho phép cửa trập nhả ra thậm chí khi đối tượng chưa được lấy nét. Trong những trường hợp này, lấy nét bằng tay () 42) hoặc sử dụng khoá lấy nét () 40) để lấy nét trên đối tượng khóa cùng khoảng cách và sau đó tạo lại ảnh.



Dèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động

Nếu đối tượng được chiếu sáng kém, đèn chiếu trợ giúp AF sẽ tự động phát sáng để trợ giúp hoạt động lấy nét tự động khi nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng. Đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động sẽ không phát sáng:

- Trong chế độ xem trực tiếp hoặc khi ghi phim
- Trong khi lấy nét bằng tay hoặc nếu tắt chế độ xem trực tiếp và chế độ lấy nét tự động phần phụ liên tục (AF-C được chọn cho chế độ lấy nét, hoặc AF phần phụ liên tục được chọn trong chế độ lấy nét AF-A)
- Nếu điểm lấy nét trung tâm không được chọn trong chế độ vùng AF [1] (Single-point AF (AF điểm đơn)), [4] (Dynamic-area AF (AF vùng động)), hoặc [30] (3D-tracking (11 points) (Theo dõi 3D (11 điểm))) (□ 38, 40)
- Ở các chế độ chụp không thể sử dụng đèn chiếu trợ giúp AF (🕮 187)
- Nếu đã chọn Off (Tắt) cho tùy chọn Built-in AF-assist illuminator (Đèn trợ giúp lấy nét tự động gắn sẵn) trong menu chụp (^{CL} 131)

Đèn chiếu có phạm vi trong khoảng 0,5–3,0 m; khi sử dụng đèn chiếu, hãy sử dụng thấu kính có tiêu cự 18–200 mm và tháo nắp thấu kính. Đèn chiếu trợ giúp AF sẽ tự động tắt để bảo vệ đèn sau một khoảng thời gian sử dụng liên tục. Chức năng thông thường sẽ được khôi phục lại sau khi tạm ngừng trong thời gian ngắn. Lưu ý rằng đèn chiếu có thể trở nên nóng khi được sử dụng nhiều lần trong thời gian liên tiếp nhanh.

🖉 Xem Thêm

Để biết thông tin về việc lấy nét trong chế độ xem trực tiếp, xem trang 81. Tùy chọn **Beep** (Bíp) trong menu cài đặt (III 141) có thể được sử dụng để bật hoặc tắt loa bíp.





<u>Chế Độ Vùng Lấy Nét Tự Động</u>

Lựa cách chọn điểm lấy nét cho lấy nét tự động. Lưu ý rằng 🙌 (**Dynamic-area AF** (AF vùng động)) và 🖾 (**3D-tracking (11 points)** (Theo dõi 3D (11 điểm))) không sẵn có khi chọn **AF-S** cho chế độ lấy nét.

	Tùy chọn	Mô tả
[1]	Single-point AF (Lấy nét tự động điểm đơn)	Người sử dụng chọn điểm lấy nét bằng cách sử dụng đa bộ chọn (口 40); máy ảnh chỉ lấy nét đối tượng trong điểm lấy nét được chọn. Dùng với đối tượng không chuyển động.
[0]	Dynamic-area AF (Lấy nét tự động vùng động)	Trong các chế độ lấy nét AF-A và AF-C, người sử dụng chọn điểm lấy nét bằng cách sử dụng đa bộ chọn (□ 40), nhưng máy ảnh sẽ lấy nét dựa trên thông tin từ điểm lấy nét xung quanh nếu đối tượng rời khỏi điểm được chọn trong thời gian ngắn. Sử dụng với các đối tượng di chuyển thất thường.
[3D]	3D-tracking (11 points) (Theo dõi 3D (11 điểm))	Trong các chế độ lấy nét AF-A và AF-C, người sử dụng chọn điểm lấy nét bằng cách sử dụng đa bộ chọn (□ 40). Nếu đối tượng di chuyển sau khi máy ảnh đã lấy nét, máy ảnh sử dụng theo dõi 3D để chọn điểm lấy nét mới và khóa việc lấy nét ở đối tượng ban đầu trong khi nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng. Nếu đối tượng rời khỏi kính ngắm, rời tay khỏi nút nhả cửa trập và tạo lại ảnh với đối tượng trong điểm lấy nét đã chọn.
(==)	Auto-area AF (Lấy nét tự động vùng tự động)	Máy ảnh tự động phát hiện đối tượng và chọn điểm lấy nét.

1 Đặt con trỏ trên màn hình hiển thị thông tin.

Nếu thông tin chụp không được hiển thị trên màn hình, nhấn nút **Đ**. Nhấn nút **Đ** lần nữa để đặt con trỏ trên màn hình hiển thị thông tin.



2 Hiển thị các tùy chọn chế độ vùng AF. Làm nổi bật chế độ vùng AF hiện tại trên màn hình hiển thi thông tin và nhấn .



3 Chọn chế độ vùng lấy nét tự động.

Làm nổi một trong những tùy chọn sau và nhấn ®. Để trở về chế độ chụp, nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng.



🌌 Chế Độ Vùng Lấy Nét Tự Động

Cũng có thể chọn chế độ vùng AF được sử dụng khi tạo khuôn hình ảnh trong kính ngắm bằng cách sử dụng tùy chọn **AF-area mode** (Chế độ vùng AF) > **Viewfinder** (Kính ngắm) trong menu chụp (^{CII} 127). Các lựa chọn chế độ vùng AF được thực hiện trong chế độ chụp khác **P**, **S**, **A** hay **M** được đặt lại khi chọn chế độ chụp khác.



🖉 3D-tracking (11 points) (Theo dõi 3D (11 Điểm))

Khi nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập, màu sắc khu vực xung quanh điểm lấy nét được lưu trong máy ảnh. Do đó việc theo dõi 3D có thể không mang đến kết quả mong muốn với các đối tượng cùng màu với nền.

🖉 Xem Thêm

Để biết thông tin về các chế độ vùng AF sẵn có trong chế độ xem trực tiếp, xem trang 82.

<u>Chọn Lựa Điểm Lấy Nét</u>

Trong chế độ lấy nét bằng tay hay khi kết hợp lấy nét tự động với các chế độ vùng AF khác (I) (Auto-area AF (AF vùng tự động)), bạn có thể chọn từ 11 điểm lấy nét, do đó có thể sáng tác các bức ảnh với đối tượng chính hầu như ở bất kỳ nơi nào trên khuôn hình.





2 Chọn điểm lấy nét. Sử dụng đa bộ chọn để chọn điểm lấy nét trong kính ngắm hoặc màn hình hiển thị thông tin trong khi đo phơi sáng đang bật. Nhấn ® để chọn điểm lấy nét trung tâm.



<u>Khoá Lấy Nét</u>

Có thể sử dụng khóa lấy nét để thay đổi việc sáng tác sau khi lấy nét trong chế độ **AF-A**, **AF-S** và **AF-C** (□ 35), do đó có thể lấy nét trên đối tượng mà sẽ không nằm trong điểm lấy nét trong bức ảnh cuối cùng. Nếu máy ảnh không thể dùng lấy nét tự động để lấy nét (□ 36), khoá lấy nét có thể được dùng để tạo lại ảnh sau khi lấy nét trên đối tượng khác cùng khoảng cách với đối tượng ban đầu. Khoá lấy nét hiệu quả nhất khi không lựa chọn **(□ 36)**, **(Lấy nét tự động vùng tự động) cho chế độ vùng lấy nét tự động (□ 38)**.

1 Lấy nét.

Đặt đối tượng vào vùng điểm lấy nét đã chọn và nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập để bắt đầu lấy nét. Kiểm tra chỉ báo đã được lấy nét (●) xuất hiện trong kính ngắm.



2 Khoá lấy nét.

Chế đô lấy nét AF-A và AF-C: Với nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng (①), nhấn nút 壯 (��) (②) để khoá cả lấy nét lẫn phơi sáng (một biểu tương **AE-L** sẽ xuất hiện trong kính ngắm; 🕮 61). Lấy nét sẽ bị khoá trong khi nhấn nút ﷺ (Om), thâm chí nếu sau đó ban bỏ tay ra khỏi nút nhả cửa trập.

Chế đô lấy nét AF-S: Lấy nét sẽ tư đông khoá khi chỉ báo đã được lấy nét xuất hiện, và tiếp tuc khoá cho đến khi ban bỏ tay ra khỏi nút nhả cửa trập. Lấy nét còn bi khoá khi nhấn nút 壯 (O-n) (xem bên dưới).

3 Tao lai bố cục ảnh và chụp.

Lấy nét sẽ vẫn bi khoá giữa các lần chup nếu ban duy trì nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập (AF-S) hoặc nhấn giữ nút 壯 (O-n), cho phép môt vài bức ảnh được chup liên tiếp ở cùng một cài đặt lấy nét.

Đừng thay đổi khoảng cách giữa máy ảnh và đối tương

khi khoá lấy nét còn hiệu lực. Nếu đối tương di chuyển, lấy nét lại ở khoảng cách mới.







Î

Ô

<u>Lấy Nét Bằng Tay</u>

Lấy nét bằng tay có thể được sử dụng khi bạn không sử dụng thấu kính AF-S hoặc AF-I hay khi lấy nét tự động không mang đến kết quả mong muốn (따 36).

1 Cài đặt công tắc chế độ lấy nét thấu kính.

Nếu thấu kính được trang bị công tắc chế độ A-M hoặc M/A-M, trượt công tắc sang **M**.



(•) 125 F5.6

Công tắc chế

đô A-M

Công tắc chế độ M/A-M



2 Lấy nét.

Để lấy nét bằng tay, điều chỉnh vòng lấy nét thấu kính đến khi hình ảnh xuất hiện trong trường mờ tách biệt trong kính ngắm khi lấy nét. Ảnh có thể được chụp bất cứ lúc nào, thậm chí khi hình ảnh không được lấy nét.

💵 Máy Ngắm Điện Tử

Nếu thấu kính có độ mở ống kính tối đa là f/5.6 hoặc nhanh hơn, chỉ báo lấy nét kính ngắm có thể dùng để xác nhận liệu đối tượng nằm trong điểm lấy nét đã chọn có được lấy nét hay không (điểm lấy nét được chọn bất kỳ từ 11 điểm lấy nét). Sau khi đặt đối tượng trong điểm lấy nét đã chọn, nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập và xoay vòng lấy nét thấu kính đến khi chỉ báo đã được lấy nét (●) xuất hiện. Lưu ý rằng với đối tượng liệt kê ở trang 36, chỉ báo đã được lấy nét thỉnh thoảng có thể



🖉 Chọn Lấy Nét Bằng Tay với Máy Ảnh

Nếu thẩu kính hỗ trợ M/A (lấy nét tự động với ghi đè bằng tay), lấy nét bằng tay cũng có thể được chọn bằng cách cài đặt chế độ lấy nét của máy ảnh thành **MF** (lấy nét bằng tay; \square 35). Sau đó có thể điều chỉnh lấy nét bằng tay, bất kể chọn chế độ nào với thấu kính.

🖉 Vị Trí Mặt Phẳng Tiêu Điểm

Để quyết định khoảng cách giữa đối tượng và máy ảnh, đo từ dấu mặt phẳng tiêu điểm trên thân máy ảnh. Khoảng cách giữa chốt gắn thấu kính và dấu mặt phẳng tiêu điểm là 46,5 mm.



AF-A

AF-9

Focus mode

Manual focus

Dấu mặt phẳng tiểu điểm

🖉 Chỉ Báo Phơi Sáng

Nếu muốn, có thể sử dụng chỉ báo phơi sáng để xác định điểm lấy nét cho lấy nét bằng tay ở trước hay sau đối tượng (印 142).

Chất Lượng Hình Ảnh và Cỡ Hình Ảnh

Chất lương hình ảnh và cỡ hình ảnh xác đinh ảnh sẽ chiếm dung bao nhiêu không gian trên thẻ nhớ. Ảnh lớn hơn, chất lương cao hơn có thể được in ở kích cỡ lớn hơn nhưng cũng đòi hỏi nhiều bô nhớ hơn, có nghĩa sẽ ít ảnh như vây hơn có thể được lưu trên thẻ nhớ (🕮 188).

Chất Lượng Hình Ảnh

Chon một định dang tập tin và tỉ lê nén (chất lượng hình ảnh).

Tùy chọn	Loại tập tin	Mô tả
NEF (RAW) + JPEG fine (NEF (RAW) + JPEG nét)	NEF/JPEG	Hai hình ảnh được ghi: một hình ảnh NEF (RAW) và một ảnh JPEG chất lượng sắc nét.
NEF (RAW)	NEF	Dữ liệu thô 12 bit từ các cảm biến hình ảnh được lưu trực tiếp vào thẻ nhớ. Các cài đặt như cân bằng trắng và độ tương phản có thể được điều chỉnh sau khi chụp.
JPEG fine (JPEG nét)		Ghi ảnh JPEG ở tỉ lệ nén khoảng bằng 1 : 4 (chất lượng sắc nét).
JPEG normal (JPEG bình thường)	JPEG	Ghi ảnh JPEG ở tỉ lệ nén khoảng bằng 1 : 8 (chất lượng bình thường).
JPEG basic (JPEG cơ bản)		Ghi ảnh JPEG ở tỉ lệ nén khoảng bằng 1 : 16 (chất lượng cơ bản).

1 Đăt con trỏ trên màn hình hiển thi thông tin.

Nếu thông tin chup không được hiển thi trên màn hình, nhấn nút 🚯. Nhấn nút 🚯 lần nữa để đăt con trỏ trên màn hình hiển thi thông tin.



2 Hiển thi các tùy chon chất lượng hình ảnh. Làm nổi bật chất lượng hình ảnh hiện tại trên màn hình hiển thi thông tin và nhấn 🙉.



3 Chọn loại tập tin.

Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn @. Để trở về chế độ chup, nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng.



🖉 Hình ảnh NEF (RAW)

Lưu ý rằng tùy chọn được lựa chọn cho cỡ hình ảnh không ảnh hưởng đến kích cỡ của hình ảnh NEF (RAW) hoặc NEF (RAW)+JPEG. **Print date** (Ngày in) (印 144) không có ở cài đặt chất lượng ảnh dành cho ảnh NEF (RAW) hoặc NEF (RAW)+JPEG.

Có thể xem hình ảnh NEF (RAW) được trên máy ảnh hoặc sử dụng phần mềm như Capture NX 2 (có riêng; ^{CII} 176) hoặc ViewNX 2 (có trên ViewNX 2 CD kèm theo). Bản sao JPEG của hình ảnh NEF (RAW) có thể được tạo bằng cách sử dụng tùy chọn **NEF (RAW) processing** (Xử lý NEF (RAW)) trong menu sửa lại (^{CII} 157).

🖉 NEF (RAW) + JPEG Nét

Khi xem ảnh được chụp ở **NEF (RAW) + JPEG fine** (NEF (RAW) + JPEG nét) trên máy ảnh, chỉ ảnh JPEG được hiển thị. Khi xóa các ảnh được chụp ở cài đặt này, cả ảnh NEF và JPEG sẽ bị xóa.

🖉 Menu Chụp

Cũng có thể điều chỉnh chất lượng hình ảnh bằng cách sử dụng tùy chọn **Image quality** (Chất lượng hình ảnh) trong menu chụp (^{CII} 127).



🖉 Nút Fn

Chất lượng và cỡ hình ảnh cũng có thể được điều chỉnh bằng cách nhấn nút **Fn** và xoay đĩa lệnh (🎞 143).

<u>Cỡ hình ảnh</u>

Cỡ hình ảnh được đo bằng điểm ảnh. Chọn từ các tùy chọn sau đây:

Cỡ hình ảnh	Kích cỡ (điểm ảnh)	Cỡ in (cm) *
🗔 Large (Lớn)	6.016 × 4.000	50,9 × 33,9
🕅 Medium (Vừa)	4.512 × 3.000	38,2 × 25,4
🗐 Small (Nhỏ)	3.008 × 2.000	25,5 × 16,9

* Kích cỡ gần đúng khi in ở 300 dpi. Cỡ in theo đơn vị inch bằng với cỡ hình ảnh theo đơn vị điểm ảnh được phân chia bằng độ phân giải máy in ở điểm mỗi inch (dpi; 1 inch = khoảng 2,54 cm).

1 Đặt con trỏ trên màn hình hiển thị thông tin.

Nếu thông tin chụp không được hiển thị trên màn hình, nhấn nút **Đ**. Nhấn nút **Đ** lần nữa để đặt con trỏ trên màn hình hiển thị thông tin.



2 Hiển thị các tùy chọn cỡ hình ảnh. Làm nổi bật cỡ hình ảnh hiện tại trên màn hình hiển thị thông tin và nhấn ⁽¹⁰⁾.

3 Chọn cỡ hình ảnh. Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn ®. Để trở về chế độ chup, nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng.







Sử Dụng Đèn Nháy Gắn Sẵn

Máy ảnh hỗ trợ một loạt các chế độ đèn nháy khi chụp các đối tượng được chiếu sáng kém hoặc bị ngược sáng.

💵 Sử Dung Đèn Nháy Gắn Sẵn: Chế đô 🖀, 💈, 📽 và 🖾



2 Chụp ảnh.

Đèn nháy sẽ bật lên theo yêu cầu khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng, và bật khi chup một bức ảnh. Nếu đèn nháy không tư động bật lên, ĐừNG cố nâng nó lên bằng tay. Không tuân thủ biên pháp phòng ngừa nàv có thể làm hỏna đèn nháv.



1 Nâng đèn nháy.

Nhấn nút 🗲 (🖽) để nâng đèn nháy.

2 Chon một chế độ đèn nháy (🗆 48).

3 Chup ảnh.

Đèn nháy sẽ bật sáng mỗi khi ảnh được chụp.



Nút 🗲 (🖽 🗷)

Hạ Đèn Nháy Gắn Sẵn Để tiết kiệm pin khi đèn nháy không được sử dụng, nhấn nhẹ nút hạ xuống cho đến khi chốt khớp vào đúng vị trí.



<u>Chế Độ Đèn Nháy</u>

Các chế độ đèn nháy có sẵn thay đổi theo chế độ chụp:

	™, £, & , \$		2
\$AUTO	Tự động	4 ⊚AUTO SLOW	Tự động đồng bộ chậm + mắt đỏ
4 ⊚auto	Tự động+giảm mắt đỏ	4 AUTO 4 SLOW	Tự động đồng bộ chậm
٤	Đèn nháy tắt	٩	Đèn nháy tắt
	P, A		S, M
4	Đèn nháy làm đầy	4	Đèn nháy làm đầy
4 0	Giảm mắt đỏ		Giảm mắt đỏ
\$ @slow	Đồng bộ chậm + mắt đỏ	\$ REAR	Đồng bộ màn phía sau
\$slow	Đồng bộ chậm		

4REAR^{*}

SLOW xuất hiện trên màn hình hiển thị thông tin khi hoàn thành cài đặt.

1 Đặt con trỏ trên màn hình hiển thị thông tin.

Màn phía sau + đồng bộ chậm

Nếu thông tin chụp không được hiển thị trên màn hình, nhấn nút **Đ**. Nhấn nút **Đ** lần nữa để đặt con trỏ trên màn hình hiển thị thông tin.



Nút ∙₿∙

Hiển thị thông tin



Chọn một chế độ đèn nháy. Làm nổi bật một chế độ và nhấn ®. Để kết thúc phát lại và trở về chế độ chụp, nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng.



🖉 Chế Độ Đèn Nháy

Các chế độ đèn nháy liệt kê ở trang trước có thể kết hợp với một hoặc nhiều kiểu cài đặt sau, như được hiển thị bằng biểu tượng chế độ đèn nháy:

- AUTO (TỰ ĐỘNG) (đèn nháy tự động): Khi ánh sáng yếu hay đối tượng chụp bị ngược sáng, đèn nháy tự động bật lên khi nút nhả cửa trập nhấn nửa chừng và bật sáng theo yêu cầu.
- (tắt): Đèn nháy không bật ngay cả khi ánh sáng yếu hoặc đối tượng chụp bị ngược sáng.
- SLOW (CHÂM) (đổng bộ chậm): Tốc độ cửa trập tự động chậm lại để bắt ánh sáng phía sau khi chụp đêm hoặc chụp ở chế độ thiếu ánh sáng. Sử dụng cả ánh sáng nền trong chụp chân dung.
- REAR (SAU) (đồng bộ màn phía sau): Đèn nháy bật sáng ngay trước khi cửa trập đóng, phát ra một luồng ánh sáng phía sau các nguồn sáng di động (phía dưới bên phải). Nếu biểu tượng này không hiển thị, đèn nháy sẽ bật khi cửa trập mở (đồng bộ màn trước, hiệu quả của việc này đối với các nguồn sáng di động sẽ được trình bày phía dưới bên trái).



Đồng bộ màn trước

🖉 Chọn Chế Độ Đèn Nháy

Chế độ đèn nháy cũng có thể được chọn bằng cách nhấn nút **\$ (BE)** và xoay đĩa lệnh (ở các chế độ **P, S, A** và M, nâng đèn nháy lên trước khi sử dụng nút **\$ (BE**) để chọn chế độ đèn nháy).



Đồng bộ màn phía sau

🖉 Đèn Nháy Gắn Sẵn

Để biết thông tin về thấu kính có thể được sử dụng cùng với đèn nháy gắn sẵn, xem trang 170. Gỡ nắp thấu kính để tránh các phần bóng. Đèn nháy có phạm vi tối thiểu 0,6 m và không thể được sử dụng trong phạm vi cận cảnh của thấu kính thu phóng có chức năng chụp cận cảnh.

Nút nhả cửa trập có thể bị vô hiệu hóa trong thời gian ngắn để bảo vệ đèn nháy sau khi nó được sử dụng để chụp các bức ảnh liên tiếp. Đèn nháy có thể tiếp tục sử dụng sau một khoảng dừng ngắn.

🖉 Tốc Độ Cửa Trập Sẵn Có đối với Đèn Nháy Gắn Sẵn

Tốc độ cửa trập bị hạn chế ở các phạm vi sau đây khi sử dụng đèn nháy gắn sẵn:

Chế độ	Tốc độ cửa trập	Chế độ	Tốc độ cửa trập
📸, 🗟, 🏶, P, A	¹ /200– ¹ /60 giây	S	¹ /200-30 giây
Ĩ	¹ /200– ¹ /30 giây	М	¹ / ₂₀₀ –30 giây, Bóng đèn
Ľ	¹ /200-1 giây		

Tốc độ cửa trập chậm ở mức 30 giây sẵn có trong các chế độ đồng bộ chậm, màn phía sau + đồng bộ chậm, và đồng bộ chậm + giảm mắt đỏ.

🖉 Độ Mở Ống Kính, Độ Nhạy và Phạm Vi Đèn Nháy

Phạm vi đèn nháy khác với độ nhạy (ISO tương đương) và độ mở ống kính.

Độ mở ống kính ở ISO tương đương						Phạm vi tương đối	
100	200	400	800	1600	3200	6400	m
1.4	2	2.8	4	5.6	8	11	1,0–8,5
2	2.8	4	5.6	8	11	16	0,7–6,0
2.8	4	5.6	8	11	16	22	0,6–4,2
4	5.6	8	11	16	22	32	0,6–3,0
5.6	8	11	16	22	32	_	0,6–2,1
8	11	16	22	32	—	-	0,6–1,5
11	16	22	32	—	—	-	0,6–1,1
16	22	32	—	—	—	—	0,6–0,7

Độ nhạy ISO

"Độ nhạy ISO" tương đương về mặt kỹ thuật số với tốc độ phim. Độ nhạy ISO càng cao, càng cần ít ánh sáng để phơi sáng, cho phép tốc độ cửa trập cao hơn hoặc độ mở ống kính nhỏ hơn, nhưng có nhiều khả năng hình ảnh sẽ bị ảnh hưởng bởi nhiễu (các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù hoặc đường thẳng; nhiễu đặc biệt có thể xảy ra ở cài đặt Hi 1, tương đương với ISO 12800) nhiều hơn. Việc chọn **Auto** (Tự Động) cho phép máy ảnh tự động đặt độ nhạy ISO để đáp ứng các điều kiện chiếu sáng.

Chế độ Độ nhạy ISO			
auto , 🟵	Auto (Tự Động)		
P, S, A, M	100–6400 theo các bước 1 EV; Hi 1		
Other shooting modes (Các chế độ chụp khác)	Auto (Tự Động); 100–6400 theo các bước 1 EV; Hi 1		

1	Đặt con trỏ trên màn hình hiển thị thông tin	•		
	Nếu thông tin chụp không được hiển thị trên màn		(VENJ)	P SIGN S NORM
	hình, nhấn nút 🕀. Nhấn nút 🕀 lần nữa để đặt		9	
	con trỏ trên màn hình hiến thị thông tin.		?	1/125 F5.6
				AF-A
				\$ 52 0.0 5≥ 0.0 5€



Nút 🗗

3 Chọn độ nhạy ISO.

Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn ®. Để trở về chế độ chụp, nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng.



CD Set

Hiển thị thông tin

522 0.0 523 0.0

[517]

🖉 TỰ ĐỘNG

Nếu đĩa lệnh chế độ được xoay sang P, S, A hoặc M sau khi Auto (Tự Động) được chọn cho độ nhạy ISO ở chế độ khác thì độ nhạy ISO được chọn gần nhất ở chế độ P, S, A hoặc M sẽ được khôi phục. Lưu ý rằng nếu người sử dụng chọn độ nhạy ISO cao hơn giá trị được chọn cho tùy chọn ISO sensitivity settings (Cài đặt độ nhạy ISO) > Auto ISO sensitivity control (Điều khiển độ nhạy ISO) tự động) > Maximum sensitivity (Độ nhạy tối đa) trong menu chụp, giá trị được chọn cho Maximum sensitivity (Độ nhạy tối đa) (D 129) sẽ được sử dụng thay vào đó.

🥖 Menu Chụp

Cũng có thể điều chỉnh cỡ độ nhạy ISO cách sử dụng tùy chọn **ISO sensitivity settings** (Cài đặt độ nhạy ISO) trong menu chụp (🎞 127).

	SHOOTING MENU	
	Reset shooting menu	
•	Set Picture Control	⊠SD
	Image quality	NORM
	lmage size	
	White balance	AUTO
	ISO sensitivity settings	-
	Active D-Lighting	ON
?	Auto distortion control	0FF

🖉 Xem Thêm

Để biết thông tin về việc bật kích hoạt điều khiển độ nhạy ISO tự động ở chế độ **P**, **S, A** hoặc **M**, xem trang 129. Để biết thông tin về sử dụng tùy chọn **Noise reduction** (Giảm nhiễu) trong menu chụp để giảm nhiễu ở độ nhạy ISO cao, xem trang 131. Để biết thông tin về cách sử dụng nút **Fn** và đĩa lệnh để chọn độ nhạy ISO, xem trang 143.

Các Chế Độ P, S, A, và M

Tốc Độ Cửa Trập và Độ Mở Ống Kính

Các chế độ P, S, A và M đưa ra mức độ kiểm soát khác nhau đối với tốc độ cửa trập và độ mở ống kính:



	Chế độ	Mô tả
P	Tự động được lập trình (🎞 54)	Máy ảnh đặt tốc độ cửa trập và độ mở ống kính cho phơi sáng tối ưu. Được dùng cho những ảnh chụp nhanh hoặc trong các tình huống có rất ít thời gian để điều chỉnh cài đặt máy ảnh.
S	Tự động ưu tiên cửa trập (따 55)	Người dùng chọn tốc độ cửa trập; máy ảnh sẽ chọn độ mở ống kính để có kết quả tốt nhất. Sử dụng cho đóng băng hoặc chuyển động che mờ.
A	Tự động ưu tiên độ mở ống kính (ᄗ 56)	Người dùng chọn độ mở ống kính; máy ảnh sẽ chọn tốc độ cửa trập để có kết quả tốt nhất. Sử dụng để làm mờ nền hoặc lấy nét cả nền trước và nền sau.
М	Bằng tay (🕮 57)	Người dùng kiểm soát cả tốc độ cửa trập và độ mở ống kính. Đặt tốc độ cửa trập thành "Bóng Đèn" hoặc "Thời Gian" cho phơi sáng thời gian dài.

Y Vòng Độ Mở Ống Kính Thấu Kính

Khi sử dụng thấu kính CPU được trang bị một vòng độ mở ống kính (ഥ 168), khóa vòng độ mở ống kính ở độ mở ống kính tối thiểu (số f là cao nhất). Loại thấu kính G không được trang bị với vòng độ mở ống kính.

🖉 Tốc Độ Cửa Trập và Độ Mở Ống Kính

Phơi sáng tương tự có thể đạt được với những kết hợp khác nhau giữa tốc độ cửa trập và độ mở ống kính. Tốc độ cửa trập nhanh và độ mở ống kính lớn sẽ đóng băng các vật thể chuyển động và làm mềm các chi tiết nền, trong khi tốc độ cửa trập chậm và độ mở ống kính nhỏ sẽ che mờ các vật thể chuyển động và làm nổi bật các chi tiết nền.



<u>Chế Độ P (Tự Động Được Lập Trình)</u>

Ở chế độ này, máy ảnh sẽ tự động điều chỉnh tốc độ cửa trập và độ mở ống kính cho phơi sáng tối ưu trong hầu hết các trường hợp. Chế độ này được khuyến nghị dùng cho ảnh chụp nhanh và các tình huống khác mà bạn muốn để máy ảnh sạc ở tốc độ cửa trập và độ mở ống kính. Để bức ảnh trong chế độ tự động được lập trình:





2 Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.

🖉 Chương Trình Linh Động

Ở chế độ P, có thể chọn các kết hợp khác nhau giữa tốc độ cửa trập và độ mở ống kính bằng cách xoay đĩa lệnh ("chương trình linh động"). Xoay đĩa lệnh về bên phải để lấy độ mở ống kính lớn (số f thấp) sẽ làm che mờ các chi tiết nền, hoặc tốc độ cửa trập nhanh sẽ "đóng băng" chuyển động. Xoay đĩa lệnh sang bên trái để lấy độ mở ống kính nhỏ (số f cao) để tăng độ sâu của trường, hoặc tốc độ cửa trập chậm sẽ làm che mờ chuyển động. Tất cả các kết hợp đều tao ra độ phơi sáng giống nhau. Trong khi chương



trình linh động đang hoạt động, chỉ báo 🖥 🖭 xuất hiện trên kính ngắm và màn hình hiển thị thông tin. Để khôi phục lại cài đặt tốc độ cửa trập và độ mở ống kính mặc định, xoay đĩa lệnh đến khi không hiển thị chỉ báo, chọn chế độ khác hoặc tắt máy ảnh.

<u>Chế Độ S (Tự Động Ưu Tiên Cửa Trập)</u>

Trong chế độ tự động ưu tiên cửa trập, bạn chọn tốc độ cửa trập và máy ảnh sẽ tự động chọn độ mở ống kính để tạo ra phơi sáng tối ưu. Sử dụng tốc độ cửa trập chậm để gợi chuyển động bằng cách làm mờ các đối tượng chuyển động, tốc độ cửa trập nhanh để "đóng băng" chuyển động.



Tốc độ cửa trập nhanh (1/1.600 giây)



Tốc độ cửa trập chậm (1 giây)

[125]F5.6

Để chụp ảnh trong chế độ tự động ưu tiên cửa trập:



Đĩa lênh

3 Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.

<u>Chế Độ A (Tự Động Ưu Tiên Độ Mở Ống Kính)</u>

Trong chế độ tự động ưu tiên độ mở ống kính, chọn độ mở ống kính trong khi máy ảnh tự động chọn tốc độ cửa trập để cho độ phơi sáng tối ưu. Độ mở ống kính lớn (số f thấp) làm giảm độ sâu của trường, làm mờ các đối tượng phía sau và phía trước của đối tượng chính. Độ mở ống kính nhỏ (số f cao) làm tăng độ sâu của trường, làm rõ các chi tiết nền sau và nền trước. Độ sâu của trường ngắn thường được dùng trong dạng chân dung để che mờ các chi tiết nền, độ sâu của trường dài thường được dùng trong ảnh phong cảnh để lấy nét nền trước và nền sau.



Độ mở ống kính lớn (f/5.6)



Độ mở ống kính nhỏ (f/22)

Để chụp ảnh trong chế độ tự động ưu tiên độ mở ống kính:



Xoay đĩa lệnh chế độ sang A.



2 Chọn độ mở ống kính. Độ mở ống kính được hiện ra trên kính ngắm và màn hình hiển thị thông tin. Xoay đĩa lệnh để

màn hình hiển thị thông tin. Xoay đĩa lệnh để chọn độ mở ống kính mong muốn từ các giá trị từ tối thiểu đến tối đa cho thấu kính.



3 Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.
<u>Chế Độ M (Bằng tay)</u>

Trong chế độ phơi sáng bằng tay, bạn điều khiển cả tốc độ cửa trập và độ mở ống kính. Để chụp ảnh ở chế độ phơi sáng bằng tay:

1 Xoay đĩa lệnh chế độ sang M.



2 Chọn độ mở ống kính và tốc độ cửa trập.

Kiểm tra chỉ báo phơi sáng (xem bên dưới), điều chỉnh tốc độ cửa trập và độ mở ống kính. Tốc độ cửa trập được chọn bằng cách xoay đĩa lệnh: chọn từ các giá trị từ 30 giây đến ¹/4.000</sup> giây hoặc chọn "Bulb" (Bóng Đèn) hoặc "Time" (Thời Gian) để giữ cửa trập mở vô hạn định cho phơi sáng thời gian dài (□ 58). Độ mở ống kính được chọn bằng cách nhấn nút 🖾 (֎) và xoay đĩa lệnh: chọn từ các giá trị từ tối thiểu đến tối đa cho thấu kính. Tốc độ cửa trập và độ mở ống kính được hiện ra trên kính ngắm và màn hình hiển thị thông tin.



3 Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.

🦉 Chỉ Báo Phơi Sáng

Nếu thấu kính CPU được gắn vào và chọn tốc độ cửa trập khác với "Bulb" (Bóng Đèn) hoặc "Time" (Thời Gian), chỉ báo phơi sáng trên kính ngắm và màn hình hiển thị thông tin cho biết ảnh sẽ được phơi sáng quá ít hay quá nhiều tại các cài đặt hiện tại (hình minh họa bên dưới cho thấy màn hình hiển thị trên kính ngắm). Nếu vượt quá giới hạn của đo phơi sáng, màn hình hiển thị sẽ nhấp nháy.

Phơi sáng tối ưu	Thiếu phơi sáng khoảng 1/3 EV	Phơi sáng quá mức hơn 2 EV
º . +	0 . +	- 0 + · Inini►

💵 Phơi Sáng Thời Gian Dài (Chỉ Chế Độ M)

Chọn các tốc độ cửa trập sau cho phơi sáng thời gian dài của ánh sáng di chuyển, các ngôi sao, phong cảnh ban đêm, hoặc pháo hoa.

- Bóng đèn (ይሬ ¿ ʰ): Cửa trập vẫn mở trong khi nút nhả cửa trập được nhấn. Để tránh che mờ, hãy dùng giá ba chân hoặc dây chụp từ xa MC-DC2 tùy chọn (印 177).

1 Chuẩn bị sẵn sàng máy ảnh.

Gắn máy ảnh trên giá ba chân hoặc đặt trên một mặt phẳng, ổn định. Để ngăn ánh sáng vào qua kính ngắm khỏi gây nhiễu phơi sáng, tháo hốc mắt cao su và đạy nắp kính ngắm bằng nắp thị kính DK-5 được cung cấp (^{CL} 34). Để tránh mất nguồn trước khi hoàn tất phơi sáng, sử dụng pin EN-EL14 đã sạc đầy hoặc bộ đổi điện AC EH-5b và đầu nối nguồn EP-5A. Lưu ý rằng nhiễu (các điểm sáng, điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên hoặc sương mù) có thể xuất hiện trong phơi sáng lâu; trước khi chụp, chọn **On** (Bật) cho **Noise reduction** (Giảm nhiễu) trong menu chụp (^{CL} 131).

2 Xoay đĩa lệnh chế độ sang M.

3 Chọn tốc độ cửa trập.



Đĩa lênh chế độ



Thời gian phơi sáng: 35 giây Độ mở ống kính: f/25

4 Mở cửa trập.

Bóng đèn: Sau khi lấy nét, nhấn nút nhả cửa trập ở máy ảnh hoặc dây chụp từ xa tùy chọn theo cách tương tự. Giữ nút nhả cửa trập cho tới khi kết thúc phơi sáng.

Thời gian: Nhấn hết cỡ nút nhả cửa trập ML-L3.

5 Đóng cửa trập.

Bóng đèn: Nhả tay nút nhả cửa trập.

Thời gian: Nhấn hết cỡ nút nhả cửa trập ML-L3. Việc chụp tự động kết thúc sau ba mươi phút.

Phơi sáng

Đo sáng

Chọn cách máy ảnh đặt phơi sáng trong chế độ **P, S, A** và **M** (ở các chế độ khác, máy ảnh lựa chọn phương pháp đo sáng tự động).

	Phương pháp	Mô tả
Ø	Matrix metering (Đo sáng ma trận)	Tạo ra các kết quả tự nhiên trong hầu hết các tình huống. Máy ảnh sử dụng cảm biến RGB 420 điểm ảnh để đo sáng một khu vực rộng của khuôn hình và đặt phơi sáng theo phân phối tông màu, sáng tác và với loại thấu kính G hoặc D (ഥ 168), thông tin khoảng cách (đo sáng ma trận màu 3D II; với các thấu kính CPU khác, máy ảnh sử dụng đo sáng ma trận màu II, không bao gồm thông tin khoảng cách 3D).
0	Center-weighted metering (Đo sáng cân bằng trung tâm)	Máy ảnh đo sáng toàn bộ khuôn hình nhưng chú trọng nhiều nhất vào khu vực trung tâm. Đo sáng cổ điển cho chân dung; khuyên dùng khi sử dụng các bộ lọc có yếu tố phơi sáng (yếu tố lọc) hơn 1×.
·	Spot metering (Đo sáng điểm)	Máy ảnh đo sáng điểm lấy nét hiện tại; sử dụng để đo sáng các đối tượng ngoài trung tâm (nếu chọn III) Auto-area AF (AF vùng tự động) cho chế độ vùng AF trong khi chụp ảnh bằng kính ngắm như được mô tả trên trang 38, máy ảnh sẽ đo sáng điểm lấy nét trung tâm). Đảm bảo đối tượng được phơi sáng chính xác, ngay cả khi nền sáng hơn hay tối hơn.

1 Đặt con trỏ trên màn hình hiển thị thông tin.

Nếu thông tin chụp không được hiển thị trên màn hình, nhấn nút **Đ**. Nhấn nút **Đ** lần nữa để đặt con trỏ trên màn hình hiển thị thông tin.



2 Hiển thị tùy chọn đo sáng.

Làm nổi bật phương pháp đo sáng hiện tại trên màn hình hiển thị thông tin và nhấn 🐵.



3 Chọn phương pháp đo sáng.

Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn ®. Để trở về chế độ chụp, nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng.



<u>Khóa Tự Động Phơi Sáng</u>

Sử dụng khóa tự động phơi sáng để sáng tác lại ảnh sau khi sử dụng 🖲 (**Center-weighted metering** (Đo sáng ưu tiên trung tâm)) và 🖸 (**Spot metering** (Đo sáng điểm)) để đo phơi sáng; lưu ý rằng khóa tự động phơi sáng không sẵn có ở chế độ 🃅 hoặc 🏵.

1 Đo phơi sáng.

Định vị đối tượng ở trung tâm khuôn hình (đo sáng ưu tiên trung tâm) hoặc điểm lấy nét được chọn (đo sáng điểm) và nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để cài đặt lấy nét và đo phơi sáng. Kiểm tra chỉ báo đã được lấy nét (●) xuất hiện trong kính ngắm.



2 Khóa phơi sáng.

Với nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng (①) và đối tượng được định vị tại điểm lấy nét, nhấn nút 結 (**O**n) (②) để khóa phơi sáng.

Khóa Tự Động Phơi Sáng Nếu chọn On (Bật) cho Buttons (Nút) > Shutter-release button AE-L (Nút nhả cửa trập AE-L) trong menu cài đặt (□ 144), phơi sáng sẽ khóa khi nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng. Để biết thông tin về cách thay đổi vai trò của nút 壯 (O¬n), xem Buttons (Nút) > Assign AE-L/AF-L button (Gán nút AE-L/AF-L).

Trong khi khóa phơi sáng đang được bật, chỉ báo **AE-L** sẽ xuất hiện trong kính ngắm.

Nút nhả cửa trập



Nút ♣L (**O−−**)

(●AEL) 12:5 F5.6

3 Chỉnh lại ảnh.

Giữ nhấn nút 壯 (🖛) để chỉnh lại ảnh và chụp.



🖉 Menu Chụp

Việc đo sáng cổ thể được điều chỉnh bằng cách sử dụng tùy chọn **Metering** (Đo sáng) trong menu chụp (🎞 127).



🖉 Điều Chỉnh Tốc Độ Cửa Chập và Độ Mở Ống Kính

Trong khi khóa phơi sáng được bật, có thể điều chỉnh các cài đặt sau đây mà không làm thay đổi giá trị đo phơi sáng:

Chế độ	Cài đặt
Tự động được lập trình	Tốc độ cửa trập và độ mở ống kính (chương trình linh động; 🕮 54)
Tự động ưu tiên cửa trập	Tốc độ cửa trập
Tự động ưu tiên độ mở ống kính	Độ mở ống kính

Không thể thay đổi phương pháp đo sáng trong khi khóa phơi sáng được bật.

<u>Bù Phơi Sáng</u>

Bù phơi sáng được sử dụng để thay đổi phơi sáng từ giá trị máy ảnh đưa ra, làm ảnh sáng hơn hoặc tối hơn. Điều này hiệu quả nhất khi được sử dụng với (ⓐ) (Center-weighted metering (Đo sáng ưu tiên trung tâm)) hoặc ⊡ (Spot metering (Đo sáng điểm)) (□ 60). Chọn từ các giá trị giữa –5 EV (thiếu phơi sáng) và +5 EV (phơi sáng quá mức) với gia số là ¹/₃ EV. Nhìn chung, giá trị dương làm đối tượng sáng hơn trong khi giá trị âm làm đối tượng tối hơn.







đ





2 Hiển thị các tùy chọn bù phơi sáng. Làm nổi bật bù phơi sáng trên màn hình hiển thị thông tin và nhấn ⊛.

Exposure compensation WATCO CERTIFICATION CERTIF

3 Chọn giá trị.

Làm nổi bật một giá trị và nhấn ®. Để trở về chế độ chụp, nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng.



Có thể khôi phục phơi sáng bình thường bằng đặt bù phơi sáng về ± 0 . Bù phơi sáng không được đặt lại khi máy ảnh tắt.



Trong chế độ **M**, bù phơi sáng chỉ ảnh hưởng đến chỉ báo phơi sáng; tốc độ cửa trập và độ mở ống kính không thay đổi.

🖉 Sử Dụng Đèn Nháy

Khi đèn nháy được sử dụng, bù phơi sáng ảnh hưởng cả phơi sáng nền và mức đèn nháy.

<u>Bù Đèn Nháy</u>

Bù đèn nháy được sử dụng để thay đổi công suất đèn nháy từ mức được máy ảnh đề nghị, thay đổi độ sáng đối tượng chính tương xứng với nền. Chọn từ giá trị từ –3 EV (tối hơn) đến +1 EV (sáng hơn) với gia số ¹/₃ EV; nhìn chung, các giá trị dương làm cho đối tượng sáng hơn trong khi các giá trị âm làm cho đối tượng tối hơn.



Có thể khôi phục công suất đèn nháy bằng cách cài đặt bù đèn nháy về ± 0 . Bù đèn nháy không được cài đặt lại khi máy ảnh tắt.



Bù đèn nháy cũng sẵn có với các bộ đèn nháy tùy chọn hỗ trợ Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Tạo Nikon (CLS; xem trang 173). SB-910, SB-900, SB-800, SB-700 và SB-600 cũng cho phép đặt bù đèn nháy bằng cách sử dụng các nút điều khiển trên bộ đèn nháy. Bù đèn nháy được chọn với bộ đèn nháy tùy chọn được thêm vào bù đèn nháy được chọn với máy ảnh.

Giữ Chi Tiết trong Phần Tô Sáng và Phần Bóng

D-Lighting hoạt động

Khi chọn **On** (Bật), máy ảnh tự động điều chỉnh D-Lighting Hoạt Động trong khi chụp để giữ chi tiết trong phần tô sáng và phần bóng, tạo ra các bức ảnh với độ tương phản tự nhiên. Sử dụng cho những cảnh có độ tương phản cao, ví dụ như khi chụp cảnh sáng ngoài trời qua cánh cửa hay cửa sổ, hoặc chụp các đối tượng bóng mờ vào một ngày nắng. Hiệu quả nhất khi dùng với chế độ 🖾 **Matrix metering** (Đo sáng ma trận) (🎞 60).



D-Lighting Hoạt Động: Off (Tắt)



D-Lighting Hoạt Động: On (Bật)

Hiển thị các tùy chọn D-Lighting Hoạt Động.

Nhấn nút **MENU** để hiển thị menu. Làm nổi bật **Active D-Lighting** (D-Lighting hoạt động) trong menu chụp và nhấn ►.



2 Chọn một tùy chọn.

Làm nổi bật **On** (Bật) hoặc **Off** (Tắt) và nhấn [®]. Để trở về chế độ chụp, nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng.



V D-Lighting hoạt động

Nhiễu (các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù, hoặc đường thẳng) có thể xuất hiện trong các bức ảnh chụp với D-Lighting Hoạt Động. Một số đối tượng có thể độ bóng không đồng đều. Không thể sử dụng D-Lighting Hoạt Động ở độ nhạy ISO Hi 1.

🖉 "Active D-Lighting (D-Lighting Hoạt Động)" So Với "D-Lighting"

Tùy chọn **Active D-Lighting** (D-Lighting hoạt động) trong menu chụp sẽ điều chỉnh phơi sáng trước khi chụp để tối đa hóa dải tương phản, trong khi đó, tùy chọn **D-Lighting** trong menu sửa lại (따 151) làm tối ưu hóa dải tương phản của ảnh sau khi chụp.

🥖 Xem Thêm

Để biết thông tin về cách sử dụng nút **Fn** và đĩa lệnh để bật và tắt D-Lighting Hoạt Động, xem trang 143.

Cân Bằng Trắng

Cân bằng trắng đảm bảo các màu không bị ảnh hưởng bởi màu sắc của nguồn ánh sáng. Tự động cân bằng trắng được khuyến khích cho hầu hết các nguồn sáng; ở các chế độ P. S. A và M nếu cần có thể chon các giá tri khác theo loai nguồn sáng:

	Tùy chọn	Mô tả
AUTO	Auto (Tự động)	Điều chỉnh cân bằng trắng tự động. Khuyên dùng trong hầu hết các tình huống.
棠	Incandescent (Sáng chói)	Sử dụng dưới chiếu sáng sáng chói.
	Fluorescent (Huỳnh quang)	Sử dụng với nguồn sáng được liệt kê trên trang 70.
☀	Direct sunlight (Ánh sáng mặt trời trực tiếp)	Sử dụng với các đối tượng chiếu sáng bởi ánh sáng mặt trời trực tiếp.
4	Flash (Đèn nháy)	Sử dụng với đèn nháy.
2	Cloudy (Mây)	Sử dụng ánh sáng ban ngày dưới bầu trời u ám.
\$.	Shade (Bóng râm)	Sử dụng ánh sáng ban ngày với các đối tượng trong bóng râm.
PRE	Preset manual (Cài đặt trước bằng tay)	Đo cân bằng trắng hoặc sao chép cân bằng trắng từ ảnh hiện có (따 72).

1 Đặt con trỏ trên màn hình hiển thị thông tin.

Nếu thông tin chup không được hiển thi trên màn hình, nhấn nút 🚯. Nhấn nút 🚯 lần nữa để đăt con trỏ trên màn hình hiển thi thông tin.





2 Hiển thị các tùy chọn cân bằng trắng. White balance Làm nổi bật cài đặt cân bằng trắng hiện tại trên màn hình hiển thị thông tin và nhấn 🛞. EE 00 **3** Chọn một tùy chọn cân bằng trắng. White balance ol-white fluorescent Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn 🛞. Để trở về chế độ AUTO chụp, nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng.



n

🖉 Menu Chụp

Có thể chọn cân bằng trắng cũng bằng cách sử dụng tùy chọn **White balance** (Cân bằng trắng) trong menu chụp (口 127), cũng có thể được sử dụng để dò tinh chỉnh cân bằng trắng (口 71) hoặc đo một giá trị cài đặt trước cho cân bằng trắng (口 72).

Tùy chọn **∰ Fluorescent** (Huỳnh quang) trong menu **White balance** (Cân bằng trắng) có thể được sử dụng để chọn nguồn sáng từ các loại bóng đèn được hiện ra bên phải.

	SHOOTING MENU	
Þ	Reset shooting menu	
	Set Picture Control	⊡SD
۲	Image quality	NORM
	Image size	
	White balance	AUTO
	ISO sensitivity settings	
	Active D-Lighting	ON
?	Auto distortion control	0FF
	Fluorescent	
	第1 Sodium-vapor lamps	
9	₩2 Warm-white fluorescent	
	湍 3 White fluorescent	
	業4 Cool-white fluorescent	OK
	第5 Day white fluorescent	
	滞6 Daylight fluorescent	
	業7 High temp- mercury-vapor	

🖉 Nhiệt Độ Màu

Màu nhận được của một nguồn sáng khác nhau với người xem và các điều kiện khác. Nhiệt độ màu là cách đo khách quan của màu nguồn sáng, được quy định tham chiếu đến nhiệt độ mà một đối tượng được đun nóng để tỏa ra ánh sáng trong các bước sóng tương tự. Trong khi các nguồn sáng với nhiệt độ màu ở khoảng 5.000–5.500 K xuất hiện màu trắng, nguồn ánh sáng với nhiệt độ màu thấp hơn, chẳng hạn như bóng đèn sáng chói, xuất hiện hơi vàng hoặc đỏ. Các nguồn ánh sáng với nhiệt độ màu cao hơn xuất hiện nhuốm màu xanh. Các tùy chọn cân bằng trắng máy ảnh được thích ứng với các nhiệt độ màu cao hơn xuất hiện nhuốm màu xanh.

- 🗮 (sodium-vapor lamps) (đèn khí natri): 2.700 K
- ◆ (incandescent) (sáng chói)/ ※ (warm-white fluorescent) (huỳnh quang trắng ấm): 3.000 K
- m (white fluorescent) (huỳnh quang trắng):
 3.700 K
- ※ (cool-white fluorescent) (cân bằng trắng huỳnh quang): 4.200 K
- ※ (direct sunlight) (ánh sáng mặt trời trực tiếp): 5.200 K
- 🗲 (flash) (đèn nháy): 5.400 K
- 📤 (cloudy) (mây): 6.000 K
- (high temp. mercury-vapor) (đèn khí thủy ngân nhiệt độ cao): 7.200 K
- ♠ (shade) (bóng râm): 8.000 K

🖉 Nút Fn

Để biết thông tin về cách sử dụng nút **Fn** và đĩa lệnh để chọn tùy chọn cân bằng trắng, xem trang 143.

<u> Dò Tinh Chỉnh Cân Bằng Trắng</u>

Cân bằng trắng có thể được "dò tinh chỉnh" để bù cho sai khác trong màu của nguồn sáng hoặc để tạo ra đổ màu chủ ý cho ảnh. Cân bằng trắng được dò tinh chỉnh bằng cách sử dụng tùy chọn **White balance** (Cân bằng trắng) trong menu chụp.

Hiển thị các tùy chọn cân bằng trắng. Để hiển thị các menu, nhấn nút MENU. Làm nổi bật White balance (Cân bằng trắng) trong menu chụp và nhấn ► để hiển thị tùy chọn cân bằng trắng.

2 Chon môt tùy chọn cân bằng trắng.







Toa đô

đ

Điều chỉnh

Làm nổi bật tùy chọn khác Preset manual (Thiết lập sẵn bằng tay) và nhấn ► (Nếu chọn Fluorescent (Huỳnh quang), làm nổi bật loại chiếu sáng và nhấn ►). Các tùy chọn tinh chỉnh sẽ được hiển thị ở bên phải. Dò tinh chỉnh không sẵn có với cân bằng trắng Preset manual (Thiết lập sẵn bằng tay).
3 Dà tinh chỉnh cân kằng trắng Trang

3 Dò tinh chỉnh cân bằng trắng. Sử dụng đa bộ chọn để dò tinh chỉnh cân bằng trắng.



🖉 Dò Tinh Chỉnh Cân Bằng Trắng

Các màu sắc trên trục tinh chỉnh chỉ là tương đối, không phải tuyệt đối. Ví dụ, việc di chuyển con trỏ đến **B** (xanh da trời) khi cài đặt "ấm" như 条 (sáng chói) được chọn sẽ làm cho hình ảnh hơi "lạnh hơn" nhưng sẽ không thực sự làm ảnh có màu xanh da trời.





<u>Cài đặt trước bằng tay</u>

Cài đặt trước bằng tay được sử dụng để ghi lại và gọi lại các cài đặt cân bằng trắng tùy chọn để chụp dưới ánh sáng hỗn hợp hoặc để bù cho các nguồn sáng ám màu mạnh. Có hai phương pháp để thiết lập cân bằng trắng cài đặt trước:

Phương pháp	Mô tả
Measure (Đo)	Màu xám trung tính hoặc màu trắng được đặt dưới ánh sáng sẽ được sử dụng trong ảnh cuối cùng và cân bằng trắng được máy ảnh đo (xem dưới đây).
Use photo (Sử dụng ảnh)	Cân bằng trắng được sao chép từ ảnh trên thẻ nhớ (🎞 75).

💵 Đo Giá Trị Cho Cân Bằng Trắng Cài Đặt Trước

1 Chiếu sáng đối tượng tham chiếu.

Đặt đối tượng màu trung tính hay đối tượng trắng dưới ánh sáng sẽ được sử dụng trong bức ảnh cuối cùng.

2 Hiển thị các tùy chọn cân bằng trắng.

Để hiển thị các menu, nhấn nút **MENU**. Làm nổi bật **White balance** (Cân bằng trắng) trong menu chụp và nhấn ▶ để hiển thị tùy chọn cân bằng trắng. Làm nổi bật **Preset manual** (Cài đặt trước bằng tay) và nhấn ▶.



Nút MENU

3 Chọn Measure (Đo).

Làm nổi bật **Measure** (Đo) và nhấn ▶. Menu như bên phải sẽ xuất hiện; làm nổi bật **Yes** (Có) và nhấn [®].



Overwrite existing

preset data?

Yes



Thông báo được hiện ra bên phải sẽ được hiển thị trước khi máy ảnh vào chế độ đo thiết lập sẵn.

Khi máy ảnh đã sẵn sàng để đo cân bằng trắng, nhấp nháy 🏞 🗲 (PRE) sẽ xuất hiện trên kính ngắm và màn hình hiển thị thông tin.

4 Đo cân bằng trắng.

Trước khi các chỉ báo ngừng nháy, tạo khuôn hình đối tượng tham chiếu để nó lấp đầy kính ngắm và nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ. Bức ảnh sẽ không được ghi lại; có thể đo cân bằng trắng chính xác ngay cả khi máy ảnh không lấy nét.

5 Kiểm tra kết quả.

Nếu máy ảnh có thể đo giá trị cho cân bằng trắng, thông báo được hiện ra bên phải sẽ được hiển thị và **L** sẽ nhấp nháy trên kính ngắm trong khoảng tám giây trước khi máy ảnh trở về chế độ chụp. Để trở về chế độ chụp ngay lập tức, nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng.

Nếu ánh sáng quá tối hoặc quá sáng, máy ảnh có thể không đo được cân bằng trắng. Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình hiển thị thông tin và nhấp nháy **ng ũd** sẽ xuất hiện trên kính ngắm trong khoảng tám giây. Trở lại Bước 4 và đo cân bằng trắng lần nữa.





đ

Đo Cân Bằng Trắng Thiết Lập Sẵn

Nếu không thực hiện hoạt động nào trong khi màn hình hiển thị nhấp nháy, chế độ đo trực tiếp sẽ kết thúc trong khoảng thời gian được chọn cho tùy chọn **Auto off timers** (Tự động hẹn giờ tắt) trong menu cài đặt (🎞 140). Cài đặt mặc định là tám giây.

🔽 Cân Bằng Trắng Thiết Lập Sẵn

Máy ảnh chỉ có thể lưu trữ một giá trị cho cân bằng trắng thiết lập sẵn tại một thời điểm; giá trị hiện có sẽ được thay thế khi đo được giá trị mới. Lưu ý rằng phơi sáng tự động tăng 1EV khi đo cân bằng trắng; khi chụp trong chế độ **M** điều chỉnh phơi sáng để chỉ báo phơi sáng hiển thị ±0 (🗆 57).

🖉 Các Phương Pháp Khác để Đo Cân Bằng Trắng Thiết Lập Sẵn

Để vào chế độ đo thiết lập sẵn (xem bên trên) sau khi chọn cần bằng trắng thiết lập sẵn trên màn hình hiển thị thông tin (따 69), nhấn ® trong vài giây. Nếu đã gán cân bằng trắng cho nút **Fn** (따 143) và cân bằng trắng thiết lập sẵn được chọn bằng cách nhấn nút **Fn** và xoay đĩa lệnh, máy ảnh cũng sẽ vào chế độ đo thiết lập sẵn nếu nhấn nút **Fn** trong vài giây.

🥖 Cài Đặt Studio

Trong các thiết lập phòng thu, có thể sử dụng một bảng màu xám chuẩn làm đối tượng tham chiếu khi đo cân bằng trắng cài đặt trước.

💵 Sao Chép Cân Bằng Trắng từ Ảnh

Tuân theo các bước bên dưới để sao chép giá trị cho cân bằng trắng từ ảnh trên thẻ nhớ.

1 Chọn Preset manual (Cài đặt trước bằng tay).

Để hiển thị các menu, nhấn nút MENU. Làm nổi bật White balance (Cân bằng trắng) trong menu chụp và nhấn ▶ để hiển thị tùy chọn cân bằng trắng. Làm nổi bật **Preset manual** (Cài đặt trước bằng tay) và nhấn ▶.



Nút MENU



Nhấn ® để đặt cân bằng trắng thiết lập sẵn thành giá trị cân bằng trắng cho ảnh được làm nổi bật.



đ

Picture Control

Hệ thống Picture Control duy nhất của Nikon có thể chia sẻ các thiết lập xử lý hình ảnh, bao gồm độ sắc nét, độ tương phản, độ sáng, độ bão hòa, và sắc thái giữa các thiết bị và phần mềm tương thích.

Chọn Picture Control

Máy ảnh cung cấp sáu Picture Control. Ở các chế độ **P**, **S**, **A** và **M**, bạn có thể chọn Picture Control theo đối tượng hoặc loại cảnh (ở các chế độ khác, máy ảnh sẽ tự động lựa chọn Picture Control).

	Tùy chọn	Mô tả
⊡SD	Standard (Tiêu chuẩn)	Xử lý tiêu chuẩn cho kết quả cân bằng. Khuyên dùng trong hầu hết các tình huống.
۳NL	Neutral (Trung tính)	Xử lý tối thiểu cho kết quả tự nhiên. Chọn bức ảnh mà bạn sẽ xử lý hoặc chỉnh sửa rộng rãi sau.
Œ۷I	Vivid (Sống động)	Hình ảnh được tăng cường hiệu ứng sống động, in ảnh. Chọn bức ảnh nhấn mạnh đến màu sắc cơ bản.
⊠MC	Monochrome (Đơn sắc)	Chụp ảnh đơn sắc.
ßPT	Portrait (Dạng dung)	Xử lý chân dung cho làn da với kết cấu tự nhiên và cảm giác tròn đầy.
۳LS	Landscape (Phong cảnh)	Tạo ra ảnh phong cảnh và cảnh quan thành phố sống động.

1 Hiển Thị Picture Control.

Để hiển thị các menu, nhấn nút MENU. Làm nổi bật Set Picture Control (Đặt Picture Control) trong menu chụp và nhấn ► để hiển thị danh sách Picture Control.



Nút MENU

2 Chọn một Picture Control.

Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn 🛞.



<u> Sửa Đổi Picture Control</u>

Có thể sửa đổi Picture Control để phù hợp với cảnh hoặc ý định sáng tạo của người dùng. Chọn kết hợp cân bằng các thiết lập bằng cách sử dụng **Quick adjust** (Điều chỉnh nhanh), hoặc điều chỉnh bằng tay các thiết lập cá nhân.





Nút MENL

2 Chọn Picture Control.

Làm nổi bật Picture Control mong muốn và nhấn ►.

Set Picture Control Set Distandard Set Dista

3 Điều chỉnh cài đặt.

4 Lưu thay đổi và thoát.

Nhấn 🙉.

Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật các thiết lập mong muốn và nhấn ◀ hoặc ► để chọn giá trị (□ 78). Lặp lại bước này cho đến khi tất cả các cài đặt được điều chỉnh, hoặc chọn **Quick adjust** (Điều chỉnh nhanh) để chọn kết hợp các thiết lập cài sẵn. Các cài đặt mặc định có thể được phục hồi bằng cách nhấn nút í.



	Vivid	
	Quick adjust	SHON ∢⊂≡Ω≣⊒>
Ŷ	r Sharpening	A 011119
eí.	Contrast	
	- Brightness	=0=
-	- Saturation	A = 0 +
	^L Hue	E O E
?	🔍 Grid f	Reset OXOK



Các sửa đổi Picture Control Gốc Các Picture Control được sửa đổi từ các cài đặt mặc định được chỉ báo bởi dấu hoa thị ("*").

⊡PT Portrait ⊡LS Landscape ©Grid ⊕Adjust

onochrome

n*

Cài Đặt Picture Control

Tùy chọn		Mô tả
Quick adjust (Điều chỉnh nhanh)		Chọn các tùy chọn giữa – 2 và + 2 để làm giảm hoặc tăng hiệu ứng của Picture Control đã chọn (lưu ý rằng việc này sẽ khôi phục lại tất cả các điều chỉnh bằng tay). Ví dụ, lựa chọn các giá trị dương cho Vivid (Sống động) để tạo hình ảnh sống động hơn. Không có với Picture Control Neutral (Trung tính) hoặc Monochrome (Đơn sắc).
Điều chỉnh bằng t (tất cả Picture Cont	Sharpening (Làm sắc nét)	Kiểm soát độ sắc nét của đường nét. Chọn A để điều chỉnh độ sắc nét tự động theo cảnh, hoặc chọn các giá trị trong khoảng 0 (không làm sắc nét) đến 9 (giá trị càng cao, độ sắc nét càng lớn).
	Contrast (Độ tương phản)	Chọn A để điều chỉnh độ tương phản tự động theo cảnh, hoặc chọn giá trị trong khoảng từ –3 đến +3 (chọn giá trị thấp hơn để tránh những nổi bật ở đối tượng chân dung khỏi bị "biến mất" do ánh nắng trực tiếp; giá trị cao hơn để giữ lại những chi tiết không rõ trong ảnh phong cảnh và các đối tượng có độ tương phản thấp khác).
ej y	Brightness (Độ sáng)	Chọn –1 để giảm độ sáng, +1 tăng độ sáng. Không ảnh hưởng đến phơi sáng.
Điều chỉnh bằng tay (chỉ không đơn sắc)	Saturation (Độ bão hòa)	Kiểm soát độ sống động của màu sắc. Chọn A để điều chỉnh độ bão hòa tự động theo cảnh, hoặc chọn các giá trị từ –3 đến +3 (giá trị thấp hơn làm giảm độ bão hòa, và giá trị cao hơn làm tăng độ bão hòa).
	Hue (Màu sắc)	Chọn các giá trị âm (tối thiểu là -3) để làm cho màu đỏ thành tím hơn, xanh da trời thành xanh lá cây hơn, và xanh lá cây thành vàng hơn; các giá trị dương (lên tới +3) làm màu đỏ thành cam hơn, xanh lá cây thành xanh da trời hơn, và xanh da trời thành tím hơn.
Điều chỉnh bằng tay (chỉ đơn sắc)	Filter effects (Hiệu ứng bộ lọc)	Mô phỏng hiệu ứng của các bộ lọc màu trên ảnh đơn sắc. Chọn từ Off (Tắt), vàng, cam, đỏ, và xanh lá cây (따 79).
	Toning(Tông màu)	Chọn màu được sử dụng trong các ảnh đơn sắc từ B&W (Đen và trắng), Sepia (Nâu đỏ), Cyanotype (Đơn sắc nhuốm xanh), Red (Đỏ), Yellow (Vàng), Green (Xanh lá cây), Blue Green (Xanh), Blue (Xanh da trời), Purple Blue (Xanh tía), Red Purple (Đỏ tía) (\square 79).

Khi nhấn nút ^Q ở Bước 3 sẽ hiển thị một lưới Picture Control hiển thị độ tương phản và độ bão hòa của Picture Control đã chọn liên quan đến Picture Control khác (tương phản chỉ được hiển thị khi chọn **Monochrome** (Đơn sắc). Nhả nút ^Q để trở lại menu Picture Control.

Các biểu tượng Picture Control sử dụng độ tương phản và độ bão hòa tự động được hiển thị bằng màu xanh lá cây trong lưới Picture Control, và các đường xuất hiện song song với trục của lưới.

🖉 Cài Đặt Trước Đó

Dòng dưới màn hình hiển thị giá trị trong menu cài đặt Picture Control cho thấy các giá trị cài đặt trước đó. Sử dụng phần này làm tham khảo khi điều chỉnh các thiết lập.

🖉 Filter Effects (Hiệu Ứng Bộ Lọc) (Chỉ Monochrome (Đơn Sắc))

Các tùy chọn trong menu này mô phỏng hiệu ứng của các bộ lọc màu sắc trên ảnh đơn sắc. Có các hiệu ứng bộ lọc sau đây:

1	ſùy chọn	Mô tả
Y	Vàng	Tăng độ tương phản. Có thể được sử dụng để giảm bớt độ sáng bầu trời trong các bức
0	Cam	ảnh phong cảnh. Màu cam tạo ra độ tương phản hơn vàng, màu đỏ tương phản hơn so
R	Đỏ	với cam.
G	Xanh lá cây	Làm mềm tông màu da. Có thể được sử dụng cho ảnh chân dung.

Lưu ý rằng các hiệu ứng đạt được do **Filter effects** (Hiệu ứng bộ lọc) thì rõ rệt hơn so với những hiệu ứng của các bộ lọc thủy tinh vật lý.

🖉 Toning (Tông màu) (Chỉ Monochrome (Đơn Sắc))

Nhấn ▼ khi đã chọn **Toning** (Tông màu) sẽ hiển thị các tùy chọn độ bão hòa. Nhấn ◀ hoặc ▶ để điều chỉnh độ bão hòa. Kiểm soát độ bão hòa không có sẵn khi chọn chế độ **B&W** (Đen và trắng).

Monochrom	e	1940
Sharpening		AOII
Contrast		Ale
Brightness		≡o
Filter effect	s	OFF YORG
Toning		••••••••••••••••••••••••••••••••••••
	Sepia, 4	
	Q Grid	Reset ORIOK







ď.

Xem Trưc Tiếp

Tao Khuôn Hình Trong Màn Hình

Thực hiện theo các bước dưới đây để chụp ảnh trong xem trực tiếp.

1 Nhấn nút 🗔.

Gương sẽ được nâng lên và xem qua thấu kính sẽ được hiển thi trong màn hình máy ảnh. Không còn nhìn thấy đối tương trong kính ngắm.



2 Định vị điểm lấy nét.

Đinh vi điểm lấy nét trên đối tương như được mô tả ở trang 83.



Điểm lấv nét

3 Lấy nét.

Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng. Điểm lấy nét sẽ nhấp nháy màu xanh lá cây trong khi máy ảnh lấy nét. Nếu máy ảnh có thể lấy nét, điểm lấy nét sẽ hiển thi



màu xanh lá cây, nếu máy ảnh không thể lấy nét, điểm lấy nét sẽ nhấp nháy màu đỏ (lưu ý có thể chup ảnh ngay cả khi điểm lấy nét nháy đỏ, kiểm tra lấy nét trong màn hình trước khi chụp). Ngoại trừ trong chế độ 🌇 và 🏵, có thể khóa phơi sáng bằng cách nhấn nút 🖺 (**Օ---**).

4 Chụp ảnh.

Nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ. Màn hình tắt và đèn tiếp cân thẻ nhớ phát sáng trong khi ghi. Không tháo pin hay thẻ nhớ hoặc ngắt bộ đổi điện AC tùy chon cho đến *khi hoàn thành việc ghi*. Khi chup xong, ảnh sẽ được hiển thi trên màn hình trong vài giây hoặc cho đến khi nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng. Máy ảnh sau đó sẽ trở về chế đô xem trực tiếp. Để thoát, nhấn nút 🖾.



<u> Lấy Nét trong Xem Trực Tiếp</u>

Thực hiện theo các bước dưới đây để chọn chế độ lấy nét và vùng lấy nét tự động (AF) và định vị điểm lấy nét.

💵 Chọn Chế Độ Lấy Nét

Chế độ lấy nét sau đây sẵn có trong xem trực tiếp:

	Tùy chọn	Mô tả
AF-S	Single-servo AF (Lấy nét tự động phần phụ đơn)	Với các đối tượng cố định. Lấy nét được khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng.
AF-F	Full-time-servo AF (Lấy nét tự động phần phụ toàn thời gian)	Với các đối tượng di động. Máy ảnh lấy nét liên tục cho đến khi nút nhả cửa trập được nhấn. Lấy nét được khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng.
MF	Manual focus (Lấy nét bằng tay)	Lấy nét bằng tay (🕮 42).

Đặt con trỏ trên màn hình hiển thị thông tin.

Nhấn nút **d** để đặt con trỏ trên màn hình hiển thị thông tin.



2 Hiển thị tùy chọn lấy nét.

Làm nổi bật chế độ lấy nét hiện tại trên màn hình hiển thị thông tin và nhấn ⊛.



3 Chọn tuỳ chọn lấy nét.

Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn B. Để trở về chế độ xem trực tiếp, nhấn B.



II Chọn chế độ vùng lấy nét tự động

Ở các chế độ khác 🛱 và 🏵, có thể chọn chế độ vùng AF sau đây trong xem trực tiếp:

	Tùy chọn	Mô tả
(@)	Face-priority AF (Lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt)	Máy ảnh tự động phát hiện và lấy nét các đối tượng chân dung. Sử dụng để chụp chân dung.
C J WIDE	Wide-area AF (Lấy nét tự động vùng rộng)	Sử dụng để chụp cầm tay ảnh phong cảnh và các đối tượng không phải chân dung. Sử dụng đa bộ chọn để chọn điểm lấy nét.
[[]] Norm	Normal-area AF (Lấy nét tự động vùng bình thường)	Sử dụng lấy nét điểm cố định trên một điểm cố định trong khuôn hình. Nên sử dụng giá ba chân.
Ð	Subject-tracking AF (Tự động lấy nét dò tìm đối tượng)	Dò tìm đối tượng được chọn khi nó di chuyển qua khuôn hình.

1 Đặt con trỏ trên màn hình hiển thị thông tin.

Nhấn nút **d** để đặt con trỏ trên màn hình hiển thị thông tin.

WENU	Image	quality			QUAL	NORM
(1)					WB	AUTO
?	1				ISO	100
\odot						S
Ă						AF-S
((·II·))	÷					E D
	 1	3 2	0.0	≥ 0.0		83
	?	6	Back	() Mov	e O	BOK
		Image Image <t< td=""><td>Image quality Image quality</td><td>Image quality Image quality</td><td>Image quality Image quality</td><td>Imase quality Imase qu</td></t<>	Image quality Image quality	Image quality Image quality	Image quality Image quality	Imase quality Imase qu

Nút ∙**⊡**∙

2 Hiển thị các chế độ vùng AF.

Làm nổi bật chế độ vùng AF hiện tại trên màn hình hiển thị thông tin và nhấn ®.







82

💵 Chọn Điểm Lấy Nét

Phương pháp chọn điểm lấy nét cho lấy nét tự động khác nhau theo tùy chọn được chọn cho chế độ vùng AF (🎞 82).

(face-priority AF) (lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt): Viền kép màu vàng sẽ hiển thị khi máy ảnh phát hiện đối tượng chân dung (nếu có nhiều khuôn mặt (tối đa là 35) được phát hiện, máy ảnh sẽ lấy nét vào các đối tượng gần nhất; để chọn đối tượng khác, sử dụng đa bộ chọn). Nếu máy ảnh không còn có thể phát hiện đối tượng nữa (ví dụ, vì đối tượng đã quay mặt đi với máy ảnh), đường biên sẽ không còn được hiển thị nữa.

副/闘 (**vùng lấy nét tự động rộng và bình thường)**: Sử dụng đa bộ chọn để di chuyển điểm lấy nét tới bất cứ nơi nào trong khuôn hình hoặc nhấn phím 凾 để đặt điểm lấy nét vào giữa khuôn hình.

(subject-tracking AF) (tự động lấy nét dò tìm đối tượng): Định vị điểm lấy nét trên đối tượng và nhấn . Điểm lấy nét sẽ theo dõi đối tượng được chọn khi đối tượng di chuyển qua khuôn hình. Để kết thúc việc theo dõi lấy nét, nhấn (b) lần thứ hai.

🚺 Dò Tìm Đối Tượng

Máy ảnh không thể theo dõi đối tượng nếu đối tượng di chuyển nhanh, rời khỏi khuôn hình hay bị che khuất bởi các đối tượng khác, thay đổi rõ ràng về kích thước, màu sắc hay độ sáng, hoặc quá nhỏ, quá lớn, quá sáng, quá tối, hay tương tự về màu sắc hay độ sáng với nền.





Điểm lấy nét





Điểm lấy nét

💵 Màn Hình Hiển Thị Xem Trực Tiếp



Mục		Mô tả		
1	Chế độ chụp	Chế độ hiện được chọn với đĩa lệnh chế độ.		
2	Biểu tượng "Không thể quay phim"	Cho biết không thể quay phim.	88	
3	Thời gian còn lạiSố lượng thời gian còn lại trước khi xem trực tiếp kết thúc tự động. Hiển thị nếu quay sẽ kết thúc trong 30 giây hoặc ít hơn.			
4	Độ nhạy micrô	Độ nhạy micrô để ghi phim.	90	
5	Mức âm thanh	Mức âm thanh để ghi âm. Được hiển thị ở màu đỏ nếu mức quá cao; điều chỉnh độ nhạy micrô theo đó. Các chỉ báo kênh trái (L) và phải (R) xuất hiện khi micrô ME-1 tùy chọn hay micrô stereo khác được sử dụng.	90	
6	Chế độ lấy nét	Chế độ lấy nét hiện tại.	81	
0	Chế độ vùng lấy nét tự động	Chế độ vùng lấy nét tự động hiện tại.	82	
8	Thời gian còn lại (chế độ phim)	Thời gian quay còn lại trong chế độ phim.	88	
9	Cỡ khuôn hình phim	Cỡ khuôn hình phim được ghi lại trong chế độ phim.	90	
10	Chỉ báo Cài đặt phim bằng tay	Được hiển thị khi chọn On (Bật) cho Manual movie settings (Cài đặt phim bằng tay) ở chế độ M .	91	
Û	Điểm lấy nét	Điểm lấy nét hiện tại. Màn hình hiển thị khác nhau với tùy chọn được lựa chọn cho chế độ vùng lấy nét tự động (따 82).	83	
12	Chỉ báo phơi sáng	Cho biết ảnh sẽ được phơi sáng quá ít hay quá nhiều tại các cài đặt hiện tại (chỉ chế độ M).	57	



±5 EV với gia số 1/3 EV (🕮 63). Lưu ý rằng ảnh hưởng của giá tri trên +3 EV hoặc dưới –3 EV không thể xem trước được trên màn hình.

(Lv)

🖉 hdmi

Khi máy ảnh được gắn vào thiết bị video HDMI, màn hình máy ảnh sẽ vẫn bật và thiết bị video sẽ hiển thị xem qua thấu kính như minh họa ở bên phải. Nếu thiết bị hỗ trợ HDMI-CEC, chọn **Off** (Tắt) cho tùy chọn **HDMI** > **Device control** (Điểu khiển thiết bị) trong menu cài đặt (🎞 124) trước khi chụp trong xem trực tiếp.

🔽 Chụp ở Chế Độ Xem Trực Tiếp



Để ngăn ánh sáng vào qua kính ngắm gây nhiễu phơi sáng, tháo hốc mắt cao su và đạy nắp kính ngắm bằng nắp thị kính DK-5 được cung cấp trước khi chụp (口 34).

Mặc dù chúng không xuất hiện trong hình ảnh cuối cùng, biến dạng có thể hiển thị trong màn hình nếu máy ảnh được lia theo chiều ngang hoặc đối tượng di chuyển ở tốc độ cao qua khung. Các nguồn sáng có thể để lại hình ảnh sau trong màn hình khi máy ảnh được lia. Điểm sáng cũng có thể xuất hiện. Nhấp nháy và tạo dải dễ nhìn thấy trên màn hình dưới đèn huỳnh quang, hơi thủy ngân hay đèn natri có thể được giảm xuống bằng cách sử dụng **Flicker reduction** (Giảm nhấp nháy) (^{III} 136), mặc dù chúng vẫn có thể được nhìn thấy trên bức ảnh cuối cùng ở một số tốc độ cửa trập. Khi chụp trong chế độ xem trực tiếp, tránh hướng máy ảnh vào mặt trời hoặc các nguồn ánh sáng mạnh khác. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể làm hỏng mạch bên trong của máy ảnh.

Xem trực tiếp kết thúc tự động nếu tháo thấu kính, xoay đĩa lệnh chế độ sang **GUIDE**, hoặc xoay đĩa lệnh chế độ từ **GUIDE** sang cài đặt khác.

Chế độ xem trực tiếp có thể kết thúc tự động để tránh làm hỏng mạch bên trong của máy ảnh; thoát xem trực tiếp khi không sử dụng máy ảnh. Lưu ý nhiệt độ của các mạch bên trong của máy ảnh có thể tăng và nhiễu (điểm sáng, các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên hoặc sương mù) có thể xuất hiện trong các trường hợp sau đây (máy ảnh bi ấm lên đáng kể, nhưng đây không phải là sự cố):

- Nhiệt độ môi trường xung quanh cao
- Máy ảnh được sử dụng trong thời gian dài ở chế độ xem trực tiếp hoặc để quay phim
- Máy ảnh được sử dụng trong chế độ nhả liên tục trong thời gian dài

Nếu xem trực tiếp không bắt đầu khi bạn nhấn nút 📼, hãy đợi các mạch bên trong nguội và sau đó thử lại.

🚺 Hiển Thị Đếm Ngược

Đồng hồ đếm ngược sẽ được hiển thị trong 30 giây trước khi xem trực tiếp kết thúc tự động (III 84; hẹn giờ chuyển sang màu đỏ trong 5 giây trước khi tự động hẹn giờ tắt hết hạn (III 140) hoặc nếu xem trực tiếp sắp kết thúc để bảo vệ mạch bên trong). Tùy thuộc vào điều kiện chụp, bộ đếm thời gian có thể xuất hiện ngay lập tức khi xem trực tiếp được chọn. Lưu ý rằng mặc dù đếm ngược không xuất hiện trong màn hình hiển thị hoặc trong quá trình phát lại, chế độ xem trực tiếp vẫn sẽ kết thúc tự động khi bộ đếm thời gian hết hạn.

Y Sử dụng Lấy nét tự động trong Xem Trực Tiếp

Trong xem trực tiếp, tự động lấy nét chậm hơn và màn hình có thể sáng hoặc tối trong khi máy ảnh lấy nét. Máy ảnh có thể không thể lấy nét trong những tình huống sau đây:

- Đối tượng có đường song song với cạnh dài của khuôn hình
- Đối tượng thiếu tương phản
- Đối tượng tại các điểm lấy nét có chứa các khu vực có độ sáng tương phản mạnh, hoặc đối tượng được chiếu sáng bởi ánh sáng tại chỗ hoặc đèn neon hoặc nguồn sáng khác thay đổi về độ sáng
- Nhấp nháy hoặc dải xuất hiện dưới đèn huỳnh quang, đèn khí thủy ngân, khí natri, hoặc ánh sáng tương tự
- Bộ lọc (ngôi sao) ngang hoặc bộ lọc đặc biệt khác được sử dụng
- Đối tượng xuất hiện nhỏ hơn điểm lấy nét
- Đối tượng bị chi phối bởi các mẫu hình học thông thường (ví dụ như rèm hoặc hàng cửa sổ trong tòa nhà chọc trời)
- Đối tượng đang di chuyển

Lưu ý rằng điểm lấy nét đôi khi có thể được hiển thị bằng màu xanh khi máy ảnh không thể lấy nét.

🖉 Lấy Nét Bằng Tay

Để lấy nét ở chế độ lấy nét bằng tay (🗆 42), xoay vòng lấy nét thấu kính cho đến khi đối tượng được lấy nét.



Để phóng to cảnh trong màn hình lên đến khoảng 9,4 × để lấy nét chính xác, nhấn nút 역. Trong khi xem qua thấu kính được thu nhỏ, một cửa sổ điều hướng sẽ xuất hiện trong khung màu xám ở góc dưới cùng bên phải màn hình. Sử dụng đa bộ chọn để cuộn đến các vùng khuôn hình không nhìn thấy trên màn hình (chỉ sẵn có nếu 歸 (Wide-area AF (AF vùng rộng)) hoặc 歸 (Normal-area AF (AF vùng bình thường)) được chọn cho AF-area mode (Chế độ vùng AF)), Nút @ hoặc nhấn (?) để thu nhỏ.





Cửa sổ định hướng

Lv

Ghi Phim và Xem Phim

Ghi Phim

Có thể quay phim trong chế độ xem trực tiếp.

1 Nhấn nút 교.

Gương được nâng lên và xem trong thấu kính được hiển thị trong màn hình thay vì kính ngắm.

🚺 Biểu tượng 🕅

Biểu tượng 🕅 (🗆 84) cho biết không thể quay phim.

🥖 Trước Khi Ghi

Cài đặt độ mở ống kính trước khi ghi ở chế độ **A** hoặc **M**.

2 Lấy nét.

Tạo khuôn hình chụp mở và lấy nét như được mô tả trong các Bước 2 và 3 của "Tạo Khuôn Ảnh trên Màn Hình" (\square 80; đồng thời xem "Lấy Nét trong Xem Trực Tiếp" trên các trang \square 81–83). Lưu ý rằng số lượng các đối tượng có thể được phát hiện trong lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt sẽ giảm trong khi quay phim.

3 Bắt đầu quay.

Nhấn nút ghi phim để bắt đầu ghi. Chỉ báo ghi và thời gian còn lại được hiển thị trong màn hình. Ngoại trừ trong chế độ 🖀 và (G), có thể khóa phơi sáng bằng cách nhấn nút ﷺ (O-n) (\square 61) hoặc (trong chế độ P, S, và A) thay đổi bằng cách tăng lên ±3 EV trong các bước ¹/₃ EV sử dụng bù phơi sáng (\square 63; lưu ý rằng tùy thuộc vào độ sáng của đối tượng, các thay đổi về phơi sáng có thể không nhìn thấy được).



شينية

Nút 🗔

Nút ghi phim

Chỉ báo quay



Thời gian còn lại

4 Kết thúc ghi.

Nhấn nút ghi phim lần nữa để kết thúc việc ghi. Việc ghi kết thúc tự động khi đạt đến độ dài tối đa, đầy thẻ nhớ, chọn chế độ khác, hoặc tháo thấu kính.

🖉 Chụp Ảnh Trong Quá Trình Ghi Phim

Để kết thúc việc ghi phim, chụp ảnh và thoát xem trực tiếp, nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ và giữ nguyên ở vị trí đó cho đến khi cửa trập nhả ra.

🥖 Độ Dài Tối Đa

Mỗi tập tin phim có thể đạt đến 4 GB dung lượng và dài 20 phút; lưu ý tùy thuộc vào bộ nhớ tốc độ ghi thẻ nhớ, việc quay phim có thể kết thúc trước khi đạt tới độ dài này (끄 177).

🔽 Ghi Phim

Nhấp nháy, tạo dải hoặc biến dạng có thể dễ nhìn thấy trên màn hình và trong phim cuối cùng dưới đèn huỳnh quang, hơi thủy ngân hay đèn natri hoặc nếu máy ảnh được lướt ngang hay đối tượng di chuyển với tốc độ cao qua khuôn hình (có thể giảm nhấp nháy và tạo dải bằng cách sử dụng **Flicker reduction** (Giảm nhấp nháy); ^[11] 136). Các nguồn sáng chói có thể để lại hình ảnh sau trong màn hình khi máy ảnh được lia. Cạnh lởm chởm, viền màu, nhòe, và điểm sáng chói cũng có thể xuất hiện. Các dải sáng có thể xuất hiện ở một số vùng của khuôn hình nếu đối tượng được chiếu sáng trong thời gian ngắn bằng ánh sáng nhấp nháp nháy hay nguồn sáng nhất thời phát sáng khác. Khi ghi phim, tránh hướng máy ảnh vào mặt trời hoặc các nguồn ánh sáng mạnh khác. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể làm hỏng mạch bên trong của máy ảnh.

Máy ảnh có thể ghi lại cả video và âm thanh; không che micrô trên mặt trước của máy ảnh trong quá trình ghi. Lưu ý rằng micrô gắn sẵn có thể ghi lại tiếng ồn thấu kính trong khi lấy nét tự động và chống rung.

Không thể sử dụng chiếu sáng đèn nháy trong quá trình ghi phim.

Chế độ xem trực tiếp có thể kết thúc tự động để tránh làm hỏng mạch bên trong của máy ảnh; thoát xem trực tiếp khi không sử dụng máy ảnh. Lưu ý nhiệt độ của các mạch bên trong của máy ảnh có thể tăng và nhiễu (điểm sáng, các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên hoặc sương mù) có thể xuất hiện trong các trường hợp sau đây (máy ảnh bị ấm lên đáng kể, nhưng đây không phải là sự cố):

- Nhiệt độ môi trường xung quanh cao
- Máy ảnh được sử dụng trong thời gian dài ở chế độ xem trực tiếp hoặc để quay phim
- Máy ảnh được sử dụng trong chế độ nhả liên tục trong thời gian dài

Nếu xem trực tiếp không bắt đầu khi bạn nhấn nút 📼, hãy đợi các mạch bên trong nguội và sau đó thử lại.

Đo sáng ma trận được sử dụng bất kể chọn chế độ đo sáng nào. Tốc độ cửa trập và độ nhạy ISO được điều chỉnh tự động trừ khi **On** (Bật) được chọn cho **Manual movie settings** (Cài đặt phim bằng tay) (□ 91) và máy ảnh ở chế độ **M**.

🖉 Xem Thêm

Để biết thông tin về các chỉ báo được hiển thị trong xem trực tiếp, xem trang 84. Để biết thông tin về việc chọn chế độ lấy nét và vùng AF, xem trang 81. Xem trang 87 để biết thông tin về lấy nét trong xem trực tiếp.

<u>Cài Đặt Phim</u>

Sử dụng tùy chọn **Movie settings** (Cài đặt phim) trong menu chụp để điều chỉnh các cài đặt sau.

	Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình		Chất lượng phim		
	Cỡ khuôn hình (điểm ảnh)	Tốc độ khuôn hình ¹	Tốc độ bit tối đa (Mbps) (★ chất lượng cao/Bình thường)	Độ dài tối đa	
1080 ET		30p ²			
1080	1920×1080	25p ³			
1080		24p	24/12		
720 p	1290 × 720	60p ²		20 phút	
720 50	1200 × 720	50p ³			
424 ED	640 × 424	30p ²	5/2		
424 P	040 × 424	25p ³	درد		

1 Giá trị niêm yết. Tốc độ khuôn hình thực tế cho 60p, 50p, 30p, 25p và 24p tương ứng là 59,94, 50, 29,97, 25 và 23,976 fps.

2 Sẵn có khi chọn NTSC cho Chế độ video (🕮 136).

- 3 Sẵn có khi chọn PAL cho Chế độ video.
- Microphone (Micrô): Bật hoặc tắt micrô stereo ME-1 gắn sẵn hoặc tùy chọn (^{CD} 91, 177) hoặc điều chỉnh độ nhạy micrô. Chọn Auto sensitivity (Độ nhạy tự động) để điều chỉnh độ nhạy tự động, Microphone off (Tắt micrô) để tắt ghi âm; để chọn độ nhạy micrô bằng tay, chọn Manual sensitivity (Độ nhạy bằng tay) và chọn độ nhạy.

Khi máy ảnh được kết nối với một thiết bị video, thiết bị sẽ hiển thị các chỉ báo như minh họa ở bên phải. Màn hình máy ảnh không hiện mức âm thanh và không thể sử dụng 📾 để ẩn hoặc hiển thị các chỉ báo trên màn hình hoặc trên thiết bị video. Nếu thiết bị hỗ trợ HDMI-CEC, chọn **Off** (Tất) cho tùy chọn **HDMI > Device control** (Điều khiển thiết bị) trong menu cài đặt (🗆 124) trước khi chụp trong xem trực tiếp.



Manual movie settings (Cài đặt phim bằng tay): Chọn On (Bật) để cho phép điều chỉnh bằng tay tốc độ cửa trập và độ nhạy ISO khi máy ảnh ở chế độ M. Tốc độ cửa trập có thể được đặt đến các giá trị nhanh ở mức ¹/4.000 giây; tốc độ chậm nhất sẵn có thay đổi theo tốc độ khuôn hình: ¹/30 giây với tốc độ khuôn hình 24p, 25p, và 30p, ¹/50 giây với tốc độ khuôn hình 50p, và ¹/60 giây cho 60p. Độ nhạy ISO có thể được đặt thành các giá trị từ ISO 200 và Hi 1 (^{CL} 51). Nếu tốc độ



cửa trập và độ nhạy ISO không nằm trong phạm vi này khi bắt đầu xem trực tiếp, chúng sẽ tự động được đặt thành các giá trị được hỗ trợ và vẫn ở các giá trị này khi kết thúc xem trực tiếp. Lưu ý rằng độ nhạy ISO được cố định ở giá trị được chọn; máy ảnh không điều chỉnh độ nhạy ISO tự động khi **On** (Bật) được chọn cho **ISO sensitivity settings** (Cài đặt độ nhạy ISO) > **Auto ISO sensitivity control** (Điều khiển tự động độ nhạy ISO) trong menu chụp (^{CC} 129).

1 Chọn Movie settings (Cài đặt phim). Nhấn nút MENU để hiển thị menu. Làm nổi bật Movie settings (Cài đặt phim) trong menu chụp và nhấn ▶.



2 Chọn tùy chọn phim.

Làm nổi bật mục mong muốn và nhấn ▶, sau đó làm nổi bật một tùy chọn và nhấn ⊛.



	Movie settings	
÷.		
•		
Ţ	Frame size/frame rate	1080 810
Ľ.	Movie quality	HIGH
1	Microphone	🔮 A
	Manual movie settings	0FF

🖉 Sử dụng micrô bên ngoài

Micrô stereo ME-1 tùy chọn (🎞 177) có thể được sử dụng để ghi âm ở stereo hoặc giảm nhiễu do rung thấu kính gây ra được khi trong quá trình lấy nét tự động.

🚺 Hiển Thị Đếm Ngược

Đếm ngược sẽ được hiển thị 30 giây trước khi xem trực tiếp tự động kết thúc (III 84). Tùy thuộc vào điều kiện chụp, bộ đếm thời gian có thể xuất hiện ngay lập tức khi bắt đầu ghi phim. Lưu ý rằng bất kể thời lượng của thời gian ghi là bao nhiêu, chế độ xem trực tiếp vẫn sẽ kết thúc tự động khi bộ đếm thời gian hết hạn. Chờ cho các mạch bên trong mát trước khi tiếp tục ghi phim.

Xem Phim

Phim được chỉ định bởi một biểu tượng 🐙 trong phát lại khuôn hình đầy (🎞 97). Nhấn 🛞 để bắt đầu phát lại.



Các thao tác sau đây có thể được thực hiện:

Ðể	Sử dụng	Mô tả			
Tạm dừng		ʿạm dừng phát lại.			
Phát		Tiếp tục phát lại khi phim bị tạm dừng hoặc trong quá trình tua lại/tua đi.			
Tua đi/tua lại		Tốc độ tăng lên mỗi khi nhấn, từ 2× đến 4× đến 8× đến 16×; nhấn liên tục để bỏ qua đến phần bắt đầu hoặc kết thúc phim (khuôn hình đầu tiên được thể hiện bằng ⊕ ở góc trên bên phải màn hình, khuôn hình cuối cùng được thể hiện bằng ⊕). Nếu phát lại bị tạm dừng, tua lại hoặc tua đi phim từng khuôn hình một; giữ nhấn để tua đi hoặc tua lại liên tục.			
Bỏ qua 10 giây	Solo Participation of the second seco	Xoay đĩa lệnh để bỏ qua trước hoặc sau 10 giây.			
Chỉnh âm lượng	⊕/ବ୍≅ (?)	Nhấn 🍳 để tăng âm lượng, 🖓 (?) để giảm.			
Chỉnh sửa phim	AE-L AF-L (O)	Để chỉnh sửa phim, nhấn 👫 (Ơ) trong khi phim tạm dừng (🎞 93).			
Quay trở lại phát lại khuôn hình đầy		Nhấn ▲ hoặc 匝 để thoát khỏi phát lại khuôn hình đầy.			
Thoát chế độ chụp		Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng. Màn hình sẽ tắt, ảnh có thể được chụp ngay lập tức.			


Chỉnh Sửa Phim

Xén cảnh phim để tạo ra các bản sao chỉnh sửa phim hoặc lưu khuôn hình ở dạng ảnh tĩnh JPEG.

	Tùy chọn	Mô tả
Ľ,	Choose start/end point (Chọn điểm bắt đầu/kết thúc)	Tạo bản sao từ chỗ cảnh quay mở đầu hoặc kết thúc đã được gỡ bỏ.
Û	Save selected frame (Lưu khuôn hình đã chọn)	Lưu khuôn hình đã chọn thành JPEG tĩnh.

<u> Cắt Xén Phim</u>

Để tạo bản sao cắt xén của phim:

Hiển thị khuôn hình phim đầy. Nhấn nút I dể hiển thị ảnh đầy khuôn hình trong màn hình và nhấn ◀ và ► để cuộn qua các ảnh cho đến khi tới phim bạn muốn chỉnh sửa được hiển thị.



2 Chọn điểm bắt đầu hoặc điểm kết thúc. Phát bộ phim lại như mô tả trên trang 92, nhấn ℗ để bắt đầu và tiếp tục phát lại và ▼ để tạm dừng. Vị trí tương đối của bạn trong phim có thể được xác định chắc chắn từ thanh tiến độ phim.





Thanh tiến độ phim

3 Hiển thị các tùy chọn chỉnh sửa phim. Nhấn nút 能 (O-n) để hiển thị các tùy chọn chỉnh sửa phim.



惈

4 Chọn Choose start/end point (Chọn điểm bắt đầu/kết thúc).

Làm nổi bật Choose start/end point (Chon điểm bắt đầu/kết thúc) và nhấn 🙉.

Hội thoại hiện ra bên phải sẽ được hiển thị: chon khuôn hình hiên tai sẽ là điểm bắt đầu hay kết thúc của bản sao và nhấn 🙉.

5 Xóa khuôn hình.

Nếu khuôn hình mong muốn hiện không được hiển thị, nhấn ◀ hoặc ► để đi tiếp hoặc tua lại (để bỏ qua trước hoặc sau 10 giây, hãy xoay đĩa lênh). Để chuyển đổi lưa chon hiên tai từ điểm bắt đầu (**q**) đến điểm kết thúc (**p**) hoặc ngược lại, nhấn 能(О-п).

Một khi ban đã chon điểm bắt đầu và/hoặc kết thúc, nhấn ▲. Tất cả các khuôn hình trước điểm bắt đầu được chon và sau điểm kết thúc được chọn sẽ được loại bỏ khỏi bản sao.

6 Lưu bản sao.

Làm nổi một trong những tùy chon sau và nhấn (ж):

- Save as new file (Lưu dưới dang tập tin mới): Lưu bản sao thành tập tin mới.
- Overwrite existing file (Ghi đè tập tin hiện có): Thay thế tâp tin phim gốc bằng bản sao đã chỉnh sửa.
- Cancel (Hủy): Trở lai Bước 5.
- Preview (Xem trước): Xem trước bản sao.

Ngoai trừ trên trang thông tin ảnh "chỉ hình ảnh" (🕮 98), các bản sao đã chỉnh sửa được thể hiện bằng biểu tượng 🖾 trong phát lại khuôn hình đầy.















frame as the start point or

OK

Cancel

as the end point? Start point

End point

🚺 Cắt Xén Phim

Phim phải dài ít nhất hai giây. Nếu bản sao không thể được tạo ra tại vị trí phát lại hiện tại, vị trí hiện tại sẽ được hiển thị bằng màu đỏ ở Bước 5 và không có bản sao nào sẽ được tạo ra. Bản sao sẽ không được lưu nếu không có đủ không gian trống trên thẻ nhớ.

Bản sao có cùng ngày giờ tạo với bản gốc.

🖉 Menu Sửa Lại

Cũng có thể chỉnh sửa phim bằng cách sử dụng tùy chọn **Edit movie** (Chỉnh sửa phim) trong menu sửa lại (🕮 149).



Lưu Khuôn Hình Đã Chon

Để lưu bản sao khuôn hình đã chon thành JPEG tĩnh:

1 Xem phim và chọn khuôn hình.

Phát lai phim như được mô tả trên trang 92; vi trí tương đối của ban trong phim có thể được xác định chắc chắn từ thanh tiến đô phim. Tam dừng phim tai khuôn hình ban muốn sao chép.

2 Hiển thi các tùy chọn chỉnh sửa phim. Nhấn nút 壯 (**O---**) để hiển thi các tùy chon chỉnh sửa phim.





Nhấn **A** để tao bản sao tĩnh của khuôn hình hiện tai.



Nút 鼪 (ഠҧ)



[]Cancel

5 Lưu bản sao.

Làm nổi bât Yes (Có) và nhấn 🛞 để tao bản sao JPEG chất lương cao (C 44) của khuôn hình được chon. Ngoai trừ trên trang thông tin ảnh "chỉ hình ảnh" (🕮 98), phim tĩnh được thể hiện bằng biểu tương 🎞 trong phát lai khuôn hình đầy.

Proceed Yes

Lưu Khuôn Hình Đã Chon

Phim JPEG tĩnh được tạo với tùy chon Save selected frame (Lưu khuôn hình đã chon) không thể sửa lại được. Phim JPEG tĩnh thiếu một số loại thông tin ảnh (🕮 98).

Phát Lại và Xóa

Phát Lại Khuôn Hình Đầy

Để phát lại ảnh, nhấn nút 🖭. Ảnh mới nhất sẽ được hiển thị ở màn hình.



Ðể	Sử dụng	Mô tả		
Xem thêm ảnh		Nhấn ▶ để xem ảnh theo thứ tự được lưu, ◀ để xem ảnh theo thứ tự ngược lại.		
Xem thông tin ảnh bổ sung		Thay đổi thông tin ảnh được hiển thị (🕮 98).		
Xem hình thu nhỏ	୍≅ (?)	Xem trang 102 để biết thêm thông tin về hiển thị hình thu nhỏ.		
Phóng to ảnh	¢	Xem trang 104 để biết thêm thông tin về thu phóng phát lại.		
Xóa ảnh	Í	Hộp thoại xác nhận sẽ xuất hiện. Nhấn 面 lần nữa để xóa ảnh.		
Thay đổi trạng thái bảo vệ	ае-L (О-п)	Để bảo vệ ảnh, hoặc bỏ bảo vệ đối với hình ảnh đã được bảo vệ, nhấn nút 鮓 (へっ) (皿 105).		
Trở về chế độ chụp		Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng. Màn hình sẽ tắt, ảnh có thể được chụp ngay lập tức.		
Sửa lại ảnh hoặc phát phim		Tạo bản sao chỉnh sửa của bức ảnh hiện tại (□ 149). Nếu hình ảnh hiện thời được đánh dấu là 陳 để cho biết đó là phim, nhấn ⊛ để bắt đầu phát lại phim (□ 92).		

<u>Thông Tin Ảnh</u>

Thông tin ảnh được đè chuyển lệnh trên những bức ảnh hiển thị trong phát lại khuôn hình đầy. Nhấn **A** hoặc **V** để duyệt qua thông tin ảnh như minh họa bên dưới. Lưu ý rằng "chỉ hình ảnh", dữ liệu chụp, biểu đồ RGB, phần tô sáng và dữ liệu tổng quan chỉ được hiển thị nếu tùy chọn tương ứng được chọn cho **Playback display options** (Tùy chọn hiển thị phát lại) > **Additional photo info** (Thông tin hình ảnh bổ sung) (\square 126). Dữ liệu GPS chỉ được hiển thị nếu sử dụng thiết bị GP-1 khi chụp ảnh.



* Vùng nhấp nháy cho biết phần tô sáng (các vùng có thể bị phơi sáng quá nhiều).

►

💵 Biểu Đồ RGB



1	Chỉ báo sửa lại 150
2	Trạng thái bảo vệ105
3	Cân bằng trắng
4	Tên máy ảnh
5	Biểu đồ (kênh RGB). Trong tất cả các biểu đồ, trục ngang chỉ độ sáng điểm ảnh, trục thẳng đứng chỉ số điểm ảnh.
6	Biểu đồ (kênh màu đỏ)
7	Biểu đồ (kênh màu xanh lá cây)
8	Biểu đồ (kênh màu xanh da trời)
9	Số khung hình/tổng số ảnh

🖉 Thu Phóng Phát Lại

Để phóng to ảnh khi hiển thị biểu đồ, nhấn ੴ. Sử dụng các nút ੴ và ੴ (?) để phóng to và thu nhỏ và cuộn hình ảnh bằng đa bộ chọn. Biểu đồ sẽ được cập nhật để hiển thị các dữ liệu cho phần hình ảnh thấy được trên màn hình.



🖉 Biểu đồ

Biểu đồ máy ảnh chỉ mang tính hướng dẫn và có thể khác so với những gì hiển thị trong các ứng dụng hình ảnh. Sau đây là một số biểu đồ mẫu:

Nếu hình ảnh chứa các đối tượng có phạm vi độ sáng rộng, sự phân phối của các tông màu sẽ tương đối cân bằng.

Nếu hình ảnh tối, phân phối tông màu sẽ dịch sang trái.

Nếu hình ảnh sáng, phân phối tông màu sẽ dịch sang phải.

Tăng bù phơi sáng sẽ dịch sự phân phối tông màu sang phải, và nếu giảm bù phơi sáng thì phân phối sẽ dịch sang trái. Biểu đồ sẽ cung cấp ý kiến tổng quát về phơi sáng toàn diện khi ánh sáng xung quanh khiến cho ảnh khó nhìn thấy được trên màn hình.

💵 Dữ Liệu Chụp



- 1 Hiển thị màu đỏ nếu ảnh được chụp với điều khiển độ nhạy ISO tự động được bật.
- 2 Chỉ hiển thị nếu gắn thấu kính chống rung.
- 3 Chỉ được hiển thị nếu ảnh được chụp bằng cách sử dụng bộ đèn nháy tùy chọn có chức năng bộ điều khiển.
- 4 Chỉ các Picture Control **Standard** (Tiêu chuẩn), **Vivid** (Sống động), **Portrait** (Chân dung) và **Landscape** (Phong cảnh).
- 5 Chỉ Picture Control Neutral (Trung tính) và Monochrome (Đơn sắc).
- 6 Không hiển thị với Picture Control đơn sắc.
- 7 Chỉ Picture Controls đơn sắc.
- 8 AUTO (TỰ ĐỘNG) được hiển thị nếu chụp ảnh khi bật D-Lighting Hoạt Động.

💵 Dữ Liệu Tổng Quan



- 1 Hiển thị màu đỏ nếu ảnh được chụp với điều khiển độ nhạy ISO tự động được bật.
- 2 AUTO (TỰ ĐỘNG) được hiển thị nếu chụp ảnh khi bật D-Lighting Hoạt Động.
- 3 Chỉ được hiển thị nếu ảnh được chụp bằng cách sử dụng bộ đèn nháy tùy chọn có chức năng bộ điều khiển.

II Dữ liệu GPS*



Phát Lại Hình Thu Nhỏ

Để hiển thị hình ảnh trên các "tờ tiếp xúc" của bốn, chín hay 72 ảnh, nhấn nút 🗫 (?).



Phát Lại Theo Lịch

Để xem hình được chụp vào ngày được chọn, nhấn nút 🕾 (?) khi 72 hình ảnh được hiển thị.

Danh sách hình thu nhỏ



hình đầy

Hoạt động được thể hiện dựa vào việc con trỏ xuất hiện trên danh sách ngày hay danh sách ảnh thu nhỏ:

Ðể	Sử dụng	Mô tả	
Hoán đổi giữa danh sách ngày và danh sách hình thu nhỏ	୍ଟା (?)	Nhấn nút 🕾 (?) trong danh sách ngày để đặt con trỏ trong danh sách hình thu nhỏ. Nhấn lần nữa để về danh sách ngày.	
Thoát để phát lại hình thu nhỏ/Phóng to hình được làm nổi bật	æ	 Date list (Danh sách ngày): Thoát sang phát lại 72 khuôn hình. Thumbnail list (Danh sách hình thu nhỏ): Nhấn và giữ nút @ để phóng to hình ảnh được làm nổi. 	
Làm nổi ngày/Làm nổi hình ảnh		 Date list (Danh sách ngày): Chọn nổi ngày. Thumbnail list (Danh sách hình thu nhỏ): Làm nổi hình ảnh. 	
Hoán đổi phát lại khuôn hình đầy		 Date list (Danh sách ngày): Xem các ảnh được chụp vào ngàu được chọn. Thumbnail list (Danh sách hình thu nhỏ): Xem ảnh được làm nổi bật. 	
Xóa (các) ảnh được làm nổi bật.	Ť	 Date list (Danh sách ngày): Xóa tất cả ảnh vào ngày được chọn. Thumbnail list (Danh sách hình thu nhỏ): Xóa ảnh được làm nổi bật (^{CL} 106). 	
Thay đổi trạng thái bảo vệ ảnh được làm nổi bật	AE-L (O-n)	Xem trang 105 để biết thêm thông tin.	
Trở về chế độ chụp		Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng. Màn hình sẽ tắt, ảnh có thể được chụp ngay lập tức.	

Xem Gần: Thu Phóng Phát Lại

Nhấn nút \mathfrak{P} để phóng to ảnh hiển thị phát lại khuôn hình đầy hoặc ảnh đang được làm nổi bật trong phát lại hình thu nhỏ hay phát lại theo lịch. Các hoạt động sau có thể thực hiện trong khi thu phóng đang có hiệu lực:

Ðể	Sử dụng	Mô tả
Phóng to hoặc thu nhỏ	୧ / ୧≊ (?)	Nhấn Q để phóng to tối đa khoảng 38 × (ảnh lớn), 28 × (ảnh vừa) hay 19 × (ảnh nhỏ). Nhấn Qũ (?) để thu nhỏ. Khi phóng to ảnh, sử dụng đa bộ chọn để xem các vùng ảnh không nhìn thấy trong màn lình. Giữ nhấn
Xem các vùng khác của ảnh		đa bộ chọn để cuộn đều đến vùng khác của khuôn hình. Cửa sổ định hướng xuất hiện khi tỉ lệ thu phóng thay đổi; vùng nhìn thấy hiện thời trên màn hình được chỉ báo bởi khung màu vàng.
Chọn/phóng to trên hoặc ngoài khuôn mặt	€ +	Khuôn mặt (lên đến 35) được nhận diện suốt quá trình thu phóng chỉ báo bởi khung màu trắng trong cửa sổ định hướng. Nhấn ∯ và ▲ hoặc ▼ để phóng to hoặc thu nhỏ; nhấn ∯ và ◀ hoặc ▶ để xem các khuôn mặt khác.
Xem hình ảnh khác		Xoay đĩa lệnh để xem các ảnh khác ở cùng một vị trí với tỷ lệ thu phóng hiện tại. Thu phóng phát lại bị hủy khi hiển thị phim.
Hủy thu phóng		Hủy thu phóng và trở về phát lại khuôn hình đẩy.
Thay đổi trạng thái bảo vệ	AE-L (O-n)	Xem trang 105 để biết thêm thông tin.
Trở về chế độ chụp		Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng. Màn hình sẽ tắt, ảnh có thể được chụp ngay lập tức.

Bảo Vệ Ảnh Khỏi Bị Xóa

Trong khuôn hình đầy, thu phóng, phát lại hình thu nhỏ và phát lại theo lịch, nút 壯 (**O-n**) có thể được sử dụng để bảo vệ hình ảnh khỏi bị xóa vô tình. Tập tin được bảo vệ không thể bị xóa bằng cách sử dụng nút í hay lựa chọn **Delete** (Xóa) trong menu phát lại. Lưu ý rằng hình ảnh được bảo vệ sẽ bị xóa khi định dạng thẻ nhớ (印 19).

Để bảo vệ bức ảnh:

1 Chọn hình ảnh.

Hiển thị ảnh trong phát lại khuôn hình đầy hoặc thu phóng phát lại hay làm nổi bật ảnh trong danh sách phát lại hình thu nhỏ hoặc phát lại theo lịch.



Phát lại khuôn hình đầy







Phát lại theo lịch

2 Nhấn nút ∰ (∽¬¬).

Ảnh sẽ được đánh dấu với một biểu tượng 匾. Để gỡ bảo vệ khỏi ảnh khiến nó có thể bị xóa, hiển thị hoặc nổi bật trong danh sách thu nhỏ và sau đó nhấn nút 緝 (**つ**).



🖉 Hủy Bỏ Bảo Vệ Cho Tất Cả Ảnh

Để hủy bỏ bảo vệ cho tất cả các ảnh trong tư mục hay cho thư mục được chọn trong menu **Playback folder** (Thư mục phát lại) (皿 125), nhấn đồng thời nút 壯 (**今**••) và í trong khoảng hai giây trong khi phát lại.

Xóa Ảnh

Để xóa ảnh hiển thị trong phát lại khuôn hình đầy hay ảnh nổi bật trong danh sách hình thu nhỏ, nhấn nút t. Để xóa nhiều ảnh được chọn, tất cả ảnh chụp trong ngày được chọn, hay tất cả ảnh trong thư mục phát lại, sử dụng tùy chọn **Delete** (Xóa) trong menu phát lại. Khi đã xóa, ảnh không thể khôi phục lại.

<u>Phát Lại Khuôn Hình Đầy, Hình Thu Nhỏ và Theo</u> <u>Lịch</u>

Chọn hình ảnh.

Hiển thị ảnh hoặc làm nổi bật nó trong danh sách hình thu nhỏ trong phát lại hình thu nhỏ hoặc phát lại theo lịch.

2 Nhấn nút 🗑.

Hộp thoại xác nhận sẽ được hiển thị.





Phát lại khuôn hình đầy



Phát lại hình thu nhỏ



Phát lại theo lịch (danh sách hình thu nhỏ)

3 Nhấn nút tối lần nữa. Để xóa ảnh, nhấn nút tối lần nữa. Để thoát mà





🖉 Phát Lại Theo Lịch

Trong quá trình phát lại theo lịch, bạn có thể xóa tất cả ảnh trong ngày được chọn bằng cách làm nổi bật ngày trong danh sách ngày và nhấn nút í (口 103).

<u>Menu Phát Lại</u>

Tùy chọn **Delete** (Xóa) trong menu phát lại chứa các tùy chọn sau. Lưu ý rằng tùy thuộc vào số lượng ảnh mà có thể yêu cầu phải xóa bớt.

	Tùy chọn	Mô tả
	Selected (Đã Chọn)	Xóa ảnh đã chọn.
DATE	Select date (Chọn ngày)	Xóa tất cả ảnh chụp trong ngày đã chọn.
ALL	All (Tất cả)	Xóa tất cả các ảnh trong thư mục hiện thời được chọn cho phát lại (印 125).

💵 Selected (Đã chọn): Xóa Ảnh Đã Chọn

1 Chọn Delete (Xóa).

Để hiển thị các menu, nhấn nút MENU. Làm nổi bật **Delete** (Xóa) trong menu phát lại và nhấn ▶.



2 Chọn **Selected** (Đã Chọn).

Làm nổi bật Selected (Đã Chọn) và nhấn ►.





3 Làm nổi một bức ảnh.

Sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật bức ảnh (để xem toàn màn hình bức ảnh được làm nổi bật, nhấn giữ nút \mathfrak{R}).



4 Chọn ảnh đã làm nổi.

Nhấn nút 🤤 (?) để chọn ảnh cần làm nổi. Ảnh đã chọn được đánh dấu bởi biểu tượng t. Lặp lại bước 3 và bước 4 để chọn thêm ảnh; để xóa ảnh, làm nổi bật và nhấn 🕾 (?).



5 Nhấn (*) để hoàn thành thao tác. Một hội thoại xác nhận sẽ xuất hiện; làm nổi bật Yes (Có) và nhấn (*).



💵 Select Date (Chọn Ngày): Xóa Ảnh Được Chụp Vào Ngày Đã Chọn

1 Chon Select Date (Chon Ngày). Delete Trong menu xóa, làm nổi bât Select date (Chon ngày) và nhấn ▶. BBB Selected DATE Select date ALL AII 2 Làm nổi bật ngày. elect date □ 15/04/2012 Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật một ngày. □ 16/04/2012 □ 18/04/2012 œ⊡Confirm 030k Để xem các bức ảnh được chup vào ngày được elect date 15/04/2012 làm nổi bât, nhấn 🕾 (?). Sử dụng đa bô chon để cuôn qua các bức ảnh, hoặc nhấn giữ 🤻 để xem toàn màn hình bức ảnh hiên tại. Nhấn 🕾 (?) để quay về danh sách ngày.

Nút 🔍 (?)





- ►
- **3** Chọn ngày được làm nổi bật.

Nhấn ▶ để chọn tất cả ảnh được chụp trong ngày được làm nổi bật. Ngày đã chọn được đánh dấu với biểu tượng ☑. Lặp lại bước 2 và 3 để chọn ngày bổ sung; để bỏ chọn một ngày, làm nổi bật ngày đó và nhấn ▶.

4 Nhấn ⊛ để hoàn thành hoạt động. Một hội thoại xác nhận sẽ xuất hiện; làm nổi bật Yes (Có) và nhấn ⊛.

Trình Chiếu Slide

Tùy chọn **Slide show** (Trình chiếu slide) trên menu phát lại được sử dụng để hiển thị trình chiếu slide của các bức ảnh trong thư mục phát lại hiện tại (^{[III} 125).

Chọn Slide show (Trình chiếu slide).
 Để hiển thị menu trình chiếu slide, nhấn nút MENU và chọn Slide show (Trình chiếu slide) trên menu phát lại.



2 Điều chỉnh các cài đặt trình chiếu slide. Để chọn loại hình ảnh trình chiếu, chọn Image type (Loại hình ảnh) và chọn từ Still images and movies (Hình ảnh và phim tĩnh), Still images only (Chỉ hình ảnh tĩnh) và Movies only (Chỉ phim).

Để chọn khoảng thời gian hiển thị hình ảnh tĩnh, chọn **Frame interval** (Quãng khuôn hình) và chọn từ các tùy chọn được hiện ra bên phải.



Để chọn chuyển tiếp giữa các hình ảnh tĩnh, chọn **Transition effects** (Hiệu ứng chuyển tiếp) và chọn từ các tùy chọn sau đây:

- **Zoom/fade** (Thu phóng/mờ dần): Các khuôn hình mờ dần vào nhau với hiệu ứng thu phóng.
- Cube (Hình lập phương): Việc chuyển tiếp này diễn ra ở dạng hình lập phương xoay với bức ảnh hiện tại ở một mặt và bức ảnh tiếp theo ở mặt khác.
- None (Không): Không có chuyển tiếp giữa các khuôn hình.

3 Bắt đầu trình chiếu side. Làm nổi bật Start (Bắt đầu) trong menu trình chiếu slide và nhấn ®.



Có thể thực hiện các hoạt động sau đây trong khi đang trình chiếu slide:

Để	Sử dụng	Mô tả
Quay lại/về trước		Nhấn ◀ để trở lại khuôn hình trước, ▶ để sang khuôn hình tiếp theo.
Xem thông tin ảnh bổ sung		Thay đổi thông tin ảnh được hiển thị (ഥ 98).
Tạm dừng/tiếp tục trình chiếu slide		Tạm ngừng trình chiếu. Nhấn lần nữa để khôi phục lại.
Tăng/giảm âm lượng	♥ / ੴ (?)	Nhấn 역 trong khi phát lại phim để tăng âm lượng, 역약 (?) để giảm.
Thoát sang chế độ phát lại	►	Kết thúc trình chiếuvà trở lại chế độ phát lại.
Thoát chế độ chụp		Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng. Màn hình sẽ tắt, ảnh có thể được chụp ngay lập tức.

Hộp thoại hiển thị ở bên phải sẽ được hiển thị khi trình chiếu kết thúc. Chọn **Restart** (Khởi động lại) để khởi động lại hoặc **Exit** (Thoát) để trở lại menu phát lại.

Maria		A	1127/412
	Res	tart	OK
2s	Fra	me interval	h
	Tra	nsition effects	
	Exi		
	1		
100032		DSC_0012-JPG 11:03:49	NORNAL

►

Kết nối

Kết nối với Máy tính

Phần này mô tả cách sử dụng cáp USB UC-E17 cấp kèm để kết nối máy ảnh với máy tính.

<u>Trước Khi Kết Nối Máy Ảnh</u>

Trước khi kết nối máy ảnh, cài đặt phần mềm đi kèm ViewNX 2 CD. Để đảm bảo việc truyền dữ liệu không bị gián đoạn, hãy chắc chắn pin máy ảnh EN-EL14 đã được sạc đầy. Nếu nghi ngờ, hãy sạc pin trước khi sử dụng hoặc sử dụng một bộ chuyển đổi điện AC EH-5b và đầu nối nguồn EP-5A (bán riêng).

💵 Phần Mềm Đi Kèm

ViewNX 2 chứa chức năng "Nikon Transfer 2" để sao chép ảnh từ máy ảnh vào máy tính, nơi ViewNX 2 có thể được sử dụng để xem và in có chọn lọc các bức ảnh hoặc để chỉnh sửa ảnh và phim. Để có thêm thông tin, hãy xem hỗ trợ trực tuyến cho ViewNX 2.

💵 Hệ Điều Hành Được Hỗ Trợ

Phần mềm đi kèm có thể được sử dụng trong các máy tính chạy các hệ điều hành sau:

 Windows: Các phiên bản Windows 7 Home Basic/Home Premium/Professional/Enterprise/ Ultimate (Gói Dịch Vụ 1), Windows Vista Home Basic/Home Premium/Business/Enterprise/ Ultimate (Gói Dịch Vụ 2) đã cài đặt sẵn hoặc phiên bản Windows XP Home Edition/ Professional (Gói Dịch Vụ 3) 32 bit. Tất cả các chương trình được cài đặt có thể hoạt động với tư cách là các ứng dụng 32 bit trên nền các phiên bản 64 bit của hệ điều hành Windows 7 và Windows Vista. Ứng dụng này không tương thích với các máy tính chạy hệ điều hành Windows XP 64 bit.

• Macintosh: Mac OS X (phiên bản 10.5.8, 10.6.8 hoặc 10.7.2)

Truy cập các trang web được nêu ở trang xiv để có thông tin mới nhất đối với các hệ điều hành được hỗ trợ.

🖉 Cáp Kết Nối

Hãy chẳc là máy ảnh đã tắt khi kết nối hoặc ngắt kết nối với khớp nối cáp. Không sử dụng lực hoặc cố gắng lắp các đầu nối ở góc nghiêng. Đóng nắp đầu nối khi không sử dụng đầu nối.

🔽 Trong Lúc Truyền

Không tắt máy ảnh hoặc ngắt kết nối cáp USB trong quá trình truyền dữ liệu.

🖉 Windows

Để truy cập trang web của Nikon sau khi cài đặt ViewNX 2, chọn **All Programs** (Toàn bộ chương trình) > **Link to Nikon** (Kết nối đến Nikon) từ menu Start của Windows (cần kết nối Internet).

<u> Kết Nối Máy Ảnh</u>

Kết nối máy ảnh sử dụng cáp USB UC-E17 cấp kèm.

1 Tắt máy ảnh.

2 Bật máy tính.

Bật máy tính và chờ máy khởi động.

3 Kết nối cáp USB.

Kết nối cáp USB như minh họa.



🔽 Cục Chia USB

Kết nổi máy ảnh trực tiếp vào máy tính; không kết nối cáp qua cục chia USB hay qua bàn phím.

4 Bật máy ảnh.

5 Bắt đầu Nikon Transfer 2.

Nếu thông báo nhắc bạn chọn chương trình được hiển thị, chọn Nikon Transfer 2.

🖉 Windows 7

Nếu hội thoại sau đây được hiển thị, chọn Nikon Transfer 2 như được mô tả bên dưới.

1 Dưới Import pictures and videos (Nhập hình ảnh và video), nhấp vào Change program (Thay đổi chương trình). Một hội thoại lựa chọn chương trình sẽ được hiển thị; chọn Import file using Nikon Transfer 2 (Nhập tập tin bằng cách sử dụng Nikon Transfer 2) và nhấp vào OK.



2 Nhấp đúp vào Import file (Nhập tập tin).

6 Nhấp vào Start Transfer (Bắt Đầu Truyền). Tại các cài đặt mặc định, tất cả các bức ảnh trong thẻ nhớ sẽ được sao chép sang máy tính (để biết thêm thông tin về cách sử dụng Nikon Transfer 2, hãy khởi động ViewNX 2 hoặc Nikon Transfer 2 và chọn ViewNX 2 Help (Trợ Giúp ViewNX 2) từ menu Help (Trợ giúp)).



Start Transfer (Bắt Đầu Truyền)

7 Tắt máy ảnh và ngắt kết nối cáp USB khi kết thúc truyền dữ liệu. Nikon Transfer 2 sẽ tự động đóng lại khi việc truyền hoàn tất.

In ảnh

Các ảnh JPEG được chọn có thể được in trên máy in PictBridge (🕮 205) được kết nối trực tiếp với máy ảnh.

<u> Kết Nối tới Máy In</u>

Kết nối máy ảnh sử dụng cáp USB UC-E17 cấp kèm.



2 Kết nối cáp USB.

Bật máy in lên và kết nối cáp USB như minh họa. Không sử dụng lực hoặc cố gắng để lắp các đầu nối ở góc nghiêng.



🔽 Cục Chia USB

Kết nổi máy ảnh trực tiếp vào máy in, không kết nối cáp qua cục chia USB.

3 Bật máy ảnh.

Một màn hình khởi động máy sẽ hiện lên, theo sau là hiển thị phát lại PictBrigde.



🚺 Chọn Ảnh Để In

Ảnh NEF (RAW) (🎞 44) không thể chọn được để in. Bản sao JPEG của hình ảnh NEF (RAW) có thể được tạo bằng cách sử dụng tùy chọn **NEF (RAW) processing** (Xử lý NEF (RAW)) trong menu sửa lại (🞞 157).

🖉 In Qua Kết Nối USB Trực Tiếp

Hãy chắc chắn rằng pin EN-EL14 đã được sạc đầy hoặc sử dụng bộ đổi điện AC EH-5b tùy chọn và đầu nối nguồn EP-5A. Khi chụp ảnh để in thông qua kết nối trực tiếp USB, cài đặt **Color space** (Không gian màu) về **sRGB** ([[]] 130).

🖉 Xem Thêm

Xem trang 193 để có thêm thông tin về việc cần phải làm gì khi lỗi xuất hiện trong quá trình in.

<u>In Từng Ảnh Một</u>

1 Chọn ảnh.

Nhấn ◀ hoặc ► để xem thêm các bức ảnh. Nhấn nút ♥ để phóng to trên khuôn hình hiện tại (□ 104; nhấn nút I để thoát khỏi chế độ thu phóng). Để xem sáu hình ảnh cùng lúc, nhấn nút ♥ (?). Sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật các bức ảnh, hoặc nhấn ♥ để hiển thị khuôn hình đầy bức ảnh được làm nổi bật.



2 Hiển thị các tùy chọn in.

Nhấn 🛞 để hiển thị các tùy chọn in PictBridge.



 \mathcal{N}

3 Điều chỉnh tùy chọn in ấn.

Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật một tùy chọn và nhấn ▶ để chọn.

Tiurchan	N2 +2				
ruy chọn	MU La				
Page size (Kích thước trang)	Làm nổi bật kích thước trang (chí các kích thước được máy in hiện tại hồ trợ mới được liệt kê) và nhấn ® để chọn và thoát menu trước đó (để in ở kích thước trang mặc định cho máy in hiện tại, chọn Printer default (Mặc định máy in)).				
No. of copies (Số	Nhấn nút 🔺 hoặc nút 🔻 để chọn số lượng bản sao (tối đa 99 bản), sau đó nhấn nút				
lượng bản sao)	🐵 để lựa chọn và trở về menu trước.				
Border (Viền)	Tùy chọn này là có sẵn chỉ khi được hỗ trợ bởi máy in. Làm nổi bật Printer default (Mặc định máy in) (sử dụng các cài đặt máy in hiện tại), Print with border (In có viền) (in ảnh với viền trắng), hoặc No border (Không viền) và nhấn 🛞 để chọn và thoát menu trước đó.				
Time stamp (Dấu thời gian)	Làm nổi bật Printer default (Mặc định máy in) (sử dụng các cài đặt máy in hiện tại), Print time stamp (In dấu thời gian) (in thời gian và ngày chụp lên tấm ảnh), hoặc No time stamp (Không in dấu thời gian) và nhấn ® để chọn và thoát menu trước đó.				
Cropping (Cắt ảnh)	 Tùy chọn này là có sẵn chỉ khi được hỗ trợ bởi máy in. Để thoát mà không xén, làm nổi bật No cropping (Không xén) và nhấn (). Để xén bức ảnh hiện tại, làm nổi bật Crop (Xén) và nhấn ►. Việc chọn Crop (Xén) sẽ hiển thị hội thoại được hiện ra bên phải. Nhấn ९ để tăng kích thước hình xén, ९ (?) để giảm. Xác định vị trí xén bằng cách sử dụng đa bộ chọn và nhấn (). Lưu ý rằng chất lượng in có thể giảm xuống nếu hình xén nhỏ được in ở kích thước lớn. 				

4 Bắt đầu in.

Chọn **Start printing** (Bắt đầu in) và nhấn 🐵 để bắt đầu in. Để hủy bỏ trước khi tất cả các bản sao được in, nhấn 🛞.



🚺 Tạo Dấu Vết Ngày

Nếu bạn chọn **Print time stamp** (In dấu thời gian) trong menu PictBridge khi in ảnh chứa thông tin ngày tháng được chụp bằng cách sử dụng **Print date** (In ngày) trong menu cài đặt (口 144), ngày sẽ xuất hiện hai lần. Tuy nhiên, ngày tạo dấu vết có thể được cắt khỏi nếu ảnh được xén hay in mà không có viền.

<u>In Đa Ảnh</u>

1 Hiển thị menu PictBridge.

Nhấn nút **MENU** trên màn hình phát lại PictBridge (xem Bước 3 trên trang 114).



2 Chọn một tùy chọn.

Làm nổi một trong những tùy chọn sau và nhấn ▶.

- Print select (In lựa chọn): Chọn các ảnh để in ấn.
- Select date (Chọn ngày): In một bản sao của tất cả các ảnh đã chụp vào ngày lựa chọn.



- Print (DPOF) (In (DPOF)): In theo thứ tự in đã tạo bằng tùy chọn DPOF print order (Thứ tự in DPOF) trên menu phát lại (¹ 120). Thứ tự in hiện thời sẽ được hiển thị ở Bước 3.
- Index print (Bản in danh mục): Để tạo bản in danh mục cho tất cả các ảnh JPEG trên thẻ nhớ, chuyển sang Bước 4. Lưu ý rằng nếu thẻ nhớ chứa trên 256 bức ảnh, chỉ có thể in 256 bức ảnh đầu tiên.

3 Chọn ảnh hoặc chọn ngày. Nếu bạn chọn Print select (Lựa chọn in) hoặc Print (DPOF) (In (DPOF)) trong Bước 2, sử dụng đa bộ chọn để cuộn qua ảnh trên thẻ nhớ. Để hiển thị toàn màn hình ảnh hiện thời, nhấn và giữ nút ₹. Để chọn in ảnh hiện tại, nhấn nút दस्त (?) và nhấn ▲. Hình ảnh sẽ được đánh dấu bằng biểu tượng ④ và số lượng bản in sẽ được đặt ở 1. Tiếp tục nhấn nút दस्त (?), nhấn nút ▲ hoặc nút ▼ để chọn số lượng bản in (lên đến 99 bản, để thôi chọn ảnh, nhấn nút ▼ khi số lượng bản in là 1). Tiếp tục cho đến khi tất cả các ảnh mong muốn được chọn.



BC 0031 JPg BC 0031 JPg 15/04/2012 10:02:27

Nút 🔍 : Xem ảnh toàn màn hình

Nếu bạn chọn Select date (Chọn ngày) trong Bước 2, nhấn nút ▲ hoặc nút ▼ để làm nổi một ngày và bấm nút ▶ để bật hoặc tắt ngày được làm nổi. Để xem các bức ảnh được chụp vào ngày được chọn, nhấn འཕ (?). Sử dụng đa bộ chọn để cuộn qua các bức ảnh, hoặc nhấn giữ འ để xem toàn màn hình bức ảnh hiện tại. Nhấn འཕ (?) lần nữa để quay về hộp thoại lựa chọn ngày.



Nút 🕾 (?) : Xem ảnh của ngày được chon

DSC_0001. JPG 15/04/2012 10:02:27

4 Hiển thị các tùy chọn in.

Nhấn 🛞 để hiển thị các tùy chọn in PictBridge.



5 Điều chỉnh tùy chọn in ấn.

Chọn kích thước trang, viền, và dấu thời gian như mô tả ở trang 116 (một cảnh báo sẽ hiện thị nếu kích thước trang được chọn là quá nhỏ đối với bản in danh mục).

6 Bắt đầu in.

Chọn **Start printing** (Bắt đầu in) và nhấn ® để bắt đầu in. Để hủy bỏ trước khi tất cả các bản sao được in, nhấn ®.



<u> Tạo Thứ Tự In DPOF: Cài Đặt In</u>

Tùy chọn **DPOF print order** (Thứ tự in DPOF) trên menu phát lại được sử dụng để tạo "thứ tự in" kỹ thuật số cho các máy in tương thích với PictBridge và các thiết bị hỗ trợ DPOF.

1 Chọn Select/set (Lựa chọn/cài đặt) cho mục DPOF print order (Thứ tự in DPOF) trên menu phát lại.

Nhấn nút **MENU** và chọn **DPOF print order** (Thứ tự in DPOF) trong menu phát lại. Làm nổi bật **Select/set** (Lựa chọn/cài đặt) và nhấn ▶ (để loại gỡ toàn bộ ảnh khỏi thứ tự in, chọn **Deselect all?** (Bỏ chọn tất cả?)).



Nút MENU

2 Chọn ảnh.

Sử dụng đa bộ chọn để cuộn qua các bức ảnh trên thẻ nhớ. Để hiển thị toàn màn hình ảnh hiện thời, nhấn và giữ nút \mathfrak{A} . Để chọn in ảnh hiện tại, nhấn nút \mathfrak{A} (?) và nhấn \blacktriangle . Hình ảnh sẽ được đánh dấu bằng biểu tượng \bigtriangleup và số lượng bản in sẽ được đặt ở 1. Tiếp tục nhấn nút \mathfrak{A} (?), nhấn nút \blacktriangle hoặc nút \blacktriangledown để chọn số lượng bản in (lên đến 99 bản, để thôi chọn ảnh, nhấn nút \blacktriangledown khi số lượng bản in là 1). Tiếp tục cho đến khi tất cả các ảnh mong muốn được chọn.







 Qiai
 (?) + ▲▼: Chọn số lượng bản sao

Nút \mathfrak{P} : Xem ảnh toàn màn hình

3 Hiển thị tùy chọn tạo dấu vết. Nhấn nút ® để hiển thị các tùy chọn dấu vết dữ liêu.



POF print order

4 Chọn tùy chọn dấu vết.

Làm bật các tùy chọn sau và nhấn nút ▶ để bật hoặc tắt tùy chọn được làm nổi bật (để kết thúc thứ tự in mà không cần đến thông tin này, thực hiện theo Bước 5).



- Print shooting data (In dữ liệu chụp): In tốc độ cửa trập và độ mở ống kính trên toàn bộ ảnh trong thứ tự in.
- Print date (Ngày in): In ngày ghi hình lên tất cả các ảnh có trong thứ tự in.

5 Hoàn thành thứ tự in.

Làm nổi bật **Done** (Xong) và nhấn nút ® để kết thúc thứ tự in.



🚺 Thứ tự in DPOF

Để in thứ tự in hiện thời khi máy ảnh kết nối với máy in PictBridge, chọn **Print (DPOF)** (In (DPOF)) trên menu PictBridge và làm theo các bước trong "In Nhiều Ảnh" để chỉnh sửa và in theo thứ tự hiện thời (^[] 117). Các tùy chọn dữ liệu chupj và ngày in DPOF không được hỗ trợ khi in qua kết nối USB trực tiếp; để in ngày ghi hình lên ảnh trong thứ tự in hiện thời, sử dụng tùy chọn PictBrigde **Time stamp** (Dấu thời gian).

Tùy chọn **DPOF print order** (Thứ tự in DPOF) không thể được sử dụng nếu không đủ dung lượng trống trên thẻ nhớ để chứa thứ tự in.

Không thể lựa chọn được ảnh NEF (RAW) (🎞 44) bằng cách sử dụng tùy chọn này. Bản sao JPEG của hình ảnh NEF (RAW) có thể được tạo bằng cách sử dụng tùy chọn **NEF (RAW) processing** (Xử lý NEF (RAW)) trong menu sửa lại (🕮 157).

Thứ tự in có thể không in chính xác nếu ảnh bị xóa đi thông qua sử dụng máy tính hoặc thiết bị khác sau khi thứ tự in được tạo.

Xem Ảnh Trên TV

Cáp tiếng hình EG-CP14 (A/V) đi kèm có thể được sử dụng để kết nối máy ảnh tới TV hoặc một máy ghi hình để phát lại hoặc ghi lại hình ảnh. Cáp mini Kết Nối Đa Phương tiện Độ Nét Cao (HDMI) loại C (do các nhà cung cấp bên thứ ba bán riêng) có thể được dùng để kết nối máy ảnh tới các thiết bị có độ nét cao.

<u>Các Thiết Bị Với Độ Nét Tiêu Chuẩn</u>

Trước khi kết nối máy ảnh với một TV tiêu chuẩn, hãy chắc rằng chuẩn video của máy ảnh (🎞 136) tương thích với chuẩn được sử dụng ở TV.

1 Tắt máy ảnh.

Luôn tắt máy ảnh trước khi kết nối hoặc ngắt kết nối cáp A/V.

2 Kết nối cáp A/V như hình minh họa.



3 Chỉnh TV sang kênh video.

4 Bật máy ảnh lên và nhấn nút ⊾.

Trong khi phát lại, hình ảnh sẽ được hiển thị trên màn hình TV. Lưu ý rằng các mép của hình ảnh có thế không được hiển thị.

🖉 Chế Độ Video

Nếu ảnh không hiển thị trên màn hình, hãy kiểm tra xem máy ảnh đã được kết nối đúng chưa và liệu tùy chọn dành cho **Video mode** (Chế độ video) (印 136) có tương thích với chuẩn được sử dụng cho TV không.

🖉 Phát Lại Trên TV

Nên sử dụng bộ đổi điện AC EH-5b và đầu nối nguồn EP-5A (bán riêng) khi phát lại lâu dài.

<u>Thiết Bị Độ Nét Cao</u>

Máy ảnh này có thể được kết nối tới các thiết bị HDMI bằng việc sử dụng cáp C pin-mini HDMI (do các nhà cung cấp bên thứ ba bán riêng).

1 Tắt máy ảnh.

Luôn tắt máy ảnh trước khi kết nối hoặc ngắt kết nối cáp HDMI.

2 Kết nối cáp HDMI như minh họa.



3 Chỉnh thiết bị về kênh HDMI.

4 Bật máy ảnh lên và nhấn nút **▶**.

Trong khi phát lại, hình ảnh sẽ được hiển thị trên TV độ phân giải cao hoặc thiết bị video. Lưu ý rằng các mép của hình ảnh có thế không được hiển thị.

🚺 Đóng Nắp Đầu Nối

Đóng nắp đầu nối khi không sử dụng đầu nối. Bụi bẩn ở các đầu nối có thể ảnh hưởng đến việc truyền dữ liệu.

🖉 Âm thanh

Khi một đoạn phim kèm âm thanh được ghi lại theo chuẩn âm thanh nổi bằng cách sử dụng một micrô âm thanh nổi ME-1 tùy chọn (따 91, 177) được xem trên TV kết nối với máy ảnh qua một cáp A/V, âm thanh đầu ra là âm thanh đơn sắc. Kết nối HDMI hỗ trợ âm thanh đầu ra stereo. Có thể điều chỉnh âm lượng bằng cách sử dụng điều khiển của TV, không sử dụng được điều khiển của máy ảnh.

💵 Tùy Chọn HDMI

Tùy chọn **HDMI** trong menu cài đặt điều khiển độ phân giải đầu ra và có thể được dùng để bật máy ảnh để điều khiển từ xa từ các thiết bị hỗ trợ chuẩn HDMI-CEC (Điều khiển Điện tử Người Sử Dụng Giao Diện Đa Phương Tiện Độ nét Cao, chuẩn cho phép các thiết bị HDMI được sử dụng để điều khiển thiết bị ngoại vi kết nối với chúng).

Output resolution (Độ phân giải đầu ra)

Chọn định dạng cho ảnh đầu ra ở thiết bị HDMI. Nếu **Auto** (Tự động) được chọn, máy ảnh sẽ tự động chọn định dạng thích hợp. Bất kể chọn tùy chọn nào, **Auto** (Tự động) sẽ được sử dụng để ghi và phát lại phim.

Device Control (Điều Khiển Thiết Bi)

Nếu **On** (Bật) được chọn cho **HDMI** > **Device control** (Điều khiển thiết bị) trong menu cài đặt khi máy ảnh kết nối với TV hỗ trợ HDMI-CEC và cả máy ảnh và TV đều bật, hiển thị xuất hiện ở phía bên phải sẽ xuất hiện trên TV và có thể sử dụng điều khiển từ xa của TV thay đa bộ chọn máy ảnh và nút ® trong trình phát lại khung hình đầy và trình chiếu slide. Nếu **Off** (Tắt) được chọn, không thể dùng điều khiển từ xa để điều khiển máy ảnh.



Disu	
Play	
Slide show	
Shac show	

🖉 Thiết bị HDMI-CEC

Khi máy ảnh kết nối với một thiết bị HDMI-CEC, [E[sẽ xuất hiện trong kính ngắm ở số phơi sáng còn lại.

🖉 🛛 Điều Khiển Thiết Bị

Xem tài liệu hướng dẫn sử dụng TV để có thông tin chi tiết.

🖉 HDMI và Xem Trực Tiếp

Các màn hình hiển thị HDMI được kết nối qua cáp HDMI có thể được sử dụng để xem trực tiếp và ghi phim (□ 86, 90). Trong quá trình ghi và phát lại phim, đầu ra HDMI được điều chỉnh theo tùy chọn được chọn cho **Movie settings** (Cài đặt phim) > **Frame size/frame rate** (Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình) trên menu chụp (□ 90). Lưu ý rằng một số thiết bị có thể không hỗ trợ cài đặt được chọn; trong trường hợp này, chọn **1080i (interlaced)** (1080i (đan xen)) cho **HDMI** > **Output resolution** (Độ phân giải đầu ra) (□ 124). Đầu ra phim có thể ở kích cỡ khuôn hình nhỏ hơn so với giá trị được chọn cho **Frame size/ frame rate** (Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình) (□ 90).

Hướng Dẫn Menu

🕩 Menu Phát Lại: Quản Lý Hình Ảnh

Để hiển thị menu phát lại, nhấn MENU và chọn tab 🕩 (menu phát lại).









	I LAIDACK MENO	
1	Delete	a,
	Playback folder	D3200
Ţ	Playback display options	
	Image review	ON
	Rotate tall	ON
	Slide show	
	DPOF print order	£
?		

Nút MENU

Menu phát lại chứa các tùy chọn sau:

Tùy chọn	Mặc Định	m	Tùy chọn	Mặc Định	m	
Delete (Xóa)	—	107	Rotate tall (Xoay dọc)	On (Bật)	126	
Playback folder (Thư mục	Current (Hiện	125	Slide show (Trình chiếu	_		
phát lại)	tại)	125	slide)			
Playback display options (Tùy chọn hiển thị phát lại)	_		lmage type (Kiểu ảnh)	Still images and movies (Ảnh và phim tĩnh)	109	
Additional photo info (Thông tin hình ảnh bổ	_	126	126	Frame interval (Quãng khuôn hình)	2 s (2 giây)	109
sung) Transition effects (Hiệu ứng chuyển tiếp)	Slide in (Trượt vào trong)		Transition effects (Hiệu ứng chuyển tiếp)	Zoom/fade (Thuphóng/mờ dần)		
lmage review (Xem lại hình ảnh)	On (Bật)	126	DPOF print order (Thứ tự in DPOF)	—	120	

Playback Folder (Thư Mục Phát Lại)

Nút MENU 🔿 🕞 menu phát lại

Chọn một thư mục để phát lại:

Tùy chọn	Mô tả
Current (Hiện tại)	Chỉ các ảnh trong thư mục được chọn hiện tại cho Storage folder (Thư mục lưu trữ) trong menu thiết lập (ഥ 146) mới được hiển thị trong quá trình phát lại. Tùy chọn này được chọn tự động khi chụp ảnh. Nếu thẻ nhớ được lắp vào và tùy chọn này được chọn trước khi chụp ảnh, thông báo cho biết thư mục không chứa ảnh nào có thể được hiển thị trong quá trình phát lại. Chọn All (Tất cả) để bắt đầu phát lại.
All (Tất cả)	Hình ảnh trong tất cả các thư mục sẽ hiển thị trong khi phát lại.

►

Playback Display Options (Tuy Chon Hiển Thi Phát Lai)

Chon thông tin sẵn có trên màn hình hiển thi thông tin hình ảnh phát lai (🕮 98) và chuyển tiếp giữa các khuôn hình trong quá trình phát lai.

- Additional photo info (Thông tin hình ảnh bổ sung): Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật một tùy chon, sau đó nhấn ▶ để chon tùy chon hiển thi thông tin ảnh. A 🗹 sẽ xuất hiện bên cạnh các mục đã chon; để bỏ chon, làm nổi bât và nhấn . Để trở về menu phát lai, làm nổi bât Done (Xong) và nhấn 🛞.
- Transition effects (Hiêu ứng chuyển tiếp): Chon từ Slide in (Trươt vào trong) (mỗi khuôn hình được đẩy ra khỏi màn hình hiển thi bởi khuôn hình sau đó), Zoom/fade (Thu phóng/mờ dần) (các khuôn hình mờ dần vào nhau với hiệu ứng thu phóng) và **None** (Không) (không có hiêu ứng chuyển tiếp giữa các khuôn hình).

Image Review (Xem Lai Hình Ảnh)

Chon để ảnh được từ động hiển thị trong màn hình ngay sau khi chup. Nếu Off (Tắt) được chon, ảnh chỉ có thể được hiển thi bằng cách nhấn nút **►**.

Rotate Tall (Xoay Doc)

Chon để xoay ảnh "doc" (chiều chân dung) trong khi phát lai. Lưu ý rằng vì bản thân máy ảnh đã ở trong hướng phù hợp trong suốt quá trình chup, hình ảnh sẽ không xoay tư động trong quá trình xem lại hình ảnh.

Tùy chọn	Mô tả			
	Hình ảnh "Dọc" (hướng chân dung) tự động xoay để hiển thị trong màn hình máy ảnh. Ảnh			
On (Bật)	được chụp với Off (Tắt) được chọn cho Auto image rotation (Tự động xoay hình ảnh) (🎞 138)			
	sẽ được hiển thị ở hướng "ngang" (phong cảnh).			
Off (Tắt)	Ảnh "Dọc" (hướng chân dung) được hiển thị ở hướng "ngang" (phong cảnh).			

Image review On Off

Δ

Nút MENU → ▶ menu phát lại

Nút MENU → ▶ menu phát lại Rotate tall





Nút MENU → ▶ menu phát lại

🖨 Menu Chụp: Các Tùy Chọn Chụp

Để hiển thị menu chụp, nhấn MENU và chọn tab 🗖 (menu chụp).



Menu chụp chứa các tùy chọn sau:

Tùy chọn			Mặc Định		
Reset shooting menu (Đặt lại menu chụp)			_	128	
Set Picture Control (Đặt Picture Control)			Standard (Tiêu chuẩn)	76	
lmage quality (Chất lượng hình ảnh)		JPEG normal (JPEG bình thường)	44		
lmage size (Cỡ hình ảnh)		Large (Lớn)	46		
White balance (Cân bằng trắng)		ân bằng trắng)	Auto (Tự động)	69	
	Fluorescent (Huỳnh quang)		Cool-white fluorescent (Cân bằng trắng huỳnh quang)	70	
ISO sensitivity settings (Cài đặt đ			lộ nhạy ISO)		
	ISO consitivity	P, S, A, M	100		
	(Độ nhạy ISO)	Các chế độ khác	Auto (Tự động)	51	
	Auto ISO sensitivity control (Điều khiển độ nhạy ISO tự động)		Off (Tắt)	129	
Active D-Lighting (D-Lighting hoạt động)		On (Bật)	67		
Auto distortion control (Điều khiển biến dạng tự động)		Off (Tắt)	130		
Color space (Không gian màu)			sRGB	130	
Noise reduction (Giảm nhiễu)			On (Bật)	131	

Tùy chọn			Mặc Định	m
ŀ	\F-area mode (Ch	nế độ vùng lấy r	nét tự động)	
		Ŧ	Single-point AF (Lấy nét tự động điểm đơn)	38
	Kính ngắm	ર્ગ	Dynamic-area AF (Lấy nét tự động vùng động)	
		Các chế độ khác	Auto-area AF (Lấy nét tự động vùng tự động)	
	Xem trực tiếp/ phim	Ź, a , 2 , d	Face-priority AF (Lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt)	
		💐, P, S, A, M Wide-area AF (Lấy nét động vùng rộng)		82
		₽.	Normal-area AF (Lấy nét tự động vùng bình thường)	
Built-in AF-assist illuminator (Đèn trợ giúp lấy nét tự động gắn sẵn)			On (Bật)	131
1	Metering (Đo sán	g)	Matrix metering (Đo sáng ma trận)	60
Movie settings (Cài đặt phim)				
	Frame size/frame rate (Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình)*		_	
Movie quality (Chất lượng phim) Microphone (Micrô)		High quality (Chất lượng cao)	90	
		Auto sensitivity (Độ nhạy tự động)		
	Manual movie settings (Cài đặt phim bằng tay)		Off (Tắt)	
 (lash cntrl for bu Điều khiển đèn r nháy gắn sẵn)	ilt-in flash 1háy cho đèn	TTL	132

* Mặc định thay đổi theo quốc gia mua.

Lưu ý: Tùy thuộc vào cài đặt máy ảnh, một vài mục có thể bị mờ đi và không hiển thị chức năng. Để biết thông tin về các tùy chọn có trong mỗi chế độ chụp, xem trang 187. Chọn Yes (Có) để đặt lại các cài đặt menu chụp.

🖉 Đặt Lại Tùy Chọn Chụp

Việc chọn **Yes** (Có) cho **Reset shooting menu** (Đặt lại menu chụp) cũng khôi phục cài đặt Picture Control về các giá trị mặc định (따 77) và đặt lại như sau:

Tùy chọn	Mặc Định			Tùy chọn	Mặc Định	
Chế độ nhả			Chế độ đèn nháy			
📸, 🟵, Ž, 🛋, 🙅, 🗳, 🖾, P, S,	Khuôn hình đơn			AUTO 23 .57	Đồng bộ màn trước tự	
A, M	KIIUUII IIIIIII UUII	31		D, L, Y, W	động	40
*	Liên tục			2	Tự động đồng bộ chậm	48
Điểm lấy nét [*]	Trung tâm	40		P, S, A, M	Đồng bộ màn trước	
Chương Trình Linh Động	Tắt	54	Bù phơi sáng		Tắt	63
Giữ nút ∰ (்⊸)	Tắt	143	Bù đèn nháy		Tắt	65
Chế độ lấy nét						
Kính ngắm	Lấy nét tự động phần phụ tự động	35				
Xem trực tiếp/phim	Lấy nét tự động phần phụ đơn	81				
* Không được hiển thi nếu 🛏 (Auto-area AF (AF vùng tự động)) được chon cho AF-area mode (chế						

độ vùng AF) > **Viewfinder** (Kính ngắm).
ISO Sensitivity Settings (Cài Đặt Độ Nhạy ISO)

Cài đặt độ nhạy ISO (🕮 51).



💵 Auto ISO Sensitivity control (Điều khiển Độ Nhạy ISO Tự Động)

Nếu **Off** (Tắt) được chọn cho **Auto ISO sensitivity control** (Điều khiển độ nhạy ISO tự động) trong các chế độ **P**, **S**, **A** và **M**, độ nhạy ISO sẽ được giữ cố định ở giá trị mà người dùng chọn (\Box 51). Khi chọn **On** (Bật), độ nhạy ISO sẽ tự động được điều chỉnh nếu không thể đạt được phơi sáng tối ưu ở giá trị mà người dùng chọn (độ nhạy ISO được điều chỉnh phù hợp khi sử dụng đèn nháy). Giá trị tối đa cho độ nhạy ISO tự động có thể được chọn bằng cách sử dụng tùy chọn **Maximum sensitivity** (Độ nhạy tối đa) trong menu **Auto ISO sensitivity control** (Điều khiển độ nhạy ISO tự động) (chọn giá trị thấp hơn để ngăn nhiễu (các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù hoặc đường thằng; giá trị tối thiểu cho độ nhạy ISO tự động được đặt tự động thành ISO 100)). Trong chế độ **P** và **A**, chỉ có thể điều chỉnh được độ nhạy nếu thiếu phơi sáng sẽ xảy ra ở tốc độ cửa trập được chọn cho **Minimum shutter speed** (Tốc độ cửa trập tối thiểu) (¹/2000–1</sup> giây; hoặc **Auto** (Tự động) ở các chế độ **S** và **M**, độ nhạy sẽ được điều chỉnh cho phơi sáng tối ưu ở tốc độ cửa trập do người dùng chọn). Nếu chọn **Auto** (Tự động) (chỉ sẵn có với thấu kính CPU), máy ảnh sẽ chọn tốc độ cửa trập tối thiểu dựa trên tiêu cự của thấu kính. Tốc độ cửa trập chậm hơn sẽ chỉ được sử dụng nếu không đạt được phơi sáng tối ưu ở giá trị độ nhạy ISO tự động thất vớn sensitivity (Độ nhạy tối đa).

Khi chọn **On** (Bật), kính ngắm hiện **ISO-AUTO** và màn hình hiển thị thông tin **ISO-A**. Các chỉ báo này nhấp nháy khi độ nhạy thay đổi so với giá trị mà người sử dụng chọn.



🖉 🛛 Điều Khiển Độ Nhạy ISO Tự Động

Nhiễu (các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù hoặc đường thẳng) có nhiều khả năng xảy ra hơn ở độ nhạy cao hơn. Sử dụng tùy chọn **Noise reduction** (Giảm nhiễu) trong menu chụp để giảm nhiễu (ഥ 131). Lưu ý rằng độ nhạy ISO có thể được tự động tăng lên khi điều khiển độ nhạy ISO tự động được sử dụng kết hợp với các chế độ đèn nháy đồng bộ chậm (sẵn có với đèn nháy gắn sẵn và bộ đèn nháy tùy chọn được liệt kê trên trang 173), có thể ngăn máy ảnh không chọn tốc độ cửa trập thấp.

Ó

Auto Distortion Control (Điều Khiển Biến Dạng Tự Động)

Chọn **On** (Bật) để giảm hiện tượng cong đường biên hình trong các tấm ảnh được chụp với thấu kính góc rộng và để giảm biến dạng đệm chốt trong các tấm ảnh được chụp với thấu kính dài (lưu ý rằng mép của khu vực nhìn thấy trong kính ngắm có thể được cắt khỏi bức ảnh cuối và thời gian cần để xử lý hình ảnh trước khi ghi có thể tăng thêm). Tùy chọn này không áp dụng đối với phim và chỉ sẵn có với thấu kính loại G và D (không gồm thấu kính PC, mắt cá, và các thấu kính khác); kết quả không được đảm bảo với các thấu kính khác.

🖉 🛛 Sửa lại: Điều Khiển Biến Dạng

Để biết thêm thông tin vào việc tạo bản sao của hình ảnh hiện tại được giảm cong biên hình và biến dạng đệm chốt, xem trang 159.

Color Space (Không Gian Màu)

Các không gian màu xác định gam màu sẵn có cho việc tái tạo màu sắc. Chọn **sRGB** cho những bức ảnh sẽ được in ra hoặc sử dụng "như thật," không có sửa đổi thêm. **Adobe RGB** (Hệ màu RGB của Adobe) có gam màu rộng hơn và được khuyến nghị cho các bức ảnh được xử lý mở rộng hoặc sửa lại sau khi rời khỏi máy ảnh.

🖉 Không Gian Màu

Không gian màu xác định sự tương ứng giữa màu sắc và các giá trị số đại diện cho các màu đó trong tập tin ảnh kỹ thuật số. Không gian màu sRGB được sử dụng rộng rãi, trong khi không gian màu RGB của Adobe RGB thường được sử dụng trong xuất bản và in thương mại. sRGB được khuyến nghị khi chụp các bức ảnh sẽ được in mà không sửa đổi hay xem trong các ứng dụng không hỗ trợ quản lý màu, hay khi chụp các bức ảnh sẽ được in bằng ExifPrint, tùy chọn in trực tiếp trên một số máy in gia đình, hoặc in ở tiệm hay dịch vụ in thương mại khác. Hình ảnh Adobe RGB cũng có thể được in bằng cách sử dụng các tùy chọn này, nhưng màu sắc sẽ không sống động.

Các bức ảnh JPEG được chụp trong không gian màu RGB của Adobe không phù hợp với DCF; các ứng dụng và máy in hỗ trợ DCF sẽ tự động chọn không gian màu chính xác. Nếu ứng dụng hoặc thiết bị không hỗ trợ DCF, chọn không gian màu phù hợp bằng tay. Để biết thêm thông tin, xem tài liệu được cung cấp cùng ứng dụng hoặc thiết bị.

🖉 Phần Mềm Nikon

ViewNX 2 (được cung cấp) và Capture NX 2 (có riêng) tự động lựa chọn không gian màu chính xác khi mở ảnh được chụp bằng máy ảnh này.





Nút MENU -> 🗗 menu chup



Chọn **On** (Bật) để giảm nhiễu (các điểm sáng, điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, đường thẳng hoặc sương mù). Giảm nhiễu có hiệu quả ở tất cả các độ nhạy ISO, nhưng dễ nhận thấy nhất ở các giá trị cao hơn. Thời gian cần thiết để xử lý ở tốc độ cửa trập chậm hơn khoảng 1 giây khi nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng lên và độ nhạy ISO cao gần như gấp đôi; trong quá trình xử lý, "**Jabn**r" sẽ nhấp nháy trên kính ngắm và không thể chụp ảnh. Giảm nhiễu sẽ không thể được thực hiện nếu tắt máy ảnh trước khi hoàn thành việc xử lý.

Nếu chọn **Off** (Tắt), giảm nhiễu sẽ chỉ được thực hiện ở các độ nhạy ISO cao; lượng giảm nhiễu ít hơn lượng được thực hiện khi chọn **On** (Bật).

Built-in AF-assist Illuminator (Đèn Trợ Giúp Lấy Nét Tự Động Gắn Sẵn)

Chọn cho phép đèn trợ giúp lấy nét tự động gắn sẵn sáng hoặc không để hỗ trợ việc lấy nét khi chiếu sáng yếu.

 Tùy chọn
 Mô tả

 Đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động sáng khi chiếu sáng yếu (chỉ chụp ảnh bằng kính ngắm).

 Đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động sẵn có nếu thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

 1. AF-S được chọn cho chế độ lấy nét (□ 35) hoặc lấy nét tự động phần phụ đơn

 được chọn khi lớp ngắn gáy cả về chế độ lấy nét tự động phần phụ đơn

On (Bật)	dược chọn khi kinh ngam được sử dụng ở chế độ AF-A.			
	2. [=] (Auto-area AF (AF vùng tự động)) được chọn cho AF-area mode (Chế độ			
	vùng AF) > Viewfinder (Kính ngắm) (🎞 38, 39) hoặc tùy chọn khác 🖃 (Auto-			
	area AF (AF vùng tự động)) được chọn và chọn điểm lấy nét trung tâm.			
0# (T±+)	Đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động sẽ không sáng để hỗ trợ quá trình lấy nét. Máy ảnh không			
UII (Tal)	thể lấy nét bằng việc sử dụng lấy nét tự động khi chiếu sáng yếu.			

🖉 Xem Thêm

Xem trang 37 để biết thông tin về cách sử dụng đèn chiếu trợ giúp AF. Thông tin về các chế độ chụp trợ giúp AF có trên trang 187. Xem trang 171 để có thêm thông tin về những hạn chế đối với thấu kính có thể sử dụng với trợ giúp lấy nét tự động.



Đèn chiếu trơ giúp lấy

Nút MENU → 🗖 menu chup



Nút MENU → 🗅 menu chụp

Flash Cntrl for Built-in Flash (Điều Khiển Đèn Nháy Cho Đèn Nháy Gắn Sẵn)

Chọn chế độ đèn nháy cho đèn nháy gắn sẵn ở chế độ P, S, A và M.

Tùy chọn		Mô tả		
TTL\$	TTL	Công suất đèn nháy được tự động điều chỉnh tương ứng với đi	ều kiện chụp ảnh.	
M\$	Manual (Bằng tay)	Chọn mức đèn nháy giữa Full (Hết cỡ) và 1/32 (¹ / ₃₂ công suất đầy đủ). Ở công suất tối đa, đèn nháy gắn sẵn có Số Hướng Dẫn là 13 (m, ISO 100, 20 °C).	Flash critri for built-in flash Manual 7 1/2 1/4 1/8 1/16 1/32	

🖉 Bằng tay

Biểu tượng 💯 nhấp nháy trên kính ngắm và màn hình hiển thị thông tin khi chọn **Manual** (Bằng tay) và nâng đèn nháy.



🖉 SB-400

Khi bộ đèn nháy SB-400 tùy chọn được gắn vào và bật, **Flash cntrl for built-in flash** (Điều khiển đèn nháy cho đèn nháy gắn sẵn) đổi thành **Optional flash** (Đèn nháy tùy chọn), cho phép chọn chế độ điều khiển đèn nháy cho SB-400 từ **TTL** và **Manual** (Bằng tay).



🖉 Điều khiển đèn nháy

Các loại điều khiển đèn nháy sau đây được hỗ trợ khi sử dụng thấu kính CPU kết hợp với đèn nháy gắn sẵn (따 47) hoặc bộ đèn nháy tùy chọn (따 172).

- Nạp Flash Đã Cân Bằng i-TTL cho SLR Kỹ Thuật Số: Thông tin từ cảm biến RGB 420 điểm ảnh được dùng để điều chỉnh công suất đèn nháy để có độ cân bằng tự nhiên giữa đối tượng chính và nền.
- Nạp Flash i-TTL Tiêu Chuẩn cho SLR Kỹ Thuật Số: Công suất đèn nháy được điều chỉnh cho đối tượng chính; độ sáng của nền không được tính tới. Nên dùng cho những bức ảnh trong đó đối tượng chính được nhấn mạnh và giảm các chi tiết nền, hay khi bù phơi sáng được sử dụng.

Điều khiển đèn nháy i-TTL tiêu chuẩn được sử dụng cùng với đo sáng điểm hoặc khi được chọn với bộ đèn nháy tùy chọn. Nạp flash đã cân bằng i-TTL cho SLR kỹ thuật số được sử dụng trong tất cả các trường hợp khác.

Y Menu Cài Đặt: Cài Đặt Máy Ảnh

Để hiển thị menu cài đặt, nhấn MENU và chọn tab 🖞 (menu cài đặt).









	SETUP MENU	
	Reset setup options	
•	Format memory card	
I	Monitor brightness	0
	Info display format	info
	Auto info display	ON
	Clean image sensor	
	Lock mirror up for cleaning	
?	Video mode	NTSC
_		

Nút MENU

Menu cài đặt chứa các tùy chọn sau:

	Tùy chọn	Mặc Định	
Reset : chọn c	setup options (Đặt lại tùy ài đặt)	—	134
Forma dạng t	t memory card (Định hẻ nhớ)	—	19
Monite màn h	or brightness (Độ sáng ình)	0	134
Info di hiển ti	splay format (Định dạng nị thông tin)	Graphic (Đồ họa); Background color (Đồ họa; Màu nền): White (Trắng)	134
Auto iı thông	nfo display (Hiển thị tin tự động)	On (Bật)	136
Clean i	mage sensor (Làm sạch cả	m biến hình ảnh)	
Clea	n at startun/shutdown	Clean at startup &	
(Làn	n sạch khi bật/tắt)	shutdown (Làm sạch khi bật và tắt)	180
Lock m gương	irror up for cleaning (Khoá nâng lên để làm sạch) 1	_	182
Video	mode (Chế độ video) ²	—	136
HDMI			
Outp giải	out resolution (Độ phân đầu ra)	Auto (Tự động)	124
Devi thiế	ce control (Điều khiển t bị)	On (Bật)	124
Flicker nháy)	reduction (Giảm nhấp	Auto (Tự động)	136
Time z	one and date (Múi giờ và ı	1gày) ²	
Dayl tiết	ight saving time (Thời gian kiệm ánh sáng ban ngày)	Off (Tắt)	137
Langu	age (Ngôn Ngữ) ²		137
lmage hình ả	comment (Chú thích nh)	—	138
Auto iı xoay h	nage rotation (Tự động ình ảnh)	On (Bật)	138

Tùy chọn	Mặc Định		
lmage Dust Off ref photo (Ảnh Tham Chiếu Bỏ Bụi)	_	139	
Auto off timers (Tự động hẹn giờ tắt)	Normal (Bình thường)	140	
Self-timer (Tự hẹn giờ)			
Self-timer delay (Độ trễ tự hẹn giờ)	10 s (10 giây)	141	
Number of shots (Số lần chụp)	1	141	
Remote on duration (Chụp từ xa theo thời lượng)	1 min (1 phút)	141	
Beep (Bíp)	Low (Thấp)	141	
Rangefinder (Máy ngắm)	Off (Tắt)	142	
File number sequence (Trình tự số tập tin)	Off (Tắt)	142	
Buttons (Nút)			
Assign Fn button (Gán nút Fn)	ISO sensitivity (Độ nhạy ISO)	143	
Assign AE-L/AF-L button (Gán nút AE-L/AF-L)	AE/AF lock (Khóa AE/AF)	143	
Shutter-release button AE-L (Nút nhả cửa trập AE-L)	Off (Tắt)	144	
Slot empty release lock (Khóa nhả khe trống)	Release locked (Khóa nhả)	144	
Print date (Ngày in)	Off (Tắt)	144	
Storage folder (Thư mục lưu trữ)	-	146	
GPS			
Standby timer (Hẹn giờ chờ)	Enable (Cho phép)	147	
Use GPS to set camera clock (Dùng GPS để đặt giờ máy ảnh)	Yes (Có)	147	
Eye-Fi upload (Tải lên Eye-Fi) ³	Enable (Cho phép)	148	
Firmware version (Phiên bản vi chương trình)	-	148	

1 Không thực hiện được khi pin yếu.

2 Mặc định thay đổi theo quốc gia mua.

3 Chỉ hoạt động khi gắn thẻ nhớ Eye-Fi tương thích (D 148).

Lưu ý: Tùy thuộc vào cài đặt máy ảnh, một số mục có thể chuyển sang màu xám và không có sẵn.

Reset Setup Options (Đăt Lai Tùy Chon Cài Đăt)

Chon Yes (Có) để đăt lai menu cài đăt cho tất cả các cài đăt ngoai trừ Video mode (Chế đô video), Time zone and date (Múi giờ và ngày), Language (Ngôn ngữ) và Storage folder (Thư mục lưu trữ) về mặc định nêu trên.



Monitor brightness

P

Info Display Format (Đinh Dang Hiển Thi Thông Tin)

F5.6

REFON ICOSD

2 0.0

tăng đô sáng, thấp hơn để giảm đô sáng.

Chon từ hai đinh dang sau đây cho màn hình hiển thi thông tin (⁽¹⁾ 5).



Programmed auto

£7.

fin Sof

Cổ điển (🕮 135)



1

2 Chon màu nền.

Làm nổi bất màu nền và nhấn 🛞. Chon từ màu xanh, đen hay cam (Cổ Điển) hoặc trắng, đen hay nâu (Đồ Hoa).



517

1/125 F5.6

00 100

C Set

Đồ hoa (🕮 5)

Nút MENU → Y menu cài đăt









Màn hình hiển thị "Cổ Điển" được trình bày bên dưới.



🖉 Xoay Máy Ảnh

Khi xoay máy ảnh 90 °, thông tin chụp sẽ xoay để phù hợp với hướng máy ảnh.



Nếu chọn **On** (Bật), màn hình hiển thị thông tin sẽ xuất hiện sau khi nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng; nếu tắt chế độ xem lại hình ảnh (^[] 126), màn hình này sẽ được hiển thị ngay sau khi chụp. Chọn **On** (Bật) nếu bạn thấy mình thường xuyên tham khảo màn hình hiển thị thông tin trong khi chụp. Nếu chọn **Off** (Tắt), có thể xem màn hình hiển thị thông tin bằng cách nhấn nút **đ**.

Video Mode (Chế Độ Video)

Khi kết nối máy ảnh với truyền hình hoặc VCR, cần đảm bảo chế độ video của máy ảnh phù hợp với chuẩn thiết bị video (NTSC hay PAL).

Flicker Reduction (Giảm Nhấp Nháy)

Giảm nhấp nháy và dải khi chụp dưới ánh đèn huỳnh quang hoặc thuỷ ngân trong khi xem trực tiếp (印 80) hoặc quay phim (印 88). Chọn **Auto** (Tự động) để cho phép máy ảnh tự động chọn tần số chính xác hoặc làm cho tần số phù hợp với tần số của nguồn điện AC cục bộ bằng tay.

Flicker Reduction (Giảm Nhấp Nháy)

Nếu **Auto** (Tự động) không mang đến kết quả mong muốn và nếu bạn không chắc chắn về tần số của nguồn điện cục bộ, hãy thử cả hai tùy chọn và chọn tùy chọn mang đến kết quả tốt nhất. Giảm nhấp nháy có thể không mang lại kết quả như mong muốn với một số đối tượng, trong trường hợp này nên chọn chế độ **A** hay **M** và chọn độ mở ống kính bé hơn (số f cao hơn) trước khi xem trực tiếp. Lưu ý rằng không thể giảm nhấp nháy khi **On** (Bật) được chọn cho **Movie settings** (Cài đặt phim) > **Manual movie settings** (Cài đặt phim bằng tay) (^{[[1]} 91) ở chế độ **M**.

Nút MENU → ¥ menu cài đặt

Nút MENU → ¥ menu cài đăt

.Y

Tùy chọn

Thay đổi múi giờ, đặt đồng hồ máy ảnh, chon thứ tư hiển thi ngày, và bật hoặc tắt thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày.

Time zone (Múi giờ)	Chọn múi giờ. Đồng hồ máy ảnh sẽ tự động thiết lập thời gian theo múi giờ mới.	Time zone Lendon, Casabianca UTC 0 15/04/2012 10:00:08 030K
Date and time (Ngày và thời gian)	Cài đặt đồng hồ máy ảnh (🎞 16).	Time zone and date Date and time Y M D H M S 20122.02.15 10:00:00 0030K
Date format (Định dạng ngày)	Chọn thứ tự hiển thị ngày, tháng, năm.	Time zone and date Date format V/W/D Year/Month/Day W/D/Y Month/Day/Year D/W/Y Day/Month/Year OX
Daylight saving time (Thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày)	Bật hoặc tắt thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày. Đồng hồ máy ảnh sẽ tự động chỉnh sớm hơn hoặc chậm lại một giờ. Cài đặt mặc định là Off (Tắt).	Time zone and date Daylight saving time On Off Off OK

Mô tả

Language (Ngôn Ngữ)

Chọn ngôn ngữ cho menu máy ảnh và các thông báo.





Nút MENU → Y menu cài đặt

Image Comment (Chú Thích Hình Ånh)

Thêm chú thích cho ảnh vừa chup. Chú thích có thể được xem như siêu dữ liêu trong ViewNX 2 (cung cấp) hoặc Capture NX 2 (có sẵn; 🕮 176). Chú thích cũng xem được trên trang dữ liêu chup trong phần hiển thi thông tin ảnh (🕮 100).

- Done (Hoàn Tất): Lưu thay đổi và trở về menu cài đăt.
- Input comment (Nhâp chú thích): Nhâp chú thích như mô tả ở trang 146. Phần chú thích có đô dài lên đến 36 ký tư.
- Attach comment (Đính kèm chú thích): Chon muc này để đính kèm chú thích cho tất cả các ảnh tiếp theo. Attach comment (Đính kèm chú thích) có thể được bật hay tắt bằng cách làm nổi bật và nhấn ▶.

Auto Image Rotation (Tư Động Xoay Hình Ảnh)

Những bức ảnh chup khi chon **On** (Bât) chứa thông tin về hướng máy ảnh, cho phép xoay tư đông trong khi phát lai hoặc khi xem trong ViewNX 2 hay trong Capture NX 2 (có riêng; 🕮 176). Các hướng được lưu:



đồng hồ

Hướng máy ảnh không được lưu khi chon **Off** (Tắt). Chon mục này khi quét hay chup ảnh với thấu kính hướng lên hay xuống.

Rotate Tall (Xoav Doc)

Để tự động xoay "dọc" (hướng chân dung) ảnh hoặc hiển thị khi phát lại, chọn **On** (Bật) ở mục **Rotate** tall (Xoay doc) trong menu phát lai (🕮 126).





Máv ảnh xoav 90° theo chiều kim



Máy ảnh xoay 90° ngược chiều kim

đồng hồ



Nút MENU → ¥ menu cài đăt

Nút MENU → ¥ menu cài đặt

Image Dust Off Ref Photo (Ånh Tham Chiếu Bỏ Bui)

Thu được dữ liêu tham chiếu cho tuỳ chon Ảnh Bỏ Bui trong Capture NX 2 (có riêng, để biết thêm thông tin, xem hướng dẫn Capture NX 2).

Image Dust off ref photo (Ảnh Tham Chiếu Bỏ Bui) chỉ có khi thấu kính CPU được gắn trên máy ảnh. Nên dùng thấu kính có tiêu cư ít nhất 50 mm. Khi sử dụng một thấu kính thụ phóng. phóng to hết cỡ.

1 Chon tuỳ chọn khởi động.

Làm nổi một trong những tùy chon sau và nhấn @. Để thoát mà không thu dữ liêu bỏ bui hình ảnh, nhấn MENU.

- Start (Bắt đầu): Thông báo hiện ra ở bên phải sẽ được hiển thị và "rEF" sẽ xuất hiện trên kính ngắm.
- Clean sensor and then start (Vê sinh cảm biến và sau đó bắt đầu): Chon mục này để vê sinh cảm biến hình ảnh trước khi bắt đầu. Thông báo hiện ra ở bên phải sẽ được hiển thi và "rEF" sẽ xuất hiện trên kính ngắm sau khi vê sinh xong.

🔽 Lau Chùi Bộ Cảm Biến Hình Ảnh

Dữ liêu tham chiếu Ảnh Bỏ Bui được ghi trước khi diễn ra quá trình làm sach cảm biến hình ảnh không thể được sử dung với các bức ảnh được chup sau khi quá trình làm sach cảm biến hình ảnh được tiến hành. Chỉ chon Clean sensor and then start (Vê sinh biến và sau đó bắt đầu) nếu dữ liêu tham chiếu Ảnh Bỏ Bui sẽ không được dùng cho các ảnh hiên tại.

2 Tao khuôn hình một đối tượng màu trắng trong kính ngắm.

Với thấu kính khoảng mười xentimet từ một đối tương trắng không có đặc điểm, đủ sáng, lấy khuôn hình sao cho đối tương lấp đầy kính ngắm và nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập.

Trong chế đô lấy nét tư đông, lấy nét sẽ tư đông được cài ở vô tân; trong chế đô lấy nét bằng tay, đặt lấy nét áng vô tân bằng tay.

3 Yêu cầu dữ liệu tham chiếu Ảnh Bỏ Bụi.

Nhấn hết cỡ nút nhả cửa trập để lấy dữ liệu tham chiếu Ảnh Bỏ Bui. Màn hình sẽ tắt khi nút nhả cửa trập được nhấn. Lưu ý rằng khi đối tượng được chiếu sáng yếu, giảm nhiễu sẽ được thực hiên, làm tăng thời lượng ghi.



Nếu đối tượng tham chiếu quá sáng hoặc quá tối, máy ảnh không lấy được dữ liệu tham chiếu Bụi Hình Ảnh Tắt và thông báo sẽ hiển thị ở bên phải. Chọn một đối tượng tham chiếu khác và lặp lại quá trình từ bước 1.

Exposure settings are not

 appropriate.
 Change exposure settings and try again.

NDF

Image Dust Off ref photo

Dữ Liệu Tham Chiếu Ảnh Bỏ Bụi

Ảnh chụp bởi các thấu kính khác nhau hay độ mở ống kính khác nhau có thể dùng chung dữ liệu tham chiếu. Không thể xem hình ảnh tham chiếu bằng phần mềm hình ảnh trên máy tính. Mẫu lưới sẽ hiển thị khi hình ảnh tham chiếu được xem trên máy ảnh.

Auto off Timers (Tự Động Hẹn Giờ Tắt)

Nút MENU → ¥ menu cài đặt

Tùy chọn này xác định khoảng thời gian màn hình bật nếu không thực hiện hoạt động nào trong khi hiển thị và phát lại menu (**Playback/menus** (Phát lại/menu)), trong khi hiển thị ảnh trên màn hình sau khi chụp (**Image review** (Xem lại hình ảnh)), và trong quá trình xem trực tiếp (**Live view** (Xem trực tiếp)), và khoảng thời gian hẹn giờ chờ, kính ngắm và màn hình hiển thị thông tin bật khi không thực hiện hoạt động nào (**Standby timer** (Hẹn giờ chờ)). Chọn độ trễ tự động tắt ngắn hơn để giảm tiêu hao pin.

Tùy chọn	Mô tả (tất cả các thời gian đều gần đúng)				
	Tự động he	en giờ tắt được đặt	thành các giá trị sau	ı đây:	
		Menu/phát lại	Xem lại hình ảnh	Xem trực tiếp	Hẹn giờ chờ
(Ngắn)	Short (Ngắn)	20 giây	4 giây	5 phút	4 giây
NORM Normal (Bình thường) LONG Long (Dài)	Normal (Bình thường)	1 phút	4 giây	10 phút	8 giây
	Long (Dài)	1 phút	20 giây	20 phút	1 phút
එ Custom (Tùy chọn)	Chọn các đ hình ảnh), đặt, làm nớ	lộ trễ riêng cho Pla y Live view (Xem trực ổi bật Done (Xong)	yback/menus (Phát c tiếp) và Standby t i và nhấn ⊛ .	t lại/menu), lmage ı mer (Hẹn giờ chờ).	'eview (Xem lại Khi hoàn thành cài

🖉 Auto off Timers (Tự Động Hẹn Giờ Tắt)

Màn hình và kính ngắm sẽ không tự động tắt khi kết nối máy ảnh với máy tính hay máy in qua USB.

Chon chiều dài đô trễ nhả cửa trập và số bức ảnh được chup (🕮 33).

- Self-timer delay (Đô trễ tư hen giờ): Chon đô dài thời gian đô trễ nhả cửa trập.
- Nhấn ▲ và ▼ để chon số bức ảnh được chup mỗi lần nhấn nút nhả cửa trập (từ 1 đến 9; nếu chon giá tri khác 1, các bức ảnh sẽ được chup cách nhau 4 giây).

Remote on Duration (Chup Từ Xa Theo Thời Lương)

Chon khoảng thời gian máy ảnh giữ nguyên trước khi hủy chế đô nhả điều khiển từ xa đang được chọn và khôi phục chế đô nhả được chọn trước đây (🕮 31). Chon các khoảng thời gian ngắn hơn để sử dụng pin được lâu hơn.

Beep (Bíp)

Chon cao đô (High (Cao) hoăc Low (Thấp)) của tiếng bíp phát ra khi máy ảnh lấy nét bằng cách sử dụng AF phần phụ đơn (**AF-S** hoặc khi chọn AF phần phụ đơn cho **AF-A**; 🞞 35), khi khóa lấy nét trong chế đô xem trực tiếp, trong khi hen giờ nhả đang đếm ngược trong chế đô tự hen giờ và nhả từ xa chụp chậm (🕮 33), và khi chụp ảnh ở chế độ từ xa phản ứng nhanh (🕮 33). Chọn Off (Tắt) để ngăn tiếng bíp phát ra. Lưu ý rằng tiếng bíp sẽ không phát ra trong khi ghi phim (🕮 88), hoặc ở chế đô nhả cửa trập tĩnh lăng (chế đô 🚇; 🕮 31).

Cài đăt hiên tai được hiên ra trên màn hình hiển thi thông tin: 🕽 được hiển thị khi bật tiếng bíp, 🕲 khi tắt tiếng bíp.





Y

1





Nút MENU → ¥ menu cài đăt

Self-timer



Î

Nút MENU → ¥ menu cài đặt

Nút MENU -> Y menu cài đặt

Y

Rangefinder (Máy ngắm)

Nút MENU → ¥ menu cài đặt

Chọn **On** (Bật) để sử dụng chỉ báo phơi sáng để xác định máy ảnh có được lấy nét chính xác trong chế độ lấy nét bằng tay hay không (^C 42; lưu ý rằng chức năng này không sẵn có trong chế độ chụp **M**, khi chỉ báo phơi sáng cho biết đối tượng có được phơi sáng chính xác hay không).

Chỉ báo	Mô tả	Chỉ báo	Mô tả
0	Máy ảnh đã được lấy nét.	0 Ⅲ ►	Điểm lấy nét gần như nằm sau đối tượng.
0	Điểm lấy nét gần như ở	0	Điểm lấy nét nằm hằn phía
• III	phía trước đối tượng.	11111>	sau đối tượng.
0	Điểm lấy nét nằm hẳn phía	<	Máy ảnh không thể xác
∢⊪⊪	trước đối tượng.		định lấy nét chính xác.

🖉 🛛 Sử Dụng Máy Ngắm Điện Tử

Máy ngắm điện tử yếu cầu thấu kính có độ mở ống kính f/5.6 hoặc nhanh hơn. Không thể đạt được kết quả mong muốn trong các trường hợp máy ảnh không thể lấy nét bằng cách sử dụng lấy nét tự động (III 36). Máy ngắm điện tử không sẵn có trong khi xem trực tiếp.

File Number Sequence (Trình Tự Số Tập Tin)

Nút MENU → ¥ menu cài đặt

Khi chụp ảnh, máy ảnh đặt tên tập tin bằng cách cộng một vào số cuối cùng của tập tin trước. Tùy chọn này điều khiển liệu việc đánh số tập tin có tiếp tục từ số cuối cùng được sử dụng hay không khi tạo một thư mục mới, thẻ nhớ được định dạng, hoặc khi lắp một thẻ nhớ mới vào máy ảnh.

Tù	ıy chọn	Mô tả
	On (Bật)	Khi một thư mục mới được tạo, thẻ nhớ được định dạng lại, hoặc một thẻ nhớ mới được lắp vào máy ảnh, việc đánh số tập tin tiếp tục từ số cuối cùng được dùng hoặc từ số tập tin lớn nhất ở thư mục hiện thời, lấy số lớn hơn. Nếu một tấm ảnh được chụp khi thư mục hiện thời chứa ảnh có số 9999, thì một thư mục mới sẽ tự động được tạo và việc đánh số tập tin sẽ bắt đầu lại từ 0001.
	Off (Tắt)	Việc đánh số tập tin được đặt lại ở 0001 khi một thư mục mới được tạo, thẻ nhớ được định dạng lại, hoặc một thẻ nhớ mới được lắp vào máy ảnh. Chú ý rằng một thư mục mới được tạo tự động nếu ảnh được chụp khi thư mục hiện thời chứa 999 tấm ảnh.
RESET	Reset (Đặt lại)	Đặt lại việc đánh số tập tin cho On (Bật) thành 0001 và tạo thư mục mới với bức ảnh được chụp tiếp theo.

Y File Number Sequence (Trình Tự Số Tập Tin)

Nếu thư mục hiện thời được đánh số đến 999 và chứa hoặc là 999 tấm ảnh hoặc một bức ảnh được đánh số 9999, nút nhả cửa trập sẽ bị khóa lại và không tấm ảnh nào được chụp thêm. Chọn **Reset** (Đặt lại) cho **File number sequence** (Trình tự số tập tin) và sau đó định dạng lại thẻ nhớ hiện tại hoặc lắp thẻ nhớ mới.

Buttons (Nút)

Nút MENU -> 🌱 menu cài đặt

Chọn vai trò mà các nút **Fn** và ∰ (**O---**) thực hiện.

Assign Fn button (Gán nút Fn)

Chọn vai trò do nút **Fn** đảm nhiệm (🕮 8).

	Tùy chọn	Mô tả
QUAL	lmage quality/ size (Chất lượng hình ảnh/cỡ hình ảnh)*	Nhấn nút Fn và xoay đĩa lệnh để chọn chất lượng và cỡ hình ảnh (따 44).
IS0	ISO sensitivity (Độ nhạy ISO)*	Nhấn nút Fn và xoay đĩa lệnh để chọn độ nhạy ISO (🎞 51).
WB	White balance (Cân bằng trắng) *	Nhấn nút Fn và xoay đĩa lệnh để chọn cân bằng trắng (chỉ các chế độ P, S, A và M ; 🎞 69).
啮	Active D-Lighting (D-Lighting hoat đông)	Nhấn nút Fn và xoay đĩa lệnh để chọn tùy chọn D-Lighting Hoạt Động (chỉ các chế độ P, S, A và M ; 따 67).

n #3 ... (a) D3200 Nút Fn

 Mục hiện đang được chọn được hiện ra bằng biểu tượng trắng trên đen trên màn hình hiển thị thông tin.

Assign AE-L/AF-L button (Gán nút AE-L/AF-L)

Chọn vai trò do nút क़ (ᡣ) đảm nhiệm.

		•
	Tùy chọn	Mô tá
品	AE/AF lock	lấy nét và nhơi sáng sẽ khóa khi nhấn nút 燈 (0)
AF	(Khóa AE/AF)	
~	AE lock only	Khóa nhơi cáng trong khi nhấn nút ^{AEL} (A)
AE	(Chỉ khóa AE)	
*	AF lock only	Khóa lấy nót trong khi nhấn nút 👯 (n)
AF	(Chỉ khóa AF)	
	AE lock (Hold)	Khóa phơi sáng khi nhấn nút 駐 () và duy trì khóa
di O	(Khóa AE	cho đến khi nhấn nút lần thứ hai hoặc thời gian hẹn
	(Giữ))	giờ chờ hết hạn.
		Nút 壯 (🖛) khởi tạo việc lấy nét tự động. Không thể
		sử dụng nút nhả cửa trập để lấy nét ngoại trừ khi chọn
AFON	AF-UN	AF-F trong chế độ xem trực tiếp hoặc trong khi ghi
		phim.



Nút 🗄 (**Օ---**)

Y

Shutter-release button AE-L (Nút nhả cửa trập AE-L)

Ở chế độ cài đặt mặc định **Off** (Tắt), phơi sáng chỉ khóa khi nút 壯 (**〇--**n) được nhấn. Nếu **On** (Bật) được chọn, phơi sáng cũng vẫn khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng.

Slot Empty Release Lock (Khóa Nhả Khe Trống)

Nếu **Release locked** (Khóa nhả) được chọn, nút nhả cửa trập chỉ được bật khi có thẻ nhớ được lắp vào máy ảnh. Chọn **Enable release** (Kích hoạt nhả) cho phép cửa trập được nhả ra khi không có thẻ nhớ nào được lắp, dù không bức ảnh nào được ghi lại (tuy nhiên chúng vẫn được hiển thị trên màn hình ở chế độ mẫu).

Print Date (In Ngày)

Chọn thông tin ngày tháng được tạo dấu vết trên ảnh khi chụp.

Tùy chọn		Mô tả	
	Off (Tắt)	Thời gian và ngày không xuất hiện trên ảnh.	
DATE	Date (Ngày)	Ngày hoặc thời gian và ngày được tạo dấu vết trên ảnh được chụp trong khi tùy chọn này đang hoạt động.	15.04.2012
DATE©	Date and time		
	(Ngày và thời		15.04.2012 10:02
	gian)		
123	Date counter	Ảnh mới được tạo dấu vết với dấu thời gian, cho biết số	ngày giữa ngày chụp và
	(Bộ đếm ngày)	ngày được chọn (🎞 145).	

Tại các cài đặt khác **Off** (Tắt), tùy chọn được lựa chọn được thể hiện bằng biểu tượng **DATE** trên màn hình hiển thị thông tin.

🖉 In Ngày

Ngày được ghi theo thứ tự trong menu **Time zone and date** (Múi giờ và ngày) (🕮 137). Ngày không xuất hiện trên các ảnh NEF (RAW) hoặc NEF (RAW)+JPEG và không thể được thêm vào hay xóa khỏi ảnh hiện có. Để in ngày chụp lên tấm ảnh được chụp mà không tạo dấu vết ngày, chọn **Time stamp** (Dấu thời gian) trong menu PictBridge (🕮 116), hoặc chọn **Print date** (In ngày) trong menu **DPOF print order** (Thứ tự in DPOF) để in ngày chụp lên tất cả các bức ảnh theo thứ tự in DPOF hiện tại (🕮 121).

Buttons Shutterrelease button AEL On Off CG

Nút MENU → 🕈 menu cài đặt

Nút MENU → Y menu cài đặt

FT2 0.0

fin Cot

[517

Các bức ảnh được chup trong khi tùy chon này đang hoat đông được tao dấu vết với số ngày còn lai cho đến ngày tương lai hoặc số ngày đã qua kể từ ngày trong quá khứ. Sử dụng tùy chon này để theo dõi sự phát triển của trẻ hoặc đếm ngược số ngày đến sinh nhật hay đám cưới.





Ngày trong quá khứ (đã qua hai ngày)

Tối đa ba ngày riêng biêt có thể được lưu trữ trong các khe 1, 2 và 3. Trong lần đầu tiên sử dụng bộ đếm ngày, ban sẽ được nhắc chon ngày cho khe 1; nhập ngày bằng cách sử dụng đa bộ chon và nhấn 🛞. Để đổi ngày hoặc lưu trữ thêm ngày, làm nổi bật khe, nhấn ▶ và nhập ngày. Để sử dung ngày được lưu trữ, làm nổi bật khe và nhấn 🛞.

Để chon đinh dang bô đếm ngày, làm nổi bất Display options (Hiển thi các tùy chọn) và nhấn ▶ để hiển thị menu được hiện ra bên phải. Làm nổi bật một tùy chon và nhấn 🙉. Làm nổi bật Done (Xong) trong menu bô đếm ngày và nhấn 🛞 khi hoàn thành cài đăt.

Ŷ				
=í	1	22.04.2012		OK
	2			
-	3			
			€Set	OKIOK
	Print	date		
	Disp	ay options		
Y				
_4				
-1		Number of days		03

Print date Date counter

Choose date ٣í

Print date

Display options

1 22.04.2012 ₩ 407/15.04.2012

Done Y

	Print date	
	Display options	
2		
	Number of days	03
	Years and days	- CLE
	Years, months, and days	

Storage Folder (Thư Mục Lưu Trữ)

Tạo, đổi tên hay xóa thư mục hoặc chọn thư mục sẽ lưu trữ các ảnh sau đó.

• Select folder (Chọn thư mục): Chọn thư mục sẽ chứa các ảnh sau đó.





– Thư mục hiện tại

Các thư mục khác (theo thứ tự trong bảng chữ cái)

- New (Mới): Tạo thư mục mới và đặt tên cho thư mục đó như được mô tả bên dưới. Độ dài tên thư mục có thể lên đến năm ký tự.
- Rename (Đổi tên): Chọn thư mục từ danh sách và đổi tên thư mục đó như được mô tả bên dưới.
- Delete (Xóa): Xóa tất cả các thư mục trống trên thẻ nhớ.

💵 Đặt Tên và Đổi Tên Thư Mục

Độ dài tên thư mục có thể lên đến năm ký tự. Để di chuyển con trỏ trong vùng tên, xoay đĩa lệnh. Để nhập vào chữ cái mới ở vị trí con trỏ hiện tại, sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật ký tự mong muốn trên vùng bàn phím và nhấn M. Để xóa ký tự tại vị trí con trỏ hiện tại, nhấn nút m. Nhấn nút R để lưu các thay đổi và trở lại menu cài đặt hoặc nhấn **MENU** để thoát mà không tạo thư mục mới hoặc đổi tên thư mục.

Vùng bàn phím



Vùng tên

🔽 Tên Thư Mục

Trên thẻ nhớ, trước tên thư mục là số thư mục gồm ba chữ số do máy ảnh gán tự động (ví dụ 100D3200). Mỗi thư mục có thể chứa tối đa 999 bức ảnh. Trong quá trình chụp, ảnh được lưu trữ trong thư mục được đánh số cao nhất với tên được chọn. Nếu chụp ảnh khi thư mục hiện tại đã đầy hoặc chứa ảnh được đánh số 9999, máy ảnh sẽ tạo thư mục mới bằng cách thêm một vào số thư mục hiện tại (ví dụ 101D3200). Máy ảnh xem các thư mục có cùng tên nhưng số thư mục khác nhau là cùng một thư mục. Ví dụ, nếu chọn thư mục NIKON cho **Storage folder** (Thư mục lưu trữ), ảnh trong tất cả các thư mục được đặt tên NIKON (100NIKON, 101NIKON, 102NIKON, v.v...) sẽ có thể được nhìn thấy khi chọn **Current** (Hiện tại) cho **Playback folder** (Thư mục phát lại) (ՀՀ). Việc đổi tên sẽ thay đổi tất cả các thư mục có cùng tên, nhưng giữ nguyên số thư mục. Việc chọn **Delete** (Xóa) sẽ xóa các thư mục được đánh số trống nhưng giữ nguyên các thư mục khác có cùng tên.

GPS

Mục này được sử dụng để điều chỉnh cài đặt cho các bộ GPS GP-1 tùy chọn. Có thể kết nối GP-1 với đầu cuối phụ kiện của máy ảnh (印 177) bằng cách sử dụng cáp đi kèm GP-1, cho phép ghi thông tin về vị trí hiện tại của máy ảnh khi chụp ảnh (tắt máy ảnh trước khi kết nối GP-1; để biết thêm thông tin, xem sổ tay hướng dẫn GP-1).

Menu GPS chứa các tùy chọn được liệt kê bên dưới.

• Standby timer (Hen giờ chờ): Chọn để đo phơi sáng tắt tự động khi GP-1 được lắp.

Tùy chọn	Mô tả
Enable (Cho phép)	Đo phơi sáng tự động tắt nếu không có hoạt động được thực hiện cho thời gian đã chọn cho Auto off timers (Tự động hẹn giờ tắt) > Standby timer (Hẹn giờ chờ) trong menu cài đặt (III 140; để cho phép máy ảnh có thời gian lấy dữ liệu GPS, độ trễ kéo dài thêm một phút sau khi đo phơi sáng được bật hoặc máy ảnh được bật). Điều này sẽ làm tăng tiêu hao pin.
Disable (Vô hiệu)	Đo phơi sáng không tắt khi GP-1 được kết nối.

- Position (Định vị): Mục này chỉ có sẵn nếu GP-1 được kết nối, khi nó hiển thị vĩ độ, kinh độ, cao độ hiện hành và Múi Giờ Quốc Tế (UTC) mà GP-1 ghi được.
- Use GPS to set camera clock (Sử dụng GPS để đặt đồng hồ máy ảnh): Chọn Yes (Có) để đồng bộ đồng hồ máy ảnh với thời gian mà thiết bị GPS ghi được.

🖉 Múi Giờ Quốc Tế (UTC)

Dữ liệu UTC được thiết bị GPS cung cấp và độc lập với đồng hồ máy ảnh.

🥖 Biểu tượng 🖽

Trạng thái kết nối được hiển thị bằng biểu tượng 🖽:

- Image: Image
- Ges (đang nháy): GP-1 đang tìm kiếm tín hiệu. Ảnh được chụp trong khi biểu tượng này đang nháy sẽ không có dữ liệu GPS.
- Không có biểu tượng: Không nhận được dữ liệu GPS mới nào từ GP-1 trong ít nhất hai giây. Ảnh được chụp khi biểu tượng GBB không được hiển sẽ không có dữ liệu GPS.



Tùy chọn này chỉ được hiển thị khi một thẻ nhớ Eye-Fi (có riêng từ các nhà cung cấp thứ ba) được gắn vào máy ảnh. Chọn **Enable** (Cho phép) để tải ảnh lên từ vùng được chọn trước. Lưu ý rằng ảnh sẽ không được tải lên nếu độ mạnh tín hiệu không đủ.

Kiểm tra tất cả các thiết bị không dây và chọn **Disable** (Vô hiệu) nơi mà các thiết bị không dây bị cấm.

Khi gắn một thẻ Eye-Fi vào, tình trạng của nó được chỉ định bởi một biểu tượng trên màn hình hiển thị:

- X:Vô hiệu tải lên Eye-Fi.
- 🗟: Cho phép tải lên Eye-Fi nhưng hình ảnh không có sẵn để tải.
- The second second
- 🗣 (náo nhiệt): Cho phép tải lên Eye-Fi, đang tải dữ liệu.
- 🗟: Lỗi.

🚺 Thẻ Eye-Fi

Thẻ Eye-Fi có thể phát ra tín hiệu mạng không dây khi chọn **Disable** (Vô hiệu). Nếu màn hình xuất hiện cảnh báo (🎞 194), tắt máy ảnh và tháo thẻ ra.

Xem hướng dẫn kèm theo thẻ Eye-Fi, và nếu có bất kỳ thắc mắc nào vui lòng liên hệ trực tiếp nhà sản xuất. Có thể dùng máy ảnh để bật tắt thẻ Eye-Fi, nhưng có thể không hỗ trợ các chức năng Eye-Fi khác.

🖉 Thẻ Eye-Fi Được Hỗ Trợ

Tính đến Tháng Mười Hai 2011, máy ảnh hỗ trợ các thẻ Eye-Fi SDHC Pro X2 8 GB. Một số thẻ có thể không sẵn có tại một số quốc gia hay khu vực; tham khảo ý kiến nhà sản xuất để biết thêm thông tin. Thẻ Eye-Fi được sử dụng chỉ tại quốc gia mua. Hãy đảm bảo là vi chương trình thẻ Eye-Fi được cập nhật phiên bản mới nhất.

🖉 Sử Dụng Thẻ Eye-Fi ở Chế độ Ngang Hàng

Có thể cần thêm thời gian khi sử dụng thể Eye-Fi để hỗ trợ chế độ ngang hàng. Chọn các giá trị lâu hơn cho **Auto off timers** (Tự động hẹn giờ tắt) > **Standby timer** (Hẹn giờ chờ) trong menu cài đặt (🎞 140).

Firmware Version (Phiên Bản Vi Chương Trình)

Nút MENU → 🕇 menu cài đặt

Xem phiên bản vi chương trình máy ảnh hiện hành.

Y



Nút MENU → 🕈 menu cài đặt

🛃 Menu Sửa Lại: Tạo Bản Sao Sửa Lại

Để hiển thị menu sửa lại, nhấn MENU và chọn tab 🛃 (menu sửa lại).



Nút MENU

Menu sửa lại được sử dụng để tạo bản sao đã xén hoặc sửa lại của các bức ảnh trên thẻ nhớ và chỉ sẵn có khi lắp thẻ nhớ chứa ảnh vào máy ảnh.

	Tùy chọn	m		Tùy chọn	m		Tùy chọn	
6	D-Lighting	151	RAW)+	NEF (RAW) processing (Xử lý NEF (RAW))	157	3	Color sketch (Phác họa màu)	160
۲	Red-eye correction (Điều chỉnh mắt đỏ)	151	ľ	Resize (Thay đổi kích cỡ)	158		Perspective control (Điều chỉnh phối cảnh)	161
X	Trim (Xén)	152	L ¥	Quick retouch (Sửa đổi nhanh)	159	1	Miniature effect (Hiệu ứng cỡ tí hon)	162
	Monochrome (Đơn sắc)	152	/ -	Straighten (Nắn thẳng)	159	st.	Selective color (Màu chọn lọc)	163
0	Filter effects (Hiệu ứng bộ lọc)	153	••	Distortion control (Điều khiển biến dạng)	159	Ľ,	Edit movie (Chỉnh sửa phim)	93
60Ø	Color balance (Cân bằng màu)	154	¢	Fisheye (Mắt cá)	160		Side-by-side comparison	165
Ð	lmage overlay (Chồng lớp hình ảnh) ¹	155	58	Color outline (Phác màu chính)	160		(So sánh cạnh nhau) ²	105

1 Chỉ có thể chọn bằng cách nhấn nút MENU và chọn tab 🚮.

2 Chỉ dùng được nếu nhấn nút ® trong phát lại khuôn hình đầy khi hình đã chỉnh sửa hoặc hình gốc hiển thị.

🖉 Chỉnh Sửa Bản Sao

Hầu hết các tùy chọn có thể được áp dụng cho các bản sao tạo ra nhờ sử dụng các tùy chọn sửa lại khác, mặc dù ngoại trừ **Image overlay** (Lớp phủ hình ảnh) và **Edit movie** (Chỉnh sửa phim) > **Choose start/ end point** (Chọn điểm bắt đầu/kết thúc) mỗi tùy chọn chỉ có thể áp dụng cho một lựa chọn (lưu ý rằng chỉnh sửa nhiều có thể gây ra mất mát các chi tiết). Các tuỳ chọn không thể áp dụng cho vùng hình ảnh hiện tại sẽ bị mờ và không dùng được.

🖉 Chất Lượng Hình Ảnh

Ngoại trừ trường hợp bản sao được tạo bởi **Trim** (Xén), **Image overlay** (Chồng lớp hình ảnh), **NEF** (**RAW**) processing (Xử lý NEF (RAW)), và **Resize** (Thay đổi kích cỡ), bản sao tạo ra từ hình JPEG có cùng cỡ và chất lượng với bản gốc, trong khi bản sao tạo ra từ ảnh NEF (RAW) được lưu như ảnh chất lượng tốt JPEG. Tuy nhiên, các dấu thời gian được thêm **Print date** (In ngày) (^{[[1]} 144) có thể nổi lên hoặc khó đọc tùy thuộc vào tùy chọn sửa lại được sử dụng.

<u> Tạo Bản Sao Sửa Lại</u>

Để tạo một bản sao chỉnh sửa:

Hiển thị tuỳ chọn chỉnh sửa.

Làm nổi bật mục mong muốn trong menu sửa lại và nhấn ▶.

 RETOUCH MENU

 DLighting

 PRedeye correction

 Trim

 Monochrome

 Filter effects

 OK

 V

 V

 Redeye verlag

 NEF (RAW) processing

lor balance

2 Chọn ảnh.

Làm nổi bật một ảnh và nhấn 🛞.



Máy ảnh không thể hiển thị hay chỉnh sửa ảnh tạo bởi thiết bị khác. Nếu ảnh được ghi ở cài đặt chất lượng hình ảnh **RAW+FINE** (^{CII} 44), các tùy chọn sửa lại chỉ áp dụng ch bản sao JPEG (ngoại trừ **Image overlay** (Lớp phủ hình ảnh) và **NEF (RAW) processing** (Xử lý NEF (RAW))).

3 Chọn tùy chọn chỉnh sửa.

Để biết thêm thông tin, xem phần dành cho mục được chọn. Để thoát mà không cần tạo bản sao chỉnh sửa, nhấn **MENU**.



4 Tạo bản sao chỉnh sửa.

Nhấn 🛞 để tạo ra một bản sao chỉnh sửa. Ngoại trừ trên trang thông tin ảnh "chỉ hình ảnh" (🕮 98), các bản sao đã sửa lại được thể hiện bằng biểu tượng 🚮.



🖉 Tạo Bản Sao Chỉnh Sửa Khi Phát Lại

Các bản sao chỉnh sửa cũng có thể được tạo ra trong quá trình phát lại.

Hiển thị ảnh khuôn hình đầy và nhấn ®.



Làm nối bật một tùy chọn và nhấn .





Ø

D-Lighting chiếu sáng bóng đổ, lý tưởng cho ảnh tối hoặc ngược sáng.



Trước



Sau

Nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn phần chỉnh sửa được hiển thị. Có thể xem trước hiệu ứng trên hiển thị chỉnh sửa. Nhấn ® để sao chép ảnh.

Red-Eye Correction (Điều Chỉnh Mắt Đỏ)

Nút MENU 🔿 🛃 menu sửa lại

D-Lighting

Cancel @700m @Sa

Tuỳ chọn này để sửa "mắt đỏ" do đèn nháy gây ra, và chỉ dùng được cho ảnh chụp sử dụng đèn nháy. Bức ảnh được chọn để khắc phục mắt đỏ có thể được xem trước trên màn hình hiển thị sửa lại. Xác nhận hiệu ứng của điều chỉnh mắt đỏ và tạo bản sao như mô tả ở bảng bên dưới. Lưu ý rằng điều chỉnh mắt đỏ không phải lúc nào cũng cho kết quả như mong muốn và có thể áp dụng một số trường hợp hiếm mà ảnh không bị ảnh hưởng bởi mắt đỏ; xem kiểm tra trước khi tiếp tục.

Ðể	Sử dụng	Mô tả				
Phóng to	¢	Nhấn nút 🍳 để phóng to, nút 🏧 (?) để thu nhỏ.	Redeye correction			
Thu nhỏ	€≅ (?)	Khi phóng to ảnh, sử dụng đa bộ chọn để xem các vùng ảnh không nhìn thấy trong màn hình. Giữ nhấn đa bộ chọn để cuộn đều đến vùng khác của khuôn hình. Cửa sổ định hướng hiển thị khi nhấn nút thu phóng hoặc đa bộ chọn; vùng nhìn thấy hiện tại trên màn hình được chỉ định trong khung				
Xem các vùng khác của ảnh						
Hủy thu phóng		màu vàng. Nhấn 🐵 để huỷ thu phóng.				
Tạo bản sao		Nếu máy ảnh phát hiện ảnh được chọn bị mắt đỏ, một bản sao sẽ được tạo ra để tiến hành giảm hiệu ứng này. Bản sao se không được tạo ra nếu máy ảnh không thể phát hiện màu mắt đỏ.				

Trim (Xén)

Để

Tăng kích cỡ của phần xén

Giảm kích cỡ của phần cắt

Thay đổi tỉ lê canh xén

Di chuyển phần xén

Tao bản sao

Tạo bản sao đã xén của ảnh được chọn. Ảnh được chọn sẽ hiển thị với phần xén biểu hiện dưới màu vàng; tạo một bản sao đã xén như mô tả ở bảng bên dưới.

Sử dung

€

Q (?)

🖉 Xén: Chất Lượng Hình Ảnh và Cỡ Hình Ảnh

Bản sao được tạo ra từ ảnh NEF (RAW) hoặc NEF (RAW) + JPEG có chất lượng hỉnh ảnh của JPEG nét (□□ 44); bản sao được cắt tạo ra từ ảnh JPEG có chất lượng hình ảnh giống như ảnh gốc. Kích cỡ bản sao khác với kích cỡ cắt và tỉ lệ cạnh và xuất hiện ở phía trên trái phần hiển thị cắt.

🖉 Xem Bản Sao Đã Cắt

Thu phóng phát lại có thể không dùng được khi hiển thị bản sao đã cắt.

Monochrome (Đơn sắc)

Bản sao ảnh có màu **Black-and-white** (Đen và trắng), **Sepia** (Nâu đỏ), hoặc **Cyanotype** (Xanh tím) (xanh da trời và trắng đơn sắc).

Việc chọn **Sepia** (Nâu đỏ) hay **Cyanotype** (Xanh tím) sẽ hiển thị xem trước của ảnh được chọn; nhấn ▲ để tăng độ bão hoà màu, ▼ để giảm. Nhấn để tạo ra một bản sao đơn sắc.

Tăng độ bão hòa

Mô tả

Xoay đĩa lênh sang tỉ lê canh xén giữa 3 : 2, 4 : 3, 5 : 4, 1 : 1 và 16 : 9.

Nhấn nút ∉ để tăng kích cỡ của phần xén.

Sử dung đa bô chon vi trí phần xén.

Lưu kết quả thành một tập tin riêng biệt.

Nhấn nút 🖓 🖾 (?) để giảm kích cỡ của phần xén.









Nút MENU → 🚽 menu sửa lại

Black-and-white Sepia Cyanotype

Monochrome

Filter Effects (Hiệu Ứng Bộ Lọc)

Chọn từ các hiệu ứng bộ lọc sau. Sau khi điều chỉnh hiệu ứng bộ lọc như mô tả bên dưới, nhấn 🛞 để sao chép ảnh.

Tùy chọn	Mô tả		
Skylight (Ánh sáng trời)	Tạo hiệu ứng lọc ánh sáng trời, giảm bớt màu xanh cho ảnh. Hiệu ứng có thể được xem trước trên màn hình như bên phải.	Skylight	
Warm filter (Bộ lọc ấm)	Tạo một bản sao hiệu ứng bộ lọc tông màu ấm, tạo cho bản sao màu đỏ "ấm". Hiệu ứng có thể xem trước trên màn hình.	©Cancel ©XSave	
Red intensifier (Tăng cường màu đỏ) Green intensifier (Tăng cường màu xanh)	Tăng cường màu đỏ (Red intensifier (Tăng cường màu đỏ)), màu xanh (Green intensifier (Tăng cường màu xanh)), hay màu xanh trời (Blue intensifier (Tăng cường màu xanh trời)). Nhấn ▲ để tăng hiệu ứng, ▼ để giảm.	Red intensifier	
Blue intensifier (Tăng cường màu xanh trời)		Cancel CDarker CLighter OXSave	
Cross screen (Màn hình chéo)	 Thêm các hiệu ứng ngôi sao cho nguồn sáng. Number of points (Số lượng điểm): Chọn từ bốn, sáu, hoặc tám. Filter amount (Bộ lọc số lượng): Chọn độ sáng của nguồn ánh sáng bị ảnh hưởng. Filter angle (Góc bộ lọc): Chọn góc của điểm. Length of points (Độ dài điểm): Chọn độ dài điểm. Confirm (Xác nhận): Xem trước hiệu ứng của bộ lọc như thể hiện ở bên phải. Nhấn Q để xem trước bản sao khuôn hình đầy. Save (Lưu): Tạo bản sao chỉnh sửa. 	Cross screen Number of points Confirm Save Cancel QiZoom CBOK	
Soft (Mềm)	Thêm hiệu ứng bộ lọc mềm. Nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn cường độ bộ lọc.	Soft Normal	

Color Balance (Cân Bằng Màu)

Sử dụng đa bộ chọn để tạo ra một bản sao có cân bằng màu được điều chỉnh như minh họa bên dưới. Hiệu ứng này được hiển thị trên màn hình cùng với biểu đồ màu đỏ, xanh lá cây và màu xanh (^[] 99) tạo nên sự phân bố tông màu trên bản sao.



Nút MENU → ₼ menu sửa lai

Tăng màu xanh lá cây Tạo bản sao sửa lại Tăng màu xanh trời Tăng màu đỏ sâm

🖉 Thu phóng

Để phóng to hình hiển thị trên màn hình, nhấn nút ዲ. Biểu đồ sẽ cập nhật để hiển thị dữ liệu chỉ cho phần ảnh hiển thị trên màn hình. Trong khi phóng to hình, nhấn nút 眷 (**つ**) để hoán đổi lui tới giữa cân bằng màu và thu phóng. Khi chọn thu phóng, có thể phóng to, thu nhỏ với nút ዲ và 쪽 (?) và cuộn hình với đa bộ chọn.



Image Overlay (Chồng Lớp Hình Ảnh)

Chồng lớp hình ảnh kết hợp hai ảnh NEF (RAW) tồn tại để tạo thành một ảnh được lưu riêng biệt với bản gốc; kết quả sử dụng dữ liệu RAW từ cảm biến hình ảnh tốt hơn đáng kể so với lớp phủ tạo ra từ một ứng dụng tạo ảnh. Ảnh mới được lưu ở cài đặt chất lượng và cỡ ảnh hiện thời; trước khi tạo lớp phủ, cài đặt chất lượng và cỡ ảnh (^{CL} 44, 46; tất cả tuỳ chọn đều dùng được). Để tạo một bản sao NEF (RAW), chọn chất lượng hình ảnh **NEF (RAW)**.



 Chọn Image overlay (Chồng lớp hình ảnh). Làm nổi bật Image overlay (Chồng lớp hình ảnh) trong menu sửa lại và nhấn ►.

Hộp thoại như bên phải sẽ xuất hiện, với **Image 1** (Ảnh 1) được làm nổi bật; nhấn ® để hiển thị danh sách ảnh NEF (RAW) tạo ra bởi máy ảnh này.









3 Chọn hình ảnh thứ hai.

Hình được chọn sẽ xuất hiện là **Image 1** (Ảnh 1). Làm nổi bật **Image 2** (Ảnh 2) và nhấn , sau đó chọn ảnh thứ hai như mô tả ở Bước 2.

4 Điều chỉnh tăng.

Làm nổi bật **Image 1** (Ảnh 1) hay **Image 2** (Ảnh 2) và tối ưu phơi sáng cho lớp phủ bằng cách nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn tăng từ giá trị giữa 0,1 và 2,0. Lặp lại cho hình ảnh thứ hai. Giá trị mặc định là 1,0; chọn 0,5 đến chia đôi hoặc 2,0 để tăng gấp đôi. Các hiệu ứng gia tăng có thể nhìn thấy trong cột **Preview** (Xem trước).

5 Xem trước lớp phủ.

Nhấn ◀ hoặc ► để đặt con trỏ trong cột **Preview** (Xem trước) và nhấn ▲ hoặc ▼ để đánh dấu **Overlay** (Lớp phủ). Nhấn để xem trước lớp phủ như bên phải (để lưu lớp phủ mà không cần hiển thị xem trước, chọn **Save** (Lưu)). Để trở về Bước 4 và chọn ảnh mới để tăng điều chỉnh, nhấn (?).

6 Lưu lớp phủ.

Nhấn ® trong khi xem trước được hiển thị để lưu lớp phủ. Sau khi lớp phủ được tạo ra, ảnh kết quả sẽ được hiển thị khuôn hình đầy trên màn hình.

🔽 Chồng Lớp Hình Ảnh

Lớp phủ có cùng thông tin ảnh (bao gồm ngày ghi, đo sáng, tốc độ cửa trập, độ mở ống kính, chế độ chụp, bù phơi sáng, tiêu cự và hướng ảnh) cũng như các giá trị cho cân bằng trắng và Picture Control như ảnh được chọn cho **Image 1** (Ảnh 1).







NEF (RAW) Processing (Xử lý NEF (RAW))

Tạo các bản sao JPEG của ảnh NEF (RAW).

Chọn NEF (RAW) processing (Xử lý NEF (RAW)). Làm nổi bật NEF (RAW) processing (Xử lý NEF (RAW)) trong menu sửa lại và nhấn ▶ để hiển thị hội thoại chọn ảnh chỉ liệt kê những ảnh NEF (RAW) tạo ra từ máy ảnh này.



2 Chọn ảnh.

Sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật bức ảnh (để xem toàn khuôn hình bức ảnh được làm nổi bật, nhấn giữ nút \mathfrak{P}). Nhấn \mathfrak{W} để chọn bức ảnh được làm nổi bật và chuyển sang bước tiếp theo.



3 Điều chỉnh cài đặt Xử lý NEF (RAW).

Điều chỉnh các cài đặt được liệt kê bên dưới. Lưu ý rằng cân bằng trắng không dùng được với ảnh được tạo ra bằng chồng lớp hình ảnh và bù phơi sáng chỉ có thể cài đặt đến giá trị giữa –2 và +2 EV.



4 Sao chép ảnh.

Làm nổi bật **EXE** và nhấn 🛞 để tạo bản sao JPEG của ảnh được chọn. Hình ảnh kết quả sẽ được hiển thị toàn khuôn hình trên màn hình. Để thoát ra mà không sao chép ảnh, nhấn nút **MENU**.



Resize (Thay đổi kích cỡ)

Tạo bản sao nhỏ của ảnh được chọn.

1 Chon Resize (Thay đổi kích cỡ). RETOUCH MENU Resize 5 Để thay đổi cỡ ảnh được chon, nhấn MENU để hiển thi Ô Quick retouch C× Y menu và chon **Resize** (Thay đổi kích cỡ) trong menu Straighten 1 Distortion control sửa lai. Fisheye Color outline Color sketch Perspective contr **2** Chon kích cỡ. Resize Làm nổi bật **Choose size** (Chon kích cỡ) và nhấn ▶. Select image Choose size 2.5м ▶ Các tùy chọn được hiển thị ở bên phải sẽ xuất hiện, làm Resize Choose size nổi bật một tuỳ chon và nhấn 🛞. 2.5M 1920x1280; 2.5 M 1 1M 1280x 856; 1.1 M 0.6м 960х 640; 0.6 М 0.3M 640x 424; 0.3 M 0.1m 320x 216; 0.1 M 3 Chon ảnh. Resize Làm nổi bât Select image (Chọn hình ảnh) và nhấn ▶. Select image Choose size 2.5м Làm nổi bật các bức ảnh bằng cách sử dụng đa bộ chon Resize Select image và nhấn nút 🖼 (?) để chon hoặc hủy chon (để xem toàn màn hình bức ảnh được làm nổi bât, nhấn giữ nút Nhấn 🛞 khi chon xong. 4 Lưu bản sao đổi kích cỡ. Hộp thoại xác nhận sẽ được hiển thị. Làm nổi bật Yes Create resized copy? (Có) và nhấn 🛞 để lưu bản sao thay đổi kích cỡ. 1 image Yes No

Xem Bản Sao Đã Đổi Kích Cỡ

Thu phóng phát lai có thể không dùng được khi thay đổi kích cỡ bản sao đang hiển thi.

🦉 Chất Lương Hình Ảnh

Bản sao tao ra từ ảnh NEF (RAW) hoặc NEF (RAW) + JPEG có chất lượng hình ảnh (🞞 44) JPEG nét; bản sao tao ra từ ản JPEG có chất lương giống bản gốc.

Quick Retouch (Sửa Đổi Nhanh)

Tao bản sao với đô bão hòa và đô tương phản tăng. D-Lighting được sử dung để tăng đô sáng vật thể tối hoặc thiếu ánh sáng.

Nhấn ▲ hoặc ▼ để chon mức tăng. Có thể xem trước hiệu ứng trên hiển thi chỉnh sửa. Nhấn 🕫 để sao chép ảnh.

Straighten (Nắn thẳng)

Tao bản sao nắn thẳng của ảnh được chon. Nhấn 🕨 để xoay hình theo chiều kim đồng hồ lên đến năm đô với gia số khoảng 0,25 đô, **4** để xoay ngược chiều kim đồng hồ (có thể xem trước hiệu ứng trên hiển thi chỉnh sửa; lưu ý là viền ảnh sẽ bị cắt để tạo khung bản sao). Nhấn 🛞 để sao chép ảnh, hoặc nhấn 🕨 để thoát khỏi phát lại mà không cần tạo bản sao.

Distortion Control (Điều Khiển Biến Dang)

Tao bản sao với sư biến dang ngoại biên giảm. Chon Auto (Tư đông) để máy ảnh tư động chỉnh sửa biến dạng và sau đó điều chỉnh sử dụng đa bô chon, hoặc chon **Manual** (Bằng tay) để giảm biến dạng bằng tay (lưu ý rằng Auto (Tự động) không dùng được với ảnh chup sử dung điều khiển biến dang tự động: xem trạng 130). Nhấn 🕨 để giảm hiện tương cong đường biên hình, **4** để giảm biến dang đêm chốt (có thể xem trước hiệu ứng trên màn hình hiển thị sửa lại; lưu ý rằng số lượng

điều khiển biến dang lớn hơn dẫn đến việc nổi lên nhiều mép hơn). Nhấn 🛞 để sao chép ảnh, hoặc nhấn 🕩 để thoát khỏi phát lại mà không cần tạo bản sao.

🔽 Auto (Tư động)

Auto (Tư đông) chỉ dùng cho ảnh chụp bằng thấu kính loại G và D (không bao gồm PC, mắt cá, các loại thấu kính khác). Không đảm bảo kết quả cho các loại thấu kính khác.













Tao các bản sao đã được chụp bởi thấu kính mắt cá. Nhấn ▶ để tăng hiệu ứng (còn để tăng lượng viền ảnh bị xén), ◀ để giảm. Có thể xem trước hiệu ứng trên hiển thị chỉnh sửa. Nhấn 🛞 để sao chép ảnh, hoặc nhấn 🕩 để thoát khỏi phát lại mà không cần tạo bản sao.

Color Outline (Phác Màu Chính)

Tao một bản sao phác thảo của một bức ảnh để làm cơ sở cho việc sơn màu. Có thể xem trước hiệu ứng trên hiển thi chỉnh sửa. Nhấn 🛞 để sao chép ảnh.

Color Sketch (Phác Hoa Màu)

Tao một bản sao của một bức ảnh tượng tự như một bản thảo bằng bút chì màu. Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật Vividness (Đô sặc sỡ) hoặc Outlines (Viền) và nhấn ◀ hoặc ► để thay đổi. Có thể tăng độ sặc sỡ để lên màu bão hoà hơn, hoặc giảm để làm rã một hiệu ứng đơn sắc, trong khi viền có thể làm dày hơn hoặc mỏng đi. Đường nét dày hơn làm cho màu sắc bão hòa hơn. Kết quả có thể được xem trước trên màn hình chỉnh sửa. Nhấn 🛞 để sao chép ảnh, hoặc nhấn 🕩 để thoát khỏi phát lai mà không cần tao bản sao.

Color sketch Vividness Outlines Cancel QZoon

Nút MENU → 🚽 menu sửa lại

Color outlin



Nút MENU → ₼ menu sửa lai









Perspective Control (Điều Chỉnh Phối Cảnh)

Tạo bản sao làm giảm hiệu ứng của phối cảnh tạo ra từ nền của một đối tượng cao. Sử dụng đa bộ chọn để điều chỉnh phối cảnh (lưu ý rằng điều khiển phối cảnh càng nhiều sẽ dẫn đến nhiều đường viền bị cắt ra). Kết quả có thể được xem trước trên màn hình chỉnh sửa. Nhấn [®] để sao chép ảnh, hoặc nhấn **►** để thoát khỏi phát lại mà không cần tạo bản sao.



Nút MENU → 🛃 menu sửa lại



Trước



Sau

Miniature Effect (Hiệu Ứng Cỡ Tí Hon)

Tạo một bản sao thành một bức tranh tầm sâu. Chụp tốt nhất tại một điểm cao thuận lợi. Vùng sẽ được lấy nét trên bản sao được thể hiện bằng khuôn hình màu vàng.

Ðế	Nhấn	Mô tả		
Chọn hướng	?≊ (?)	Nhấn 🕾 (?) để chọn hướng vùng được lấy nét.		
Chọn vùng lấy		Nếu vùng ảnh hưởng theo chiều rộng, nhấn ▲ hoặc ▼ để định vị khuôn hình thể hiện khu vực lấy nét của bản sao.		
nét		Nếu vùng tác động có hướng dọc, nhấn ◀ hoặc ► để định vị khuôn hình thể hiện khu vực lấy nét của bản sao.		
Chọn kích		Nếu vùng tác động có hướng rộng, nhấn ◀ hoặc 🕨 để chọn chiều cao.		
thước				
Xem trước bản sao	¢	Xem trước bản sao.		
Huỷ	►	Thoát khỏi phát lại khuôn hình đầy mà không tạo bản sao.		
Tạo bản sao		Tạo bản sao.		

Selective Color (Màu Chon Loc)

Tao bản sau trong đó chỉ xuất hiên màu sắc được chon.

1 Chon Selective color (Màu chon loc).

Làm nổi bất **Selective color** (Màu chọn lọc) trong menu sửa lai và nhấn 🕨 để hiển thi hôi thoai lưa chon ảnh.

2 Chọn ảnh.

Làm nổi bật bức ảnh (để xem toàn khuôn hình bức ảnh được làm nổi bật, nhấn giữ nút ♥). Nhấn ௸ để chọn bức ảnh được làm nổi bật và chuyển sang bước tiếp theo.

3 Chọn một màu.

Sử dụng đa bô chon để đinh vi con trỏ trên đối tương và nhấn 結 (O-n) để chon màu cho đối tương mà sẽ còn lai trên bản sao cuối cùng (máy ảnh có thể gặp khó khăn trong việc dò tìm màu không bão hòa; chon màu bão hòa). Để phóng to bức ảnh để chon màu chính xác, nhấn ♥. Nhấn ♥ (?) để thu nhỏ.

4 Làm nổi bật phạm vi màu.

Xoay đĩa lênh để làm nổi bật pham vi màu cho màu được chon.

Nút AFL (On)





⊐100D3200



Nút MENU -> 🚽 menu sửa lai





0 700m

AR: 1 **€**Reset

OKISav

Nhấn ▲ hoặc ▼ để tăng hoặc giảm phạm vi màu sắc tương tự mà sẽ xuất hiện trong bức ảnh hay phim cuối cùng. Chọn từ các giá trị từ 1 đến 7; lưu ý rằng giá trị cao hơn có thể bao gồm màu sắc từ các màu khác. Có thể xem trước hiệu ứng trên hiển thị chỉnh sửa.



6 Chọn thêm màu.

Để chọn màu bổ sung, xoay đĩa lệnh để làm nổi bật một hộp màu khác trong ba hộp ở trên cùng màn hình hiển thị và lặp lại các Bước 3–5 để chọn màu khác. Lặp lại đối với màu thứ ba nếu muốn. Để hủy chọn màu được làm nổi bật, nhấn ĩn (Để xóa tất cả các màu, nhấn sử ĩn. Hộp thoại vác nhập cẽ được biển thị chọn **Yac** (ứ



7 Lưu bản sao đã chỉnh sửa.

Nhấn 🛞 để sao chép ảnh.




Side-by-side Comparison (So Sánh Cạnh Nhau)

So sánh bản sao sửa lại với ảnh gốc. Tùy chọn này chỉ dung được nhấn nút 🛞 để hiển thị menu sửa lại khi một bản sao hoặc bản gốc được phát lại khuôn hình đầy.

1 Chọn ảnh.

Chọn một bản sao sửa lại (hiển thị bởi biểu tượng \square) hay một bức ảnh đã được sửa lại trong phát lại khuôn hình đầy và nhấn **®**.



2 Chọn Side-by-side comparison (So sánh cạnh nhau).

Làm nổi bật **Side-by-side comparison** (So sánh cạnh nhau) và nhấn B.



3 So sánh bản sao với bản gốc.

Hình ảnh nguồn được hiển thị trên bên trái, bản sao chỉnh sửa ở bên phải, các tuỳ chọn dùng để tạo bản sao được liệt kê ở trên cùng của hiển thị. Nhấn ◀ hoặc ► để chuyển đổi giữa hình ảnh nguồn và bản sao sửa lại. Để xem toàn khuôn hình ảnh được làm nổi bật, nhấn và giữ nút \mathfrak{R} . Nếu bản sao được tạo từ hai hình ảnh bằng cách sử dụng **Image overlay** (Lớp phủ hình ảnh), nhấn ▲ hoặc ▼ để xem ảnh nguồn khác. Nếu tồn tại nhiều bản sao cho hình ảnh nguồn khác. Nếu tồn tại gi,



nhấn nút 🖻 hoặc nhấn 🛞 để trở lại chế độ phát lại với hình ảnh được làm nổi bật được hiển thị.

V Side-by-side comparison (So sánh cạnh nhau)

Ảnh nguồn sẽ không được hiển thị nếu bản sao được tạo từ bức ảnh đã bị xóa từ khi đó hay được bảo vệ khi tạo bản sao (🎞 105).

🗐 Recent Settings (Cài Đặt Gần Đây)

Để hiển thị cài đặt gần đây, nhấn MENU và chọn tab 🗐 (cài đặt gần đây).



Menu cài đặt gần đây liệt kê hai mươi cài đặt được sử dụng gần đây nhất. Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật một tùy chọn và nhấn ▶ để chọn.



🌌 Gỡ Mục khỏi Menu Recent Settings (Cài Đặt Gần Đây)

Để gỡ mục khỏi menu cài đặt gần đây, làm nổi bật mục và nhấn nút tr. Một hội thoại xác nhận sẽ xuất hiện; nhấn tr lần nữa để xóa mục đã chọn.

Chú Ý Kỹ Thuật

Đọc chương này để có thêm thông tin về phụ kiện tương thích, vệ sinh và lưu giữ máy ảnh, và những điều cần thực hiện khi một thông báo lỗi được hiển thị hoặc bạn gặp vấn đề trong việc sử dụng máy ảnh.

Các Thấu Kính Tương Thích

Các Thấu Kính CPU Tương Thích

Máy ảnh này chỉ hỗ trợ lấy nét tự động với thấu kính CPU AF-S và AF-I CPU. Thấu kính AF-S có tên bắt đầu với **AF-S**, tên thấu kính AF-I bắt đầu với **AF-I**. Lấy nét tự động không được hỗ trợ với các thấu kính lấy nét tự động (AF) khác. Bảng sau đây liệt kê các tính năng sẵn có với thấu kính tương thích trong chụp ảnh bằng kính ngắm:

Cài đặt của máy ảnh	Lấy nét			Chế độ		Đo sáng		g
		MF (với máy ngắm			Các chế độ		Ø	۲
Thấu kính/phụ kiện	AF	điện tử)	MF	M	khác	3D	Màu	
AF-S, AF-I NIKKOR ¹	~	~	~	~	~	~	—	√ ²
Loại AF NIKKOR G hoặc D khác ¹	-	~	~	~	~	~	—	√ ²
Dòng PC-E NIKKOR	-	√ ³	~	√ ³	✓ ³	√ ³	—	√ ^{2,3}
PC Micro 85mm f/2.8D ⁴	-	✓ ³	~	~	—	~	—	√ ^{2,3}
Bộ chuyển từ xa AF-S/AF-I⁵	✓ ⁶	✓ ⁶	~	~	~	~	—	√ ²
AF NIKKOR khác (ngoại trừ các loại thấu kính cho F3AF)	-	✓7	~	~	~	-	~	✓ ²
AI-P NIKKOR	-	✓ 8	~	~	 ✓ 	—	~	√ ²

1 Sử dụng thấu kính AF-S hoặc AF-I để tận dụng nhiều nhất máy ảnh của bạn. Chức năng Chống Rung (VR) được hỗ trợ với các thấu kính VR.

2 Chức năng đo sáng điểm sẽ đo điểm lấy nét đã chọn (III 60).

- 3 Không thể được sử dụng trong trạng thái dịch chuyển hoặc nghiêng.
- 4 Các hệ thống đo phơi sảng và điều khiển đèn nháy của máy ảnh có thể không hoạt động như mong muốn khi thấu kính được dịch chuyển và/hoặc nghiêng hoặc khi sử dụng độ mở ống kính không ở mức cực đại
- 5 Cần thấu kính AF-S hoặc AF-I.
- 6 Với độ mở ống kính hiệu quả cực đại ở mức f/5.6 hoặc nhanh hơn.
- 7 Khi phóng to hết cỡ các thấu kính ẢF 80–200mm f/2.8, AF 35–70mm f/2.8, AF 28–85mm f/3.5–4.5 (Mới) hoặc AF 28–85mm f/3.5–4.5 ở khoảng cách lấy nét tối thiểu, chỉ báo đang lấy nét có thể được hiển thị khi hình ảnh trên màn hình đục trên kính ngắm không được lấy nét. Lấy nét bằng tay đến khi hình ảnh trong kính ngắm được lấy nét.
- 8 Với độ mở ống kính cực đại ở mức f/5.6 hoặc nhanh hơn.

🚺 Thấu Kính IX NIKKOR

Không thể sử dụng thấu kính IX NIKKOR.

🥖 Thấu kính số f

Số f trong tên thấu kính là độ mở ống kính tối đa của thấu kính.

Ø

🖉 Nhận Diện Thấu Kính CPU và Loại G và D

Các thấu kính CPU có thể được nhận biết qua sự hiện diện của các tiếp xúc CPU, các thấu kính loại G và D qua chữ cái trên đường biên của thấu kính. Các thấu kính loại G không được trang bị vòng mở thấu kính.



Các Thấu Kính Không CPU Tương Thích

Các thấu kính không phải CPU chỉ có thể được sử dụng khi máy ảnh ở chế độ **M**. Khi chọn bất kỳ chế độ khác sẽ tắt chức năng nhả cửa trập. Phải điều chỉnh độ mở ống kính bằng tay thông qua vòng độ mở ống kính thấu kính và hệ đo sáng máy ảnh, điều khiển đèn nháy i-TTL và các tính năng khác đòi hỏi không sử dụng thấu kính CPU. Không thể sử dụng một số thấu kính không phải CPU; xem "Phụ Kiện Không Tương Thích và Thấu Kính Không Phải CPU," bên dưới.

Cài đặt của máy ảnh	Lấy nét			Chế độ		Metering (Đo sáng)
		MF (với máy ngắm			Các chế độ	
Thấu kính/phụ kiện	AF	điện tử)	MF	M	khác	◙, ⊚, ∙
NIKKOR hoặc Nikon thuộc Dòng E kiểu AI, AI đã được sửa đổi	_	✓ ¹	~	✓ ²	_	_
Medical NIKKOR 120mm f/4	—	~	~	√ ^{2,3}	_	—
Reflex NIKKOR	—	—	~	✓ ²	—	—
PC NIKKOR	—	✓ ⁴	~	✓ ²	_	—
Bộ chuyển từ xa kiểu Al	—	✓ ⁵	~	✓ ²	—	—
Phần Gắn Hộp Xếp Lấy Nét PB-6 ⁶	—	✓ ¹	V	√ ²	—	—
Các vòng mở rộng tự động (11A, 12, hoặc 13; PN-11 thuộc dòng PK)	—	✓ ¹	~	✓ ²	_	—

1 Với độ mở ống kính cực đại ở mức f/5.6 hoặc nhanh hơn.

2 Không thể sử dụng chỉ báo phơi sáng.

3 Có thể được dùng với tốc độ cửa trập chậm hơn tốc độ đồng bộ đèn nháy một bước hoặc nhiều hơn.

4 Không thể được sử dụng trong trạng thái dịch chuyển hoặc nghiêng.

5 Với độ mở ống kính hiệu quả cực đại ở mức f/5.6 hoặc nhanh hơn.

6 Gắn theo hướng dọc (có thể được sử dụng theo hướng ngang sau khi đã gắn vào).

🔽 Các Phụ Kiện và Thấu Kính Không CPU Không Tương Thích

Những phụ kiện và thấu kính không CPU sau đây KHÔNG THỂ được dùng với D3200:

- Bộ chuyển từ xa TC-16AS AF
- Các thấu kính không Al
- Các thấu kính yêu cầu bộ lấy nét AU-1 (400mm f/4.5, 600mm f/5.6, 800mm f/8, 1200mm f/11)
- Mắt cá (6mm f/5.6, 7.5mm f/5.6, 8mm f/8, OP 10mm f/5.6)
- 2,1cm f/4
- Vòng Mở Rộng K2
- 180-600mm f/8 ED (các số sê-ri 174041-174180)
- 360-1200mm f/11 ED (các số sê-ri 174031-174127)
- 200-600mm f/9.5 (các số sê-ri 280001-300490)
- Các thấu kính AF cho F3AF (AF 80mm f/2.8, AF 200mm f/3.5 ED, Bộ Chuyển Từ Xa AF TC-16)
- PC 28mm f/4 (số sê-ri 180900 hoặc đời trước nữa)
- PC 35mm f/2.8 (các số sê-ri 851001–906200)
- PC 35mm f/3.5 (loại cũ)
- Reflex 1000mm f/6.3 (loại cũ)
- Reflex 1000mm f/11 (các số sê-ri 142361-143000)
- Reflex 2000mm f/11 (các số sê-ri 200111-200310)

🚺 Đèn Nháy Gắn Sẵn

Đèn nháy gắn sẵn có thể được dùng với các ống kính có tiêu cự 18–300, mặc dù trong một số trường hợp đèn nháy có thể không có khả năng chiếu sáng toàn bộ đối tượng trong một số phạm vi hoặc tiêu cự bởi các phần bóng tạo ra bởi thấu kính, trong khi đó các thấu kính chặn tầm nhìn đối tượng của đèn giảm mắt đỏ có thể gây cản trở cho chức năng giảm mắt đỏ. Gỡ nắp thấu kính để tránh các phần bóng. Đèn nháy sử dụng ở phạm vi tối thiểu là 0,6 m và không thể được sử dụng ở phạm vi vĩ mô của thấu kinh thu phóng chụp cận cảnh. Đèn nháy có thể không có khả năng chiếu sáng toàn bộ đối tượng với các thấu kính sau khi ở trong phạm vi nhỏ hơn phạm vi được nêu phía dưới:

		Khoáng cách tối thiếu không dùng chức năng
Thấu kính Vị	ị trí thu phóng	tạo họa tiết
AF-S DX NIKKOR 10–24mm f/3.5–4.5G ED	24 mm	2,5 m
AF-S DX Zoom-Nikkor 12–24mm f/4G IF-ED	24 mm	1,0 m
AF-S NIKKOR 16–35mm f/4G ED VR	35 mm	1,0 m
AF-S DX NIKKOR 16–85mm f/3.5–5.6G ED VR	24–85 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
AE-S Zoom-Nikkor 17-35mm f/2 8D IE-ED	28 mm	1,0 m
	35 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
	28 mm	1,5 m
AF-S DX Zoom-Nikkor 17–55mm f/2.8G IF-ED	35 mm	1,0 m
	45-55 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
AE Zoom Nikkor 19, 25mm f/2.5, 4.5D IE ED	24 mm	1,0 m
AF 20011-NIKKOI 18-331111173.3-4.30 IF-ED	28-35 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
AESDY Zoom Nikkor 18, Z0mm f/2 5, 4 5G IEED	18 mm	1,0 m
AF-5 DX 20011-NIKK01 18-7011111/3.5-4.50 IF-ED	24-70 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
AE S DY NIKKOP 19, 105mm f/2 5, 5 6G ED VP	18 mm	3,0 m
AF-5 DX NIRKOR 18-10511111/5.5-5.00 ED VR	24 mm	1,0 m
AES DY Zoom Nikkor 19, 125mm f/25, 56G IEED	18 mm	2,0 m
AF-5 DA 20011-NIKKOI 16-15511111/3.5-5.00 IF-ED	24-135 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
AF-S DX VR Zoom-Nikkor 18–200mm f/3.5–5.6G IF-ED, AF-S	24 mm	1,0 m
DX NIKKOR 18–200mm f/3.5–5.6G ED VR II	35-200 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
	24 mm	2,5 m
AF Zoom-Nikkor 20–35mm f/2.8D IF	28 mm	1,0 m
	35 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
AF-S NIKKOR 24mm f/1.4G ED	24 mm	1,0 m
AE S NIKKOP 24 70mm f/2 %G ED	35 mm	1,5 m
AF-5 NIKKOR 24-7 011111 1/2.00 ED	50-70 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
AE S VD Zoom Nikkor 24, 120mm f/2 5, 5 6C IE ED	24 mm	1,0 m
AF-5 VR 200111-INIKKUI 24–12011111 1/5.5–5.00 IF-ED	28-120 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
AF-S NIKKOR 24-120mm f/4G ED VR	24 mm	1,5 m
AE S Zoom Nikkor 28, Z0mm f/2 8D IE ED	35 mm	1,5 m
AF-3 20011-111KK01 20-7011111 1/2.80 IF-ED	50-70 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
AE-S NIKKOR 28-300mm f/3 5-5 6G ED VP	28 mm	1,5 m
	35 mm	1,0 m

Thấu kính	Vị trí thu phóng	Khoảng cách tối thiểu không dùng chức năng tạo họa tiết
AE-SVR Zoom-Nikkor 200-400mm f/4G IE-ED	250 mm	2,5 m
	350 mm	2,0 m
	200 mm	5,0 m
AF SNIKKOB 200 400mm f/4C ED VB II	250 mm	3,0 m
AF-S NIKKOR 200–400mm f/4G ED VR II	300 mm	2,5 m
	350-400 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
PC-E NIKKOR 24mm f/3.5D ED*	24 mm	3,0 m

* Khi không trong trạng thái dịch chuyển hoặc nghiêng.

Khi được sử dung với AF-S NIKKOR 14–24mm f/2.8G ED, đèn nháy sẽ không có khả năng chiếu sáng toàn bô đối tương trong moi pham vi.

V Chiếu Sáng Trợ Giúp Lấy Nét Tự Động

Chiếu sáng trợ giúp AF không sẵn có với các thấu kính sau đây:

- AF-S NIKKOR 14–24mm f/2.8G ED
- AF-S NIKKOR 28–300mm f/3 5–5 6G ED VR
- AF-S DX NIKKOR 55-300mm f/4.5-5.6G ED VR
- AF-S VR Zoom-Nikkor 70–200mm f/2.8G IF-ED
- AF-S NIKKOR 70-200mm f/2.8G ED VR II
- AF-S Zoom-Nikkor 80–200mm f/2.8D IF-ED
- AE-S VR Nikkor 200mm f/2G IE-ED
- AF-S NIKKOR 200mm f/2G ED VR II
- AF-S VR Zoom-Nikkor 200–400mm f/4G IF-ED
- AF-S NIKKOR 200–400mm f/4G ED VR II

AF-S NIKKOR 24–120mm f/4G ED VR

AF-S NIKKOR 35mm f/1.4G

AF-S NIKKOR 85mm f/1.4G

AF-S VR Zoom-Nikkor 24–120mm f/3.5–5.6G

AF-S Zoom-Nikkor 28–70mm f/2.8D IF-ED

AF-S VR Micro-Nikkor 105mm f/2.8G IE-ED

Ở các khoảng dưới 1 m, các thấu kính sau đây có thể chăn đèn chiếu trơ giúp AF và cản trơ việc lấy nét tự động khi ánh sáng yếu:

IF-FD

- AE-S NIKKOR 16–35mm f/4G ED VR
- AF-S Zoom-Nikkor 17–35mm f/2.8D IE-ED
- AF-S DX Zoom-Nikkor 17–55mm f/2.8G IF-FD
- AF-S DX NIKKOR 18–105mm f/3.5–5.6G ED VR
- AF-S DX VR Zoom-Nikkor 18–200mm f/3.5–5.6G IF-FD
- AF-S DX NIKKOR 18–200mm f/3.5–5.6G ED VR II
- AF-S NIKKOR 24–70mm f/2.8G ED
- 🖉 Tính toán góc xem

Kích thước vùng phơi sáng bởi máy ảnh 35 mm là 36 × 24 mm. Ngược lại, kích thước vùng phơi sáng bởi máy ảnh D3200 là 23,2 × 15,4 mm, có nghĩa là góc xem của máy ảnh 35mm gấp gần 1,5 lần so với máy ảnh D3200. Tiêu cư tương đối của các thấu kính cho D3200 trong đinh dang 35 mm có thể được tính



Các Bộ Đèn Nháy Tùy Chọn (Đèn Chớp)

Máy ảnh hỗ trợ Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Tạo Nikon (CLS) và có thể được sử dụng với các bộ đèn nháy tương thích với CLS. Các bộ đèn nháy tùy chọn có thể được gắn trực tiếp vào ngàm gắn phụ kiện máy ảnh như mô tả phía dưới. Ngàm gắn phụ kiện được trang bị khóa an toàn cho các bộ đèn nháy bằng chốt khóa.

Gỡ nắp ngàm gắn phụ kiện.



2 Gắn bộ đèn nháy vào ngàm gắn phụ kiện. Xem tài liệu hướng dẫn được cung cấp kèm với bộ đèn nháy để biết thêm chi tiết. Đèn nháy gắn sẵn sẽ không nháy sáng khi một bộ đèn nháy tùy chọn được gắn vào.

Khớp nối đầu cuối đồng bộ AS-15

Khi khớp nối đầu cuối đồng bộ AS-15 (có sẵn tách rời) được gắn vào ngàm gắn phụ kiện máy ảnh, các phụ kiện đèn nháy có thể được kết nối thông qua một cáp đồng bộ.



🔽 Chỉ Sử Dụng Các Phụ Kiện Đèn Nháy Nikon

Chỉ sử dụng các bộ đèn nháy Nikon. Việc sử dụng điện áp âm hoặc điện áp trên 250 V cho ngàm gắn phụ kiện không những có thể làm gián đoạn việc vận hành bình thường, mà còn làm tổn hại dòng điện đồng bộ của máy ảnh hoặc đèn nháy. Trước khi sử dụng một bộ đèn nháy Nikon không được nêu danh sách trong mục này, hãy liên hệ với một đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền để biết thêm thông tin.

<u> Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Tạo Nikon (CLS)</u>

Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Sạo (CLS) nâng cao của Nikon có giao tiếp đã được cải tiến giữa máy ảnh và những bộ đèn nháy tương thích giúp cải thiện chức năng đèn nháy nhiếp ảnh.

💵 Các Bộ Đèn Nháy Tương Thích Với CLS

Máy ảnh có thể được sử dụng với những bộ đèn nháy tương thích với CLS sau:

	Bộ đèn nháy							
Chức năng		SB-910 ¹	SB-900 ¹	SB-800	SB-700 ¹	SB-600	SB-400 ²	SB-R200 ³
Hướng Dẫn Số 4	ISO 100	34	34	38	28	30	21	10
nuong ban 50	ISO 200	48	48	53	39	42	30	14

1 Nếu một bộ lọc màu được gắn vào SB-910, SB-900 hoặc SB-700 khi AUTO (TỰ ĐỘNG) hoặc **4** (đèn nháy) được chọn cho độ cân bằng trắng, máy ảnh sẽ tự động dò tìm bộ lọc và điều chỉnh độ cân bằng trắng phù hợp.

2 Điều khiển đèn nháy không dây sẵn có với SB-400.

3 Được điều khiển từ xa bằng cách sử dụng bộ đèn nháy SB-910, SB-900, SB-800 hoặc SB-700 tùy chọn hoặc bộ điều khiển đèn chớp không dây SU-800.

- 4 m, 20 °C, SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, and SB-600 tại vị trí đầu thu phóng ở mức 35 mm; SB-910, SB-900, và SB-700 với độ chiếu sáng tiêu chuẩn.
- Bộ điều khiển đèn chớp không dây SU-800: Khi được gắn vào máy ảnh tương thích với CLS, SU-800 có thể được sử dụng như một bộ điều khiển từ xa cho các bộ đèn nháy SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, SB-600 hoặc SB-R200 trong tối đa ba nhóm. Bản thân SU-800 không được trang bị đèn nháy.

🖉 Số Hướng Dẫn

Để tính toán phạm vi của đèn nháy hoạt động hết công suất, chia Số Hướng Dẫn cho độ mở ống kính. Ví dụ, tại ISO 100, SB-800 có Số hướng dẫn là 38 m (vị trí đầu thu phóng 35 mm); phạm vi của nó tại độ mở ống kính f/5.6 là 38 ÷ 5.6 hoặc khoảng 6,8 m. Với mỗi mức tăng gấp đôi độ nhạy ISO, nhân số hướng dẫn với căn bậc hai của hai (xấp xỉ 1,4). Các chức năng sau có sẵn với các bộ đèn nháy tương thích với CLS:

$\overline{}$	Bộ đèn nháy						Ð	èn Không D	ây Nâng Ca	10	
						Chính/bộ điều khiển			Từ xa		
(bấ đà đà	an nháy/chức năng	SB-910 SB-900	CP 700	CP 600	CP 400	SB-910 SB-900	CP 700		SB-910 SB-900	SB-700	CP 0200
ciie uộ uế	en nindy/chuc nany	30-000	30-700	30-000	30-400	30-000	30-700	30-000	30-000	30-000	30-h200
i-TTL	cho SLR kỹ thuật số ²	✓ ³	✓ ⁴	✓ 3	✓ ⁴	~	~	~	~	~	~
AA	Độ mở ống kính tự động ²	√ ⁵	—	-	—	√ ⁶	-	✓ ⁶	√ ⁶	—	—
Α	Tự động không TTL	√ ⁵	—	—	—	√ ⁶	—	-	√ ⁶	—	—
GN	Ưu tiên khoảng cách bằng tay	~	~	_	_	_	_	-	_	_	_
М	Bằng tay	~	~	~	✔7	~	~	~	~	~	~
RPT	Đèn nháy lặp lại	~	—	-	—	~	—	~	~	~	—
Trợ giúp l động đa v	Trợ giúp lấy nét tự động cho lấy nét tự động đa vùng ²		~	~	_	~	~	~	_	_	_
Giao Tiếp Thông Tin Đèn Nháy Màu		~	~	~	~	~	~	-	—	—	—
REAR	Đồng bộ màn phía sau	~	~	~	~	~	~	~	~	~	~
۲	Giảm mắt đỏ	~	~	~	~	~	~	—	—	—	—
Thu phón	ig thông minh	~	~	~	—	~	~	—	—	—	—

 Chỉ có sẵn khi SU-800 được sử dụng để điều khiển các bộ đèn nháy khác. Bản thân SU-800 không được trang bị đèn nháy.

2 Cần thấu kính CPU.

- 3 Đèn nháy i-TTL tiêu chuẩn cho SLR kỹ thuật số được sử dụng với chức năng đo sáng điểm hoặc khi được chọn với bộ đèn nháy.
- 4 Đèn nháy i-TTL tiêu chuẩn cho SLR kỹ thuật số được sử dụng với chức năng đo sáng điểm.

5 Được chọn với bộ đèn nháy.

6 Độ mở ống kính tự động (AA) được sử dụng không phụ thuộc vào chế độ được chọn với bộ đèn nháy.

7 Có thể được chọn với máy ảnh.

LE Các Bộ Phận Đèn Nháy Khác

Những bộ phận đèn nháy có thể được dùng trong các chế độ tự động không TTL và bằng tay.

Chế độ đả	Bộ đèn nháy èn nháy	SB-80DX, SB-28DX, SB-28, SB-26, SB-25, SB-24	SB-50DX ¹	SB-30, SB-27 ² , SB-22S, SB-22, SB-20, SB-16B, SB-15	SB-23, SB-29 ³ , SB-21B ³ , SB-29S ³
A	Tự động không TTL	✓	—	v	—
м	Bằng tay	✓	~	v	~
555	Đèn nháy lặp lại	✓	—	—	—
REAR	Đồng bộ màn phía sau ⁴	v	~	v	~

1 Chọn chế độ **P**, **S**, **A**, hoặc **M**, hạ đèn nháy gắn sẵn, và chỉ sử dụng bộ đèn nháy tùy chọn.

2 Chế độ đèn nháy được tự động cài đặt thành TTL và chức năng nhà cửa trập bị vô hiệu hóa. Cài đặt bộ đèn nháy thành A (đèn nháy tự động không TTL).

3 Chức năng lấy nét tự động chỉ có sẵn với các thấu kính AF-S VR Micro-Nikkor 105mm f/2.8G IF-ED và AF-S Micro NIKKOR 60 mm f/2.8G ED.

4 Có sẵn khi máy ảnh được sử dụng để chọn chế độ đèn nháy.

🔽 Lưu Ý Về Các Bộ Đèn Nháy Tùy Chọn

Tham khảo tài liệu hướng dẫn Đèn chớp để có hướng dẫn cụ thể. Nếu bộ đèn nháy hỗ trợ CLS, tham khảo mục về máy ảnh SLR kỹ thuật số tương thích với CLS. D3200 không được nêu trong danh mục "SLR kỹ thuật số" trong các tài liệu hướng dẫn của SB-80DX, SB-28DX và SB-50DX.

Nếu một bộ đèn nháy tùy chọn gắn trong các chế độ chụp khác với ③, đèn nháy sẽ nháy sáng trong tất cả các lần chụp, ngay cả trong các chế độ mà đèn nháy gắn sẵn không thể được sử dụng (🗃 và ኣ).

Chức năng điều khiển đèn nháy i-TTL có thể được sử dụng với độ nhạy ISO ở mức giữa 100 và 6400. Ở giá trị cao hơn 6400, có thể không đạt được kết quả mong muốn trong một số phạm vi hoặc cài đặt độ mở ống kính. Nếu chỉ báo đèn nháy sẵn sàng nháy trong khoảng ba giây sau khi bức ảnh được chụp, thì đèn nháy đã nháy sáng ở công suất cao nhất và bức ảnh có thể bị thiếu phơi sáng.

Khi một cáp đồng bộ 17, 28, hoặc 29 thuộc dòng SC được sử dụng cho chế độ chụp ảnh đèn nháy nằm ngoài máy ảnh, có thể không đạt được độ phơi sáng chuẩn xác trong chế độ i-TTL. Chúng tôi khuyến nghị bạn nên sử dụng chức năng đo sáng điểm để chọn chế độ điều khiển đèn nháy i-TTL tiêu chuẩn. Chụp một bức ảnh thử nghiệm và xem kết quả trên màn hình.

Trong chế độ i-TTL, sử dụng bảng đèn nháy hoặc ống nối nảy lên được cung cấp kèm với bộ đèn nháy. Không được sử dụng các bảng khác như bảng khuếch tán, vì điều này có thể tạo ra độ phơi sáng không chuẩn xác.

Nếu điều khiển trên các bộ đèn nháy tùy chọn SB-910, SB-900, SB-800, SB-700 hoặc SB-600 hay bộ điều khiển Đèn Chớp không dây SU-800 được dùng để đặt bù đèn nháy, 🚧 sẽ xuất hiện trên màn hình hiển thị thông tin.

The SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, SB-600 và SB-400 cung cấp chức năng giảm mắt đỏ, trong khi đó SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, SB-600 và SU-800 cung cấp chức năng chiếu sáng trợ giúp lấy nét tự động với các hạn chế sau:

- SB-910 và SB-900: Chức năng chiếu sáng trợ giúp lấy nét tự động có sẵn trong các thấu kính AF 17–135 mm. Tuy nhiên, chức năng tự động lấy nét chỉ có với các điểm lấy nét được trình bày ở bên phải.
- SB-800, SB-600, và SU-800: Chức năng chiếu sáng trợ giúp lấy nét tự động có sẵn trong các thấu kính AF 24-105 mm. Tuy nhiên, chức năng tự động lấy nét chỉ có với các điểm lấy nét được trình bày ở bên phải.
- SB-700: Chức năng chiếu sáng trợ giúp lấy nét tự động có sẵn trong các thấu kính AF 24-135 mm. Tuy nhiên, chức năng tự động lấy nét chỉ có với các điểm lấy nét được trình bày ở bên phải.

[•]	<pre> [[] [] [] [] [] [] [] [] [] [</pre>	["] [=] = [[=] = [[=] = [[=] = [] = [
[]	["] ["] ["] 24-34 mm					
	_ (· _ = [:	•] = [
	24-135 mm					

Các Phụ Kiện Khác

Tại thời điểm viết bài, những phụ kiện sau đã có sẵn cho D3200.

Các nguồn điện	 Pin Sạc Li-ion EN-EL14 (^{CD} 12–13): Pin EN-EL14 bổ sung có sẵn tại các nhà bán lẻ và đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền ở địa phương. Cũng có thể sử dụng pin EN-EL14a. Bộ Sạc Pin MH-24 (^{CD} 12): Bộ sạc pin EN-EL14a và EN-EL14. Đầu Nối Nguồn EP-5A, Bộ Đối Điện AC EH-5b: Những phụ kiện này có thể được sử dụng để cấp nguồn cho máy ảnh để kéo dài thời gian sử dụng (bộ đổi điện EH-5a và EH-5 AC cũng có thể được sử dụng). Cần có đầu nối nguồn EP-5A để kết nối máy ảnh với EH-5b, EH-5a hoặc EH-5; xem trang 178 để biết thông tin chi tiết.
Các bộ lọc	 Các bộ lọc dành cho nhiếp ảnh hiệu ứng đặc biệt có thể gây cản trở cho chức năng lấy nét tự động hoặc máy ngắm điện tử. D3200 không thể được dùng với các bộ lọc phân cực tuyến tính. Thay vào đó hãy sử dụng các bộ lọc phân cực xoay được C-PL hoặc C-PL II. Các bộ lọc NC được khuyên dùng để bảo vệ thấu kính. Để tránh bóng ma, không nên sử dụng bộ lọc khi đối tượng được tạo khuôn hình theo hướng ngược với ánh sáng chói, hoặc khi nguồn sáng chói ở trong khuôn hình. Chức năng đo sáng cân bằng trung tâm được khuyên dùng với các bộ lọc với các yếu tố phơi sáng (các yếu tố bộ lọc) trên 1 × (Y44, Y48, Y52, O56, R60, X0, X1, C-PL, ND2S, ND4, ND4S, ND8, ND400, A2, A12, B2, B8, B12). Xem tài liệu hướng dẫn về bộ lọc để biết thêm chi tiết.
các phụ kiện kính ngắm thị kính	 Thấu kính điều chỉnh thị kính DK-20C: Các thấu kính có thể làm việc với các điốt loại –5, –4, –3, –2, 0, +0,5, +1, +2, và +3 m⁻¹ khi máy ảnh điều khiển điều chỉnh điốt ở vị trí trung tính (–1 m⁻¹). Chỉ sử dụng thấu kính điều chỉnh thị kính khi không thể đạt được độ lấy nét mong muốn với bộ điều khiển điều chỉnh thị kính khi không thể đạt được độ lấy nét mong muốn với bộ điều khiển điều chỉnh điết gắn sẵn (–1,7 đến +0,5 m⁻¹). Thử thấu kính điều chỉnh thị kính trước khi mua để đảm bảo có thể đạt được độ lấy nét mong muốn. Hốc mắt cao su không thể được sử dụng với thấu kính điều chỉnh thị kính. Kính Lúp DG-2: DG-2 khuếch đại cảnh được sử dụng với thấu kính điều chỉnh thị kính. Kính Lúp DG-2: DG-2 khuếch đại cảnh được hiển thị phần trung tâm của kính ngắm giúp đạt độ chính xác cao hơn khi lấy nét. Cần Bộ nối thị kính (có sẵn tách rời). Bộ Nối Thị Kính DK-22: DK-22 được sử dụng khi gắn kính lúp DG-2. Ông Ngắm Vuông Gán Ngoài DR-6: DR-6 được gán vuông góc với thấu kính của kính ngắm, cho phép xem hình ảnh trong kính ngắm từ các góc vuông góc với thấu kính (ví dụ, từ thẳng phía trên khi máy ảnh nằm ngang).
Phần mềm	Capture NX 2 : Một gói chỉnh sửa ảnh hoàn thiện có những chức năng như điều chỉnh độ cân bằng trắng và kiểm soát các điểm màu. Lưu ý : Sử dụng các phiên bản mới nhất của phần mềm Nikon. Phần lớn các phần mềm Nikon có chức năng tự động cập nhật khi máy tính được kết nối Internet. Truy cập các trang web được nêu ở trang xiv để có thông tin mới nhất đối với các hệ điều hành được hỗ trợ.

Nắn thân máy	Nắp Thân Máy BF-1B/Nắp Thân Máy BF-1A : Nắp thân máy giữ gương, màn hình kính ngắm, và bộ							
Nap than may	lọc qua chậm không bị dính bụi khi không gắn thấu kính.							
Các bộ điều khiển từ xa	Điều khiển từ xa không dây ML-L3 (III 33): ML-L3 sử dụng pin 3 V CR2025. 1 3 4 5 2 3 4 5 Đẩy chốt nắp khoang pin sang phải (II), luôn móng tay vào khe trống và mở nắp khoang							
	pin 🕲). Hãy chắc chắn rằng pin được lắp đúng hướng ④).							
Micrô	Micrô Stereo ME-1 (🕮 91)							
Các loại phụ kiện đầu cuối phụ kiện	D3200 được trang bị với một đầu cuối phụ kiện cho dây chụp từ xa MC-DC2 (⊞ 58) và bộ GPS GP-1 (⊞ 147), chúng kết nối với điểm ◀ trên đầu nối thẳng hàng với điểm ▶ ở bên cạnh đầu cuối phụ kiện (đóng nắp đầu nối máy ảnh khi không sử dụng đầu cuối).							
Phụ kiện đầu nối USB và A/V	 Cáp USB UC-E17 và UC-E6 (□ 112) Bộ Nối Di Động Không Dây WU-1a: Hỗ trợ thông tin liên lạc hai chiều giữa máy ảnh và các thiết bị thông minh chạy Wireless Mobile Adapter Utility. 							

<u>Thẻ Nhớ Đã Được Phê Duyệt</u>

Các thẻ nhớ SD sau đây đã được kiểm tra và phê duyệt cho việc sử dụng với D3200. Thẻ nhớ với tốc độ ghi cấp 6 hoặc nhanh hơn được khuyên dùng cho việc quay phim. Quá trình quay có thể kết thúc đột ngột nếu sử dụng thẻ có tốc độ chậm hơn.

	Các thẻ nhớ SD	Các thẻ nhớ SDHC ²	Các thẻ nhớ SDXC ³
SanDisk	2 GB ¹	4 GR 8 GR 16 GR 32 GR	64 GB
Toshiba			
Panasonic		4 GB, 6 GB, 8 GB, 12 GB, 16 GB, 24 GB, 32 GB	48 GB, 64 GB
Lexar Media		4 GB, 8 GB	
Platinum II		4 GB, 8 GB, 16 GB, 32 GB	
Professional		4 GB, 8 GB, 16 GB, 32 GB, 64 GB, 128 GB	
Full-HD Video	—	4 GB, 8 GB, 16 GB	

1 Kiểm tra để chắc chắn rằng mọi đầu đọc thẻ hoặc các thiết bị khác được sử dụng cùng với thẻ có hỗ trợ thẻ 2 GB.

2 Kiểm tra để chắc chắn rằng mọi đầu đọc thẻ hoặc các thiết bị khác được sử dụng cùng với thẻ có hỗ trợ chuẩn SDHC. Máy ảnh hỗ trợ UHS-1.

3 Kiểm tra để chắc chắn rằng mọi đầu đọc thẻ hoặc các thiết bị khác được sử dụng cùng với thẻ có hỗ trợ chuẩn SDXC. Máy ảnh hỗ trợ UHS-1.



Các thẻ khác chưa được kiểm tra. Để biết thêm chi biết về các loại thẻ phía trên, vui lòng liên hệ với nhà sản xuất.

<u>Gắn Đầu Nối Nguồn và Bộ Đổi Điện AC</u>

Tắt máy ảnh trước khi gắn đầu nối nguồn và bộ đổi điện AC tùy chọn.

1 Chuẩn bị máy ảnh sẵn sàng.

Mở nắp khoang pin (1) và nắp đầu nối nguồn (2).

2 Lắp đầu nối nguồn EP-5A.

Nhớ lắp đầu nối chính xác theo hướng như trong ảnh, sử dụng đầu nối để giữ cho chốt pin màu cam được đẩy sang một bên. Chốt sẽ giữ cho đầu nối ở đúng vị trí khi đầu nối được lắp hoàn chỉnh.

3 Đóng nắp khoang pin.

Đặt cáp đầu nối nguồn sao cho nó đi xuyên qua khe cắm đầu nối nguồn và đóng nắp khoang pin.

4 Kết nối bộ đổi điện AC.

Kết nối cáp nguồn bộ đổi điện AC với hốc AC trên bộ đổi điện AC (3) và cáp nguồn EP-5A vào hốc DC (3). Một biểu tượng **-e** sẽ được hiển thị trên màn hình khi máy ảnh được cấp nguồn bởi bộ đổi điện AC và đầu nối nguồn.







Chăm Sóc Máy Ảnh

<u>Bảo Quản</u>

Khi không sử dụng máy ảnh trong thời gian dài, hãy tháo pin ra và cất giữ pin ở nơi mát mẻ, khô ráo với nắp phủ đầu cuối ở đúng vị trí. Để tránh bị ẩm mốc, cất giữ máy ảnh tại nơi khô ráo và thông thoáng. Không được cất giữ máy ảnh cùng với viên long não hoặc naptalin chống côn trùng tại các vị trí:

- không thông thoáng hoặc có độ ẩm trên 60%
- ở gần thiết bị tạo ra vùng từ trường mạnh, như ti-vi hoặc ra-đi-ô
- tiếp xúc với nhiệt độ trên 50 °C hoặc dưới –10 °C

<u>Lau chùi</u>

Thân máy ảnh	Sử dụng máy thổi để loại bỏ bụi và vải vụn, sau đó nhẹ nhàng lau bằng khăn khô mềm. Sau khi sử dụng máy ảnh tại bãi biển hoặc vùng gần biển, lau hết cát hoặc muối với một chiếc khăn được thấm nhẹ nước cất và làm khô hoàn toàn. Quan trọng : <i>Bụi hoặc các vật chất từ bên</i> ngoài lọt vào trong máy ảnh có thể gây ra các tổn hại không được hưởng bảo hành.
Thấu kính, gương, và kính ngắm	Những chi tiết thủy tinh này rất dễ bị tồn hại. Loại bỏ bụi và vải vụn bằng máy thổi. Nếu sử dụng máy thổi dạng phun, giữ chiếc bình đứng thẳng để tránh lọt chất lỏng ra ngoài. Để loại bỏ dấu tay và các vết bẩn khác, thấm một lượng nhỏ nước rửa thấu kính vào khăn mềm và lau chùi cẩn thận.
Màn hình	Loại bỏ bụi và vải vụn bằng máy thổi. Khi loại bỏ dấu tay và các vết bẩn khác, lui phần bề mặt nhẹ nhàng bằng vải mềm hoặc da dê. Không được tì mạnh, bởi điều này có thể dẫn đến tổn hại hoặc trục trặc.

Không được sử dụng chất có cồn, chất pha loãng hoặc các hóa chất dễ bay hơi khác.

🗹 Bảo Dưỡng Máy Ảnh và Phụ Kiện

Máy ảnh là một thiết bị chính xác và cần được bảo dưỡng thường xuyên. Nikon khuyến nghị rằng máy ảnh nên được kiểm tra bởi nhà bán lẻ gốc và đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền một đến hai năm một lần, và được bảo dưỡng ba đến năm năm một lần (lưu ý rằng các dịch vụ này có tính phí). Nên thường xuyên kiểm tra vào bảo dưỡng nếu máy ảnh được sử dụng một cách chuyên nghiệp. Nên kiểm tra hoặc bảo dưỡng bất kỳ phụ kiện nào thường xuyên được sử dụng với máy ảnh, chẳng hạn như các ống kính, bộ đèn nháy tùy chọn khi kiểm tra và bảo dưỡng máy ảnh.

<u> Bộ Lọc Qua Chậm</u>

Bộ phận cảm biến hình ảnh có vai trò là nhân tố quyết định ảnh của máy ảnh được khớp với một bộ lọc qua chậm để tránh nhòe. Nếu bạn nghi ngờ rằng bụi bẩn trong bộ lọc xuất hiện trên ảnh, bạn có thể làm sạch bộ lọc bằng cách sử dụng tùy chọn **Clean image sensor** (Làm sạch cảm biến hình ảnh) trong menu cài đặt. Bộ lọc có thể được làm sạch bất kỳ lúc nào bằng cách sử dụng tùy chọn **Clean Now** (Làm sạch ngay), hoặc việc làm sạch có thể được tiến hành tự động mỗi khi máy ảnh bật hoặc tắt.

∎∎ "Clean Now" ("Làm Sạch Ngay")

Đặt ngang máy ảnh với đế hướng xuống. Chức năng làm sạch cảm biến hình ảnh đạt hiệu quả cao nhất khi máy ảnh được đặt nằm ngang với đế hướng xuống như hình bên phải.

2 Chọn Làm sạch cảm biến hình ảnh trong menu cài đặt.

Nhấn nút MENU để hiển thị menu. Làm nổi bật Clean image sensor (Làm sạch cảm biến hình ảnh) trong menu cài đặt (□ 133) và nhấn ►.

3 Chọn Clean now (Làm sạch ngay). Làm nổi bật Clean now (Làm sạch ngay) và nhấn ®.

Máy ảnh sẽ kiểm tra cảm biến hình ảnh và sau đó bắt đầu làm sạch. **Ja 5 y** nhấp nháy trên kính ngắm và không thể thực hiện các hoạt động khác. Không tháo hay ngắt kết nối nguồn điện cho đến khi hoàn tất việc làm sạch và thông báo hiện ra bên phải không còn được hiển thị nữa.







💵 "Clean at Startup/Shutdown" ("Làm Sạch khi Bật/Tắt")

Chọn từ các tùy chọn sau đây:

	Tùy chọn	Mô tả
©0N	Clean at startup (Làm sạch khi bật)	Cảm biến hình ảnh sẽ được làm sạch tự động mỗi khi bật máy ảnh.
©OFF	Clean at shutdown (Làm sạch khi tắt)	Cảm biến hình ảnh sẽ được làm sạch tự động mỗi khi tắt máy ảnh.
© OFF	Clean at startup & shutdown (Làm sạch khi bật và tắt)	Cảm biến hình ảnh sẽ được làm sạch tự động mỗi khi bật và tắt.
	Cleaning off (Tắt chức năng làm sạch)	Tắt chức năng làm sạch cảm biến hình ảnh tự động.





Nút MENU



3 Chọn một tùy chọn.

Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn 🛞.



🔽 Lau Chùi Bộ Cảm Biến Hình Ảnh

Việc sử dụng các chức năng điều khiển trong khi khởi động máy ảnh sẽ gây cản trở cho quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh. Chức năng làm sạch cảm biến hình ảnh có thể không được tiến hành khi bật máy nếu đèn nháy đang sạc điện.

Chức năng làm sạch được tiến hành bằng cách lắc bộ lọc qua chậm. Nếu không thể loại bỏ hoàn toàn bụi bằng cách sử dụng các lựa chọn trong menu **Clean image sensor** (Làm sạch cảm biến hình ảnh), hãy làm sạch cảm biến hình ảnh bằng tay (印 182) hoặc tham khảo ý kiến của một đại diện dịch vụ Nikon ủy quyển.

Nếu chức năng làm sạch cảm biến hình ảnh được tiến hành nhiều lần liên tiếp, chức năng làm sạch cảm biến hình ảnh có thể sẽ bị vô hiệu hóa tạm thời nhằm bảo vệ kết cấu bên trong máy ảnh. Chức năng làm sạch có thể tiếp tục được tiến hành sau một khoảng thời gian ngắn.

Làm Sạch Bằng Tay

Nếu vật chất từ bên ngoài lọt vào trong bộ lọc qua chậm không thể được loại bỏ bằng cách sử dụng tùy chọn **Clean image sensor** (Làm sạch cảm biến hình ảnh) trong menu cài đặt (^{III} 180), bộ lọc có thể được làm sạch bằng tay như được mô tả phía dưới. Tuy nhiên, lưu ý rằng bộ lọc cực kỳ mỏng manh và dễ bị tổn hại. Nikon khuyến nghị rằng bộ lọc chỉ nên được làm sạch bởi nhân viên dịch vụ Nikon ủy quyền.

1 Sạc pin hoặc kết nối một bộ đổi điện AC.

Cần một nguồn điện đáng tin cậy cho quá trình kiểm tra và làm sạch bộ lọc qua chậm. Tắt máy ảnh và lắp pin EN-EL14 hoặc kết nối đầu nối nguồn EP-5A và bộ đổi điện AC EH-5b .

2 Gỡ thấu kính.

Tắt máy ảnh và gỡ thấu kính.

3 Chọn Lock mirror up for cleaning (Khóa gương để làm sạch).

Bật máy ảnh và nhấn nút MENU để hiển thị menu. Làm nổi bật **Lock mirror up for cleaning** (Khóa gương để làm sạch) trong menu cài đặt và nhấn ▶ (lưu ý rằng tùy chọn này không sẵn có ở trạng thái pin ở mức (I hoặc thấp hơn).



Vút MENU

4 Nhấn ⊗.

Thông báo hiện ra bên phải sẽ được hiển thị trên màn hình. Để phục hồi hoạt động bình thường mà không kiểm tra bộ lọc qua chậm, tắt máy ảnh.



5 Nâng gương.

Nhấn nút nhả cửa trập xuống hết cỡ. Gương sẽ được nâng và màn trập sẽ mở, để lộ bộ lọc qua chậm.

6 Kiểm tra bộ lọc qua chậm.

Giữ máy ảnh sao cho ánh sáng chiếu vào bộ lọc qua chậm, kiểm tra bộ lọc để tìm bụi bẩn. Nếu không thấy vật từ bên ngoài lọt vào, đi đến Bước 8.



7 Làm sạch bộ lọc.

Loại bỏ tất cả bụi bẩn trong bộ lọc bằng máy thổi. Không được sử dụng máy thổi có bàn chải, bởi vì phần lông cứng có thể làm tổn hại bộ lọc. Các loại bụi bẩn không thể loại bỏ bằng máy thổi chỉ có thể được loại bỏ bởi nhân viên dịch vụ Nikon ủy quyền. Trong mọi trường hợp, bạn không được chạm vào hoặc lau chùi bộ lọc.



8 Tắt máy ảnh.

Gương sẽ trở về vị trí hạ và màn trập sẽ đóng lại. Lắp lại thấu kính hoặc nắp thân máy.

🖉 Sử Dụng một Nguồn Điện Đáng Tin Cậy

Màn trập rất mỏng manh và dễ bị tổn hại. Nếu máy ảnh tắt nguồn trong khi gương đang được nâng, màn sẽ tự động đóng lại. Để tránh làm tổn hại màn, tuân thủ các nguyên tắc phòng ngừa sau:

- Không được tắt máy ảnh hoặc tháo hay ngắt kết nối nguồn điện khi gương đang được nâng.
- Nếu pin sắp hết khi gương đang được nâng, một tiếng bíp sẽ vang lên và đèn hẹn giờ sẽ nhấp nháy để báo hiệu rằng màn trập sẽ đóng lại và gương sẽ được hạ xuống trong khoảng hai phút nữa. Kết thúc quá trình làm sạch hoặc kiểm tra ngay lập tức.

🚺 Các Vật Chất Từ Bên Ngoài lọt vào Bộ Lọc Qua Chậm

Nikon áp dụng mọi nguyên tắc phòng ngừa có thể để tránh tình trạng vật chất bên ngoài tiếp xúc với bộ lọc qua chậm trong quá trình sản xuất và vận chuyển. Tuy nhiên, D3200 được thiết kế để sử dụng với các thấu kính có thể hoán đổi cho nhau, và vật chất bên ngoài có thể lọt vào trong máy ảnh khi gỡ hoặc thay đổi thấu kính. Khi đã lọt vào trong máy ảnh, vật chất bên ngoài này có thể bám vào bộ lọc qua chậm, và có thể hiện lên các bức ảnh chụp trong một số điều kiện nhất định. Để máy ảnh khi không gắn thấu kính, nhớ lắp lại nắp thân máy được cung cấp kèm với máy ảnh, trước đó hãy cẩn thận loại bỏ hết bụi và các loại vật chất bên ngoài khác có thể đang bám vào nắp thân máy. Tránh thay đổi thấu kính trong môi trường bụi bặm.

Nếu vật chất bên ngoài lọt vào bộ lọc qua chậm, làm sạch bộ lọc như đã được mô tả bên trên, hoặc để nhân viên dịch vụ Nikon ủy quyền làm sạch bộ lọc. Những bức ảnh bị ảnh hưởng bởi vật chất bên ngoài trong bộ lọc có thể được sửa lại bằng cách sử dụng phần mềm Capture NX 2 (có sẵn tách rời; 🎞 176) hoặc các tùy chọn làm sạch hình ảnh có sẵn trong một số ứng dụng chỉnh sửa ảnh của hãng thứ ba.

Chăm sóc máy ảnh và pin: Cảnh báo

<u>Chăm Sóc Máy Ảnh</u>

Không được làm rơi: Sản phẩm có thể gặp trục trặc nếu bị rung hoặc va đập mạnh.

Giữ khô ráo: Sản phẩm này không có khả năng chống nước, và có thể gặp trục trặc nếu bị ngâm nước hoặc tiếp xúc với độ ẩm cao. Máy móc bên trong bị han rỉ có thể dẫn đến tổn hại không thể khắc phục được.

Tránh thay đổi nhiệt độ đột ngột: Thay đổi nhiệt độ đột ngột, như các trường hợp xảy ra khi ra vào các tòa nhà được sưởi ấm trong ngày lạnh, có thể dẫn đến tình trạng đọng hơi nước bên trong thiết bị. Để tránh đọng hơi nước, đặt thiết bị trong hộp cầm hoặc túi nhựa trước khi để chúng gặp tình trạng thay đổi nhiệt độ đột ngột.

Để xa các vùng từ trường mạnh: Không được dùng hoặc cất giữ thiết bị này trong vùng lân cận của các thiết bị tạo ra vùng bức xạ điện từ hoặc từ trường mạnh. Vùng điện tích mạnh hoặc vùng từ trường tạo ra bởi các thiết bị như bộ truyền tín hiệu ra-đi-ô có thể can thiệp vào màn hình, làm tồn hại dữ liệu lưu trong thẻ nhớ, hoặc gây ảnh hưởng tới mạch điện bên trong sản phẩm.

Không được để thấu kính hướng về phía mặt trời: Không được để thấu kính hướng về phía mặt trời hoặc các nguồn sáng mạnh khác trong thời gian dài. Ánh sáng quá mạnh có thể làm cho bộ phận cảm biến hình ảnh hư hỏng hoặc tạo ra hiệu ứng che mờ trắng trong các bức ảnh.

Tắt sản phẩm trước khi gõ hoặc ngắt kết nối nguồn điện: Không được ngắt nguồn hoặc gỡ pin khi sản phẩm đang bật hoặc khi hỉnh ảnh đang được ghi lại hoặc xóa bỏ. Ngắt nguồn điện cưỡng bức trong các trường hợp này có thể làm mất dữ liệu hoặc gây tổn hại cho bộ nhớ hoặc mạnh điện bên trong của sản phẩm. Để phòng ngừa việc gián đoạn nguồn điện bất ngờ, tránh đưa sản phẩm từ nơi này sang nới khác khi bộ đổi điện AC đang được kết nối.

Lau chùi: Khi lau chùi thân máy ảnh, sử dụng máy thổi để nhẹ nhàng loại bỏ bụi bẩn, sau đó lau nhẹ nhàng với khăn khô mềm. Sau khi sử dụng máy ảnh tại bãi biển hoặc vùng gần biển, lau hết cát hoặc muối với một chiếc khăn được thấm nhẹ nước sạch và sau đó làm khô hoàn toàn máy ảnh.

Thấu kính và gương rất dễ bị tổn hại. Bụi bẩn nên được loại bỏ nhẹ nhàng bằng máy thổi. Khi sử dụng máy thổi dạng phun, giữ chiếc bình đứng thẳng để tránh lọt chất lỏng ra ngoài. Để loại bỏ dấu tay và các vết bẩn khác trên thấu kính, thấm một lượng nhỏ nước rửa thấu kính vào khăn mềm và lau chùi cẩn thận.

Xem "Bộ Lọc Qua Chậm" (🕮 180, 182) để biết thêm thông tin về làm sạch bộ lọc qua chậm.

Không được chạm vào màn trập: Màn trập rất mỏng và dễ bị tổn hại. Trong mọi trường hợp, bạn không được tì lên màn, chọc nó bằng các dụng cụ làm sạch, hoặc đưa nó ra các luồng gió mạnh từ máy thổi. Những hành động này có thể làm xước, biến dạng, hoặc rách màn. **Bảo Quản**: Để tránh bị ẩm mốc, cất giữ máy ảnh tại nơi khô ráo và thông thoáng. Nếu bạn đang sử dụng bộ đổi điện AC, ngắt bộ đổi điện nhằm tránh cháy nổ. Nếu không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài, tháo pin nhằm tránh rò rỉ và cất giữ máy ảnh trong một túi nhựa có chứa chất chống ẩm. Tuy nhiên, không bao giờ được cất giữ hộp máy ảnh trong một túi nhựa, bởi vì việc này có thể làm hư hỏng các chất liệu. Lưu ý rằng chất chổng ẩm đó sẽ dần dần mất khả năng hút ẩm và nên được thay thế đều đặn.

Để tránh ẩm mốc, lấy máy ảnh ra khỏi nơi cất giữ ít nhất mỗi tháng một lần. Bật máy ảnh và nhả nút trập vài lần trước khi cất.

Cất giữ pin ở nơi mát mẻ, khô ráo. Lắp lại nắp phủ đầu cuối trước khi cất pin.

Lưu ý về màn hình: Màn hình được chế tạo với độ chính xác rất cao; ít nhất 99,99% điểm ảnh có hiệu quả, không nhiều hơn 0,01% là bị thiếu hoặc bị lỗi. Do đó dù các màn hình này có thể chứa các điểm ảnh luôn sáng (trắng, đỏ, xanh da trời, hoặc xanh lá cây) hoặc luôn tắt (màu đen) thì đây cũng không phải là sự cố và không ảnh hướng tới hình ảnh được ghi bằng máy.

Ảnh trên màn hình có thể khó nhìn trong ánh sáng chói.

Không được tì vào màn hình, bởi vì điều này có thể gây tổn hại hoặc trục trặc. Bụi bẩn trên màn hình có thể được loại bỏ bằng máy thổi. Các vết bẩn có thể được loại bỏ bằng cách lau nhẹ với khăn mềm hoặc da dê. Nếu màn hình bị vỡ, phải cẩn thận để tránh bị thương do kính vỡ gây ra và để phòng ngừa chất tinh thể lỏng từ màn hình chạm vào da hoặc rơi vào mắt hoặc miệng.

Nhòe: Nhòe là kiểu nhiễu do việc tương tác hình ảnh chứa lưới lặp lại, thường xuyên tạo ra, chẳng hạn như hoa văn dệt trên vải hay cửa sổ tòa nhà, với lưới cảm biến hình ảnh của máy ảnh. Nếu bạn nhận thấy nhòe trong các bức ảnh, hãy thử thay đổi khoảng cách đến đối tượng, phóng to thu nhỏ, hoặc thay đổi góc giữa đối tượng và máy ảnh.

Chăm sóc Pin

Pin có thể rò rỉ hoặc phát nổ nếu được xử lý không phù hợp. Tuân thủ các nguyên tắc phòng ngừa sau khi xử lý pin:

- Chỉ sử dụng pin được chấp thuận cho sử dụng trong thiết bị này.
- Không được để pin tiếp xúc với lửa hoặc nhiệt độ quá cao.
- Giữ cực pin sạch sẽ.
- Tắt sản phẩm trước khi thay pin.
- Tháo pin ra khỏi máy ảnh hoặc bộ sạc khi không sử dụng và lắp lại nắp phủ đầu cuối. Các thiết bị này tiêu hao một lượng pin nhỏ ngay cả khi đang tắt và có thể làm pin hao đến mức không thể hoạt động nữa. Nếu không sử dụng pin trong một thời gian dài, lắp nó vào máy ảnh và làm kiệt pin trước khi gỡ và lưu giữ tại nơi có nhiệt độ xung quanh từ 15 to 25 °C (tránh các nơi nóng hoặc quá lạnh). Lặp lại quy trình này ít nhất sáu tháng một lần.
- Việc bật tắt máy ảnh liên tục khi pin đã xả hết sẽ rút ngắn tuổi thọ pin. Pin đã xả hết phải được sạc trước khi sử dụng.

- Nhiệt độ bên trong pin có thể tăng lên khi pin được sử dụng. Có gắng sạc pin khi nhiệt độ bên trong tăng cao sẽ làm suy yếu hiệu suất pin, và pin có thể không được sạc hoặc chỉ sạc một phần. Đợi pin nguội trước khi sạc.
- Tiếp tục sạc pin sau khi nó được sạc đầy có thể làm giảm hiệu suất pin.
- Sự suy giảm đáng kể trong thời gian sử dụng của một viên pin đã được sạc đầy đến khi cần sạc trong nhiệt độ phòng là dấu hiệu rằng nó cần được thay thế. Mua pin EN-EL14 mới.
- Sạc pin trước khi sử dụng. Khi chụp ảnh vào các dịp quan trọng, hãy chuẩn bị sẵn sàng pin EN-EL14 dự
 phòng được sạc đầy sẵn. Tùy thuộc vào vị trí của bạn, việc mua pin thay thế trong thời gian ngắn có thể
 gặp khó khăn. Lưu ý rằng vào những ngày lạnh, dung lượng pin có xu hướng giảm. Nhớ sạc đầy pin
 trước khi chụp ảnh bên ngoài trong thời tiết lạnh. Giữ pin dự phòng tại nơi ấm và hoán đổi pin khi cần.
 Khi đã được làm ấm, một viên pin lạnh có thể phục hồi một chút điện.
- Pin đã qua sử dụng là nguồn tài nguyên có giá trị; tái chế chúng theo quy định của địa phương.

Cài Đặt Có Sẵn

Bảng sau là danh sách các cài đặt có thể được điều chỉnh trong mỗi chế độ. Có thể khôi phục về mặc định với **Reset shooting menu** (Đặt lại menu chụp) (口 128).

			AUTO	٤	ž		2	્ય	*	<u>S</u>	Р	S	A	М
	Set Picture Control (Đặt Picture Control)			—	-	-	—	—	—	-	~	~	~	~
	lmage quality (Chất lượng hình ảnh)		~	~	~	~	~	~	~	~	~	~	~	~
	Image size (Cỡ hình ảnh)		~	~	~	~	~	~	~	~	~	~	~	~
	White balance (Cân bằng	trắng)	—	—	-	-	—	—	—	-	~	~	~	~
	ISO sensitivity settings (C	ài đặt độ nhạy ISO)	—	—	~	~	~	~	~	~	~	~	~	~
	Active D-Lighting (D-Ligh	nting hoạt động)	—	—	-	-	—	—	—	-	~	~	~	~
	Auto distortion control (Điều khiển biến dạng tự đông)		~	~	~	~	~	~	~	~	~	~	~	~
M	Color space (Không gian i	màu)	~	~	~	~	~	~	~	~	~	~	~	~
enu	Noise reduction (Giảm nh	iiễu)	~	~	~	~	~	~	~	~	~	~	~	~
μ	AE area mode (Chố đô	Viewfinder (Kính ngắm)	✓*	✓*	✓*	v *	~ *	~ *	✓*	v *	~	~	~	~
þ	vùng lấy nét tự động)	Live view/movie (Xem trực tiếp/phim)	_	_	•*	~ *	✓*	✓*	✓*	~ *	~	~	~	~
	Built-in AF-assist illuminator (Đèn trợ giúp lấy nét tự động gắn sẵn)		~	~	~	-	~	_	~	~	~	~	~	~
	Metering (Đo sáng)		—	—	—	—	—	—	—	—	~	~	~	~
	Movie settings (Cài đặt p	him)	~	~	~	~	~	~	~	~	~	~	~	~
	Flash cntrl for built-in fla	sh (Điều khiển đèn nháy												
	cho đèn nháy gắn sẵn)/Optional flash (Đèn nháy tùy chon)		—	-	-	-	-	-	-	-	~	~	~	~
	Release mode (Chế độ nhả)		✓*	✔*	v *	v *	~ *	✔*	✓*	v *	~	~	~	~
	Giữ nút AE-L/AF-L		—	—	~ *	~ *	~ *	✓*	✓*	~ *	~	~	~	~
âi	Focus mode (Chế độ lấy nét)		~	~	~	~	~	~	~	~	~	~	~	~
đặt	Chương Trình Linh Động		—	—	-	-	—	—	—	-	~ *	—	—	—
khá	Exposure compensation ((Bù phơi sáng)	—	—	-	-	—	—	—	-	~	~	~	~
î	Flash mode (Chế độ đèn ı	nháy)	✓*	—	~ *	-	~ *	—	~ *	~ *	~	~	~	~
	Flash compensation (Bù đèn nháy)			—	-	-	—	—	—	-	~	~	~	~

* Đặt lại khi đĩa lệnh chế độ được xoay tới cài đặt mới.

Dung Lượng Thẻ Nhớ

Bảng sau cho biết số lượng ảnh xấp xỉ có thể lưu trên một thẻ nhớ SanDisk Extreme Pro SDHC UHS-I 8 GB với các cài đặt chất lượng hình ảnh và kích thước khác nhau. Lưu ý rằng dung lượng bộ nhớ đệm giảm ở độ nhạy ISO 1600 hoặc cao hơn.

Chất lượng hình ảnh	Cỡ hình ảnh	Kích thước tập tin ¹	Số lượng ảnh ¹	Dung lượng đệm ²
NEF (RAW)+ JPEG nét ³	Lớn	31,9 MB	171	10
NEF (RAW)	—	20,4 MB	259	18
	Lớn	11,9 MB	509	80
JPEG nét	Vừa	7,4 MB	853	100
	Nhỏ	3,8 MB	1.600	100
	Lớn	6,2 MB	1.000	100
JPEG bình thường	Vừa	3,7 MB	1.600	100
	Nhỏ	1,9 MB	3.200	100
	Lớn	3,0 MB	1.900	100
JPEG cơ bản	Vừa	1,9 MB	3.200	100
	Nhỏ	1.0 MB	6 300	100

1 Tất cả các chỉ số đều mang tính xấp xỉ. Kết quả sẽ khác nhau với các loại thẻ, cài đặt máy ảnh, và cảnh ghi.

2 Số lượng độ phơi sáng tối đa có thể lưu trong bộ nhớ đệm với ISO 100. Giảm khi bật giảm nhiễu (□ 131) hoặc điều khiển biến dạng tự động (□ 130).

3 Cỡ hình ảnh chỉ áp dụng cho các ảnh JPEG. Không thể thay đổi cỡ hình ảnh NEF (RAW). Kích thước tập tin là kích thước tổng cộng cho ảnh NEF (RAW) và JPEG.

🖉 Tên tập tin

Ånh được lưu trữ khi các tập tin hình ảnh có tên ở dạng "DSC_*nnn.xxx*," trong đó *nnn* là số gồm bốn chữ số từ 0001 đến 9999 được máy ảnh gán tự động theo thứ tự tăng dần và *xxx* là một trong ba phần mở rộng chữ cái sau đây: "NEF" cho ảnh NEF, "JPG" cho ảnh JPEG hoặc "MOV" cho phim. Các tập tin NEF và JPEG được ghi ở cài đặt **NEF (RAW) + JPEG fine** (NEF (RAW) + JPEG nét) có cùng tên tập tin nhưng phần mở rộng khác nhau. Các bản sao được tạo với các tùy chọn lớp phủ hình ảnh (\square 155) và sửa lại phim (\square 93) có tên tập tin bắt đầu bằng "DSC_" ; các bản sao được tạo với tùy chọn khác trong menu sửa lại có tên tập tin bắt đầu với "CSC" (ví dụ "CSC_0001.JPG"). Các hình ảnh được ghi với tùy chọn **Color space** (Không gian màu) trong menu chụp được đặt thành **Adobe RGB** (\square 130) có tên bắt đầu bằng đường gạch dưới (ví dụ "_DSC0001.JPG").

Xử lý sự cố

Nếu máy ảnh không hoạt động như mong đợi, hãy xem danh sách các lỗi thường gặp phía dưới trước khi tham khảo ý kiến nhà bán lẻ của bạn hoặc đại diện của Nikon.

<u>Hiển thị</u>

Kính ngắm không thể lấy nét: Điều chỉnh chức năng lấy nét kính ngắm hoặc sử dụng các thấu kính điều chỉnh thị kính (따 20, 176).

Màn hình hiển thị tắt đột ngột: Chọn độ trễ lâu hơn cho Auto off timers (Tự động hẹn giờ tắt) (🕮 140).

Màn hình hiển thị thông tin không xuất hiện trên màn hình: Nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng. Nếu màn hình hiển thị thông tin không xuất hiện khi bạn cất ngón tay khỏi nút nhả cửa trập, xác nhận rằng đã chọn **On** (Bật) cho **Auto info display** (Hiển thị thông tin tự động) (🎞 136) và pin đã sạc.

Màn hình hiển thị kính ngắm phản hồi chậm và mờ: Thời gian phản hồi và độ sáng của màn hình hiển thị này thay đổi theo nhiệt độ.

🖉 Nếu Máy Ảnh Dừng Phản Hồi

Trong rất ít các trường hợp, màn hình hiển thị không phản hồi như dự kiến và máy ảnh có thể ngừng hoạt động chức năng. Trong phần lớn các trường hợp, hiện tượng này được gây ra bởi một vùng tích điện mạnh ở bên ngoài. Tắt máy ảnh, gỡ và lắp lại pin, cần thận để tránh bỏng, và bật lại máy ảnh, hoặc, nếu bạn đang sử dụng bộ đổi điện AC (có sẵn tách rời), ngắt và kết nối lại bộ đổi điện và bật lại máy ảnh. Nếu vấn đề vẫn tồn tại sau khi tháo pin khỏi máy ảnh, hãy liên hệ với nhà bán lẻ của bạn hoặc đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền.

<u>Chụp (Tất Cả Các Chế Độ)</u>

Máy ảnh tốn nhiều thời gian để khởi động: Xóa các tập tin hoặc thư mục.

Chức năng nhả cửa trập bị vô hiệu hóa:

- Thẻ nhớ bị khóa, đầy, hoặc chưa được lắp (🕮 18, 21).
- Release locked (Khóa nhả) được chọn cho Slot empty release lock (Khóa nhả khe trống); (
 144) và không lắp thẻ nhớ nào vào (
 18).
- Đèn nháy gắn sẵn đang sạc (🕮 24).
- Máy ảnh không thể lấy nét (🕮 23).
- Thấu kính CPU có gắn vòng độ mở ống kính nhưng độ mở ống kính không được khóa ở số f cao nhất (^[III] 168).
- Thấu kính không CPU được gắn nhưng máy ảnh không ở trong chế độ M (🕮 169).

Chỉ một bức ảnh được chụp mỗi lần nhấn nút nhả cửa trập trong chế độ chụp liên tục: Việc chụp liên tục không sẵn có nếu đèn nháy gắn sẵn nháy (口 32, 47).

Ảnh cuối cùng lớn hơn vùng được hiển thị trên kính ngắm: Tầm phủ khuôn hình ngang và dọc của kính ngắm gần bằng 95%.

Ảnh không được lấy nét:

- Thấu kính AF-S hay AF-I không được gắn vào: sử dụng thấu kính AF-S hoặc AF-I hay lấy nét bằng tay.
- Máy ảnh không thể lấy nét bằng cách sử dụng chức năng lấy nét tự động: Sử dụng chức năng lấy nét bằng tay hoặc khóa lấy nét (^[] 40, 42).
- Máy ảnh ở chế độ lấy nét bằng tay: lấy nét bằng tay (🕮 42).

Chức năng lấy nét không khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn xuống một nửa: Sử dụng nút 壯 (**O-n**) để khóa lấy nét khi tắt chế độ xem trực tiếp và chọn **AF-C** cho chế độ lấy nét hoặc khi chụp đối tượng di chuyển ở chế độ **AF-A** (□ 40).

Không thể chọn điểm lấy nét:

- Image: Auto-area AF (AF vùng tự động) được chọn cho AF-area mode (chế độ vùng AF) > Viewfinder (Kính ngắm) (m 38, 39): chọn chế độ khác.
- Nhấn nút nhả cửa trập xuống một nửa để tắt màn hình hoặc bắt đầu hẹn giờ chờ (🕮 24).

Không thể chọn chế độ vùng lấy nét tự động: Chế độ lấy nét bằng tay đã được chọn (🕮 35, 82).

Không thể thay đối cỡ ảnh: Image quality (Chất lượng hình ảnh) được đặt thành NEF (RAW) hoặc NEF (RAW) + JPEG fine (NEF (RAW) + JPEG nét) (🕮 45).

Máy ảnh ghi ảnh chậm: Tắt chế độ giảm nhiễu (🕮 131).

Nhiễu (điểm sáng chói, các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù, hoặc đường kẻ) xuất hiện trong ảnh:

- Chọn độ nhạy ISO thấp hơn hay bật chế độ giảm nhiễu (🕮 131).
- Tốc độ cửa trập chậm hơn 1 giây: sử dụng chế độ giảm nhiễu (🕮 131).
- Tắt Active D-Lighting (D-Lighting Hoạt Động) để tránh làm tăng các tác động của nhiễu (🕮 67).

Máy ảnh không chụp ảnh khi nhấn nút điều khiển từ xa nút nhả cửa trập:

- Thay pin của điều khiển từ xa (🕮 177).
- Chọn chế độ nhả điều khiển từ xa (🕮 33).
- Đèn nháy đang sạc (🕮 24).
- Thời gian được chọn cho Remote on duration (Chụp từ xa theo thời lượng) (22 141) đã qua.
- Ánh sáng chói đang cản trở điều khiển từ xa.

Không có tiếng bíp:

- Off (Tắt) được chọn cho Beep (Bíp) (🕮 141).
- Máy ảnh đang trong chế độ nhả cửa trập tĩnh lặng (🕮 31) hoặc đang quay phim (🕮 88).
- MF hoặc AF-C được chọn khi chế độ lấy nét hay đối tượng di chuyển khi chọn AF-A (🕮 35).

Trên ảnh có vết nhòe: Làm sạch các phần phía trước và phía sau thấu kính. Nếu vấn đề vẫn tồn tại, tiến hành làm sạch cảm biến hình ảnh (印 180).

Ngày không được tạo dấu vết trên ảnh: Image quality (Chất lượng hình ảnh) được đặt thành NEF (RAW) hoặc NEF (RAW) + JPEG fine (NEF (RAW) + JPEG nét) (🕮 45, 144).

Phim được quay không có tiếng: Microphone off (Tắt micrô) đã được chọn cho Movie settings (Cài đặt phim) > Microphone (Micrô) (
90).

Hiện tượng nhấp nháy hoặc dải màu xuất hiện trong chế độ xem trực tiếp hoặc quay phim: Chọn một tùy chọn cho chức năng **Flicker reduction** (Giảm nhấp nháy) phù hợp với tần số của nguồn cấp điện AC cục bộ (🎞 136).

Không thể chọn mục menu: Một số tùy chọn không có sẵn trong tất cả các chế độ.

<u>Chụp (P, S, A, M)</u>

Chức năng nhả cửa trập đã bị vô hiệu hóa:

- Thấu kính không CPU đã được gắn: xoay đĩa lệnh chế độ máy ảnh sang M (🕮 169).
- Đĩa lệnh chế độ được xoay tới S sau khi tốc độ cửa trập của "Bulb" (Bóng Đèn) hoặc "Time" (Thời Gian) được chọn trong chế độ M: chọn tốc độ cửa trập mới (^{CD} 55).

Phạm vi đầy đủ của tốc độ cửa trập không có sẵn:

- Đèn nháy đang được sử dụng (D 50).
- Khi chọn On (Bật) cho Movie settings (Cài đặt phim) > Manual movie settings (Cài đặt phim bằng tay) trong menu chụp, phạm vi tốc độ cửa trập sẵn có thay đổi theo tốc độ khuôn hình (^[] 91).

Màu sắc không tự nhiên:

- Điều chỉnh độ cân bằng trắng phù hợp với nguồn sáng (🕮 69).
- Điều chỉnh cài đặt Set Picture Control (Đặt Picture Control) (D 76).

Không thể xác định độ cân bằng trắng: Đối tượng quá tối hoặc quá sáng (🕮 73).

Hình ảnh không thể được chọn làm nguồn cho chức năng cài đặt trước độ cân bằng trắng: Hình ảnh không được tạo với D3200 (🕮 75).

Hiệu lực của Picture Control thay đổi theo từng hình ảnh khác nhau: A (tự động) đã được chọn cho chức năng làm sắc nét, độ tương phản, hoặc độ bão hòa. Để đạt được kết quả nhất quán cho một loạt ảnh, hãy chọn một cài đặt khác (🎞 78).

Không thể thay đổi chức năng đo sáng: Khóa tự động phơi sáng đang có hiệu lực (🕮 61).

Không thể sử dụng chức năng bù phơi sáng: Chọn chế độ P, S hoặc A (D 53, 63).

Nhiễu (các vùng đỏ hung hoặc các ảnh giả khác) xuất hiện trong phơi sáng thời gian dài: Bật chế độ giảm nhiễu (🕮 131).

<u>Phát lại</u>

Ảnh NEF (RAW) không được phát lại: Ảnh đã được chụp với chất lượng hình ảnh **NEF (RAW) + JPEG fine** (NEF (RAW) + JPEG nét) (^{CD} 45).

Một số bức ảnh không được hiển thị trong khi phát lại: Chọn All (Tất cả) cho Playback folder (Thư mục phát lại). Lưu ý rằng **Current** (Hiên tai) được chon tự đông sau khi chup ảnh (🕮 125).

Ảnh (chân dung) có hướng chụp "Dọc" được hiển thị theo hướng "rộng" (phong cảnh):

- Chọn On (Bật) cho Rotate tall (Xoay dọc) (🕮 126).
- Ảnh đã được chọn với Off (Tắt) được chọn cho Auto image rotation (Tự động xoay hình ảnh) (
 — 138).
- Ảnh được hiển thị trong chế độ xem lại hình ảnh (🕮 126).
- Máy ảnh đã được hướng lên trên hoặc xuống dưới khi chụp ảnh (🕮 138).

Không thể xóa ảnh:

- Ảnh được bảo vệ: gỡ bảo vệ (🕮 105).
- Thẻ nhớ bị khóa (🕮 18).

Không thể sửa lại ảnh: Ảnh không thể được sửa thêm với máy ảnh này (🕮 149).

Không thể thay đổi thứ tự in:

- Thẻ nhớ đầy: xóa ảnh (🕮 21, 106).
- Thẻ nhớ bị khóa (🕮 18).

Không thể chọn ảnh để in: Ảnh đang ở định dạng NEF (RAW). Tạo bản sao JPEG bằng cách sử dụng **NEF (RAW)** processing (Xử lý NEF (RAW)) hoặc chuyển sang máy tính và in bằng cách sử dụng phần mềm được cung cấp hoặc Capture NX 2 (^[III] 111, 157).

Ảnh không được hiển thị trên ti-vi:

- Chọn chế độ video (🕮 136) hoặc độ phân giải đầu ra chuẩn xác (🕮 124).
- Cáp A/V (🕮 122) hoặc HDMI (🕮 123) không được kết nối chuẩn xác.

Máy ảnh không phản hồi với điều khiển từ xa của ti-vi HDMI-CEC:

- Chọn **On** (Bật) cho **HDMI** > **Device control** (Điều khiển thiết bị) trong menu cài đặt (^{CL} 124).
- Điều chỉnh cài đặt HDMI-CEC cho ti-vi như được mô tả trong tài liệu được cung cấp kèm với thiết bị.

Không thể chuyển ảnh sang máy tính: Hệ điều hành không tương thích với máy ảnh hoặc phần mềm chuyển. Sử dụng bộ đọc thẻ để sao chép ảnh sang máy tính (따 111).

Ảnh không được hiển thị trong Capture NX 2: Cập nhật phiên bản mới nhất (🕮 176).

Tùy chọn bụi hình ảnh tắt trong Capture NX 2 không có hiệu quả như mong muốn: Quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh thay đổi vị trí của bụi trong bộ lọc qua chậm. Dữ liệu tham chiếu Ảnh Bỏ Bụi được ghi trước khi diễn ra quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh không thể được sử dụng với các bức ảnh được chụp sau khi quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh không thể được sử dụng với các bức ảnh được ghi sau khi diễn ra quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh không thể được sử dụng với các bức ảnh được chụp sau khi diễn ra quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh không thể được sử dụng với các bức ảnh được chụp trước khi quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh không thể được sử dụng với các bức ảnh được chụp trước khi quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh không thể được sử dụng với các bức ảnh được chụp trước khi quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh không thể được sử dụng với các bức ảnh được chụp trước khi quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh không thể được sử dụng với các bức ảnh được chụp trước khi quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh không thể được sử dụng với các bức ảnh được chụp trước khi quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh không thể được sử dụng với các bức ảnh được chụp trước khi quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh không thể được sử dụng trừ trừ các bức ảnh được chụp trước khi quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh được tiến hành (m

<u>Khác</u>

Ngày ghi không chính xác: Đặt đồng hồ máy ảnh (🕮 16, 137).

Không thể chọn mục menu: Một số tùy chọn không có sẵn trong một số cài đặt hỗn hợp nhất định hoặc không có thẻ nào được lắp (口 18, 149, 187).

Thông Báo Lỗi

Mục này là danh sách các chỉ báo và thông báo lỗi xuất hiện trên kính ngắm và màn hình.

🖉 Các Biểu Tượng Cảnh Báo

Nhấp nháy 🔮 trên màn hình hoặc 🛛 trên kính ngắm cho biết cảnh báo hoặc thông báo lỗi có thể được hiển thị trên màn hình bằng cách nhấn nút 🖓 (?).

Chỉ báo			
Màn hình	Kính ngắm	Giải pháp	m
Lock lens aperture ring at minimum aperture (largest f/-number). (Khóa vòng độ mở ống kính thấu kính ở độ mở ống kính tối thiểu (số f/ lớn nhất).)	FE E (nháy)	Đặt vòng độ mở ống kính thấu kính về độ mở ống kính tối thiểu (số f cao nhất).	15, 168
Lens not attached (Thấu kính không được gắn)	F /? (nháy)	 Gắn thấu kính NIKKOR không IX. Nếu gắn thấu kính không phải là CPU, chọn chế độ M. 	167 57
Before taking photos, rotate the zoom ring to extend the lens. (Trước khi chụp ảnh, xoay vòng thu phóng để mở rộng ống kính.)	F (nháy)	Một thấu kính với nút ống thấu kính co rút được được gắn với thùng thấu kính đã co rút. Nhấn nút ống thấu kính co rút được và xoay vòng thu phóng để mở rộng thấu kính.	15
Shutter release disabled. Recharge battery. (Tắt nhả cửa trập. Sạc lại pin.)	c⊐ /? (nháy)	Tắt máy ảnh và sạc lại hoặc thay pin.	12, 13
This battery cannot be used. Choose battery designated for use in this camera. (Không thể sử dụng pin này. Chọn pin được chỉ định cho việc sử dụng trong máy ảnh này.)	€⊐■ (nháy)	Sử dụng thẻ nhớ được Nikon phê duyệt.	176
Initialization error. Turn camera off and then on again. (Lỗi khởi tạo. Tắt máy ảnh và sau đó bật lại.)	⊂■/[Eァァ] (nháy)	Tắt máy ảnh, tháo và thay pin và sau đó bật lại.	2, 13
Battery level is low. Complete operation and turn camera off immediately. (Mức pin thấp. Hoàn tất hoạt động và tắt máy ảnh ngay.)	_	Kết thúc việc vệ sinh và tắt máy ảnh và sạc lại hay thay pin.	183
Clock not set (Chưa đặt đồng hồ)	—	Đặt đồng hồ máy ảnh.	16, 137
No SD card inserted (Chưa lắp thẻ SD vào)	[- 提 -]/ ? (nháy)	Tắt máy ảnh và xác nhận là thẻ nhớ đã được lắp chuẩn xác.	18
Memory card is locked. Slide lock to "write" position. (Thẻ nhớ bị khóa. Trượt nút khóa sang vị trí "ghi".)	[Thẻ nhớ bị khóa (được bảo vệ khỏi ghi dữ liệu). Trượt công tắc bảo vệ-ghi sang vị trí "write" ("ghi").	18

Chỉ báo			
Màn hình	Kính ngắm	Giải pháp	m
This memory card cannot be used. Card may be damaged. Insert another card. (Không thể sử dụng thẻ nhớ này. Thẻ nhớ có thể đã bị tổn hại. Lắp thẻ nhớ khác.)	[d/[E r r] (nháy)	 Sử dụng thẻ được phê duyệt. Định dạng thẻ. Nếu vấn đề vẫn tồn tại, thẻ có thể đã bị tổn hại. Liên hệ với đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền. Lỗi tạo thư mục mới. Xóa bớt tập tin hoặc lắp thẻ nhớ mới. Lắp thẻ nhớ mới. Thẻ Eye-Fi vẫn đang phát ra tín hiệu không dây sau khi chọn Disable (Vô hiệu hóa) cho Eye-Fi upload (Tải lên Eye-Fi). Để chấm dứt việc truyền không dây, tắt máy ảnh và tháo thẻ nhớ ra. 	177 19 106 18 148
Not available if Eye-Fi card is locked. (Không có sẵn nếu thẻ Eye-Fi bị khóa.)	[d /[E r r] (nháy)	Thẻ Eye-Fi bị khóa (được bảo vệ khỏi ghi dữ liệu). Trượt công tắc bảo vệ-ghi sang vị trí "write" ("ghi").	18
This card is not formatted. Format card? (Thẻ nhớ này chưa được định dạng. Định dạng thẻ?)	(F<i>or</i>) (nháy)	Định dạng thẻ hoặc tắt máy ảnh và lắp thẻ nhớ mới vào.	19
Card is full (Thẻ đầy)	Fսէ/ű /։ (nháy)	 Giảm chất lượng hoặc kích cỡ. Xóa bớt ảnh. Lắp thẻ nhớ mới. 	44 106 18
	● (nháy)	Máy ảnh không thể lấy nét bằng cách sử dụng lấy nét tự động. Thay đổi bố cục hoặc lấy nét bằng tay.	23, 36, 42
Subject is too bright (Đối tượng quá sáng)	2	 Sử dụng độ nhạy ISO thấp hơn. Sử dụng bộ lọc ND có bán bên ngoài. Ở chế độ: S Tăng tốc độ cửa trập A Chọn độ mở ống kính nhỏ hơn (số f cao hơn) 	51 176 55 56
Subject is too dark (Đối tượng quá tối)	(nháy)	 Sử dụng độ nhạy ISO cao hơn. Sử dụng đèn nháy. Ở chế độ: G Giảm tốc độ cửa trập A Chọn độ mở ống kính lớn hơn (số f thấp hơn) 	51 47 55 56
No Bulb in S mode (Không có Bóng Đèn nào ở chế đô S)	ծսէծ (nháv)	Thay đổi tốc độ cửa trập hoặc chọn chế độ phơi sáng bằng tay.	55, 57
_	\$ (nháy)	Đền nhấy đã bật hết công suất. Kiểm tra ảnh trên màn hình; nếu bị thiếu phơi sáng, chỉnh sửa cài đặt và thử lại.	

Chỉ báo			
Màn hình	Kính ngắm	Giải pháp	m
_	\$ /፻ (nháy)	 Sử dụng đèn nháy. Thay đổi khoảng cách đến đối tượng, độ mở ống kính, phạm vi đèn nháy hay độ nhạy ISO. Tiêu cự thấu kính dưới 18 mm: sử dụng tiêu cự dài hơn. Bộ đèn nháy tùy chọn SB-400 đi kèm: đèn nháy ở vị trí nảy lên hay khoảng cách lấy nét quá ngắn. Tiếp tục chụp; nếu cần, tăng khoảng cách lấy nét để tránh các phần bóng xuất hiện trên ảnh. 	47 50,51, 56 —
Flash error (Lỗi đèn nháy)	? (nháy)	Lỗi xảy ra khi cập nhật vi chương trình cho bộ đèn nháy tùy chọn. Liên hệ với đại diện dịch vụ Nikon ủy quyển.	_
Error. Press shutter release button again. (Lỗi. Nhấn nút nhả cửa trập một lần nữa.)		Nhả cửa trập. Nếu vấn đề vẫn tồn tại hoặc xuất hiện thường xuyên, hãy tham khảo ý kiến của đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền.	_
Start-up error. Contact a Nikon- authorized service representative. (Lỗi khởi động. Liên hệ với đại diện dịch vụ Nikon ủy quyển.) Metering error (Lỗi đo sáng)	Err (nháy)	Liên hệ với đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền.	_
Unable to start live view. Please wait for camera to cool. (Không thể khởi động chế độ xem trực tiếp. Vui lòng đợi máy ảnh nguội.)	_	Chờ cho các mạch bên trong mát trước khi tiếp tục chế độ xem trực tiếp hay ghi phim.	86, 89
Folder contains no images. (Không có ảnh nào trong thư mục.)	_	Thư mục được chọn để phát lại không chứa ảnh. Lắp thẻ nhớ khác vào hoặc chọn thư mục khác.	18, 125
Cannot display this file. (Không thể hiển thị tập tin này.)	_	Không thể phát lại tập tin trên máy ảnh.	_
Cannot select this file. (Không thể chọn tập tin này.)	_	Không thể sửa lại hình ảnh được tạo bởi các thiết bị khác.	150
No image for retouching. (Không có ảnh nào để sửa lại.)	_	Thẻ nhớ không chứa ảnh NEF (RAW) để sử dụng với NEF (RAW) processing (Xử lý NEF (RAW)).	157
Check printer. (Kiểm tra máy in.)	_	Kiểm tra máy in. Để bắt đầu lại, chọn Continue (Tiếp tục), nếu có sẵn.	_*
Check paper. (Kiểm tra giấy.)	_	Khổ giấy không giống với loại đã chọn. Cho giấy có đúng khổ giấy vào và chọn Continue (Tiếp tục).	_*
Paper jam. (Kẹt giấy.)	_	Dọn giấy bị kẹt và chọn Continue (Tiếp tục).	_*
Out of paper. (Hết giấy.)		Cho giấy có khổ giấy được chọn vào và chọn Continue (Tiếp tục).	_*
Check ink supply. (Kiểm tra nguồn cấp mực.)	_	Kiểm tra mực. Để bắt đầu lại, chọn Continue (Tiếp tục).	_*
Out of ink. (Hết mực.)		Thay mực và chọn Continue (Tiếp tục).	_*

* Xem tài liệu hướng dẫn máy in để biết thêm thông tin.

Ø

Chi tiết kỹ thuật

💵 Máy Ảnh Kỹ Thuật Số Nikon D3200

Loại	
Loại	Máy ảnh số phản chiếu thấu kính đơn
Gắn thấu kính	Móc gắn F Nikon (với các tiếp xúc AF)
Góc xem hiệu quả	Tiêu cự thấu kính khoảng 1,5 × (tương đương định dạng 35 mm); định dạng Nikon DX
Điểm ảnh hiệu quả	
Điểm ảnh hiệu quả	24,2 triệu
Cảm biến hình ảnh	
Cảm biến hình ảnh	Bộ cảm biến CMOS 23,2 × 15,4 mm
Tổng điểm ảnh	24,7 triệu
Hệ Thống Giảm Bụi	Làm sạch cảm biến hình ảnh, dữ liệu tham chiếu Ánh Bỏ Bụi (cần phần mềm
	Capture NX 2 tùy chọn)
Lưu trữ	
Cỡ ảnh (điểm ảnh)	• 6.016 × 4.000 (Lớn) • 4.512 × 3.000 (Vừa)
	• 3.008 × 2.000 (Nhỏ)
Định dạng tập tin	 NEF (RAW): 12 bit, nén JPEG: JPEG-Baseline tuân thủ chuẩn nét tốt (xấp xỉ 1 : 4), bình thường (xấp xỉ 1 : 8), hoặc cơ bản (xấp xỉ 1 : 16) nén NEF (RAW)+JPEG: Ảnh đơn được ghi với cả hai định dạng NEF (RAW) và JPEG
Hệ Thống Picture Control	Tiêu Chuẩn, Trung Tính, Sặc Sỡ, Đơn Sắc, Chân Dung, Phong Cảnh; có thể chỉnh sửa chức năng Picture Control đã chọn
Phương tiện media	Thẻ nhớ SD (Secure Digital) và SDHC và SDXC tuân thủ UHS-I
Tập tin hệ thống	DCF (Quy Tắc Thiết Kế cho Hệ Thống Tập Tin Máy Ánh) 2.0, DPOF (Định Dạng Thứ Tự In Kỹ Thuật Số), Exif (Định Dạng Tập Tin Hình Ảnh Có Thể Trao Đổi Cho Máy Ảnh Chụp Kỹ Thuật Số) 2.3, PictBridge
Kính ngắm	
Kính ngắm	Kính ngắm độ mắt gương năm mặt phản chiếu thấu kính đơn
Tầm phủ khuôn hình	Xấp xỉ 95% theo phương ngang và 95% theo phương đứng
Độ phóng đại	Xấp xỉ 0,8 × (50 mm f/1.4 thấu kính ở vô tận, −1,0 m ^{−1})
Điểm mắt	18 mm (–1,0 m ^{–1} ; từ bề mặt trung tâm của thấu kính mắt kính của kính ngắm)
Chỉnh đi ốp	-1,7 - +0,5 m ⁻¹
Màn hình lấy nét	Màn hình BriteView Clear Matte Mark VII Loại B
Gương phản chiếu	Quay lại nhanh
Độ mở ống kính	Quay lại ngay lập tức, điều khiển điện tử

Thấu kính	
Các thấu kính tương thích	Lấy nét tự động sẵn có với các thấu kính AF-S và AF-I. Lấy nét tự động không sẵn có với các loại thấu kính G và D khác, thấu kính AF (IX NIKKOR và thấu kính cho F3AF không được hỗ trợ) và thấu kính AI-P. Có thể sử dụng thấu kính không CPU trong chế độ M , nhưng đo phơi sáng máy ảnh sẽ không hoạt động.
	Máy ngắm điện tử có thể được sử dụng với các thấu kính có độ mở ống kính tối đa f/5.6 hoặc nhanh hơn.
Cửa trập	
Loại	Cửa trập điều khiển điện tử di chuyển dọc mặt phẳng tiêu cự
Tốc độ	$^{1/4000}$ – 30 giây trong các bước $^{1/3}$ EV; Bóng Đèn; Thời Gian (yêu cầu điều khiển từ xa ML-L3 tùy chọn)
Tốc độ đồng bộ đèn nháy	X = $1/200$ s; đồng bộ với cửa trập ở $1/200$ giây hoặc chậm hơn
Nhả ra	
Chế độ nhả	⑤ (khuôn hình đơn), 및 (liên tục), ও (tự hẹn giờ), ឆិ 2s (chế độ từ xa chụp chậm), ĩ (chế độ từ xa phản ứng nhanh), 回 (nhả cửa trập tĩnh lặng)
Tốc độ khuôn hình tốt nhất	Tối đa 4 fps (lấy nét bằng tay, chế độ M hoặc S , tốc độ cửa trập ¹ /250 giây hoặc nhanh hơn và các cài đặt khác ở các giá trị mặc định)
Tự hẹn giờ	2 giây, 5 giây, 10 giây, 20 giây; phơi sáng 1–9
Phơi sáng	
Đo sáng	Đo độ phơi sáng TTL bằng cảm biến RGB 420 điểm ảnh
Phương pháp đo sáng	 Đo sáng ma trận: Đo sáng ma trận màu 3D II (các thấu kính loại G và D); đo sáng
	ma trận màu II (các thấu kính CPU khác)
	• Đo sáng cân bằng trung tâm: Cân bằng 75% được áp dụng cho vòng tròn 8 mm ở
	trung tâm khuôn hình
	 Đo sang điểm: Đo sang vòng tron 3,5 mm (khoảng 2,5% khuôn hình) tập trung vào điểm lấy nét được chọn
Phạm vi (ISO 100, f/1.4	 Đo sáng ma trận hoặc cân bằng trung tâm: 0 – 20 EV
thấu kính, 20 °C)	• Đo sáng điểm: 2 – 20 EV
Ghép đo phơi sáng	CPU
Chế độ	Các chế độ tự động (🍟 tự động; 🏵 tự động (tắt đèn nháy)); chế độ cảnh (🛣 chân
	dung; 🖬 phong cánh; 😤 trẻ em; 🌂 thể thao; 🖝 cặn cánh; 🖻 chân dung ban đếm);
	tụ động đuộc lập trình bàng chuông trình lình động (P); tụ động ủu tiên của trập
Rù nhơi cáng	(3), tự động đã tiên độ hìo ông kinh (A), bằng tây (M) $-5 - \pm 5$ EV ở gia số $\frac{1}{2}$ EV
Khóa nhơi sáng	-5 - +5 Lý 0 giả số 75 Lý Độ sáng được khóa ở giá trị đã tìm thấy với nút $\frac{45}{10}$ (C)
Độ nhay ISO (Danh Muc	ISO 100 = 6400 d các hước 1 EV: cũng có thể được đặt thành xấn vỉ 1 EV trên ISO
Phơi Sáng Khuyên Dùng)	6400 (tượng đượng ISO 12800): sẵn có điều khiển đô nhay tự động ISO
D-Lighting hoat động	Bât, tắt
	• •

Lấy nét	
Lấy nét tự động	Mô-đun cảm biến lấy nét tự động Nikon Multi-CAM 1000 với chức năng dò tìm trang thái TL 11 điểm lấy nót (bao cầm một cảm biến loại chữ thập) và đàn chiếu
	trá ng thái 11L, 11 diennay net (bao gón một cảm biến loại chu thập) và dên chiếu trở địúp AE (pham vị vấp vỉ 0.5 – 3 m)
Pham vi dà tìm	1 + 10 EV (100, 100, 20 °C)
Mô tơ của thấu kính	$-1 - \pm 19$ EV (150-100, 20 C)
	nbần nhụ liên tục (AF-C): tự động chọn AF-S/AF-C (AF-A): Chức năng theo đối lấy
	nét đoán trước được kích hoạt tự động theo trạng thái của đối tượng
	 Lấy nét bằng tay (MF): Có thể dùng máy ngắm điện tử
Điểm lấy nét	Có thể được chọn từ 11 điểm lấy nét
Chế độ vùng lấy nét tự động	AF điểm đơn, AF vùng động, AF vùng tự động, theo dõi 3D (11 điểm)
Khoá lấv nét	Có thể khóa chức năng lấy nét bằng cách nhấn nút nhả cửa trập xuống một nửa
	(lấv nét tư động phần phụ đơn) hoặc bằng cách nhấn nút 能 (O-n)
Dàn nhấu	
Dèn nháy đắn cẵn	🖤 🖇 🍯 🖤 🔂 Dàn nhấy tự động với chức năng tự động hụng
ben nnay gan san	D, Z, Y, W, M. Den hindy lù dong voi chuc hàng lù dong bùng P S A M: Bung bằng tay cùng với phả pút
Số Hướng Dẫn	X_{i}^{a} , x, 12, 13 với đèn nháy bằng tay (m. ISO 100, 20 °C)
Điều khiển đèn nháy	TTI: Chế độ điều khiển đèn nháy i-TTI sử dụng cảm biến BGB 420 điểm ảnh sẵn có
	với bộ đèn nháy gắn sẵn và SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, SB-600 hoặc SB-400:
	nap flash đã cân bằng i-TTL cho SLR kỹ thuật số được sử dụng với đo sáng ma trận
	và cân bằng trung tâm, đèn nháy i-TTL tiêu chuẩn cho SLR kỹ thuật số với đo sáng
	điểm
Chế độ đèn nháy	Tự động, tự động với giảm mắt đỏ, tự động đồng bộ chậm, tự động đồng bộ
	chậm với giảm mắt đỏ, nạp flash, giảm mắt đỏ, đồng bộ chậm, đồng bộ chậm với
	giảm mắt đỏ, màn phía sau với đồng bộ chậm, đồng bộ màn phía sau, tắt
Bù đèn nháy	–3 – +1 EV ở gia số 1/3 EV
Chỉ báo đèn nháy sẵn sàng	Đèn khi đèn nháy gắn sẵn hay bộ đèn nháy tùy chọn được sạc đầy; nháy sau khi
	đèn nháy nháy sáng ở công suất cao nhất
Ngàm gắn phụ kiện	Ngàm gắn nóng ISO 518 với chức năng đồng bộ và công tắc dữ liệu và khóa an
	toàn
Hệ thống chiếu sáng sáng	Đèn Không Dây Nâng Cao được hỗ trợ với SB-910, SB-900, SB-800 hoặc SB-700 là
tạo Nikon (CLS)	đến nhảy chính, hoặc SU-800 là bộ điều khiến; Giao Tiếp Thông Tin Đến Nhảy Màu
	được hỗ trợ với tắt cả các bộ đến nhày tướng thích CLS
Đông bộ đầu cuối	Khớp nổi đồng bộ đầu cuối AS-15 (có săn tách rời)
Cân bằng trắng	
Cân bằng trắng	Tự động, sáng chói, huỳnh quang (7 loại), ánh sáng mặt trời trực tiếp, đèn nháy,
	nhiều mây, bóng râm, thiết lập săn bằng tay, tất cả ngoại trừ thiết lập sẵn bằng tay
	với tính chính tối ứu.

Xem trực tiếp	
Mô tơ của thấu kính	• Lấy nét tự động (AF): Lấy nét tự động phần phụ đơn (AF-S); Lấy nét tự động phần
	phụ toàn thời gian (AF-F)
	Lấy nét bằng tay (MF)
Chế độ vùng lấy nét tự	Lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt, lấy nét tự động vùng rộng, lấy nét tự động
động	vùng bình thường, lấy nét tự động theo dõi đối tượng
Lấy nét tự động	Lấy nét tự động dò độ tương phản toàn khuôn hình (máy ảnh tự động chọn điểm
	lấy nét khi chức năng lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt hoặc lấy nét tự động theo
	dõi đối tượng được chọn)
Chọn cảnh tự động	Sẵn có ở các chế độ 📸 và 🏵
Phim	
Đo sáng	TTL phơi sáng đo sáng bằng cách sử dụng cảm biến hình ảnh chính
Phương pháp đo sáng	Ma trận
Cỡ khuôn hình (điểm ảnh)	• 1.920 × 1.080, 30p (tăng dần)/25p/24p, ★ cao/bình thường
và tốc độ khuôn hình	 1.280 × 720, 60p/50p, ★ cao/bình thường
	 640 × 424, 30p/25p, ★ cao/bình thường
	Tốc độ khuôn hình 30p (tốc độ khuôn hình thực tế 29,97 fps) và 60p (tốc độ khuôn
	hình thực tế 59,94 fps) sẵn có khi chọn NTSC cho chế độ video. 25p và 50p sẵn có
	khi chọn PAL cho chế độ video. Tốc độ khuôn hình thực tế khi chọn 24p là 23,976
	fps.
Định dạng tập tin	MOV
Nén video	Mã Hóa Video Nâng Cao H.264/MPEG-4
Định dạng ghi âm thanh	PCM tuyến tính
Thiết bị ghi âm thanh	Đơn âm gắn sẵn hoặc micrô stereo bên ngoài; có thể chỉnh sửa độ nhạy
Độ nhạy ISO	ISO 200–6400; cũng có thể đặt sang khoảng 1 EV trên ISO 6400 (tương đương ISO
	12800)
Màn hình	
Màn hình	Màn hình tinh thể lỏng TFT 7,5 cm (3 in.), khoảng 921 điểm k (VGA) với góc nhìn
	160 °, tầm phủ khuôn hình xấp xỉ 100%, và chức năng điều chỉnh độ sáng
Phát lại	
Phát lại	Phát lại theo chế độ toàn khuôn hình và hình thu nhỏ (4, 9 hoặc 72 ảnh hoặc dạng
	lịch) với chức năng thu phóng khi phát lại, phát lại phim, ảnh và/hoặc trình chiếu
	slide phim, làm nổi bật, hiển thị biểu đồ, tự động xoay ảnh, và nhận xét ảnh (lên tới
	36 kí tự)
Giao diện	
USB	USB tốc độ cao
Đầu ra video	NTSC, PAL
Đầu ra HDMI	Đầu nối chấu nhỏ HDMI loại C
Đầu cuối phụ kiện	Dây chụp từ xa: MC-DC2 (có sẵn tách rời)
	Bộ GPS : GP-1 (có sẵn tách rời)
Đầu vào âm thanh	Giắc stereo chân nhỏ (đường kính 3,5 mm)

Các ngôn ngữ được hô trợ	
Các ngôn ngữ được hỗ trợ	Tiếng Á Rập, tiếng Trung Quốc (Giản thể và Phồn thể), tiếng Séc, tiếng Đan Mạch, tiếng Hà Lan, tiếng Anh, tiếng Phần Lan, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Hy Lạp, tiếng Hindi, tiếng Hungary, tiếng In-đô-nê-si-a, tiếng Ý, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Na Uy, tiếng Ba Lan, tiếng Bồ Đào Nha (ở Bồ Đào Nha và Bra-xin), tiếng Ru-ma-ni tiếng Nga, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Thụy Điển, tiếng Thái Lan, tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, tiếng Ukraina
Nguồn điện	
Pin	Một viên pin sạc Li-ion EN-EL14
Bộ đổi điện AC	Bộ đổi điện AC EH-5b; cần đầu nối nguồn EP-5A (có sẵn tách rời)
Hốc giá ba chân	
Hốc giá ba chân	¹ /4 in. (ISO 1222)
Kích thước/cân nặng	
Kích thước (Chiều rộng × Chiều cao × Độ dày)	Xấp xỉ 125 × 96 × 76,5 mm
Cân nặng	Xấp xỉ 505 g kèm pin và thẻ nhớ nhưng không gồm vỏ thân máy; xấp xỉ 455 g (chỉ thân máy ảnh)
Môi trường hoạt động	
Nhiệt độ	0-40 °C
Độ ẩm	Ít hơn 85% (không đông đặc)
Trừ khi được nâu rõ trong	z trường hơn khác tất cả các chỉ cố là cho máy ảnh với nin được các đầy vận hành với nhiật đậ

 Trừ khi được nêu rõ trong trường hợp khác, tất cả các chỉ số là cho máy ảnh với pin được sạc đầy vận hành với nhiệt độ xung quanh là 20°C.

 Nikon bảo lưu quyền được thay đổi chi tiết kỹ thuật của phần cứng và phần mềm được mô tả trong tài liệu hướng dẫn này vào bất cứ thời điểm nào và không cần báo trước. Nikon sẽ không chịu trách nhiệm với các tổn hại có nguyên nhân từ bất cứ sai sót nào có thể có trong tài liệu hướng dẫn này.
∎ Bộ sạc pin MH-24

Chuẩn đầu vào	Tối đa AC 100–240 V, 50/60 Hz, 0,2 A	
Chuẩn đầu ra	DC 8,4 V/0,9 A	
Các loại pin được hỗ trợ	Pin sạc Li-ion của Nikon EN-EL14	
Thời gian sạc	Xấp xỉ 1 tiếng 30 phút với nhiệt độ xung quanh ở 25 °C khi pin đa cạn	
Nhiệt độ hoạt động	0–40 °C	
Kích thước (Chiều rộng $ imes$	Vấn vỉ 70 × 26 × 07 mm không kổ nhích bộ nắn dòng	
Chiều cao × Độ dày)	xap xi / 0 × 20 × 3/ mm, không kế phiến bộ năn dòng	
Cân nặng	Xấp xỉ 96 g, không kể phích bộ nắn dòng	

Pin sạc Li-ion EN-EL14

•	
Loại	Pin sạc lithium-ion
Chuẩn dung lượng pin	7,4 V/1030 mAh
Nhiệt độ hoạt động	0–40 °C
Kích thước (Chiều rộng × Chiều cao × Độ dày)	Xấp xỉ 38 × 53 × 14 mm
Cân nặng	Xấp xỉ 48 g, không kể nắp phủ đầu cuối

■ Thấu kính AF-S DX NIKKOR 18–55mm f/3.5–5.6G VR II

Loại	Thấu kính loại G AF-S DX với móc gắn F và CPU gắn sẵn
Tiêu cự	18-55 mm
Độ mở ống kính tối đa	f/3.5–5.6
Cấu trúc thấu kính	11 thành phần trong 8 nhóm (bao gồm 1 thành phần thấu kính không hình cầu)
Góc xem	76 ° – 28 ° 50 ′
Tỉ lệ tiêu cự	Chia theo milimét (18, 24, 35, 45, 55)
Thông tin khoảng cách	Đầu ra tới máy ảnh
Thu phóng	Tài liệu hướng dẫn thu phóng bằng vòng thu phóng độc lập
Lấy nét	Lấy nét tự động được điều khiển bởi Mô tơ không tiếng ồn và vòng lấy nét riêng
	cho lấy nét bằng tay
Chống rung	Chuyển thấu kính bằng cách sử dụng các mo-tơ cuộn giọng noi (v oice c oil
	motors) (VCMs)
Khoảng cách lấy nét tối	 AF: 0,28 m từ mặt phẳng tiêu điểm ở tất cả các vị trí thu phóng
thiểu	 MF: 0,25 m từ mặt phẳng tiêu điểm ở tất cả các vị trí thu phóng
Miếng màn chắn	7 (khẩu độ tròn)
Màn chắn	Tự động hoàn toàn
Phạm vi độ mở ống kính	• tiêu cự 18 mm: f/3.5-22
	• tiêu cự 55 mm : f/5.6-36
	Độ mở ống kính tối thiểu được hiển thị có thể thay đổi tùy thuộc vào kích cỡ tăng
	phơi sáng đã chọn với máy ảnh.
Đo sáng	Độ mở ống kính đầy đủ
Kích thước gắn bộ lọc	52 mm (P=0,75 mm)
Kích thước	Xấp xỉ đường kính 66 mm $ imes$ 59,5 mm (khoảng cách từ chốt gắn thấu kính máy ảnh khi thấu kính
	được rút lại)
Cân nặng	Xấp xỉ 195 g

Nikon bảo lưu quyền được thay đổi chi tiết kỹ thuật của phần cứng và phần mềm được mô tả trong tài liệu hướng dẫn này vào bất cứ thời điểm nào và không cần báo trước. Nikon sẽ không chịu trách nhiệm với các tồn hại có nguyên nhân từ bất cứ sai sót nào có thể có trong tài liệu hướng dẫn này.

■ AF-S DX NIKKOR 18–55mm f/3.5–5.6G VR II

AF-S DX NIKKOR 18–55mm f/3.5–5.6G VR II được dành riêng cho việc sử dụng với máy ảnh kỹ thuật số Nikon định dạng DX có nút ống thấu kính co rút được.

🖉 Sử Dụng Đèn Nháy Gắn Sẵn

Khi sử dụng đèn nháy gắn sẵn, hãy chắc chắn rằng đối tượng đang ở trong phạm vi ít nhất 0,6 m và gỡ nắp thấu kính để tránh tạo họa tiết (Phấn bóng được tạo ra tại vị trí thấu kính che khuất đèn nháy gắn sẵn).



 Máy ảnh
 Khoảng cách tối thiểu không dùng chức năng tạo họa tiết

 D7100, D7000, D5300, D5200, D5100, D5000,
 J

 D3200, D3100, D3000, dòng D300, D200, D100,
 Không tạo họa tiết ở bất cứ khoảng cách lấy nét nào

 D90, D80, dòng D70, D60, D50, dòng D40
 Không tạo họa tiết ở bất cứ khoảng cách lấy nét nào

Vì các bộ đèn nháy gắn sẵn cho D100 và D70 chỉ có thể bao quát góc xem của thấu kính có tiêu cự ở mức 20 mm hoặc cao hơn; tạo họa tiết sẽ xảy ra ở mức tiêu cự 18 mm.

Chăm Sóc Thấu Kính

- Giữ các điểm tiếp xúc CPU sạch sẽ.
- Sử dụng máy thổi để loại bỏ bụi trên bề mặt thấu kính. Để loại bỏ các vết bẩn và dấu tay, thấm một lượng nhỏ ê-ta-non hoặc nước rửa thấu kính vào một chiếc khăn bông mềm, sạch sẽ hoặc khăn lau thấu kính và làm sạch dần dần từ phần trung tâm ra phía ngoài bằng các đường lau dạng tròn, cẩn thận không để sót vết bẩn hoặc chạm ngón tay vào phần thủy tinh.
- Không bao giờ được sử dụng các dung môi hữu cơ như nước pha màu hoặc ben-zen để làm sạch thấu kính.
- Nắp thấu kính hoặc bộ lọc NC có thể được dùng để bảo vệ phần phía trước của thấu kính.
- Gắn nắp phía trước và phía sau trước khi đặt thấu kính vào túi dẻo của nó.
- Khi đã gắn nắp thấu kính, không được nhặt hoặc cầm thấu kính hoặc máy ảnh chỉ bằng phần nắp.
- Nếu không sử dụng thấu kính trong thời gian dài, cất giữ nó tại nơi mát mẻ, khô ráo để tránh mốc và rỉ. Không được cất giữ tại nơi có ánh sáng mặt trời trực tiếp hoặc cùng với viên long não hoặc naptalin chống côn trùng.
- Giữ thấu kính luôn khô ráo. Máy móc bên trong bị han rỉ có thể dẫn đến tổn hại không thể khắc phục được.
- Để thấu kính tại nơi quá nóng có thể làm tổn hại hoặc làm cong vênh các bộ phận được làm bằng nhựa cứng.

Å

E Chống Rung (VR)

Thấu kính AF-S DX NIKKOR 18–55mm f/3.5–5.6G VR II hỗ trợ chống rung (VR), làm giảm mờ do rung máy ảnh, cho phép tốc độ cửa trập chậm hơn tới 4.0 vạch so với thông thường (đo ở tiêu cự 55 mm với máy ảnh định dạng DX theo tiêu chuẩn **C**amera and Imaging **P**roducts **A**ssociation [CIPA]; tác dụng khác nhau theo người chụp và điều kiện chụp). Điều này làm tăng phạm vi tốc độ cửa trập có sẵn và cho phép chụp ảnh cầm tay, chụp ảnh bằng giá ba chân trong nhiều tình huống.

Để sử dụng chống rung, trượt công tắc giảm rung sang **ON** (BẬT). Chống rung được bật khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng, giảm hiệu ứng lắc máy ảnh ở ảnh trên kính ngắm và đơn giản hóa quy trình đóng khung đối tượng và tập trung vào cả chế độ lấy nét tự động và lấy nét bằng tay. Khi xoay máy ảnh, chống rung chỉ áp dụng cho chuyển động không phải là phần xoay (ví dụ nếu máy ảnh xoay ngang, chống rung sẽ chỉ áp dụng cho phần lắc dọc), giúp dễ dàng xoay máy ảnh êm theo vòng cung rộng.

Tắt chống rung khi máy ảnh được gắn chắc vào giá ba chân, nhưng để máy ảnh bật nếu đầu giá ba chân không chắc hoặc khi sử dụng giá một chân.

🔽 Chống Rung

Không tắt máy ảnh hoặc tháo các thấu kính trong khi chống rung có hiệu lực. Chống rung bị tắt khi đèn nháy gắn sẵn đang sạc. Khi chống rung được bật, hình ảnh trong kính ngắm có thể bị mờ sau khi cửa trập được nhả. Đây không phải là sự cố; hãy đợi ảnh trong kính ngắm để ổn định trước khi chup.

Ľ



🖉 Phụ Kiện Được Cung Cấp

- Nắp Thấu Kính Phía Trước Loại Gắn Thẳng 52 mm LC-52
- Nắp thấu kính phía sau

🖉 Phụ Kiện Tùy Chọn

- Bộ lọc loại vặn vào 52 mm
- Nắp thấu kính phía sau LF-1 và LF-4
- Túi Dẻo cho Thấu Kính CL-0815
- Bayonet Hood HB-69

Cân chỉnh dấu gắn nắp thấu kính (●) với dấu cân chỉnh nắp thấu kính (↓→) như trong hình ① và sau đó xoay nắp (②) cho đến khi dấu ● cân chỉnh với dấu khóa nắp thấu kính (—O).





Khi gắn hoặc tháo nắp, cầm vào gần biểu tượng trên đế và tránh cầm quá chặt. Tạo họa tiết có thể xảy ra nếu lắp nắp không chính xác.

Có thể đảo ngược mui và gắn vào thấu kính khi không sử dụng.

🖉 Lưu ý về thấu kính góc rộng và góc cực rộng

2 Đối tượng chứa nhiều chi tiết cầu kỳ.

Lấy nét tự động có thể không mang lại kết quả mong muốn trong những tình huống như những hình dưới đây.

1 Các đối tượng trong nền chiếm điểm lấy nét nhiều hơn so với đối tượng chính:

Nếu điểm lấy nét chứa cả đối tượng nền trước và nền sau, máy ảnh có thể sẽ lấy nét phần hậu cảnh và đối tượng có thể sẽ nằm ngoài vùng lấy nét.

Máy ảnh có thể khó tập trung vào các đối tượng thiếu tượng phản

hoặc có vẻ nhỏ hơn so với các đối tượng trong nền.



Ví dụ: Đối tượng chụp chân dung ở khoảng cách quá xa hậu cảnh



Ví dụ: Một cánh đồng hoa

Trong các trường hợp này, hãy sử dụng chức năng lấy nét bằng tay, hoặc sử dụng khóa lấy nét để lấy nét một đối tượng khác ở trong cùng một khoảng cách sau đó tái tạo lại bức ảnh. Để biết thêm thông tin, hãy xem "Đạt Kết Quả Tốt với Lấy Nét Tự Động" (🎞 36).

Ø

💵 Các Tiêu Chuẩn Được Hỗ Trợ

- DCF Phiên Bản 2.0: Quy Tắc Thiết Kế cho Tập Tin Hệ Thống Máy Ảnh (DCF- Design Rule for Camera File System) là một tiêu chuẩn được sử dụng rộng rãi trong ngành máy ảnh kỹ thuật số nhằm đảm bảo tính tương thích giữa các sản phẩm máy ảnh khác nhau.
- **DPOF**: Định Dạng Thứ Tự In Kỹ Thuật Số (DPOF- **D**igital **P**rint **O**rder **F**ormat) là tiêu chuẩn toàn ngành cho phép việc in ảnh theo thứ tự được lưu trên thẻ nhớ.
- Exif phiên bản 2.3: D3200 hỗ trợ Exif (Định dạng tập tin hình ảnh có thể trao đổi cho máy ảnh chụp kỹ thuật số) phiên bản 2.3, một tiêu chuẩn theo đó thông tin lưu cùng ảnh sẽ được sử dụng cho quá trình tái tạo màu tối ưu khi ảnh được xuất tới các máy in theo chuẩn Exif.
- PictBridge: Một tiêu chuẩn được phát triển thông qua quá trình hợp tác giữa hai ngành máy ảnh số và máy in, cho phép ảnh được xuất trực tiếp tới máy in mà không cần thông qua chuyển tiếp bằng máy tính.
- HDMI: Giao Diện Đa Phương Tiện Độ Nét Cao (High-Definition Multimedia Interface) là một tiêu chuẩn cho các giao diện đa phương tiện được sử dụng trong ngành điện tử tiêu dùng và các thiết bị nghe nhìn có khả năng truyền dữ liệu nghe nhìn và tín hiệu điều khiển tới các thiết bị theo chuẩn HDMI qua một kết nối cáp đơn.

Thông Tin Thương Hiệu

Macintosh, Mac OS, và QuickTime là các thương hiệu đã được đăng ký của Tập Đoàn Apple tại Hoa Kỳ và/ hoặc các quốc gia khác. Microsoft, Windows, và Windows Vista là các thương hiệu đã được đăng ký, hoặc các thương hiệu của Tập Đoàn Microsoft tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác. Biểu trưng PictBridge là một thương hiệu. Các biểu trưng SD, SDHC, và SDXC là các thương hiệu của SD-3C, LLC. HDMI, biểu trưng HIDMI và High-Definition Multimedia Interface là các thương hiệu đã được đăng ký hoặc các thương hiệu của HDMI Licensing LLC. Tất cả các tên thương hiệu khác được đề cập trong tài liệu hướng dẫn này hoặc các tài liệu khác được cung cấp kèm với sản phẩm Nikon là các thương hiệu hoặc các thương hiệu đã được đăng ký của những chủ sở hữu tương ứng của chúng.

<u>Tuổi thọ pin</u>

Số lần chụp có thể thực hiện với pin đã sạc đầy thay đổi tùy theo tình trạng pin, nhiệt độ, và cách sử dụng máy ảnh. Các chỉ số mẫu cho pin EN-EL14 (1030 mAh) được nêu phía dưới.

- Chế độ nhả khuôn hình đơn (tiêu chuẩn CIPA¹): Xấp xỉ 540 bức ảnh
- Chế độ nhả liên tục (tiêu chuẩn Nikon²): Xấp xỉ 1.800 bức ảnh
 - 1 Được đo ở 23 °C (±2 °C) với thấu kính AF-S DX NIKKOR 18–55mm f/3.5–5.6G VR II với các điều kiện kiểm tra sau: thấu kính quay vòng từ vô tận tới phạm vi tối thiểu và một bức ảnh được chụp với cài đặt mặc định mỗi 30 giây; sau khi chụp ảnh, màn hình bật trong 4 giây; người kiểm tra đợi hẹn giờ chờ hết hạn sau khi màn hình tắt; đèn nháy nháy sáng ở công suất cao nhất một lần trong mọi lần chụp khác. Xem trực tiếp không được sử dụng.
 - 2 Được đo ở 20 °C với thấu kính AF-S DX NIKKOR 18–55mm f/3.5–5.6G VR II với các điều kiện kiểm tra sau: tắt giảm rung, chế độ nhả liên tục, chế độ lấy nét được đặt thành AF-C, chất lượng hình ảnh được đặt thành JPEG cơ bản, cỡ hình ảnh được đặt thành M (vừa), cân bằng trắng được đặt thành AUTO, độ nhạy ISO được đặt thành ISO 100, tốc độ cửa trập ¹/250 giây, chức năng lấy nét quay vòng từ vô tận tới phạm vi tối thiểu ba lần sau khi nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng trong 3 giây; sáu bức ảnh được chụp lần lượt và màn hình được bật trong 4 giây rồi tắt; chu kỳ được lặp lại sau khi hết hạn hẹn giờ chờ.

Những điều sau đây có thể làm giảm tuổi thọ pin:

- Sử dụng màn hình
- Giữ nút nhả cửa trập được nhấn xuống một nửa
- Quy trình lấy nét tự động bị lặp lại
- Chup ảnh NEF (RAW)
- Tốc độ cửa trập chậm
- Sử dụng bộ GPS GP-1
- Sử dụng bộ nối di động không dây WU-1a
- Sử dụng chế độ VR (chống rung) với thấu kính VR

Để đảm bảo rằng bạn tận dụng tốt nhất hiệu suất của pin sạc Nikon EN-EL14:

- Giữ phần tiếp xúc pin sạch sẽ. Tiếp xúc bị bám bẩn có thể làm giảm hiệu suất pin.
- Sử dụng pin ngay sau khi sạc. Pin sẽ bị tiêu hao điện tích nếu không được sử dụng.

Danh mục

Các Biểu Tượng

M ^m (Chố độ tự động) 22
(Che dộ tự động (tát đen nhay))22
💈 (Chân dung) 25
(Phong Cảnh)
🤹 (Trẻ Fm) 25
 ✓ (Thể Thao) 26
$\langle (\text{Ine IIIao}) \dots 20 \rangle$
🖼 (Chan dung ban dem) 26
P (Tự động được lập trình) 54
S (Tự động ưu tiên cửa trập)55
A (Tự động ưu tiên độ mở ống kính).
56
M (Pằng tay) 57
M (barig tay)
GUIDE (Hưởng Dân) 27
🖥 (chương trình linh động) 54
(Khuôn hình đơn) 31
🖵 (Liên tục)
(Tri hen giờ) 31 33 141
2s (Điều khiến từ xa chụp chặm) 31,
33
Î (Chế độ từ xa phản ứng nhanh) 31,
33
🖪 (Nhả cửa trập tĩnh lăng)
[u] (Láv nét tự động điểm đơn) 38
[i] (Láy nét tự động vùng động) 20
Lay net tụ dọng vùng dọng) 38
🔲 (Lây nét tự động vùng tự động)
38
[3D] (Theo dõi 3D (11 điểm)) 38, 39
(Face-priority AF) (Lấy nét tự động
(lace phoney ni) (Eay net tạ động ưu tiên khuôn mặt) 82.83
w (vung lay net tự dọng rọng) 82, 83
📓 (Vùng lây nét tự động bình
thường)82, 83
🐵 (Tự động lấy nét dò tìm đối
tượng)
(f) = f(f) = f(f)
(Do sáng ria tiện)
(bo sang can bang trung tam) 60
(Đo sang diem) 60
AUTO (đèn nháy tự động) 48, 49
(giảm mắt đỏ) 48, 49
SLOW (đồng bộ châm)
BEAB (đồng bộ màn phía sau) 48, 49
(Bù cáng đàn nháu)
(bu sang den nnay)
(Bu phơi sang)
2 (Trợ giúp)9
WB (Cân bằng trắng) 69
PRE (Cài đặt trước bằng tay)
 PRE (Cài đặt trước bằng tay)
PRE (Cài đặt trước bằng tay)
PRE (Cài đặt trước bằng tay)
PRE (Cài đặt trước bằng tay)

Active D-Lighting (D-Lighting hoạt động)......67, 143

Adobe RGB130
AE-L61, 143
AE-L/AF-L143
AF 35-41, 81-83
AF điểm đơn (chế độ vùng AF) 38
AF vùng tự động (chế độ vùng AF)
38
AF-A35
AF-C35
AF-F81
AF-S
Âm lượng92
Ánh sáng mặt trời trực tiếp (Cân
bằng trắng)69
Ánh sáng trời (Hiệu ứng bộ lọc)153
Assign AE-L/AF-L button (Gán nút
AE-L/AF-L)143
Assign Fn button (Gán nút Fn) 8, 143
Auto image rotation (Tự động xoay
hình ảnh)138
Auto info display (Hiển thị thông tin
tự động)136
Auto ISO sensitivity control (Điều
khiển độ nhạy ISO tự động)129
Auto off timers (Tự động hẹn giờ tắt)
140
Auto-servo AF (Lấy nét tự động phần
phụ tự động)35

B

Bảo vệ ảnh10)5
Bắt đầu in (PictBridge) 116, 11	9
Beep (Bíp)14	11
Biểu đồ99, 12	26
Biểu Đồ RGB9	99
Bộ chọn cảnh tự động8	35
Bộ đổi điện AC 176, 17	/8
Bộ lọc ấm (Hiệu ứng bộ lọc)15	53
Bộ nhận hồng ngoại	33
Bộ nhớ đệm 23, 3	32
Bóng đèn5	58
Bóng râm (Cân bằng trắng)6	59
Bù đèn nháy6	55
Built-in AF-assist illuminator (đèn tr	ø
giúp lấy nét tự động gắn sẵn)3	, 7
131, 171	
Built-in flash (Đèn nháy gắn sẵn)4	7,
132, 170	
Buttons (Nút)14	13
r	

Cài đặt có sẵn18	7
Cài đặt trước bằng tay (Cân bằng	
trắng)69, 7	2
Cảm biến RGB 420 điểm ảnh6	0
Cáp A/V12	2
Cáp USB 112, 11	4
Cắt xén phim9	13
CEC12	4

Center-weighted metering (Đo sáng
cân bằng trung tâm)60
Chân dung (Đặt Picture Control)76
Chế độ cảnh25
Chế độ đèn nháy48
Chế độ hướng dẫn27
Chế độ lấy nét35, 81
Chế độ phơi sáng53
Chế độ vùng lấy nét tự động38, 82
Chỉ báo đã được lấy nét 23, 40, 42, 61
Chỉ báo đèn nháy sẵn sàng 24, 175
Chỉ báo lấy nét23, 40, 42, 61
Chỉ báo phơi sáng57, 84
Chống Rung
Choose start/end point (Chọn điểm
bắt đầu/kết thúc)93
Chương Trình Linh Động54
Clean image sensor (Làm sạch cảm
biến hình ảnh)180
CLS 173
Color balance (Cân bằng màu) 154
Color outline (Phác màu chính) 160
Color sketch (Phác họa màu) 160
Color space (Không gian màu) 130
Công tắc chế độ A-M14, 42
Công tắc chế độ lấy nét14, 42
Công tắc chống rung thấu kính14
Công tắc điện 1
Công tắc giảm rung thấu kính 203
Continuous-servo AF (Lấy nét tự
động phần phụ liên tục) 35

D

Date and time (Ngày và thời gian) 137
Date counter (Bộ đếm ngày)144, 145
Date format (Định dạng ngày) 137
Dấu gắn14
Dấu mặt phẳng tiêu điểm43
Dấu thời gian (PictBridge) 116
Dây chup từ xa58, 177
DCF phiên bản 2.0130, 205
Delayed remote (Điều khiển từ xa
chup chậm)31
Delete (Xóa) 106
Distortion control (Điều khiển biến
dạng)159
D-Lighting151
Dò tinh chỉnh cân bằng trắng71
DPOF 117, 120, 205
DPOF print order (Thứ tự in DPOF)
Dữ liêu chup 100
Dữ liêu GPS 101
Dữ liêu tổng quan
Dung lượng thả nhớ
wing dâng)
vung aọng)
Đàu nói di dọng không day 177

M

Đèn chiếu trợ giúp	lấy nét tự động
37 131 171	

57, 151, 171
Đèn chớp 172
Đèn nháy 24, 47, 48, 172
Đèn nháy (Cân bằng trắng)69
Đèn nháy tự động49
Đèn nháy tùy chọn132, 172
Đèn tiếp cận23
Đen trắng 152
Đĩa lệnh
Đĩa lệnh chế độ3
Ðiểm lấy nét22, 38, 40, 42, 82, 83
Điều khiển biến dạng tự động 130
Điều khiển đèn nháy132
Điều khiển điều chỉnh điốt 20, 176
Điều khiển thiết bị (HDMI) 124
Điều khiển từ xa33, 141, 177
Định dạng ngày16
Định Dạng Thứ Tự In Kỹ Thuật Số
117, 120, 205
Độ mở ống kính53, 56
Độ mở ống kính tối đa 42, 167
Độ mở ống kính tối thiểu15, 53
Độ nét cao123, 205
Độ nhạy51, 129
Độ nhạy tối đa129
Đo phơi sáng 24, 140
Đo sáng ma trận màu 3D ll60
Đơn sắc (Đặt Picture Control)76
Đồng bộ chậm49
Đồng bộ màn phía sau49
Đồng bộ màn trước49
Đồng hồ 16, 137

E

Edit movie (Chỉnh sửa phim)	93, 96
Exif phiên bản 2.31	30, 205
Exposure compensation (Bù p	hơi
sáng)	63
Eye-Fi (Tải lên Eye-Fi)	148

F

Face-priority AF (lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt)
Firmware version (Phiên bản vi chương trình)
Format memory card (Định dạng thẻ nhớ)

G

Gắn thấu kính	1, 14, 43
Giảm mắt đỏ	
Giảm nhiễu	
Góc xem	
GP-1	147, 177
GPS	101, 147, 177
Gương	1, 182

Н

H.264199
HDMI 123, 205
HDMI-CEC124
Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Tạo 173
Hẹn giờ 33
Hẹn giờ chờ 24, 140, 147
Hi (Độ nhạy)51
Hiệu ứng chuyển tiếp (Trình chiếu
slide)109
Hiệu ứng chuyển tiếp (Tùy chọn hiển
thị phát lại)126
Huỳnh quang (Cân bằng trắng) 69,
70

L

lmage comment (Chú thích hình
ånh)138
Image Dust Off ref photo (Ånh Tham
Chiếu Bỏ Bụi)139
Image overlay (Chồng lớp hình ảnh)
155
lmage quality (Chất lượng hình ảnh)
44
Image size (Cỡ hình ảnh)
In114
Info display format (Định dạng hiển
thị thông tin)134
ISO sensitivity (Độ nhạy ISO)51, 129
i-TTL132
J

JPEG	
JPEG bình thường	
JPEG cơ bản	
JPEG nét	

K

Kêt nôi GPS với máy ánh 147, 177
Khoá lấy nét 40
Khóa phơi sáng61
Khoá tự động phơi sáng61, 144
Khóa tự động phơi sáng61
Khuôn hình đơn (Chế độ nhả) 31
Kích cỡ 46, 90
Kích thước trang (PictBridge)116
Kính ngắm 4, 20, 196
L
Làm nổi bật98, 126

Language (Ngôn ngữ).	
Lắp thấu kính	14
Lấy Nét	35–43, 81–83
Lấy nét	87
Lấy nét kính ngắm	20
Lấy nét tự động	35–41, 81–83
Lịch	103
Liên tục (Chế độ nhả).	31
Lock mirror up for clea	ining (Khóa
gương để làm sạch)	
Lớn (Cỡ hình ảnh)	46
Lưới khuôn hình	85

М

Màn hình 80, 97, 134
Màn hình chéo (Hiệu ứng bộ lọc) 153
Màn hình lấy nét 196
Manual (Bằng tay)42, 57
Manual focus (Lấy nét bằng tay)42, 81, 87
Manual movie settings (Cài đặt phim
bằng tay)91
Matrix metering (Đo sáng ma trận) 60
Màu nâu đỏ 152
Màu xanh tím 152
Mây (Cân bằng trắng)69
Máy ngắm điện tử42
Máy tính 111
Mềm (Hiệu ứng bộ lọc) 153
Menu cài đặt 133
Menu chụp 127
Menu phát lại 125
Menu sửa lại 149
Metering (Đo sáng)60
Micrô bên ngoài 91, 177
Microphone (Micrô)88, 90
Miniature effect (Hiệu ứng cỡ tí hon) 162
Monitor brightness (Độ sáng màn
hình) 134
Monochrome (Đơn sắc) 152
MOV
Movie quality (Chất lượng phim)90
Movie settings (Cài đặt phim)90
Múi giờ16

Ν

Nạp flash đã cân bằng i-TTL cho SLR
kỹ thuật số 132
Nạp flash tiêu chuẩn i-TTL cho SLR kỹ
thuật số 132
Nắp mắt kính của kính ngắm
Nắp thân máy1, 14, 177
Nắp thấu kính14
Nắp thấu kính phía sau14
NEF44
NEF (RAW) 44, 157
NEF (RAW) processing (Xử lý NEF
(RAW)) 157
Ngày và thời gian16

M

Nhả cửa trập tĩnh lặng 31
Nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ 23, 24
Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng23,
24
Nhiệt độ màu 70
Nhỏ (Cỡ hình ảnh) 46
Nikon Transfer 2 111, 112
Normal-area AF (Lấy nét tự động
vùng bình thường)82
Number of shots (Số lần chụp) 206
Nút AE-L/AF-L
Nút Fn
Nút ghi phim88
Nút nhả cửa trập 23, 24, 40, 61
Nút ống thấu kính co rút được 15

0

Output resolution (Độ phân giải đầu ra) (HDMI).....124

P

Perspective control (Điều chỉnh phối
cảnh)161
Phạm vi đèn nháy 50
Phát lại 97
Phát lại hình thu nhỏ 102
Phát lại khuôn hình đầy 97
Phát lại theo lịch103
Phim
Phơi sáng 53, 60, 61, 63
Phong Cảnh (Đặt Picture Control) 76
Phụ Kiện176
PictBridge 114, 205
Picture Control
Pin 12, 13
Pin đồng hồ 17
Playback display options (Tùy chọn
hiển thị phát lại)126
Playback folder (Thư mục phát lại) 125
Print (DPOF) (In (DPOF))
Print date (Ngày in)
Print select (In lua chon)
-

Q

Quãng khuôn hình (Trình chiếu
slide)109
Quick retouch (Sửa đổi nhanh) 159
Quick-response remote (Chế độ từ
xa phản ứng nhanh)31

R

Rangefinder (Máy ngắm)142
Recent settings (Cài đặt gần đây) 166
Red-eye correction (Điều chỉnh mắt
đỏ)151
Release mode (Chế độ nhả) 31
Remote on duration (Chụp từ xa
theo thời lượng)141

Reset setup options (Đặt lại tùy c	họn
cài đặt)	134
Reset shooting options (Đặt lại t	ùy
chọn chụp)	128
Resize (Thay đổi kích cỡ)	158
RGB99,	, 130
Rotate tall (Xoay doc)	126

S

Sạc pin 12
Sáng chói (Cân bằng trắng)69
Save selected frame (Lưu khuôn hình
đã chọn)96
Selective color (Màu chọn lọc)163
Self-timer (Tự hẹn giờ)31, 33, 141
Set Picture Control (Đặt Picture
Control)77
Shutter-release button AE-L (Nút
nhả cửa trập AE-L)144
Side-by-side comparison (So sánh
canh nhau)165
Single-servo AF (Lấy nét tự động
phần phu đơn)
Slide show (Trình chiếu slide) 109
Slot empty release lock (Khóa nhả
khe trống)144
số f53, 56, 167
Sống đông (Đặt Picture Control) 76
Spot metering (Đo sáng điểm)60
sRGB130
Storage folder (Thư mục lưu trữ) .146
Straighten (Nắn thẳng)
Subject-tracking AF (Tư đông lấy nét
dò tìm đối tượng) 82

Т

Tăng cường màu đỏ (Hiệu ứng bộ lọc)153 Tăng cường màu xanh (Hiệu ứng bộ
lọc)153
Tăng cường màu xanh trời (Hiệu ứng
bọ lọc)153
Tháo thấu kính khỏi máy ảnh 15
Thấu kính14, 15, 167
Thấu kính CPU15, 167
Thấu kính không CPU169
Thấu kính loại D168
Thấu kính loại G168
Thấu kính tương thích167
Thẻ nhớ18, 177, 188
Theo dõi 3D 38, 39
Theo dõi 3D (11 điểm) (chế độ vùng
AF)
Thời gian58
Thời gian tiết kiệm ánh sáng ban
ngày16, 137
Thông tin
Thông Tin Ảnh
Thông tin phát lại
Thông tin tập tin
Thu phóng phát lai 104
····· F····· 2 F····· #

Tỉ lệ tiêu cự14
Tiếp xúc CPU 168
Tiêu chuẩn (Đặt Picture Control)76
Tiêu cư 171
Time zone (Múi giờ)137
Time zone and date (Múi giờ và
ngày)16, 137
Tốc đô bit90
Tốc đô cửa trập tối thiểu
Tốc đô đồng bô đèn nháy 50, 197
Toning (Tông màu)
Trim (Xén)
Trơ giúp9
Trung tính (Đặt Picture Control)76
Truyền Hình
Tự động (Cân bằng trắng)
Tự động được lập trình 54
Tự động ưu tiên cửa trập
Tự động ưu tiên độ mở ống kính 56
••

U

USB	112, 114
UTC	16, 101, 147
v	

Video mode (Chế độ video).1	22, 136
Viền (PictBridge)	116
ViewNX 2	111
Vòng lấy nét thấu kính	14
Vừa (Cỡ hình ảnh)	46
W	

WB69 White balance (Cân bằng trắng)69 Wide-area AF (Lấy nét tự động vùng rộng)82

X

Xem lại hình ảnh	126
Xem trực tiếp80), 88
Xóa ảnh đã chọn	107
Xóa hình ảnh hiện tại	106
Xóa tất cả ảnh	107



Nghiêm cấm sao chép tài liệu này dưới bất kì hình thức nào, toàn bộ hoặc một phần (ngoại trừ trích dẫn ngắn trong các bài phê bình hoặc giới thiệu), mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của NIKON CORPORATION.